

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

DÂN-CHÚNG Á-CHÂU (1)

« Dân-chúng Á-châu » (*Foules d'Asie*), đó là tên một quyển sách có khảo-cứu, có tài-liệu, có phương-pháp, do tay một viên giáo-thụ trung-học còn trẻ tuổi, tên là ETIENNE DENNERY, được lương du học của hội *Autour du monde* (« Quanh thế-giới », của nhà phú-hào ALBERT KAHN sáng-lập) đã soạn ra.

Tác-giả trong cuộc du-lịch thế-giới có qua Hà-nội vào khoảng năm 1927, tôi đã có dịp được tiếp. Tôi còn nhớ người rất nhã-nhận, có tư-tưởng rộng-rãi, thường đề tri khảo-sát các vấn-đề xã-hội chính-trị. Bấy giờ ông vừa dờn Ấn-độ, qua Đông-dương để sang Tàu. Ông đang sưu-tập tài-liệu về vấn-đề người Tàu di-dân ở Nam-kỳ, là một vấn-đề kẻ cũng phiền-phức, mà trong cách ông nghiên-cứu xem ra có kiến-thức và có phán-đoán lắm.

Khi trở về Pháp ông có đăng trong « Ba-lê tạp-chí » một bài kỹ-thuật sáng-sủa hoạt-bát, nhan đề là « Phái Quốc-gia-công-bộc và phái ông thánh Gandhi » (*Serviteurs et Mahatma*), nói về cái phong-trào quốc-gia ở Ấn-độ tiến-hóa thế nào.

Trong bài này ông nghiên-cứu về hai cái khuynh-hướng hiện-thời của đảng quốc-gia ở Ấn-độ: một cái thiên về thần-bí, lấy ông thánh GANDHI làm tiêu-biểu, chung-đúc cả những cái sức mạnh bảo-thủ của Ấn-độ, chỉ

biết giữ một thái-độ thụ-động, mà thường thường quay nhìn về cõi ký-vãng; còn một cái khuynh-hướng kia thì vụ-thực, tiêu-biểu ra ở một cái hội cũng lạ đặt tên là hội « Công-bộc của Ấn-độ » (*Serviteurs de l'Inde*), là một hội thông-tục mà dường như có tinh-cách là một hội tu-hành, gồm những người cùng một lòng thương-yêu đất quê-hương nhà và tự-nguyên đem thân hứa nước vậy. Mục-dịch của họ không phải thuộc về lý-thuyết; mục-dịch của họ là muốn thực-hành để cấu-tạo ra một nước Ấn-độ trai-trẻ cường-thịnh, không bắt-chước ông thánh GANDHI mà ruồng-bỏ những điều thâu-thái của Tây-phương, nhưng muốn mô-phỏng Tây-phương mà tấn-lối vậy.

Hai cái khuynh-hướng ấy, thì cái nào sẽ đắc-thắng? Hiện nay là cái khuynh-hướng bảo thủ, vì nó thích-hợp với cái tính mê-tín ngoan-đạo là tính tự-nhiên của người Ấn-độ. Nhưng cứu-cánh rồi thì cái khuynh-hướng tiến-thủ sẽ được phần hơn, vì tiền-đồ của Ấn-độ là ở đó.

Tác-giả tóm lược những cuộc hội-đàm với các tay đại-biểu của hai phái đó, rồi kết-luận như sau này :

« Cái bi-kịch của xã-hội Ấn-độ ngày nay tôi xem ra là ở hai cái lý-tưởng đó chọi nhau: một cái thì không thể nào đem ra thực-hành được, nhưng lại được công-chúng hoan-ngheh; một cái thì kẻ bình-dân không hiểu được,

(1) Xem bài Pháp-văn ở phần Phụ-trương.

nhưng mới thực là thích-hợp với cuộc tiến-hóa của Ấn-độ về đường kinh-tế.

« Những quan-niệm về xã-hội của Tây-phương chắc rồi thế nào cũng có ngày đặc-thắng ở Ấn-độ, cũng như đã từng đặc-thắng ở Nhật-bản ngày xưa và ở nước Tàu vừa rồi. Công-nghiệp người Anh ở Ấn-độ chắc có hỗ-trợ cho cuộc tiến-hóa trong dân-tri nước ấy. Cái lý-tưởng của phái « Công-bộc » tiêu-biểu, rồi sẽ được phần hơn. Nhưng tôi thường hồi-tưởng mà trông thấy cái hình dạng bé nhỏ, mảnh-khảnh, mặc đồ trắng của ông thánh GANDHI, lủi-thủi đi trên đường cái đất Ấn-độ, giữa đám dân đông một lòng mê-tin thờ ông, mà ông thì trong óc mơ-màng chỉ muốn phục-hồi đời cổ, đóng cửa nước nhà để ngăn đón cái ảnh-hưởng của Tây-phương, hình-ảnh ấy phảng-phất trong trí tôi như một cái biểu-hiệu xa-xôi vậy. »

Bài nghiên-cứu của ông DENNERY đó, đăng báo tự tháng tư năm 1929, có cái thú-vị thông-minh khám-phô, tôi lấy làm thưởng-thức lắm. Tôi vẫn mong đợi được đọc một quyển sách của ông cũng có giá-trị như thế, thuật lại cái kết-quả những sự khảo-cứu quan-sát của ông trong cuộc du-lịch Á đông vậy.

Đầu năm nay mới thấy xuất-bản ở hiệu sách *Armand Colin* một quyển sách đề là « Dân-chúng Á-châu » (*Foules d'Asie*), thật là được y sở-nguyện.

Sách có hai trăm năm-mươi trang, đầy những sự-thực kinh-nghiệm, có căn-cứ đích-xác, giải-thích một cách thấu-triệt phân-minh, mà các vấn-đề bàn xét toàn là những vấn-đề xã-hội chính-trị rất quan-trọng.

Nhân đọc những sách có giá-trị như thế mà không thể không cảm ơn nhà phú-hào ALBERT KAHN kia, đã xuất của ra cho những tay thiếu-niên khoa-bảng có tài lỗi-lạc như ông ETIENNE DENNERY

này, đã tập quen những phương-pháp khảo-cứu về khoa-học triết-học, được đi du-lịch thế-giới để rộng cách điều-tra, khám-phá được bao nhiêu những sự-thực mới lạ, chưa ai biết đến.

Cõi Á-châu thật là một cái kho chứa người to-lớn vô-cùng. Những « dân-chúng Á-châu » đó, bề-bộn, lúc-nhúc, biết cơ-mạn nào mà kể, khách du-lịch Âu châu trông thấy tưng-tượng như đàn kiến vỡ tổ, vậy thời cách nó hành-động cư-xử ra thế nào ?

« Dân-chúng các lưu-vực đất Ấn-độ, mình mặc áo dài, đầu quấn khăn vải, sắc vàng, sắc xanh, sắc hồng, sắc trắng, lúc-nhúc ở trong đám bụi mù các đền thờ điện cúng, cũng như hình-tượng các vị thần Ấn-độ chạm vẽ ở tường, ở cột, ở cửa nọ. Dân-chúng ở đồng-bằng xứ Bắc-kỳ, đen như đất bùn các ruộng cấy, chăm-chỉ làm-lụng ở trong cảnh mưa phùn ẩm-đạm, đi lủ-lượ trên đường cái lại còn nhiều hơn là làm lủ-thủi dưới ruộng sâu, kẻ gồng người gánh đem thóc gạo rau khoai ra chợ bán, lại chăm-chỉ vội-vàng hơn là kẻ cày người cuốc bón sỏi cho có thóc gạo rau khoai vậy. Dân-chúng các nơi tỉnh-thành lớn nước Tàu, lăm-lội trong bùn lầy nhơ-bẩn, lúc-nhúc như lũ kiến trong các ngõ hẻm tối-tăm, chật-hẹp, khúc-khuỷu, cong-queo, nồng-nàn những mùi thịt ôi cá thối; ở đông quá trên cạn không đủ, phải chõng-chất lên các ngòi, các sông, lên cả mặt bể nữa, trong những cái thuyền nhỏ buồm cong, chất người chặt ních. »

Những đám dân-chúng đông như kiến cỏ đó, giá mà có đoàn-thề, có kỷ-luật, thời có thể thành một cái sức mạnh vô-dịch, tràn ra khắp mọi nơi, ngập suốt cả thế-giới, như một cái làn sóng vĩ-dại vậy. Nhưng thường lại là những đám đông rời-rạc hỗn-độn,

chồng-chất nhau ở những khu đất không đủ cung cho sự ăn dùng nữa, nghèo - ngặt đói - khát, chết - tróc về bệnh-tật, khốn-bách về nổi cần-dùng cấp thiết trong đường sinh-hoạt vật-chất. Đối với những dân-chúng đó thời cái vấn-đề miếng ăn là khẩn-thiết hơn cả.

Từ khi khoa-học Thái-Tây ban-bổ sang cõi Đông-Á, khiến cho người ta biết phép vệ-sinh hơn xưa, giảm bớt được cái số người chết về bệnh-tật, làm cho dân-số các nơi tăng lên theo một cái tỉ-lệ xưa nay chưa tới bao giờ, thời cái vấn-đề miếng ăn đó lại càng khốn-nạn lắm nữa. Nhất-diện thời kỹ-nghệ phát-đạt, làm điên-đảo cả các cách làm-lụng xưa nay, đem máy-móc ứng-dụng về các công-việc sinh-hoạt cùng chế-tạo, khiến cho cái số người bị đào-thải ngày càng thêm nhiều.

Những đám dân-chúng bần-cùng đói-khát đó, không kiếm được đủ miếng ăn ở nơi quê-hương mình nữa, tất phải đi tha-phương cầu thực. Nhân đó mà thành ra những cái phong-trào di dân, các xứ Á-châu cùng với Mỹ-châu, Úc-châu thường-thường có người dân đi lại. Cách di-dân đó thế nào? Có những đặc-tính gì, cùng ảnh-hưởng thế nào đối với cái thể quân-bình cùng nền kinh-tế của các dân-tộc?

Tác-giả chuyên-chủ nghiên-cứu ba cái hiện-tượng tiêu-biểu cho sự sinh-hoạt thâm-trầm của các dân-chúng Á-châu: cái hiện-tượng dân - mãn của nước Nhật, cái hiện-tượng bành-trướng của dân Tàu, và cái hiện-tượng di-dân của Ấn-độ.

Trong các dân-chúng Á-châu, dân-chúng Nhật-bản là có ý-thức và có kỷ-luật hơn cả. Nhưng cứ theo cái nhịp tăng-tiến phát-đạt như bây giờ, thì mấy cái đảo cồn-con kia đã lấy làm chật-chội lắm rồi.

Dân-số Nhật-bản năm 1875 có 34 triệu, năm 1925 tới 60 triệu, và hiện cứ mỗi năm đều-đến tăng lên 70, 80 vạn người. Cái hiện-tượng dân-mãn đó, bày cho nước Nhật nhiều vấn-đề cần-cấp và hầu như không thể giải-quyết được. Trước hết là gây ra một cái tình-trạng khủng - hoảng ở chốn thôn - quê. Dân quê là phần đông trong nước, chỉ cây-cấy được những khu đất nhỏ ở miền duyên-hải mà thôi, phần trong là đất núi không trồng-trọt được. Đất cây-cấy không có mấy, thành ra giá lĩnh-canh phải cao; giá cao quá lại sinh ra lắm nổi xung - đột trong khoảng chủ ruộng với tá-điền ở các nơi nhà quê. Sự xung-đột đó có khi dới tình-cách chính-trị; như hồi tháng tư năm 1928, các hội liên-đoàn của đảng nông-dân cực-đoan, mưu loạn cộng - sản, Chính - phủ phải ra tay đàn-áp.

Ở các nơi tỉnh-thành, cái tình-trạng khủng - hoảng cũng nguy-cấp như vậy. Ở Nhật cũng như mọi nơi khác, các thành-thị có hợp-tập công-nghệ lớn, thường có cái sức mạnh cảm-đổ dân quê ra tỉnh. Dời ra ở tỉnh, lập thành một hạng công-nhân càng ngày càng đông, có khi các xưởng thợ nhà máy không đủ công-việc cho mà làm. Nhân đó thành ra hạng người thất-nghiệp, trăm sự khốn-khó cũng ở đấy mà ra. Bọn hạ - lưu thuyền - thợ thất - nghiệp đã đành, lại thêm bọn trung-lưu học-thức cũng thất-nghiệp nữa, tình-trạng này mới lại càng thiết-tha nguy-hiểm hơn nữa.

Chính-phủ Nhật-bản đối-phó với cái nạn dân-mãn đó, có định dùng hai phương thuốc như sau này: một phương thuốc về hộ-khẩu, một phương thuốc về kinh-tế. Thuốc về hộ-khẩu thì có hai cách, là di-dân ra ngoài và hạn-chế sinh đẻ.

Trái với cái ý-kiến thông-thường, người Nhật vốn không ưa dời nước ra ngoài. Vả cũng khó thích - hợp với thủy-thổ các xứ khác. Vấn - đề di-dân sỡ dĩ thành ra một câu truyện to-tát ở Nhật-bản, không phải là bởi số người di-cư nhiều, chỉ là bởi nước Mĩ cùng các thuộc-địa tự-trị của nước Anh đối chung với các di-dân Á-châu và riêng với di-dân người Nhật, đặt ra những luật-lệ phiền - hà nhục đến quốc - thể của Nhật - bản. Thực ra thì số người Nhật kiều-cư ở ngoại-quốc cả thảy chỉ có 60 vạn người, không bằng số dân tăng trong một năm. Phong-trào di-dân mà có vẻ thịnh - hành là ở ngay trong nội-địa, nơi nào đông người thời dời sang những nơi chưa khai-khẩn, nhất là dời sang ở miền Bắc-hải đạo, là cái đảo lớn về phía Bắc.

Sự di-dân sang thuộc - địa (như Triều-tiên, Đài-loan) cũng không thịnh-hành mấy. Duy có sang Mãn-châu thì kể cũng khá đông mà thôi. Song nói tóm lại thì cái kế di-dân đó kể cũng chưa phải là một phương thuốc hiệu-nghiệm. Tuy chính-phủ cũng hết sức cố-dộng, mà số dân di-cư vẫn không thấy tăng-tiến. Còn đến cái kế hạn-chế sinh-dẻ, thì hiện nay không thể thi-hành được, người Nhật không khứng theo cái chủ-nghĩa *Malthus*.

Vậy thời chỉ còn có phương thuốc về kinh tế mà thôi. Phương này cũng có hai cách : một là chấn - loá nông - nghiệp, hai là khuếch - trương công - nghệ. Từ trước đến nay nước Nhật vẫn dùng cách thứ nhì đó. Kể cũng đã có thành-công, vì các công-nghệ trong nước phát-đạt lạ-lùng. Nhưng cái kế hoạch khuếch-trương công-nghệ đó hiện đã thi-hành đến cực - điểm rồi. Bây giờ Chính-phủ đương chú-ý khai-khẩn các đất hoặc còn bỏ hoang, hoặc chưa khai hết. Đó là những phương thuốc

kỷ-hạn xa-xôi, lâu ngày mới có hiệu-quả. Hiện nay thì vấn - đề dân-mãn đại-dề vẫn còn chưa giải-quyết được.

Nước Tàu cũng bị cái nạn dân-mãn ở mấy tỉnh lớn thuộc về miền duyên-hải, là những nơi thiên-tai đắp-đồi, hết hạn đến lụt, mỗi phen hàng mấy mươi triệu người chết đói. Mấy năm nay, nhất là dân tỉnh Sơn-đông đổ sang đất Mãn-châu nhiều lắm. Ở Mãn-châu thì người Tàu lại gặp người Nhật, nhưng đất cũng đủ rộng không đến nỗi xung-dột nhau. Vả lại cách hoạt - động của hai giống khác nhau : người Tàu thì thực-dân, mà người Nhật thời chỉ khai-thác thôi, đem sang Mãn-châu là đem tư - bản cùng kỹ-sư hơn là đem nhân-công lao-động.

Trái với người Nhật, người Tàu sẵn lòng di-cư ra ngoài, nhất là người Quảng-đông và người Phúc-kiến, và đi ra ngoài thì đi sang Đông-dương thuộc Pháp và Mã-lai thuộc Anh nhiều hơn cả. Dân Tàu sang kiều-cư ở Đông - dương này, phần nhiều là hạng thương-mại, dần dần lũng-đoạn được quyền kinh-tế trong bản-xứ. Ở Mã - lai thời nhà thương-mại có, nhà công-nghệ có, và các hạng lao-động thương cũng có. Cách di-dân của người Tàu ở Mã-lai rất có phương-pháp, tác-giả đã phục mà cho là một bài học chuyên - môn về phép di - dân vậy.

Ở Ấn-độ là cái đất đói kém xưa nay, thời mãi tới gần đây, kể di-dân là kể làm thuê nô-lệ cả. Người Ấn-độ cũng không ưa đi ra ngoài. Tình-cảnh bách mới phải đi, và thường là những người thuộc các giai-cấp hèn mới chịu đi tha-phương cầu thực (đi nhiều nhất là ra Tích-lan và Tân-gia-ba). Vấn-đề di-dân ở Ấn-độ sỡ dĩ có đời tình-cách chính-trị, là vì các thuộc-địa tự-trị của Anh đối với những di-dân Ấn-độ đặt

ra các luật-lệ ngăn-cấm, nên đảng quốc-gia Ấn-độ lấy đó làm một vấn - đề chủng-tộc và làm cái đầu đề yêu-cầu với Chính-phủ.

Tổng-kết thời tác-giả cho là những cái phong-trào chuyển-dịch trong các dân-chúng Á-châu đó không có nguy-hiểm gì cho Âu-châu ; tác-giả không tin rằng có một cái « hoàng-họa » cho người Bạch-chủng. Nói rằng :

« Những cái sức mạnh đó bị chật hẹp quá muốn bành-trướng ra ngoài, nhưng chưa có phản-đối với phương Tây vừa xa vừa mạnh. Hiện nay mới khuynh-hướng về những nơi hầy còn hư-

khuyết, ở ngay trong cõi Á-châu mà thôi. Có xung-đột là xung-đột nhau ở ngay Á-châu, người Á-châu chưa thể xung-đột với các dân-tộc ngoại-dương vậy. »

Nhưng lại nói :

« Song cái nghĩa đoàn-thề người Á-châu với nhau đương tấn-tòì. Nhờ Tây-phương dạy bảo, có cái cơ xung-đột với Tây-phương cũng được. Âu-châu với Mĩ-châu đã từng gây nên cái mầm oán ở Á-châu nhiều. Á-châu mà nhiễu-loạn, vi-tất Âu Mĩ đã được yên-ôn mãi mãi vậy. »

P. Q.

... Il faudrait conclure non seulement à la perpétuité mais à la légitimité et même à la nécessité de cette âme des peuples, devenue si difficile à saisir et peut-être pourtant de plus en plus agissante. Cette constatation servirait de fondement à un nationalisme supérieur qui ne viserait pas à opposer les peuples l'un à l'autre, mais au contraire à les rapprocher en leur permettant de compléter le patrimoine commun de l'humanité spirituelle par l'offrande de ce que chacun d'eux a élaboré de plus précieux et de plus original au cours de ses traditions et de sa culture, sous son ciel unique, en harmonie avec son paysage essentiel, selon le chant de ses poètes et les refrains de ses chansons ou de ses lieds.

GASTON RAGEOT

... Nước nào có cái quốc-hồn của nước ấy, ngày nay rất khó mà trực-tiếp được, nhưng có lẽ càng ngày càng hoạt-dộng hơn. Quốc-hồn ấy không những nó vĩnh-viễn bất-diệt, mà nó lại rất là chánh-đáng và cần phải có nữa. Điều kinh-nghiệm đó có thể làm căn-cứ cho một cái chủ-nghĩa quốc-gia cao-thượng, không có đem các dân-tộc mà phản-đối lẫn nhau, nhưng lại đem mà liên-lạc với nhau, để cho mỗi dân mỗi nước đã đề-tạo được cái gì là quý nhất, là nhất trong cuộc lịch-sử văn-hóa của mình, chung-dùc được cái tinh-tủy của cảnh-vật giang-sơn nước mình, hòa-hợp với cái điệu thiên-nhiên của câu ca khúc hát trong dân-gian, có thể đem mà cống-hiến cho cái kho văn-hóa chung của nhân-loại vậy.

KHẢO VỀ HIẾN-PHÁP VẠN-QUỐC

Bài này nói về hiến-pháp của mấy nước bên Âu bên Mỹ hoặc là làm nơi làm-tầu sản-xuất ra hiến-pháp cho thế-giới, hoặc là bắt đầu đem thực-hành, hoặc là khiến cho phạm kẻ làm quốc-dân, kẻ trị nước biết hãm - mộ, biết tôn-trọng hiến-pháp là vật tất phải có ở đời nay; lại hoặc nhân chính-thể quốc - thể của mỗi nước mà khác nhau. Nói tóm lại là hiến - pháp của mấy nước sẽ khảo đến dưới đây, đều là khuôn mẫu cho hiến-pháp các nước trong thế-giới, cho nên gọi hiến-pháp vạn-quốc.

Vậy xin ước-lược khảo-cứu, nghị-luận và so-sánh về mấy nghĩa tinh-tủy, mấy điều cốt-yếu, mấy điều sai-biệt trong hiến-pháp vạn-quốc giải bày ra sau này.

1. — Hiến-pháp với luật-pháp

Muốn biết ý-nghĩa, tinh-thần, giá-trị của hiến-pháp khác với luật-pháp thế nào thì phải biết cái địa - vị, cái tác-dụng của hiến-pháp khác với luật-pháp thế nào đã.

Cứ cái nghĩa thông-thường thì trên địa-cầu này mỗi một giống người sinh-tụ cư-xử với nhau vào một khu-vũ mà có lợi-hại quan-hệ mật-thiết chung với nhau về đường sinh - hoạt đời đời, ấy là một nước. Từ cuộc dân - trị của loài người đã tấn-tới thì phạm nhân-dân trong một nước nào cũng đều phải đặt ra giáo-diệu, hiệu-lệnh, khoán-ước để mà cai-trị lấy trong dân mình, cho kẻ mạnh chớ lấn kẻ yếu, kẻ khôn chớ lừa kẻ dại, rồi viết ra thành sách, ban-bố thi-hành ra trong nước mình, ấy là quốc-chính hay là quốc-pháp đó. Quốc-pháp đến ngày nay thì có hai phần là hiến-pháp với luật-pháp. Luật - pháp

là cái phép của kẻ chủ-trị tự lấy ý mình đặt ra để bắt buộc những kẻ bị-trị phải tuân theo cho đừng phạm đến quyền-lợi của bọn bị-trị với nhau và nhất là đừng phạm đến quyền-lợi của kẻ chủ-trị. Hiến - pháp là cái phép có khi là kẻ chủ-trị tự lựa đón ý của bên bị-trị mà đặt ra, có khi là kẻ bị-trị xướng lên mà xin kẻ chủ-trị thừa-nặc, lại có khi là đồng-thời vừa là chủ-trị vừa là bị-trị tức là toàn-thể nhân-dân tự đặt ra, đặt ra để định cái giới-hạn về quyền-lợi nghĩa vụ của cả hai bên chủ-trị với bị-trị. Kể từ cổ cho đến giữa thế-kỷ 18 thì các nước trong thế-giới đều chỉ mới có luật-pháp mà thôi, mà luật - pháp ấy phần nhiều chuyên-trọng bênh-vực lấy quyền chủ-trị. Ấy gọi là chính-sách chuyên-chế. Từ cuối thế-kỷ 18 dân-trị mở-mang, thuyết dân-quyền dần dần phát-đạt thì trên luật-pháp lại mới phát-minh ra được hiến - pháp nữa, dần dần truyền-bá thi-hành ra khắp các nước cường-thịnh trong thế-giới, mà nước nào đã đặt được hiến-pháp thì luật-pháp phải theo tinh-chất của hiến-pháp mà đòi mới lại cả. Ấy gọi là chính-sách lập-hiến.

Cũng vì hiến - pháp là cái phép trị nước rất hay, cho nên phạm một dân một nước nào mà người ta đã biết tôn-trọng quyền tự-trị thì ở đây hoặc tự người trên, hoặc tự người dưới, hoặc tự bên chủ-trị, hoặc tự bên bị-trị, không đâu là không mong cầu cho có một hiến - pháp thích - hợp với dân-trị để mà gây dựng lấy hạnh-phúc cho nhân - dân. Bởi vậy mà đến ngày nay, trong thế-giới nhân-nhân là nước lập - hiến, mà cái chế-độ tù-trưởng chuyên-chế khi xưa tiêu mòn gần hết.

2. — Chính-nghĩa của hiến-pháp

Nay đã biết hiến - pháp khác với luật-pháp rồi, vậy phải giải cho rõ cái nghĩa chính của hiến-pháp là thế nào.

Hiến-pháp có hai nghĩa.

Nói về nghĩa triết-lý thì hiến-pháp là cái đại - kinh đại - pháp của một nước, giống như những nghĩa thiện - chính, nhân-chính và vương-chính của Đông-Á ngày xưa, hoặc những chế-độ pháp-điền của Ti-ba-đạt, Nhã - điền của Âu-châu đời cổ vậy.

Nói về nghĩa của pháp-lý thì hiến-pháp là để chỉ rõ sự tác-dụng của chủ-quyền, định lấy quyền-hạn quan-hệ cho tam-quyền là quyền lập-pháp, quyền tư-pháp và quyền hành-chính, định lấy quyền-hạn quan-hệ cho vua với dân đó. Hiến-pháp mới phát-đạt từ cuối thế-kỷ 18 trở đi, tính-chất khác hẳn với những thiện-chính, nhân-chính và vương-chính của Đông-Á và những chế-độ pháp-điền của Ti-ba-đạt, Nhã-điền ở Âu-châu, những lối trị-quốc cổ kia đều không mĩ-mãn như hiến-pháp của các nước Âu-Mĩ bây giờ vậy.

3. — Lịch-sử hiến-pháp

Hiến-pháp là một vật mới phát-hiện ra trong lịch-sử chính-trị thế-giới từ trung-gian hai thế-kỷ 18, 19. Nay xét nguyên-nguyên thì có ba nước thực có ảnh-ưởng rất lớn cho hiến-pháp thế - giới ngày nay là Anh, Mĩ và Pháp.

Về nước Anh. — Từ đầu đời trung-cổ có một giống người gọi là Cửu-đồng ở Âu-châu vượt bể sang khai-thác ba cái gò bễ ở Bắc-hải, ấy là nước Anh-cát-lợi và dân-tộc Anh cát-lợi ngày nay đó. Người Cửu-đồng là một giống người giàu cái tinh-thần tự-trị, hồi mới di - cư đến còn ở tản-nát ra từng bộ - lạc thì đã có cái chế-độ tự-trị về gia-tộc hoặc thôn-trang nhỏ rồi. Mà những chế-độ tự-trị nhỏ đó là họ tự sáng-lập ra cả, chứ không có bắt-chước gì của

La-mã là đế-quốc của họ bấy giờ mấy tí. Ấy một cái chế-độ nho-nhỏ về gia-tộc, về thôn-trang của người Cửu-đồng tức là cái cơ - sở chế-độ về quốc-chính quốc-hội của người Anh-cát-lợi sau này đó.

Nay xét người Việt-Nam ta tông-lai cũng đã có cái tinh-thần, cái chế-độ tự-trị về gia-tộc, về hương-thôn cũng như người Cửu-đồng. Nhưng cái tinh-thần tự-trị của người Cửu-đồng thì người ta trọng về chính-pháp hơn, mà cái tinh-thần tự-trị của người Việt-Nam ta thì trọng về lễ-giao hơn. Sai một li đi một dặm, sở-dĩ ngày nay cái chế-độ thôn-trang của người Cửu-đồng thì làm thủy-tổ cho hiến-pháp thế-giới, mà chốn hương-thôn của người Việt-Nam thì y-nhiên cổ-phong vậy.

Đến thế - kỷ thứ năm, vì sự ngoại - hoạn, người Cửu - đồng phải lập ra nhiều vương-quốc nhỏ để chủ-trương việc chiến-trận, còn chốn thôn trang thì vẫn giữ cái chế-độ hương-hội đã quen như cũ. Hương-hội ấy lại có quyền bàn định đến những việc tài - phan, việc hành - chính của nước nữa.

Kể đó mỗi nước nhỏ lại phân ra làm từng « bách-gia-đoàn » (*Handred*) một, mỗi « bách-gia-đoàn » thì tổ-chức làm một « bách - gia - hội - nghị ». Hội - viên là chức Ấp-tề, thầy Giao-sĩ (thầy tu) và bốn viên đại - nghị - sĩ của các làng cử ra, bàn - bạc cốt - yếu là việc thăm-phán, cho nên « bách-gia-đoàn » là khu-hoạch về tư-pháp chứ không phải khu-hoạch về hành-chính. Liền đó mỗi nước lại đặt ra một « nhân-dân tổng-hội » nữa, hội-nghị này ở trên bách-gia-đoàn, được nghị-luận cả mọi việc chính-trị hay dở mà tâu ý-kiến lên quốc-vương. Sau có Dĩ-cách-bá là vua một vương-quốc Vị-tắc thuộc giòng Xát-khắc-tổng trong giống Cửu-đồng, thống-nhất cả các nước nhỏ lại gọi là nước *Angland*, ta dịch âm là Anh-cát-lợi, thì các nước nhỏ kia đều giáng xuống làm

các quận-huyện, mà các « tổng-hội » chỉ là các tòa án ở các quận-huyện mà thôi. Hội-viên thì là chức Huyện-tề, các nhà địa-chủ trong hàng huyện, các Giáo-sĩ, bốn viên đại-nghị sĩ của các chợ-phố, 12 viên đại-nghị-sĩ của các « bách-gia-đoàn ». Hội-nghị này phải thuộc quyền về chức Huyện-tề là đại-biểu của quốc-vương, nhà Giáo-sĩ là đại-biểu của giáo-hội và vị trưởng-lão là đại-biểu của quốc-dân giám-đốc.

Ít lâu lại đặt ra một hội-nghị gọi là « hiền-nhân hội-nghị ». Hội này do « nhân-dân tổng-hội » mà thoát-hóa ra mà quyền lại lớn hơn. Hội có quyền phế-lập quốc-vương và quyền cùng quốc-vương cùng đặt luật bổ quan, lại có quyền tham-dự việc tô-thuế, vua mà đem đất công cho người dân nào thì hội-nghị này được tán-thành hay là phản-đối khi nước có việc dân-sự tố-tụng thì hội-nghị này là cao-đẳng pháp-viện được thẩm-phán. Sau hội-nghị này suy dần đi, quyền lập-pháp, tư-pháp chỉ còn hình-thức xuông mà thôi. Vả hội-viên trong hội-nghị này, tuy nói là phạm người tự-do dân đều được dự, nhưng kỳ-thực có chế-hạn, chỉ những người có danh-vọng trong quận-huyện với các quan trọng-thần nhà vua được dự mà thôi.

Trở lên là cái thời kỳ chế-độ nghị-viện manh-nhà và phát-dạt của nước Anh đó.

Đến thế-kỷ 11, tước Hầu-rợ Nặc-nhĩ-man là Duy-liêm đến chinh-phục nước Anh mà làm vua hiệu là Duy-liêm đệ-nhất, giống như Triệu Đà với Việt-Nam ta. Vua Duy-liêm bỏ cả chế-độ tự-trị của người Anh thu lấy thổ-địa tư của các địa-chủ cũ mà phong cho chư-tướng người Nặc-nhĩ-man, rồi đặt ra làm chế-độ phong-kiến. Các « nhân-dân tổng-hội », các « bách-gia-đoàn » ở các quận-huyện trước đều đổi làm tòa án và hội-nghị của Chư-

hầu cả, mà Chư-hầu thì thuộc về quyền vua Duy-liêm.

« Hiền-nhân hội-nghị » cũng đổi ra làm « quý-tộc sĩ-nhân đại-hội-nghị », nghị-viên thì là quý-tộc, sĩ-nhân, kẻ được vua phong và giáo-sĩ. Từ đó quân-quyền ngày mới thêm thịnh.

Vua Duy-liêm đệ-nhất chết, con thứ ba là Hiền-li đệ-nhất vận-dộng lên ngôi, lấy lòng người Anh bèn lập ước sẽ cho nhân-dân lại được những quyền-lực như về thời-dại Xát-khắc-tổng ngày xưa. Nhưng chưa thực-hành, mãi đến vua Ước-hàn sau vua Duy-liêm tám đời, vua này bạo-ngược, phá vỡ quý-tộc với phái nhân-dân bèn họp nhau lại đến xin vua thực-hành lời ước của vua Hiền-li đệ-nhất trước, vua không nghe, sau bị bách-quá mới đem sửa đổi bản ước-chương ấy lại mà ban-bố cho nhân-dân ngày 16, tháng 6 năm 1215. Ước-chương ấy sau gọi là « Đại-hiến-chương » (*Magna charta*), Nhật-bản dịch âm là « Mã-cách-na tra-đạt chi pháp, 馬格那查達之法 ». Nay vẫn hiện-hành, người Anh lại được quyền dân-trị từ bản Đại-hiến-chương này, nên xưng-tụng là thánh-diễn của hiến-pháp-sử nước ấy.

Cuộc cải-cách này đã tiếm-thành cái nền tam-quyền phân-lập rồi, là đặt ra có đại-hội-nghị, thông-thường hội-nghị, cố-vấn-viện, thu-thuế pháp-viện và Cựu-lí-á-liệt pháp-đình, cũng là do « hiền-nhân hội-nghị » mà phân ra đó thôi. Đại-hội-nghị thì là cái nền về lập-pháp bộ; cố-vấn-viện, thu-thuế viện thì là cái nền hành-chính bộ; tòa án Cựu-lí-á-liệt thì là cái nền về tư-pháp bộ vậy. Đến như hội-viên trong các nghị-hội trên ấy thì cũng vẫn còn về phái quý-tộc của « hiền-nhân hội-nghị » như trước, nghĩa là chỉ những người giàu có danh-vọng, chức-tước và thầy tu mới được dự. Sau đến năm 1265, vua là Hiền-li đệ-tam với dân giao-chiến, dân bắt được vua lại

cho vua phục-vị mà ước với vua cho mỗi châu quận được kén bốn người nghị-viên thay mặt cho toàn-thể nhân-dân trong nước, gọi là nghị-hội (*Parliament*), tức là nghị - viện. Nước Anh tự đẩy bốn binh - dân mới được cùng bốn quý - tộc cũng có cái quyền tham-chính mà tiếng nghị - hội cũng thành-lập tự đó.

Sau nghị-hội lại phân ra làm hai là thượng-viện với hạ-viện. Thượng-viện thì theo cổ-lệ lấy Đại-giáo-sư, Giáo-sư và Giáo-giám, văn văn, làm nghị-viên, hạ-viện thì lấy những người đại-nghị-sĩ của các quận-huyện cử ra làm nghị-viên. Đến năm 1323, vua Ất-đề-ngôa đệ-nhi định thêm một điều là : « phạm pháp-luật gì cũng phải có quý-tộc, giáo-sĩ và thứ dân công-nhận » Sau vua Ất-đề-ngôa đệ-tứ lại định thêm một điều nữa là : « mỗi năm phải triệu-lập quốc-hội một lần. » Ấy thế là đủ cả nền móng của qui-mô một quốc-hội rồi đó.

Đến vua Cha - nhĩ-ti đệ-nhất lên ngôi lại làm chuyên-chế, nghị-hội đệ trình vua một bản « quyền-lợi nguyên-thư » thêm vào làm hiến-pháp có câu rằng : « Chưa có nghị-hội nghị-quyết thì không được đánh thuế, chưa có nghị-hội ưng thuận thì không được bắt người nào ». Trước vua thuận cho, sau lại thôi, rồi cho người tuyên lệnh cho nghị-hội rằng : « Không được can-đự việc quốc-chính và vọng-nghị đến quan Tướng-quốc ». Lại thêm Đa-mã-ôn-cán lên làm Tướng-quốc, a-dua ý vua lại bênh giáo nọ trừ giáo kia, nước Anh bèn thành tao-nhiều, kết cục đổi ra làm chính-thể dân-chủ. Đó là việc vào hồi những năm 1648 - 1651 vậy.

Cách-long-uy-nhi lên làm Thống-lĩnh được 7 năm, lại độc-tài giải-tán nghị-hội luôn, uy-quyền cực - thịnh, chực lên làm vua, nhưng dân không nghe. Cách-long-uy-nhi ốm chết, con lên nối chức Thống-lĩnh, nhưng biết tài hèn, được 7 tháng xin từ. Tướng-quân

là Mạnh-cách mưu với nghị-hội sang nước Pháp đón Cha-nhĩ-ti đệ - nhị là con vua Cha-nhĩ-ti xuất-bôn sang đó về làm vua.

Vua Cha-nhĩ-ti đệ-nhi phóng-dăng lửa-sắc mấy năm thì chết, em là Nhạ-mê-ti đệ-nhi nối ngôi, tàn-bạo độc-ác. Các hàng quý-tộc bèn đưa thư sang nước Hà-lan mời vị quốc-trưởng là Duy-liêm đệ-tam với bà phi là Mã-lị sang làm Hoàng-đế, Hoàng-hậu nước Anh. Nguyên bà Mã-lị là Vương-nữ của nhà vua Cha-nhĩ-ti đệ-nhi trước Duy-liêm đệ-tam tức là con rể, nên người Anh đón về cùng cai-trị nước. Nặc-mê-ti đệ-nhi biết tin trốn sang Pháp mất.

Quốc - hội lại nghị-định một bản « quyền-lợi của nhân-dân », dâng lên vua Duy-liêm đệ-tam và Hoàng hậu thì được thừa nặc. Tức là bản « quyền-lợi-pháp-diễn » (*Bill of Right*) đó.

Bản « quyền-lợi pháp-diễn » này với bản « đại hiến-chương » đời vua Ước-hàn, bản « quyền-lợi chứng-minh » đời vua Ất-đề ngôa đệ-nhất, bản « quyền-lợi nguyên-thư » đời vua Cha-nhĩ đệ-nhất, đều là cốt - trụ của quân - chủ hiến-pháp nước Anh cả. Sau dân-quyền càng thịnh, phạm khoản chi về hải-lục quân, đều phải qua nghị-quyết. Phép Nội-các phải chịu trách-nhiệm cũng có từ đó, dư-luận có thể tiến thoái được cả các quan hành-chính đại-thần. Rồi trong nước chia ra hai chính - đảng là : Đảng Hà-khắc-ti thì khuếch-trương quân-quyền để duy-trì lấy nền quốc-gia, đảng Thoát-lý thì chú-trọng dân-quyền để cầu hạnh-phúc cho nước. Sau hai đảng cải gọi là Bảo-thủ với Cải-tiến. Đảng Bảo-thủ thì trọng việc ngoại-giao, đảng Cải-tiến thì trọng việc nội-trị.

Ấy cái công-trình thành-lập của hiến-pháp Anh sớm nhất thế-giới là thế, cái lịch-sử phát-đạt dần-dà của hiến-pháp Anh là thế. Người Anh

thường có câu : « Hiến-pháp các nước là hiến-pháp trên tờ giấy, hiến-pháp người Anh là hiến-pháp ở trong bụng ». Nghĩa là ngoài mấy bản hiến-chương trên kia, hiến-pháp còn ngụ ở trong các luật-lệ, qui-điều và tập-quán mọi nơi công-tư xưa nay nhiều. Coi đó đủ biết cái tinh-thần tự-trị của người Anh.

Về nước Mĩ. — Nước Anh đã lập thành hiến-pháp cho nhân-dân được tham-dự vào quốc-chính mà nước càng thêm thịnh-vượng, các nước Âu-châu khờ vì quân-chủ chuyên-chế, đều lấy chính-thể nước Anh làm hăm-mộ, nhất là ở Đại-Pháp như ông Mạnh-đức tư-cru làm sách đề chủ-trương thuyết « tam-quyền định-lập », từ đó cái tư-tưởng dân-trị bèn thấm sâu vào lòng người. Đang lúc đó ở Mĩ-châu là cõi đời mới từ ông Kha-luân-bổ tìm ra từ thế-kỷ 15, rồi các nước Âu-châu di-dân sang khai-khẩn đã hầu khắp, nay ở bắc-bộ Mĩ-châu có một xứ rất lớn trong 13 bang, phần nhiều là người Anh và thuộc về nước Anh cai-trị. Nhưng nước Anh không dãi bình-đẳng như dân còn ở bản-quốc, thuế-má nặng mà không được tham-chính, bởi thế từ năm 1766 sinh ra cái lĩ, năm 1774, thân-đồng 13 bang hội nhau tâu xin vua Anh rờng cho quyền-lợi đã hai ba lần không được, bèn thành đến binh-tranh. Các bậc tướng-sĩ hào-hiệp nước Đại-Pháp sang giúp cho dân Mĩ cũng nhiều.

Năm 1776, các bang hội-nghị ở Phi-lạp-đức-liệt-phi đặt quốc-hiệu là *Etats-Unis*, nghĩa là Hợp-chúng-quốc, nhưng thông-thường thì gọi là nước Mĩ. Bèn đặt thành liên-hợp điều-khoản gọi là « *Confederation articles* ». Điều-khoản ấy các bang vẫn biệt-trị chưa thành qui-mô quốc-gia thống-nhất. Sau Anh cho Mĩ độc-lập, năm 1787 các bang hội ở

Phi-lạp-đức-liệt-phi cử ông Hoa-thịnh-đốn làm nghị-trưởng, cùng cải liên-hợp điều-khoản trước đi mà đặt ra hiến-pháp dân-chủ mới, mục-dịch là làm cho quyền-lực của trung-ương quốc-gia được củng-cố mà các bang đều phải phục-tùng vào trong phạm-vi. Song hội-viên kháng-nghị cũng nhiều, lại tị-nạnh nhau về quyền-lợi bang lớn bang nhỏ không đều, sau phải đặt ra điều luật « số nghị-viên vào thượng-viện thì bất-kỷ bang lớn bang nhỏ cứ mỗi bang được cử hai người, còn số nghị-viên vào đại-nghị-viện 代議院 thì chuẩn theo số nhân-khẩu của từng bang ». Thế mà điều-đinh cũng không xong.

Bản thảo-án ấy tuy có các hội-viên của các bang ủy đến thì đã đều nghị-quyết cả, nhưng còn các bộ lập-pháp ở các bang chưa thừa-nặc thì cũng chưa thành pháp-luật được. Bấy giờ lại phải đặt ra một lệ là « Hễ được chín bang thừa-nặc thì bản nghị-án nay thành pháp-luật », rồi chuyển - tổng đi cho các bang ký vào. Bọn ông Gi-nhi-đôn, Phạt-lang-khắc thì sợ các bộ lập-pháp của các bang còn ngăn ngại không chịu ký ngay, bèn mở ra cuốn tạp-chí đề là *Federalist*, hết sức nói về cái cốt-yếu của sự liên-hợp. Vì vậy quốc-dân các bang đều cảm-động, lần lượt ký nhận bản án ấy làm hiến-pháp, tức là bản hiến-pháp hiện-hành bây giờ. Thế mà cũng đến hơn một năm mới ký hết, nghĩa là từ ngày 7 tháng 12 năm 1787 đến ngày 29 tháng 5 năm 1789. Coi đó thì biết sự-nghiệp lập-quốc của người Mĩ, cuộc liên-hợp lại càng khó hơn. Bản liên-bang hiến-pháp của Mĩ là một nước tân-lập mà thực là một cái chế-độ liên-bang rất hoàn-mĩ, từ xưa các cựu-quốc chưa từng có, sau nước Đức, nước Thụy-sĩ đều bắt-chước. Người ta nói bởi giống người Anh là

giống Điều - đốn giàu tinh-thần tự-trị khiến nên.

Về nước Pháp. — Nhà pháp-học chia hiến-pháp ra hai phần là thực-chất với thành-văn. Thực-chất tức là những lẽ-thói tự-trị của dân-tộc, thành-văn thì chỉ là qui-điều mới định bằng văn-tự mà thôi. Cái tinh-thần hiến-pháp của nước Anh chính như thế mà cái tinh-thần hiến-pháp của nước Pháp cũng như thế. Mà nước nào cũng phải có phần trước mới thực-hành được phần sau.

Nay muốn biết lịch-sử hiến-pháp thì phải chia ra làm ba đoạn như sau này :

Đoạn thứ nhất về thời-dại phong-kiến. — Về thời cổ nước Pháp-lan-tây trong có nhiều những nước độc-lập nhỏ, quyền-lực ngang nhau. Dân-tộc là giống Cao-lô vốn tính hào-hiệp. Các vua Chur-hầu vì cạnh-tranh nhau, nước nào cũng cho dân được nhiều đặc-quyền tự-trị để củng-cố lấy quốc-thể. Cho nên bấy giờ hoặc cho quận-huyện có quyền tự kết-hợp, hoặc cho nhân-dân tự định lấy qui-tắc kết-hợp, hoặc cho nhân-dân có quyền tự-lý công sản, hoặc cho nhân-dân tự định lấy quyền-lợi nghĩa-vụ. Xuống đến thế-kỷ thứ 12 thì nhân-dân trong nước được quyền tự-trị ở trong phạm-vi các vua Chur-hầu nhiều lắm. Quyền tự-trị này có hai hạng là quyền tự-trị của thị-dân thành-phố với quyền tự-trị của nông-dân địa-phương. Mà quyền tự-trị của thị-dân thành-phố lại thịnh hơn của nông-dân địa-phương.

Quyền tự-trị của thị-dân thành-phố bấy giờ tuy mỗi nơi mỗi lúc có khác nhau, nhưng đại-thể của chế-độ thì có hai nghị-hội để giám-đốc chính-vụ. Một là thị-dân nghị-hội để tuyển-cử các quan chấp-chính, tức là viện lập-pháp đó. Một là quý-tộc nghị-hội thì khởi-nghị và giúp các quan chấp-chính, tức là

viện hành-chính đó. Lại có một « phổ-thông nghị-hội » nữa đề ở trên các quan hành-chính mà dân-hặc giám-đốc. Còn các quan chấp-chính thì là viên Tri-sự với các phụ-lão ra kiêm-nhiệm vậy. Coi đó thì biết cái chế-độ tự-trị của nước Pháp bấy giờ ở thành-phố đã phát-dạt lắm.

Đoạn thứ hai về thời-dại thống-nhất. — Về thời này chế-độ trung-ương quốc-gia ngày một hoàn-toàn, cõi nước ngày một mở-mang, thế nước ngày một thịnh-vượng, quân-quyền ngày một hiền-hách, mà chế-độ tự-trị, đặc-quyền của nghị-hội thành-phố và cái tinh-thần dân-trị của thị-dân cũng ngày một suy-kém mãi đi, cũng là cái thể tất-nhiên của các quốc-gia như vậy.

Kể trong khi họ nhà vua Ca-bưc trị-vì thì có hội-nghị Tam-tộc là quý-tộc, tăng-lữ và binh-dân. Nhân vì nhà vua muốn nhờ dân-lực để chống với Giáo-hoàng mà đặt ra, bắt đầu từ năm 1302 cho mãi đến năm 1614, kẻ cũng đã dai-giăng, song bởi ý nhà vua lúc nào muốn hợp thì triệu-tập, muốn thôi thì giải-tán, chứ không có đặc-quyền như hai nghị-hội thành-phố ở đời phong-kiến trước.

Năm 1644 đặt ra Lục-bộ là : 1^o Nội-các coi toàn-thể chính-trị ; 2^o Ngoại-bộ coi việc ngoại-giao và việc binh ; 3^o Pháp-bộ coi việc tranh-tụng các hạt ; 4^o Cao-đẳng pháp-bộ ở trên pháp-bộ phổ-thông ; 5^o Tài-chính-bộ ; 6^o Nội-vụ-bộ. Lục-bộ đặt rồi quyền trung-ương lại thêm to lắm.

Sau lại đặt ra chức *Intendant* giữ cả toàn-quyền tài-chính và tư-pháp trong nước. Sau nữa ở *Paris* lại đặt ra « Cố-vấn-viện » để qui-định tất cả các việc lớn nhỏ trong nước, thế là quyền trung-ương đạt đến cực-độ mà tinh-thần tự-trị của địa-phương không còn.

Kể đó vua Lô-dịch đệ-thập-tứ lên trị-vị, vua là bậc hùng-tài đại-lược, lung-lạc cả một đời, vua làm cho uy nước cực thịnh, quyền vua cực tôn mà cũng vì vua làm cho nhiều loạn-lạc. Nhân-dân muốn cho được khôi-phục lại cái tinh-thần tự-trị ngày xưa, đại-biểu là bọn ông Mạnh-đức-tư-cưu vậy.

Đoạn thứ ba về thời-đại canh-cải hiến-pháp — Thời nay từ năm 1791 đến năm 1875, trước sau hơn nửa thế-kỷ, có khi là quân-chủ hiến-pháp, có khi là dân-chủ hiến-pháp, thay đi đổi lại vừa 12 lần. Bản hiến-pháp đại-định sau hết về năm 1875 và hiện-hành bây giờ là dân-chủ hiến-pháp. Còn các bản hiến-pháp trước người Âu-châu rất lấy làm hăm-mộ, hiến-pháp của mấy nước nam-bộ nước Đức bắt-chước ở đó nhiều. Nhà pháp-học nói: bản *Khâm-định hiến-pháp* đời vua Lô-dịch đệ-thập-bát đã so-sánh tinh-thế kỷ lắm, thực là tận-mĩ tận-thiện, đáng làm mô-phạm cho hiến-pháp các nước; nghe đâu hiến-pháp nước Phổ trước có tiếng là hoàn-toàn mĩ-bì nhất, mà thực thì hầu hết là thái-thủ ở bản *Khâm-định hiến-pháp* này. Coi đó đủ biết hiến-pháp nước Pháp không những bổ-ích cho bản-quốc mà lại bổ-ích cho các nước cũng nhiều hơn.

— Trên này đã tóm tắt hết lịch-sử của hiến-pháp ba nước, cái nguyên-nguyên phát-sinh, cái tinh-thần sản-xuất cùng cái dấu biến-thiên thành-lập đều lược đủ cả ở đó. Sau hiến-pháp ba nước trên này thành-lập rồi, trên hoàn-cầu nước nào có hiến-pháp cũng đều mô-phỏng hoặc nhân mà thoát-thai ở đấy ra cả. Đông-phương ngày xưa có câu: «Tổ-thuật Nghiêu Thuấn, hiến-chương Văn Vũ 祖述堯舜憲章文武», nghĩa là về đạo-pháp trị-quốc thì noi theo của vua Nghiêu vua Thuấn và bắt-chước của vua Văn vua Vũ. Vậy đem câu ấy mà thay cho cái

đạo-pháp trị-quốc ngày nay thì tất phải nói: «Tổ-thuật Anh Pháp, hiến-chương Mĩ Phổ» vậy.

4. — *Thế-tài của hiến pháp*

Hiến-pháp là cái phép trị-quốc rất hay của đời nay thì là một, mà thế-tài thì khác nhau nhiều. Sự khác nhau, ấy, một là bởi chính-thể mà khác, một là bởi quốc-thể mà khác. Bởi chính-thể mà khác thì có quân-chủ hiến-pháp với dân-chủ hiến-pháp. Bởi quốc-thể mà khác thì có đơn-nhất quốc-gia hiến-pháp với phức-tập quốc-gia hiến-pháp. Nay giải-luận ra như sau này.

a) Nói về quân-chủ hiến pháp với dân-chủ hiến pháp — Về nước quân-chủ thì hiến-pháp là vua đặt ra, vua tự đặt ra phép để tự chế-hạn lấy mình và chế-hạn người khác. Quốc-thể nước ấy với nước quân-chủ chuyên-chế không khác nhau là mấy, chỉ khác nhau là đảng kia thì quyền vua vô-hạn mà đảng này thì có hạn, đảng kia thì nhân-dân không được tham-chính mà đảng này thì được tham-chính mà thôi. Ông Châu Quí 周達 Trung-quốc giải nghĩa thuyết «quân-chủ lập-hiến» có nói rằng: «Ai cũng biết rằng chính-trị thế-giới đời nay ngày càng xu-hướng về dân-chủ lập-biến. Từ khi chủ-nghĩa bình-dân thịnh-hành, cứ lý-thuyết ra thì đối với quốc-chính ai ai cũng có quyền-lợi như nhau, thói qui-tộc thế-tập đã bỏ thì lối vương-gia độc-tôn cũng không nên còn, phải khiến cho người trong nước ai cũng là người chủ-trị lại vừa là người bị-trị cả. Rồi chọn lấy kẻ nào tài-lực thông-minh thích-hợp ra đứng trên mà cai-trị. Tuy-nhiên, phải biết dân-quyền ở về hai thế-kỷ 18-19 còn non-nớt lắm, nên còn phải đi qua một tầng giai-cấp là lối chính-trị quân-chủ lập-hiến vậy. Cho nên

thế-giới ngày nay, trừ phi những nước tân-lập hay là biến-loạn nhiều thì theo về lối dân-chủ lập-hiến, còn phần nhiều còn theo về lối quân-chủ lập-hiến cả. Như thế không phải là dân các nước đó người ta không biết nghĩ như trên kia đâu, chẳng qua cũng là bởi thế-lực mới tới có đến đấy. Vì rằng trong các nước đó đã trải mấy nghìn năm ở dưới quân-quyền chuyên-chế tích-lũy mãi-gột rồi, nay nhất-dân nhân thuyết tự-do dân-quyền thịnh-hành, bèn chế ra hiến-pháp đặt ra quyền-hạn, thì quân-quyền cũng đã bị tước bớt đi mất nhiều lắm rồi, còn muốn trừ-khử hết đi sao được. Bởi vậy liệt-quốc trong thế-giới mà còn có lối chính-trị quân-chủ lập-hiến cũng là thế-sử-nhiên. Người Tào Phi cướp ngôi Hán, vị Sơn-dương còn đứng trước Hầu; vua Châu-Vũ diệt nhà Ân, ông Vi-tử vẫn phong đất Tống. Ấy các vị quân-chủ ở nước lập-hiến ngày nay chẳng khác gì.

« Chính-thể quân-chủ lập-hiến ngày nay không khác gì quân-chủ chuyên-chế mấy tí. Cho nên cái câu « trẫm tức quốc-gia » của vua Lô-dịch đệ thập-tứ, ai cũng chê-bại, thế mà nay có nước lại lấy câu ấy để giải-thích hiến-pháp quân-chủ đó. Họ cho rằng sao hiến-pháp xưa nay không gọi là cái tước-thức của quân-dân tương-tranh mà lại gọi là vua tự đặt ra hiến-pháp để tự chế hạn và chế-hạn người ta. Vậy việc cải-chính hiến-pháp, tất phải vua xướng-suất lên, không thì cũng phải vua thừa-nhận mới được. Họ cho là quyền hành-chính của vua cả, quyền lập-pháp thì vua với nghị-viện cùng làm. Lại còn cho rằng quyền lập-pháp vốn của vua, chẳng qua vua phân cho nghị-viện một phần mà thôi, cho nên quyền dân-hặc của nghị-viện chỉ tới đến quan đại-thần mà thôi. Lại nói quân-chủ đứng trên pháp-luật. Những ý đó là trái với dân-chủ lập-

hiến mà giống với quân-chủ chuyên-chế cả. Cho nên vua nước quân-chủ lập-hiến thì lấy ý mình đặt ra pháp-luật, lấy ý mình mà hành-dộng, vua nước quân-chủ lập-hiến thì lấy ý mình đặt ra pháp-luật rồi hành-dộng theo trong pháp-luật, khác nhau không mấy tí. Chỉ có một đảng thì quân-quyền vô-hạn, một đảng thì có hạn; một đảng thì nhân-dân không được tham-chính, một đảng thì được tham-chính mà thôi. »

Về cựu-thế-giới ngày nay, những nước dùng lối quân-chủ lập-hiến này cũng còn nhiều, như Anh-cát-lì, Ý-dại-lì, Tây-ban-nha, Nhật-bản, v.v..

— Về nước dân-chủ thì hiến-pháp là dân đặt ra, dân làm chủ cho nước, đặt phép ra để chế-hạn trong nước mà lấy nghị-viện làm chỗ cơ-quan. Quốc-thể nước ấy khác hẳn với nước quân-chủ chuyên-chế. Quan đại-thống-lĩnh phải theo phép của nghị-viện và chỉ giữ một quyền hành-chính mà thôi.

Đành rằng quyền nước dân-chủ thì ở dân, dân trao quyền hành-chính cho quan đại-thống-lĩnh, trao quyền lập-pháp cho nghị-viện, trao quyền tư-pháp cho pháp-viện đấy, thế nhưng dân không có tự đứng ở địa-vị cai-trị người ta, mà lại làm kẻ bị-trị ở dưới để chịu quyền thống-trị vậy.

Nay xét đời Hi-lạp, La-mã ngày xưa cũng có phép dân-chủ chính-thể, nhưng khác hẳn với bây giờ. Kể chấp chính của nhân-dân Hi-lạp, Lã-mã ngày xưa không biết đến cái cách cử người nghị-sĩ thay cho mình như ngày nay, thế là vừa cầm cái quyền chính-trị vừa tự đứng vào cái địa-vị bị-trị đó. Còn ngày xưa thì ai có quyền được tham-chính là được tự vào quốc-hội mà nghị-chính cả. Cho nên Hi-lạp, Lã-mã là lối dân-chủ cộng-nghị mà ngày nay thì là lối dân-chủ đại-nghị đó. Khác nhau điều ấy là một. Lối Hi-lạp,

La-mã ngày xưa, kẻ được tham-dự quốc-chính đều là nhà quý-lộc cả, còn kẻ không được tham-dự vào ấy đều là kẻ dân hèn, chung-thân chỉ phục-dịch và đứng ở địa-vị bị-trị mà thôi; ngày nay thì quý-tộc bình-dân cũng đều có quyền tham-chính cả. Cho nên Hi-lạp, La mã là lối dân-chủ chuyên-chế mà ngày nay mới thực là lối dân-chủ cộng-hòa. Lại khác nhau điều ấy là hai.

Coi đó thì biết chính-thể dân-chủ lập-hiến ngày nay không phải là phát-nguyên ra từ đời cổ-giả, mà chính là mới từ cận-thế cuộc Bắc-Mĩ liên-bang sáng-lập nên đó.

Nay lại đem hiến-pháp về dân-chủ lập-hiến mà so với hiến-pháp về quân-chủ lập-hiến thì thấy có nhiều điều khác nhau, nhưng đại-yếu thì có bốn điều là: Một là nước dân-chủ lập-hiến thì dân đặt lấy phép và định lấy quyền-hạn, nước quân-chủ lập-hiến thì vua đặt ra phép và tự thêm chế-hạn vào. Hai là nước dân-chủ thì quyền nghị-viện là vô-thượng, dân-hặc và trừng-trị được cả quan đại-thống-lĩnh; nước quân-chủ lập-hiến thì quyền vua là vô-thượng, vua có thể lấy sức ép nghị-viện phải giải-tán. Ba là nước dân-chủ lập-hiến thì quyền lập-pháp riêng của nghị-viện, quan đại-thống-lĩnh chỉ có quyền chế-tài đôi chút, thế mà quyền hành-chính thì quan đại-thống-lĩnh lại phải chịu nghị-viện giám-đốc; nước quân-chủ lập-hiến thì quyền hành-chính chuyên là của vua, vua lại cùng nghị-viện cùng làm quyền lập-pháp nữa. Bốn là nước dân-chủ lập-hiến thì việc cải-chính hiến-pháp là do ở dân mà nước quân-chủ lập-hiến thì việc ấy do ở vua. Những nước dân-chủ lập-hiến lớn ngày nay là Đại-Pháp, Mĩ Hợp-chúng-quốc, các nước châu Mĩ. Mới đây lại có Thổ-nhĩ-kỳ, Đức-ý-chí, Trung-quốc, vân vân.

Trên ấy đã so-sánh những yếu-diểm của hai thứ hiến-pháp về quân-chủ với dân-chủ khác nhau là thế nào rồi, nhưng sự so-sánh đó cũng là so-sánh về hình-thức, về bên ngoài mà thôi, đến như tinh-thần của hiến-pháp thì không phải rằng cứ tất-nhiên theo lệ đó đâu. Vậy tinh-thần của hiến-pháp ở nơi nào? Châu Quì tiên-sinh kết-luận lối dân-chủ hiến-pháp có nói rằng: « Tuy cùng là nước dẫu - chủ đó, cùng vì dân mà đặt ra hiến-pháp đó, nhưng đến cái trình-độ dân-quyền thì mỗi nước lại tùy nước mình mà khác đi. Nay ta thử xét về nước Pháp, xét xem quốc-hiến, xét xem dân-quyền, rồi xét xem trình-độ thế nào. Ta lại xét về nước Mĩ, xét xem quốc-hiến, xét xem dân-quyền rồi xét xem trình-độ thế nào. Ta lại xét về nước Ba-tây xét xem quốc-hiến, xét xem dân-quyền rồi xét xem trình-độ thế nào. Thì ta thấy cách nhau xa lắm, thực có điều mà ta không ngờ đến. Thế mà nước Anh tuy gọi là nước quân-chủ lập-hiến, mà xét xem quốc-hiến thì thấy trình-độ về dân-quyền, thường có điều cao hơn cả nước Mĩ nhiều. Cho nên gọi là quân-chủ, gọi là dân-chủ, chẳng qua là cái ngoại-hình đó mà thôi, chứ dân-quyền cao hay thấp không có ăn thua gì vào đấy. » Xem lời Châu Quì tiên-sinh thì biết cái tinh-thần của hiến-pháp là ở nơi dân-quyền vậy. Nhưng tôi đây lại dám quyết rằng cái trình-độ cao hay là hạ của dân-quyền lại phải trông vào cái tinh-thần tự-trị hay hay là hèn của nhân-dân. Nếu cái tinh-thần tự-trị mà kém, mà ươn-hèn, thì còn nói gì đến dân-quyền, đến hiến-pháp.

b) Nói về dân-nhất quốc-gia hiến-pháp với phức-tạp quốc-gia hiến-pháp. — Dân-nhất quốc-gia là quốc-gia chỉ có nguyên một bản-bộ nước mình, phức-tạp quốc-gia là hợp nhiều



Quan Thủ-tướng Pháp TARDIEU

nước có khi là bình-dẳng, có khi là giai-cấp lại làm một quốc-gia lớn. Hiến-pháp của dân-nhất quốc-gia thì chỉ một việc định lấy quyền-hạn quan-hệ cho tam-quyền và quyền-hạn quan-hệ của vua với dân mà thôi. Phức-tạp quốc-gia thì ngoài sự định quyền-hạn cho tam-quyền, cho vua dân, lại phải định quyền-hạn quan-hệ cho các nước liên-bang với trung-ương quốc-gia nữa, mà việc này lại là trọng-yếu hơn cả. Thế cho nên không

những tính-chất khác với hiến-pháp của dân-nhất quốc-gia, mà đến hình-thức cũng khác nhau cả. Những hiến-pháp của dân-nhất quốc-gia thì đã như ở nước Anh, nước Pháp rồi, dưới này chỉ giải về hiến-pháp của phức-tạp quốc-gia mà thôi.

(Còn nữa)

ĐỖ-NAM.

GIẢI NGHĨA HIẾN-PHÁP (1)

Ngo-báo đã có bụng tốt dâng một bài của tôi bàn về vấn-đề lập-hiến của ông Phạm Quỳnh khởi-xướng ra.

Trong bài ấy tôi có nói rằng vấn-đề lập-hiến là một việc quan-hệ đến vận-mệnh quốc-gia, không phải là việc thường, muốn nghị-luận cho đích-dáng thì nên bỏ cả câu chuyện cá-nhân ra ngoài, mà chỉ nên xét cái lý-thuyết hay hay là dở.

Phàm người bình-tình ai cũng phải công-nhận rằng từ trước đến nay chưa ai phác-họa được một cái chương-trình cải-cách chính-trị có vẻ trang-nghiêm chu-đáo như cái thuyết lập-hiến của ông Phạm Quỳnh. Tự-trung vẫn có nhiều điều chi-tiết có thể bẻ-bác được, nhưng cái đại-thể thì thật là có vẻ khả-quan lắm. Ông xướng lên cái thuyết lập-hiến cũng như người vẽ ra một cái kiêu nhà. Kiêu đã thành rồi, đem bày cho thiên-hạ xem. Bấy giờ ai ai cũng có quyền bình-phẩm được: từ ông cả bà lớn, cho đến bác xã chủ nhiều, cho đến cu-cậu 15, 18, đều có quyền lắc đầu bĩu miệng mà kẻ chê: cái cửa này

đẹp, người cười: cái sân kia méo. Không ai nhớ đến cái kiêu đất thế nào, nên mới phải vẽ ra như thế, không ai biết đến cái khổ-tâm của tác-giả đã phải chằm-chước nghĩ-ngợi thế nào mới phác-họa ra được một cái kiêu nhà coi được.

Ngạn-ngữ Tây có câu: « Chê vắn dễ, làm mới khó. » (*La critique est facile, mais l'art est difficile*).

Trong hạng những người lắc đầu bĩu miệng kia, chắc cũng có lắm tay danh-họa. Xin vẽ cho một cái kiêu khác để chúng tôi so-sánh, nếu khéo hơn đẹp hơn, thì chúng tôi bái-phục ngay.

Nhưng hiện nay thì mới có một cái kiêu ở trước mắt, theo ý riêng tôi, cái kiêu này bề ngoài cũng dễ coi và bề trong cũng ngăn-nắp, nếu mà cái nhà cổ Việt-Nam ta, xây lại được như thế, thì dẫu chẳng lâu-dài tráng-lệ chi, cũng không đến nỗi tối-tăm lụp-sụp lắm.

Trong bài trước tôi đã nói qua về cái đại-ý lập-hiến thế nào. Nhưng chưa xét đến nội-dung hiến-pháp.

(1) Trích ở *Hà-thành Ngo-báo*.

Mấy bài luận-thuyết về lập-hiến của ông Phạm Quỳnh tuy đã đăng vào báo tây, vào báo ta, lại có in ra thành sách, nhưng xem ra truyền-bá vẫn chưa được khắp, cho nên thường thấy có người nói về hiến-pháp của ông mà không hiểu trong hiến-pháp có những gì.

Vậy tôi xin đem từng đoạn cốt-yếu mà giải-thích như sau này, để trong độc-giả hoặc có ai chưa được đọc bài của ông Phạm, hay đã đọc rồi mà quên đi, thì xem đây cũng lược biết được đại-cương, để khi nghị-luận khỏi sai-lầm.

Tác-giả nói : *« Hiến-pháp phải chiếu theo điều-ước Bảo-hộ ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884, là căn-bản chính-thể hiện-thời của nước Nam. »*

Điều này trong bài trước tôi đã giải rõ. Điều-ước năm 1884 là cái « văn-tự » của nước Nam, không thể nào bỏ được. Về sau Bảo-hộ còn ký với Nam-triều nhiều hiệp-ước khác nữa, cái sau cùng là hiệp-ước năm 1925, nhưng các giấy tờ ấy không có Nghị-viện Pháp duyệt-y, đối với vạn-quốc công-pháp không có giá-trị gì. Như hiệp-ước năm 1925 thì chính quan Toàn-quyền cùng quan Khâm-sứ đã từng tuyên-bố rằng đó là tạm-thời, chỉ thi-hành trong khi đức Bảo-đại đi du-học mà thôi, bao giờ ngài về nước thì lại theo đúng như điều-ước bảo-hộ cũ.

Có người nói : Điều-ước ấy quá cũ rồi, nên bỏ quách ngay đi, để cho dân An-Nam trực-tiếp với bảo-hộ, còn phải qua đến vua quan làm gì nữa ! — Nói thế thì là xin theo chế-độ trực-trị rồi, xin làm thuộc-địa rồi, còn nói chuyện gì nữa. Nếu cam-tâm như thế thì thôi, cứ xin phó-mặc thời-thế, còn phải nghị-luận làm gì. Nhưng trong bài trước tôi đã nói : Đại-Pháp là nước lượng cả trí cao, không khi nào có cái chí kiêu-tinh như thế, mà chúng ta cũng không nỡ lòng nào để đến nỗi thế.

Vả lại nếu điều-ước quá cũ, có thể xin sửa đổi lại được. Lập-hiến tức là sửa-đổi điều-ước cho hợp với thời-thế bây giờ, hợp với khuynh-hướng quốc-dân. Nhưng muốn sửa-đổi điều-ước thì trước hăng phải căn-cứ ở điều-ước đã. Muốn căn-cứ ở điều-ước thì phải ý-lại ở người ký ước, tức là quốc-vương. Nước Pháp không có giao-kèo gì với dân An-Nam, chỉ có ký ước với vua An-Nam. Nếu muốn thay đổi ước cũ cho được rộng dân-quyền thì phải Quốc-vương thương - thuyết với Bảo-hộ, Bảo-hộ thương-lượng với Quốc-vương ban cho dân một đạo hiến-pháp, rồi nhiên-hậu mới đình-dinh một tờ ước mới công-nhận cho cái chế-độ quân-dân cộng-chủ và Bảo-hộ giám-dốc đó.

Tác-giả lại nói : *« Điều-ước đó, vì lỗi cả hai bên Triều-đình và Bảo-hộ mà bấy lâu không thi-hành được đúng. Theo điều-ước thì việc nội-trị của nước Nam vẫn phải ở trong tay người An-Nam, Bảo-hộ chỉ có cái chức-trách khuyên-bảo, cái chức-trách kiểm-sát mà thôi ».*

Vì Triều-đình bất-lực, cho nên Bảo-hộ phải thu lấy hết quyền hành-chính. Nhưng đó là cái tình-thế nhất-thời mà thôi. Điều-ước còn đó thì quyền nội-trị còn thể phục-hồi lại được. Người trước bất-lực, người sau có lẽ hay hơn. Bảo-hộ cũng muốn tác-thành cho ta, giúp đỡ cho ta làm lấy việc nước, lẽ nào ta lại tự-bạo tự-khi mà cứ để phó-mặc cho Bảo-hộ mãi ?

Hoặc-giả nói : Bảo-hộ trả quyền cho ta, có phải trả quyền cho dân đâu, chỉ tăng quyền cho quan-trưởng, mà quan-trưởng thì suy-đổi lắm rồi, nếu cho nhiều quyền chỉ tổ hại dân.

Tôi tuy cũng là một ông hư-quan, nhưng tôi không bệnh-vực gì cho quan-trưởng.

Tôi chỉ xin hỏi : Quan-trưởng là gì ? Quan-trưởng có phải là một hạng người đặc-biệt, như một phái qui-tộc, cha truyền con nối, đời-đời chiếm giữ lấy quyền-vị mãi không ? Quyết không phải thế. Các nhà làm sách Tây-binh-phẩm về nước ta thường khen rằng nước Nam cổ-lai vẫn có cái khuynh-hướng về dân-chủ, quan không phải là một giai-cấp đặc-biệt, quan chính là ở dân ra, hề học giới thì đồ thì ra xuất-chính, thế gọi là quan, dầu con nhà tầm-thường trong dân-gian cũng được, chứ không phải là con nhà khanh-tướng mới có cái đặc-quyền đó.

Tôi làm tổng-đốc, hiện không có con, nhưng nếu tôi có con mà con tôi ươn-hèn thì chung-thân cũng chỉ làm cậu ấm « sứt vôi » mà thôi ! Nhưng ông lão nhà quê mộc-mạc kia, nếu có con học khá, thi đỗ ở trường Pháp - chính ra, thì con ông cũng làm quan được ngay. Còn gì bình-dẳng hơn nữa ?

Quan chẳng qua là người thừa-hành của Chính-phủ. Chính-phủ nào cũng phải có quan để làm việc hành-chính, việc tư-pháp, v. v. . Bên Pháp có các quan *préfets, sous-préfets*, bên Tàu có các quan tỉnh-trưởng, bên Nhật có quan quận-trưởng, cũng như tổng-đốc tuần-phủ ở bên ta. Nếu những tên tổng-đốc tuần-phủ ấy cho là quá cũ rồi, thì đặt tên khác, nhưng không thể bỏ quan-chức đi được, vì bỏ quan-chức An-Nam đi, tất phải lấy quan-chức Tây-diễn vào, thế là chế-độ trực-trị rồi. Ngay như Nam-kỳ là thuộc-địa, thế mà những chức phủ, huyện, đốc-phủ, vẫn không bỏ hẳn được.

Và ngày nay có phải chỉ những « viên-chức nam-chính » (*fonctionnaires de l'administration indigène*) mới gọi là quan đâu ? Tỉnh nào là không có quan đốc-tò, quan thú-y, quan giấy thép... ; lại tỉnh nào là không có giám ba « quan nghị » nữa !...

Nếu bây giờ phong-trào binh dân đã mạnh, mà không muốn dùng cái tiếng « quan » đó nữa, thì ta gọi là « viên-chức » cả, cũng chẳng ngại gì.

Nhưng muốn có quyền nội-trị, thì quyền ấy phải ở tay người mình, phải do các « viên chức » mình đương lấy. Người nào bắt-tài bắt-lực, hoặc tham-nhũng bậy-bà, thì Chính-phủ hoặc cách-chức, hoặc trừng trị cho nghiêm ; ngày nay là Chính-phủ Bảo-hộ cầm quyền, thì xin Bảo-hộ ra sức kiểm-sát, thẳng tay mà trị những kẻ bắt-lương ; sau này có Chính-phủ Việt-Nam có quyền - lực, có trách - nhiệm, thì Chính-phủ Việt-Nam cũng phải làm như thế, và ngoài Chính-phủ lại còn có Nghị-viện dân-hặc, lại còn có Bảo-hộ giám-đốc nữa, việc kiểm-sát có lẽ lại còn chu-đáo hơn bây giờ.

Còn nói rằng : « Bảo-hộ đừng nên trả quyền cho vua quan mà trả quyền ngay cho dân », thì không có lý. Nước ta chưa phải là nước dân-chủ, vẫn còn là nước quân-chủ. Muốn trả quyền lại thì phải trả cho người chủ có quyền, tức là ông vua, rồi người chủ ấy muốn chằm-chước mà nhường lại cho dân phần nào sẽ hay. Việc vua nhường quyền cho dân đó, tức là việc lập-hiến.

Nói tóm lại thì điều-ước năm 1884 là cái « văn-tự » định quyền-hạn nước Pháp với nước Nam ; hiến-pháp sau này là cái « văn-tự » định quyền-hạn quốc-vương với quốc-dân. Hai cái là có quan-hệ rất mật-thiết với nhau, không thể phân-lia ra được.

Ông Phạm Quỳnh nói :

« Điều thứ 16 trong điều-ước có nói rằng :

« Quốc-vương An-Nam vẫn giữ quyền nội-trị trong nước như xưa. »

« Quyền nội-trị ấy từ nay phải tổ-chức ra thế nào ?

« Nước Nam ngày nay không thể theo cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế như

xưa được nữa. Vả lại nhờ Chính phủ Bảo-hộ khỏi-xuống ra mà Nam-triều cũng thuận theo, Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ mỗi xứ đã có một viện tư-vấn đặt tên là Nhân-dân đại-biểu-viện. Viện Dân-biểu này cần phải tổ-chức lại cho vững-vàng, khuếch-trương ra cho rộng-rãi, để cho người dân có chỗ mà tập làm việc nước, tham-dự vào chính-sự một cách có hiệu-lực hơn bây giờ; nói tóm lại là dự-bị cho thành một cái nghị-viện đích-dáng sau này.

« Vả lại quốc-vương An-Nam đã thuận nhận cho đặt các viện Dân-biểu như ngày nay, để cho dân cũng tham-dự vào việc công một chút đỉnh, thế là đã tự nhận vì dân, hạn-chế bớt quyền mình đó rồi, ưc là đã thuận theo cái lý-tưởng có ngày sẽ đặt cho dân có hiến-pháp, có nghị-viện vậy. Quân-chủ Việt-Nam nhờ có Bảo-hộ giúp đỡ bây giờ sẽ tự-nhiên bỏ cái chính-thể chuyên-chế mà chuyển sang chính-thể lập-hiến. »

Tôi trích cả đoạn dài cho rõ cái ý-kiến của tác-giả. Tôi tưởng không ai còn có thể hiểu lầm được nữa. Quân-chủ ngày nay không thể là quân-chủ chuyên-chế được nữa. Hiện Bắc-kỳ với Trung-kỳ đã có hai viện Dân-biểu, do Bảo-hộ đặt ra mà Quốc-vương cũng thuận-nhận, thế là Quốc-vương đã chịu hứa cho dân được tham-dự vào việc nước, thế là đã phối-thai ra hiến-pháp rồi đó. Nay chỉ việc tuyên-bố ra cho phân-minh, về phần Bảo-hộ thì tuyên bố rằng quyền nội-trị nước Nam theo như điều-ước vẫn thuộc Quốc-vương An-Nam, về phần Quốc-vương thì tuyên-bố rằng quyền nội-trị ấy sẽ nhường cho dân được tham-dự vào một phần, cho dân tham-dự việc nước tức là lập nghị-viện. Nghị-viện nay đã có hình-thức sơ-lược rồi, chỉ việc sửa-đổi cho chỉnh-đốn, mở-mang cho rộng thêm, định rõ quyền-hạn tùy theo trình-độ quốc-dân.

Hoặc-giả nói: « Chúng ta đã nhờ Bảo-hộ mà có viện Dân-biểu như ngày nay, bây giờ cử việc xin Bảo-hộ mở rộng quyền cho viện Dân-biểu, để cho thành nghị-viện đích-dáng, hà-tất phải qua đến vua ? »

Xin trả lời rằng: Cho viện Dân-biểu được rộng thêm quyền bàn-bạc một đôi chút, thì Bảo-hộ có thể tự ý làm được. Vì viện Dân-biểu là một viện tư vấn mà thôi, Chính-phủ đặt ra để hỏi ý - kiến, chứ không có quyền quyết-định gì. Nhưng nếu đòi làm nghị-viện chân-chính, có quyền quyết-nghị, có quyền lập-pháp, thì cử lý Bảo-hộ không cho được, phải có Quốc-vương hiệp lực với Bảo - hộ mới cho được.

Nay đã giải rõ ý-kiến lập-hiến và cái đường lối lập-hiến phải như thế nào rồi, vậy xét ngay đến các bộ-phận trong hiến-pháp định quyền-hạn của Quốc-vương, Quốc-dân và Bảo-hộ thế nào.

Hiến-pháp các nước thì chỉ có một quyền vua và quyền dân, nước ta lại thêm một quyền thứ ba, là quyền Bảo-hộ. Nhưng quyền vua và quyền dân thì đứng ngang hàng nhau và hạn-chế lẫn nhau (thế gọi là quân dân cộng chủ), còn quyền Bảo-hộ thì đứng cao ở trên để giám-đốc cả hai bên.

Về quyền vua, tác-giả nói: « Quốc-vương sẽ là chúa-lễ quyền hành-chính. Quốc-vương cầm quyền thống-trị, do Bảo-hộ trông nom chỉ bảo, quyền ấy sẽ giao phó cho các quan ' hượng-thư hay là các quan Tổng-trưởng các Bộ, có trách-nhiệm đối với vua, đối với Bảo-hộ và đối với viện Dân-biểu thay nghị-viện chính-thức, cũng như ở Nhật-bản, theo quyền-hạn sẽ định; viện Dân-biểu sẽ có quyền quyết-nghị về các khoản cũng sẽ định sau này. Lại bắt-chước như ở Nhật-bản, quốc-vương sẽ có một hội-đồng cố-vấn để giúp việc, trong hội-đồng có các bậc danh-giá vừa người

Nam vừa người Pháp, lựa chọn những người nào có tài-cán và có lịch-duyet. »

Vua đứng đầu, dưới có các quan quốc-vụ, gồm lại gọi là Chính-phủ Việt-Nam, (chứ không nên gọi là Nam-triều nữa, có cái nghĩa hẹp là Triều-đình riêng của một ông vua, chính-phủ mới là chính-phủ chung của quốc-gia). Các quan quốc-vụ thay quyền vua mà cai-quản mọi việc, có trách nhiệm đối với vua đã ủy-nhiệm cho mình, đối với Bảo-hộ có quyền giám-đốc, và đối với Nghị-viện thay mặt dân có quyền kiểm-sát. Một người làm việc, ba bề trông vào, tưởng cũng khó lòng mà làm bậy được.

Đây nói là viện Dân-biểu thay cho Nghị-viện chính-thức, nghĩa là lúc đầu chưa có nghị-viện có đủ quyền, thì viện Dân-biểu chính-đốn lại một chút cũng tạm thay cho Nghị-viện được. Nhưng rồi thế nào cũng phải có Nghị-viện chính-thức mới được, quyền-hạn sẽ định tùy theo với trình-độ dân.

Còn như Hội-đồng cố-vấn thời là một hội-đồng Tư-mật, để riêng bàn-bạc giúp cho vua mà thôi, không phải là một cơ-quan cốt-yếu của quốc-gia. Đây là ông Phạm Quỳnh bắt chước cái chế-độ của Nhật-bản

Về quyền dân, tức là Nghị-viện (khi Nghị-viện đã thành-lập), thì ông nói :

« Nghị-viện thì chỉ có một viện chung cho cả Trung-Bắc-kỳ đầu-cứ theo lối đầu-phiếu có hạn-định, phép bầu-cử sẽ tùy với trình-độ dân mà thay đổi.

« Nghị-viện cũng có quyền đề-xướng các luật-án như Chính-phủ, nhưng các dự-án luật của Chính-phủ cũng như của Nghị-viện trước khi đem ra thảo-luận, phải đề trình cho một hội-đồng gọi là Thăm-chính viện gồm các nhà chuyên-môn Tây Nam dự xét đã.

« Nghị-viện có quyền kiểm-sát các công việc của Chính-phủ, có quyền chất-vấn các quan Tổng-trưởng các Bộ, người

nào có trách-nhiệm riêng về công-việc bản-bộ mình, duy không thể một lần đầu-phiếu mà bách các quan bộ-trưởng phải từ chức được. »

Đoạn này thì rõ nghĩa lắm, không cần phải giải-thích nữa. Quyền-Nghị-viện thế là rộng lắm rồi. Kiểm-sát công việc Chính-phủ, chất-vấn các quan quốc-vụ, nghiêm nhiên như nghị-viện các nước dân-chủ rồi. Còn quyền bầu-cử có hạn-định là vì trình-độ dân ta chưa thể cho khắp cả người dân đều có quyền đi bầu được, điều đó ai cũng đã hiểu. Lại các luật-án trước khi đem ra thảo-luận và quyết-nghị ở Nghị-viện, phải trình cho Thăm-chính-viện (*Conseil d'Etat*), là để các nhà chuyên-môn xét lại xem bản dự-thảo có đúng với pháp-luật không. Không những dự-án của Nghị-viện mà dự-án của Chính-phủ cũng vậy. Xét là xét cái hình-thức, xét cách biên-tập, xét cái thủ-tục cho hợp lệ mà thôi, chứ không được bài-bác cái nội-dung, cái ý-nghĩa của luật.

Tôi xin thú thật rằng lúc mới đọc tôi cũng không lý-hội được rõ cái chức-vụ của Thăm-chính-viện là thế nào, tôi có chất-vấn ông Phạm Quỳnh thì ông cắt nghĩa cho tôi như thế. Ông nói rằng làm luật là việc rất khó, không những các nghị-viên mà đến cả quan quốc-vụ, chưa chắc thảo đã được đúng phép, cần phải nhờ một hội-đồng những nhà chuyên-môn về pháp-luật chữa sửa cho đã.

Còn định rằng bộ-trưởng bộ nào chỉ có trách-nhiệm về bộ ấy mà thôi, là không theo cái lệ « liên-dải trách-nhiệm », một người b. đồ là đồ cả Nội-các như bên Tây; lại định rằng nghị-viện một lần đầu-phiếu không bách quan bộ-trưởng phải từ chức được : hai điều đó cần phải như thế, vì nước mình đã có nhiều nhân-tài đầu mà cứ sáu tháng một năm đánh đồ Nội-các một lần như bên Tây, thì

không lấy người đầu mà làm việc được. Nhưng đến lần thứ hai đầu-phieu không tin-nhiệm thì ông bộ-trưởng nào bị khiển-trách hai lần như thế, tưởng không mặt mũi nào mà cứ giữ chức mãi được.

Sau hết định quyền Bảo-hộ rằng :

« *Chính-phủ bảo-hộ chỉ đặt một quan Khâm-sứ ở Huế, có người thay mặt ở Hà-nội. Dưới quyền quan Khâm-sứ thì có các cơ-quan cùng viên-chức cần dùng để thi-hành cái quyền kiểm-sát của Bảo-hộ. Theo điều thứ 7 trong điều-ước, quan Khâm-sứ có quyền xin cách chức các quan-lại của Chính-phủ Nam-triều và xin giải-tán Nghị-viện* »

Đoạn này tôi thấy nhiều người cho là dễ quyền Bảo-hộ to quá. Nhưng tôi tưởng cái tình-thế phải như thế, và tôi chắc ông Phạm cũng vì thăm xét tình-thế đã kỹ mới định như vậy. Và Bảo-hộ có quyền giám-đốc, tất phải có cách đàn-áp, nhưng tưởng Bảo-hộ không khi nào lạm-dụng sự đàn-áp, cũng-bắt-đắc-dĩ mới phải dùng đến mà thôi. Thí dụ như các quan kiểm-sát của Bảo-hộ thấy một viên quan-lại An-Nam làm trái nghĩa-vụ, tất phải tố-cáo với vua mà xin cách-chức. Lại ngộ Nghị-viện không chịu hiệp-tác với Bảo-hộ mà công-nhiệm tỏ ý phản-đối Bảo-hộ, thì Bảo-hộ cũng phải có quyền xin với vua giải-tán Nghị-viện được.

Thế là ba quyền Quốc-vương, Quốc-dân và Bảo-hộ đã định phân-minh, cứ lý không thể bên nào lấn-lấp bên nào được.

Nghị-viện mà lạm-quyền thì Quốc-vương cùng Bảo-hộ có thể giải-tán được.

Quốc-vương mà lạm-quyền thì Nghị-viện có thể tố-cáo với Bảo-hộ được.

Bảo-hộ mà lạm-quyền hoặc đối với Quốc-vương, hoặc đối với Nghị-viện thì có thể tố-cáo tận bên Pháp được.

Ông Phạm Quỳnh có dự-định một phái-bộ thường-trực người An-Nam

ở Paris, phái-bộ ấy là để khi có sự xung-đột gì xảy ra thì trình bày với Pháp Chánh-phủ giải-quyết

Việc lập-hiến này có ba cái cơ-quan trọng-yếu của quốc-gia đã bày ra rõ như thế rồi, nay cách hành-chính phải thế nào ?

Quyền hành-chính là thuộc về Quốc-vương, đặt các quan Quốc-vụ để chuyên-trị. Quốc-vương đứng đầu, các quan Quốc-vụ phụ-tá ở bên, còn quan-lại viên-chức thừa-hành ở dưới, gồm lại gọi là Chánh-phủ Việt-Nam.

Chánh-phủ phải đương các việc quốc-chánh, dưới quyền giám-đốc và kiểm-sát của Bảo-hộ và của Nghị-viện.

Công-việc nặng-nề to-lát, chắc không sao có đủ người tài-cán mà đương được nổi. Vậy ta phải nhờ đến người Pháp giúp việc. Những người Pháp có tài chuyên-môn giúp việc cho Chánh-phủ Việt-Nam đó gọi là chức « cố-vấn » (*conseillers*), chức « khách-khanh », để khuyên bảo cho các quan Quốc-vụ, cũng như ở nước xiêm ngày nay, hay ở Nhật-bản ngày xưa, nhân-tài còn thiếu, phải dùng người ngoại-quốc để giúp việc. Trong dân-gian thường có nhà phú-hào, không đủ chữ-ngĩa mà đối-phó với ngoài, hay mượn một người làm gia-sư. Chức cố-vấn của Chánh-phủ ta cũng thế, ăn lương của ta để giúp việc cho ta, nhưng không có trách-nhiệm gì.

Chánh-phủ là gồm các quan bộ-trưởng, gọi là tòa Nội-các cũng được. Tòa Nội-các sẽ có những bộ như sau này : Bộ Nội-vụ (như bộ Lại bây giờ), bộ Tài-chính, bộ Tư-pháp, bộ Giáo-dục, bộ Vệ-sinh cùng Cứu-tế, bộ Hiến-binh (coi quân hiến-binh, tức như lính khố xanh ngày nay), bộ Nông Công Thương, bộ Lễ, kiêm việc Hoàng-gia như Tôn-nhân-phủ ngày nay. Còn Công-chánh, Thương-chánh, văn-văn, cần phải có người chuyên-môn mới làm được, thì

vẫn thuộc quyền Bảo-hộ. Bộ Giáo-dục cũng chỉ coi về bậc tiểu-học mà thôi, trung-học và đại-học cũng thuộc quyền Bảo-hộ cả.

Nội-các chủ-trương hết các việc trong nước; dưới các quan bộ-trưởng có trách-nhiệm với Quốc-vương, với Bảo-hộ và với Nghị-viện, thì có các quan-lai thừa-hành có trách-nhiệm với quan bộ-trưởng bộ mình.

Quan-trưởng bấy giờ không có quyền chủ-trương gì cả, chỉ là những người thừa-hành ở dưới quyền các quan Nội-các có trách-nhiệm mà thôi. Người nào làm trái nghĩa-vụ, thì thuộc quan bộ-trưởng nào quan bộ-trưởng ấy phải chịu trách-nhiệm, nghĩa là chịu Bảo-hộ đàn-hặc, Nghị-viện chất-vấn, và Quốc-vương quở mắng, có khi đến cách chức nữa. Quan bộ-trưởng đã vì người dưới mà bị khiển-trách như thế, thì người dưới nào có lỗi đó cũng không thể ở yên được. Dúi đến dục, dục đến chạm, việc vỡ lở ra đem đến Nghị-viện chất-vấn thì cả quốc-dân đều dễ ý đến, không thể nào yếm-tắc đi được.

Về quan-trưởng, ông Phạm đã nói rõ: « Quan-trưởng ngày nay thì sẽ coi như một gạch quan-lai để thừa-hành các việc hành-chánh ở trung ương và ở địa-phương, thuộc về bộ Nội-vụ cai-quản, và sẽ sửa-đổi lại cho tương-đương với cái chức-vụ đó. »

Nghĩa là quan-lai chỉ là người thừa-hành mà thôi, Chánh-phủ sai bảo gì thì làm, làm sai đã có người trừng-trị. Quan-chế tất phải sửa-đổi lại cho thích-hợp với ý-nghĩa của hiến-pháp.

Nay các việc quốc-chánh thì các quan bộ-trưởng chủ-trương, mà Nghị-viện thì kiểm-sát; đến các việc địa-phương cũng theo một khuôn mẫu ấy.

Như trong bài trước tôi đã nói, mỗi bậc quan-lai cầm quyền, lại có một hội-đồng dân-cử kiểm-sát, quan nào cũng có dân kèm bên cả.

Tác-giả nói: « Ở dưới cùng có các xã-thôn tự-trị, làng nào có hương-hội làng ấy, rồi đến các hội-đồng hàng phủ hàng huyện, rồi trên nữa thì hội-đồng hàng tỉnh để giúp các quan tỉnh cùng các quan phủ huyện trong việc hành-chánh. »

Thế là cạnh quan huyện có hội-đồng hàng huyện, cạnh quan phủ có hội-đồng hàng phủ, cạnh quan tổng-đốc, tuần-phủ có hội-đồng hàng tỉnh, để cùng các viên-chức ấy bàn-bạc công-việc trong hàng phủ, hàng huyện, hàng tỉnh, và cũng để kiểm-sát các viên-chức trong việc hành-chánh nữa, đâu có quan cầm quyền là có dân kèm bên cả; dự-định đến thế tưởng cũng đã chu-đáo. Thế mà còn có người trách là lập-hiến chỉ tỏ tăng quyền cho quan để quan bắt-nạt dân, thì tôi lấy làm lạ quá!

Từ khi khởi ra cái vấn-đề lập-hiến này, tôi thường giao-tiếp với người trong các giới (nông-giới, thương-giới, học-giới, quan-giới), có ý dò xem ý-kiến, người biểu-đồng-tình đã đành, còn người dị-nghị thường có người nói hiến-pháp mà chưa lý-hội hiến-pháp là gì.

Tôi thấy thế nên về nhà đọc kỹ lại mấy bài luận-thuyết của ông Phạm Quỳnh, chỗ nào nghi-ngờ, thân-hành đến hỏi, nay cũng đã lĩnh-lược được cái tôn-chỉ. Vậy cầm bút viết để giải nghĩa hiến-pháp, mong giúp cho những người chưa hiểu về vấn-đề lập-hiến xem qua cũng có thể biết được đại-ý.

NGUYỄN NĂNG-QUỐC

CÁI XU-HƯỚNG VỀ CHẾ-ĐỘ ĐẠI-NGHỊ (1)

Từ sau khi Âu-chiến có nhiều quốc-gia mới tân-tạo, như là những nước Đức, Áo, Nga, Ba-lan, Nam-ti-lạp-phu (*Yougoslavie*), Tiệp-khắc-ti-lac-phát-khắc (*Tchecoslovaquie*), đã lập ra nhiều hiến-pháp mới, và những điều pháp-luật mới quan-hệ về hiến-pháp. Lại còn những quốc-gia cũ như những nước Anh, Mĩ, Pháp cũng có khởi-thảo lên những điều hiến-pháp tu-chính-án và những điều pháp-luật mới quan-hệ về hiến-pháp. Những điều hiến-pháp mới ấy vì mỗi nước trạng-huống khác nhau, nên cũng chia ra nhiều mối, nhưng nói tóm cả toàn-thể thì cũng đều xu-hướng về một đường cải-tạo cái chế-độ đại-nghị.

Cải phương-pháp cải-tạo có hai điều: Một là lấy cái chế-độ tuyển những nhà chức-nghiệp làm đại-biểu, gọi là « chức-nghiệp đại-biểu-chế » để thay cho cái chế-độ đại-nghị cũ, chỉ bằng-cử ở số người và khu đất để cử lấy người đại-biểu. Hai là lấy cái lệ so-sánh hạn-định nấy vạn người thì được cử mấy người đại-biểu, gọi là « tỉ-lệ tuyển-cử-chế » để thay cho cái chế-độ tuyển-cử chỉ bằng ở số nhiều.

Hai cái phương-pháp cải-tạo trên này, một là vì cái trào-luу về xã-hội-chủ-nghĩa mà sinh ra; một là vì cái trào-luу về toàn-dân chính-trị mà sinh ra. Cái chế-độ chức-nghiệp đại-biểu cũng không khác gì là để cho người các đảng trong xã-hội chủ-trương; còn như cái chế-độ tỉ-lệ (tuyển-cử phần nhiều là bị phải cái ảnh-hưởng về trào-luу toàn-dân chính-trị

nó thúc-giục mà sinh ra, đó đều là muốn sửa-sang lại cái chế-độ đại-nghị mà khởi-xướng lên vậy.

Ta muốn suy xét xem cái chế-độ đại-nghị sau này nó biến-hóa và cái vận-mệnh nó ra thế nào, thì phải nghiên-cứu về những phương-pháp nó mới phát-sinh ra. Bài này cốt nói về cái vấn-đề chức-nghiệp đại-biểu và tỉ-lệ tuyển-cử, có chứng dẫn các phương-pháp và các thực-lệ, để giúp thêm tài-liệu cho quốc-dân ta muốn nghiên-cứu về hiến-pháp mới.

1. — Chế-độ chức-nghiệp đại-biểu

職業代表制

Hiện cái chế-độ đại-nghị bây giờ là vẫn theo cái qui-chế đại-nghị của nước Anh-cách-lan từ đời trung-thế-kỷ truyền lại, cứ lấy số người và khu đất để định cái cách tuyển-cử. (Vị như trong một khu-vực số dân-định được là bao nhiêu vạn thì được cử mấy người đại-biểu.) Và cái người đã trúng tuyển làm đại-biểu, thì có cái quyền đối với các sự-vụ đứng thay mặt cả cho nhân-dân. Gần đây các nước Anh, Đức rất bài bác cái qui-chế đại-nghị cũ trên ấy, mới theo cái xã-hội chủ-nghĩa (*socialisme*) mà xướng ra cái qui-chế « nghiệp-tổ 業組 » (*Guild*) là tuyển lấy các nhà chức-nghiệp làm đại-biểu. Cái ý xướng ra cái chế-độ chức-nghiệp đại-biểu (*Professional Representation*) là muốn để cho cái vấn-đề kinh-lẽ chiếm được cái địa-vị đặc-biệt trong chính-vụ nhà nước, và muốn để cho giai-cấp lao-

(1) Nguyên Hán-văn của Vương Thế-Kiệt trong tập *Đông-phương văn-khố*.

công cũng chiếm được một địa-vị đặc-biệt ở trong cơ-quan nhà nước.

Lời lý-luận của mọi người cho rằng số dân-dinh với khu-vực đất không phải là cái lẽ đích-dáng để định cách tuyển-cử được, vì trong một khu-vực thường bao-hàm nhiều các hạng người chức-nghiep có quyền tuyển-cử, các nhà chức-nghiep đã mỗi người một nghề thì sự lợi hại cũng không thể giống nhau được, vậy nên trong một khu-vực không thể nào tìm được một người nghị-viên mà hay đại-biểu được cả toàn-thể. Không những thế, một người dân có quyền tuyển-cử có khi làm nhiều chức-nghiep, bởi vậy lợi-ích của một người có khi không phải một người nghị-viên đại-biểu được hết cả. Nay cứ theo như cái qui-chế nghiệp-tổ của chủ-nghĩa xã-hội, thì cứ mỗi một bọn người chức-nghiep, lại do những người trong bọn chức-nghiep ấy tìm lấy một người nghị-viên cho xứng-dáng trao cho cái trách-nhiệm đại-biểu; nếu một người mà kiêm làm cả mấy chức-nghiep, thì đối với các cái chức-nghiep ấy đều được hưởng cái quyền tuyển-cử cả. Nếu cứ theo số dân-dinh mà tuyển lấy một người nghị-viên để làm đại-biểu cho tất cả các hạng người trong một khu-vực, và làm đại-biểu tất cả các nghề-nghiep cho dân-chúng thì kết-quả nó như thế này: 1) Người nghị-viên với các hạng dân có quyền tuyển-cử, ý-kiến lợi-hại không thể đồng-nhất được. 2) Đã làm nghị-viên thì phải đại-biểu hết tất cả nghiệp-vụ cho các hạng tuyển-dân (dân có quyền tuyển-cử), thế thì người nghị-viên đối với các nghiệp-vụ không thể nào đều có cái tri-thức và kinh-nghiệm chuyên-môn hết cả được; vì thế những người xướng ra cái qui-chế nghiệp-tổ của chủ-nghĩa xã-hội, rất bài-bác cái chế-độ đại-ng nghị cũ cho là hư-ngụy; vì thiếu mất những kẻ nhân-

tài chuyên-môn làm đại-biểu. Cần muốn cứu cái tệ ấy thì phải dùng cái chế-độ chức-nghiep đại-biểu, bởi trong các đoàn-thể chức-nghiep như công-đoàn, nông-đoàn, thương-đoàn, giáo-viên-đoàn, luật sư-đoàn, đều được cử người ra làm đại-biểu, tổ-chức ra một nghị-hội, để xử-lý những sự-nghiệp lập-pháp quan-hệ về đường kinh-tế. Như thế là thành lần ra một đoàn-thể chức-nghiep tức là nghiệp-tổ (*Guild*), những phần-tử bao-hàm ở trong ấy tinh-cảm về lợi-hại đều đồng-nhất cả; người làm đại-biểu đã do trong các đoàn-thể chức-nghiep tuyển-cử ra, mỗi một người đại-biểu chỉ làm đại-biểu một chức-nghiep, thế thì đối với những chức-nghiep ấy, tự có cái tri-thức và kinh-nghiệm đặc-biệt, như thế thì người đại-biểu với cái người bị đại-biểu ý-kiến lợi-hại không đến nỗi sai khác nhau; trên chốn nghị-trường không bị phải những bọn chính-khách họ chiếm mất cả, tiếng rằng tài giỏi mà kỳ-thực chẳng biết gì cả; nên phải dùng cái chế-độ chức-nghiep đại-biểu là vì thế.

Cái ý xướng ra cái qui-chế nghiệp-tổ của chủ-nghĩa xã-hội, lại muốn nhà-nước cho đặt ra nhiều nghị-hội, trong các đoàn-thể nghị-hội phân ra làm kinh-tế nghị-hội, chức-nghiep nghị-hội, hoặc xã-hội nghị-hội, ngoài những hội ấy lại phải có một chính-trị nghị-hội để xử-lý những sự-nghiệp lập-pháp không phải là việc kinh-tế, như việc quốc-phòng, việc ngoại-giao, việc giáo-dục và tôn-giáo. Tổ-chức ra chính-trị nghị-hội này không giống như hội nghị kinh-tế, có thể chiếu theo cái phương-pháp phổ-thông tuyển-cử, chiếu tính số từng người và phân ra từng khu đất để định cách tuyển-cử, vì những công việc lập-pháp đối với các hạng nhân-dân, đều có cái quan-hệ lợi-hại bằng nhau, không những chỉ

quan-hệ về một hạng người hay và bọn đoàn-thể chức-nghiep mà thôi.

Cái qui-chế bày ra như trên, cũng còn nhiều người phản-đối và hoài-nghĩ, bảo rằng cứ theo như cái chế-độ chức-nghiep đại-biểu, thì nó có hai điều lưu-tệ: một là lại làm thêm cái mối cho các đoàn-thể chức-nghiep tranh-dấu lẫn nhau. Vì những người đại-biểu về kinh-tế nghị-hội cũng tức là đại-biểu về một đoàn - thể chức - nghiệp, chứ không phải là đoàn-thể địa - phương, không khỏi đem cái mối cạnh-tranh đoàn - thể địa - phương khi trước, mà diễn ra cái cuộc cạnh - tranh đoàn - thể chức - nghiệp. Vả lại các hạng tuyên-dân trong đoàn-thể địa-phương đều có chức - nghiệp khác nhau, trước kia lợi-hại xung-đột cũng không kịch-liệt lắm, người làm đại-biểu cũng bất-tất phải tranh-dấu kịch-liệt. Chớ như lập ra các đoàn-thể chức-nghiep, tính-chất đã khác nhau, thì lợi-hại xung-đột lại kịch-liệt hơn là đoàn-thể địa-phương. Hai là lại làm cho hai nghị-hội tranh-dấu lẫn nhau. Vì rằng cái vấn - đề chính - trị với cái vấn - đề kinh - tế, giới - hạ cũng khó chia rõ ra được, nay mà lập ra hai nghị-hội, một đảng giữ về chính-trị, một đảng giữ về kinh-tế, thì cái quyền-hạn ấy cũng khó lòng mà qui-định ra cho rõ-ràng được, bởi thế mới sinh ra lắm mối xung-đột. Xét về lý-luận thì có hai đường lưu-tệ như trên, còn xét về kinh-nghiệm thì cũng nhiều người bài - bác cái qui-chế nghiệp - tổ và chức-nghiep đại-biểu; gần đây như Hoa-lạp-sĩ (*Graham Wallas*) là một nhà giáo-thụ về Đại-học chính - trị ở Luân-đôn, có dẫn-chứng về việc kinh-nghiệm ba cái đoàn - thể luật-sư, y-sĩ và giáo - viên ở nước Anh, chỉ-trích cái qui-chế nghiệp - tổ và chức-nghiep đại-biểu, cho làm ngăn-trở cho việc cải-cách trong xã-hội. Cứ như Hoa-thị xét ra, nếu

để cho ba đoàn - thể chức - nghiệp ấy tự-trị, thì cái tính-chất về đoàn-thể chức-nghiep hay có cái tính bảo-thủ, mà không hay tự mình khởi lên cải-cách. Nếu không có cái thể-lực ngoài thúc-giục mà xướng-nghị lên, thì sợ rằng cũng khó lòng mà cải-cách được. Xem thể thì phạm những công-việc trong xã-hội, mà để cho đoàn-thể chức-nghiep tự xử-lý lấy cả, thì xã-hội tiến-bộ sợ rằng lại chậm-trễ ra chẳng, bởi vậy các đoàn-thể chức-nghiep vẫn phải do cái cơ-quan chính-trị phổ-thông của nhà nước giám-dốc cho, chứ không thể lấy cái đoàn-thể chức-nghiep mà thay vào cái cơ-quan chính - trị của nhà nước được, đó là theo Hoa-thị xem xét mà suy bàn như vậy.

Trên này còn là lý-luận về cái chế-độ chức-nghiep đại-biểu, sau này xin dẫn mấy điều thực-lệ để cho biết cái chế-độ ấy đã đến cái thời-kỳ thực-hành.

Thực-lệ I. — Chế - độ chức - nghiệp đại-biểu của hiến - pháp nước Đức. — Nước Đức về hồi cách - mệnh năm 1918 phần nhiều là bởi cái sức của đảng xã - hội, nên cái hiến - pháp mới trong năm 1919, phần nhiều là bởi người đảng xã-hội lập ra. Vậy cái hiến - pháp ấy vẫn đặt Thượng Hạ nghị-viện, nhưng cái quyền - lực của thượng - viện (*Reichsrat*) thì rất bạc, mà cái quyền-lực của hạ-viện (*Reichstag*) thì rất to; nói cho thực ra thì phổ-thông nghị-hội của nước Đức, chỉ gọi là qui-chế nhất-viện. Nhưng cái hiến-pháp nước Đức, ngoài phổ-thông nghị-hội ra, lại đặt ra một viện đệ-tam nữa, gọi là: «*Trung-ương kinh-tế-viện (Reichswirtschaftsrat)*», tức là kinh - tế nghị-hội. Cái cách tổ-chức thì do các đoàn-thể công - nhân về thực-nghiep và các nhà tư-bản tuyên lấy những người đại-biểu, tổ - chức lại cho hợp thành một hội-nghị. Nói về chức-quyền thì đối với những vấn - đề kinh-tế xã-

hội có cái quyền đề-xướng nghị - án giao cho phổ thông nghị-hội; và đối với liên-bang chính - phủ lại có cái quyền dự-thăm trước những nghị-án về kinh-tế xã-hội tự phổ-thông nghị-hội khởi-xướng lên.

Xem như cái cách tổ chức trên ấy thì cũng hơi giống như cái qui-chế nghiệp-tổ của chủ-nghĩa xã-hội; nhưng cái cách đặt ra Trung-ương kinh-tế viện, không phải thuần là đoàn-thể công-dân đại-biểu, mà là một đoàn-thể hỗn-hợp có cả đại-biểu công-nhân và các đại-biểu nhà tư-bản, đó là một điều hơi khác vậy. Nói về chức-quyền thì Trung-ương kinh-tế viện cũng với phổ-thông nghị-hội đều không phải là đoàn-thể bằng nhau, viện kinh-tế chỉ là một đoàn-thể tư-vấn hay kiến- nghị các việc, đó là hai điều hơi khác. Vì lúc mới thi-hành phải liệu đường châm-chước, để khiến cho phổ-thông nghị-viện cùng với Trung-ương kinh-tế viện, không đến nỗi tranh cãi nhau về quyền-lợi mà đến sinh ra xung-đột.

Cái thời kỳ Trung-ương kinh-tế viện thành-lập đầu không được bao lâu, nhưng gần đây nước Đức mà có những cái nghị-an và pháp-luật khuynh-hướng về chủ-nghĩa xã-hội, phần nhiều cũng nhờ về cái sức viện ấy chủ-trì cho, nên mới được vững-vàng và càng ngày càng phát-dạt. Kề ra hiến-pháp mới của nước Đức mà cho lập ra Trung-ương kinh-tế viện, qui-dịnh ra như thế cũng rất là khôn-khéo.

Thực-lệ II. — Chế-độ chức-nghiep đại-biểu của hiến-pháp nước Ai-nhĩ-lan. — Paong-trào cách-mệnh nước Ai-nhĩ-lan (Irlande) tuy vẫn chưa yên hẳn, nhưng từ tháng chạp năm 1921 chính-phủ nước Anh đã cùng với thủ-lĩnh cách-mệnh nước Ai-nhĩ-lan lập thành hiệp-ước hòa-bình, thì đã bắt đầu thảo hiến-pháp; tháng sáu năm

1922 thảo xong bản hiến-pháp mới; hiện người đảng Ái-nhĩ-lan vẫn chủ-trương hoàn-toàn độc-lập, chưa chịu thừa-nhận cái bản hòa-ước tháng chạp năm 1921, thành ra cũng chưa thừa-nhận cái hiến-pháp căn-cứ ở bản hòa-ước ấy thảo ra, vậy cái bản hiến-pháp ấy có thực-hành hay không cũng chưa chắc. Nhưng trong bản hiến-pháp ấy có theo cái chế-độ chức-nghiep đại-biểu, xét về hình-thức cũng đã kỹ, nên ta cũng thuật ra sau này.

Cái đặc-điểm của hiến-pháp ấy là đem cái qui-chế chức-nghiep đại-biểu, không có trực-tiếp ứng-dụng theo với nghị-hội mà tổ-chức nên, lại gián-tiếp ứng-dụng theo với cơ-quan hành-chính mà tổ-chức nên. Những vị quốc-vụ-viên trong cơ-quan hành-chính phân ra làm hai hạng: Một hạng đối với nghị-hội phải chịu trách-nhiệm, tính-chất cũng giống như các chức-viên Nội-các nước Anh-cách-lan; một hạng thì đối với nghị-hội không chịu trách-nhiệm, nguyên không bởi nghị-hội cử ra, hạng này là cho riêng những người về các hạng đoàn-thể chức-nghiep được bổ-dụng vào. Qui-dịnh kỹ-càng kể ra như sau.

Cơ-quan hành-chính đặt ra một viên Quốc-vụ tổng-lý do Ái-nhĩ-lan nghị-hội tuyển-cử lên. Ngoài viên Tổng-lý lại đặt ra ba người Quốc-vụ-viên, do quan Tổng-lý bổ-nhiệm. Quan Tổng-lý với ba người Quốc-vụ-viên đối với nghị-hội phải chịu trách-nhiệm; nếu không được nghị-hội tin-nhiệm thì phải từ chức ngay. Ngoài bốn viên-chức trên ấy, lại đặt ra mấy Quốc-vụ-viên (nhiều lắm là tám người) đề-sung làm chức bộ-trưởng trong các bộ. Những hạng Quốc-vụ-viên ấy không có do nghị-hội tuyển-cử, mà cũng không được làm nghị-viên trong nghị-hội; kỳ-nhiệm-chức cũng bằng với kỳ-nghị-hội, không có vì nghị-hội không tin-nhiệm mà phải từ chức. Cái quyền bổ-

dụng những viên ấy là do các chính-đoàn ở ngoài nghị-hội xét xem cái thể-lực, rồi theo cái cách kén chọn so-sánh mà tuyển-cử lấy một hạng ủy-viên cho chấp-hành. Trong hiến-pháp ấy lại định cho các phái chức-công đều được lập ra đoàn-thể tự-trị; trong các hạng đoàn-thể chức-công đều có cái quyền tiến-cử những ông quốc-vụ-viên về đệ-nhi-hạng. Cứ theo như cái chế-độ chức-nghiệp đại-biểu ấy mà mở - mang ra, thì sau này trong các bộ chính-phủ Á-nhĩ-lan, đều có người đại-biểu của các đoàn-thể chức-nghiệp sung-bổ vào, (như là bộ giáo-dục thì có đại-biểu của đoàn-thể giáo-viên sung bổ vào, Nông-bộ thì có đại-biểu của Nông-bộ sung-bổ vào, v. v.)

Trên này kể ra hai điều thực-lệ, một điều thì thi-hành chưa được bao lâu, một điều còn chưa thi-hành, nhưng xét về nội-dung thì cũng đều theo về cái chế-độ chức-nghiệp đại-biểu cả.

2. — Chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử

比例選舉制

Trước khi Âu-chiến cái phép tuyển-cử của nước Anh nước Pháp là hai nước dân-trị tiên-tiến vẫn còn giữ cái cách tuyển-cử theo số nhiều gọi là đa-số tuyển-cử chế, cứ mỗi khu đều được cử nghị-viên, hễ ai được phiếu quá nửa phần số đi bầu hay là được rõ nhiều thì là trúng-tuyển. Cái chế-độ ấy thường khiến cho đảng thiểu-số bị phải đảng đa-số họ làm lẫn đi mất cả. Ví như trong một khu tuyển-cử kia lệ được bầu ra năm người nghị-viên, mà số dân đi bầu tổng-số là mười vạn, mỗi người được cử năm người, nhưng thuộc về người đi bầu đảng giáp là sáu vạn người, mà thuộc về đảng ất là bốn vạn người; nếu đảng giáp họ tổ-chức lại hoàn-toàn, mà những người đi bầu trong đảng giáp lại bỏ phiếu cho phe mình cả, thế thì cái số năm người nghị-viên trong khu ấy đều về đảng giáp

được cả, đảng ất thành ra không có một người nào trúng-tuyển. Cứ như cái phép ấy thì toàn-số nghị-viên trong nghị-hội, đều bị đảng đa-số chiếm mất cả; còn đảng thiểu-số người đi bầu không kịp nửa phần, thì không có người nào được dự hội-nghị cả.

Bởi thế đến hồi giữa thế kỷ thứ 19 có người Thụy-sĩ Phí-dà-khang-ti-dặc-ôn, người Anh là Cáp-nhĩ Di-lặc, đều hết sức cổ-dộng bỏ cái chế-độ đa-số tuyển-cử đi, mà đem cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử thay vào, cũng gọi là cái chế-độ tỉ-lệ đại-biểu. Đến cuối thế-kỷ thứ 19, cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử mới thi-hành ở châu-thành nước Thụy-sĩ và Tỉ-lí-thì. Nhưng cái qui-chế ấy càng ngày càng tinh-mật truyền khắp mãi ra là từ sau khi Âu-chiến. Cái chế-độ ấy hình-thức nó cũng nhiều, mà cái mục-dích nó là cốt khiến cho cái số người nghị-viên trong các chính-đoàn cử ra, so-sánh theo với cái số dân đi bầu của các chính-đoàn, Thí-dụ như đảng giáp được bầu ba người nghị-viên, đảng ất được bầu hai người nghị-viên, số 3 so với số 2 thì vừa theo vào cái số sáu vạn với số bốn vạn dân đi bầu.

Cái điều cốt-yếu về cái chế-độ tuyển-cử này, là cốt khiến cho đảng thiểu-số cũng được cử người đại-biểu tương-đương với dân-số của mình, để ra chốn nghị-hội phát-biểu ý-kiến. Tóm lại cái chế-độ ấy có thể làm bớt cái thể-lực đảng đa-số họ chuyên-hoạch, mà khiến trong nghị-hội đều là người đại-biểu của các chính-đoàn; và những người đại-biểu ấy cũng xứng với cái thể-lực của các chính-đảng thì rất là công-bình, làm cho cái chế-độ đại-nghị cũng gần hợp với cái tinh-thần toàn-dân chính-trị.

Song những người phản-đối cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử ấy họ lại kể cái tệ như sau này.

1) *Cái chế-độ tỉ-lệ tuyển - cử trái với cái nguyên-tắc chính-trị theo về đa-số.* — Cái thuyết bài bác như trên cũng chưa được chính-đáng, vì rằng vấn-đề chính-trị mà phải quyết-định ở đa-số cũng là bất-dắc-dĩ, phải nên thay đổi. Nay muốn tuyển cử nghị-viên sung vào nghị-hội cũng có cái cách khác để thay cái cách đa-số tuyển-cử đi, hà-lất phải cứ khư-khư giữ cái lối chính-trị phải quyết-định về đa-số ấy mãi, mà bầu nghị-viên cũng phải cử đa-số mới được. Vả lại tuy theo cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử, nhưng phạm những nghị-án trong xã-hội vẫn là quyết định ở số nhiều, thì có trái gì với cái cách đa-số chính-trị. Nếu gác hẳn cái đảng thiểu-số ấy ra ngoài nghị-hội, không những đảng ấy không có cái quyền trực-tiếp để quyết-định chính sách nhà nước, giả có được dự vào nghị-hội để phát-biểu ý-kiến, cũng không thể nào gián-tiếp mà làm cho ảnh-hưởng đến cái chính-sách của đảng đa-số được, như thế thì không được công-bình.

2) *Chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử hay làm phá-hoại mất cái chế-độ Nội-các chính-đảng.* — Cứ như cái thuyết ấy bảo rằng nếu theo cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử, thì nó lập thành ra nhiều những chính-đoàn nhỏ, khiến trong nghị-hội có nhiều những người đại-biểu về chính-đoàn nhỏ, có khi làm cho nội-các chính-đảng không thể thành-lập được, cái thuyết ấy cũng có lẽ. Nhưng cái qui-chế nội-các chính-đảng có nên dùng nữa không? Chính-phủ liên bang nước Thụy-sĩ có tổ-chức ra hội ủy-viên hành-chính cũng đã thấy dùng đến cái chế-độ tỉ-lệ đại-biểu; mà cái hiến-pháp mới của nước Ái-nhĩ-lan trên kia cũng đã theo cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử để tổ-chức ra cái cơ-quan hành-chính; cho đến nước Đức nước Pháp bấy lâu nay lập ra tòa Nội - các vẫn hỗn-hợp cả đại-biểu các phái. Xem đó thì biết cái thời-thế nó xu-hướng đã

khác hẳn với cái chế nội - các chính - đảng của nước Anh-cách lan từ thế kỷ 18, 19 di-truyền lại; mà chính ở nước Anh sau hồi Âu - chiến đã bỏ hẳn cái qui - chế ấy đi rồi, sau này cũng chưa chắc đã khôi-phục lại được.

3) *Chế-độ tỉ lệ tuyển-cử lại làm thêm cái cơ-hội cho các cơ quan chính-đảng nó làm vũ-lộng các hạng dân đi bầu.* — Cứ như thuyết ấy bảo rằng trong cái qui - chế tỉ-lệ tuyển - cử nó nhiều điều phức-tạp, nhân-dân không thể hiểu hết được; nếu theo cái qui-chế ấy thì chỉ giúp thêm cho những người muốn giữ lấy cơ-quan chính-đảng họ lừa người đi bầu mà sai khiến phải bỏ phiếu cho người đảng mình. Nhưng không biết cái chế độ tỉ-lệ tuyển - cử, đã có cái phương - pháp tính chia nhất-định những phiếu trúng-tuyển (như mấy vạn người thì được bầu mấy người trúng-tuyển) rất là tinh-mật, chứ không khi nào phức - tạp, cái minh-lệ nó tức như cái phép tuyển - cử mới của nước Đức.

4) *Chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử có khi làm giảm mất cái quyền tự-do độc-lập của dân đầu-phiếu.* — Vì theo cái chế-độ ấy thì những người có quyền đi bầu chỉ hạn-định trong những người về các chính-đảng đã có tên ra ứng-tuyển, chứ không được trích lấy cả những tên người trong mấy lá đơn ra ứng-cử mà bỏ phiếu bầu hết cả được, cái cách bó-buộc ấy cũng nhiều người công-kích. Nhưng phải biết rằng hạn-định bó-buộc như thế là cũng có lý, vì xưa nay chính-trị hoạt-động, chỉ cốt ở một đoàn-thể hoạt-động; ở về cái đời xã-hội chính-trị này, không kỳ là cái mục-dịch của người nào, cũng phải nhờ về cái thế-lực của đoàn-thể mới thực-hiện được; thế thì ta cũng phải bớt cái quyền tự-do của cá-nhân đi một chút, thì cái mục-dịch của cá-nhân mới đạt được. Nói cho phải ra những người có quyền

đi bầu mà không bỏ phiếu cho đích một người trong chính-dảng, mà cứ tự-do bỏ phiếu cho người đảng giáp lại bỏ phiếu cả cho người đảng ất, thì còn ý-nghĩa gì nữa, mà cái chí-nguyện chính-trị của mình bao giờ thực-hiện được nữa.

Xét xem những lời phản-đối trên này cũng có một đôi lời nói phải, nhưng không thể đánh đổ được cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử; không kỳ là chế-độ nào ta phải so sánh xem tốt hay xấu, đem cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử mà so với cái chế-độ đa-số tuyển-cử, thì ta phải nhận cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử là tốt hơn. Từ sau hồi Âu-chiến, cái chế-độ ấy lại càng khuếch-sung chóng ra lắm, như là nước Thụy-sĩ trước kia chỉ trong các châu-thành mới theo cái chế-độ tỉ-lệ tuyển-cử; nhưng từ sau khi Âu-chiến thì cái phép tuyển-cử về liên-bang nghị-hội cũng theo cái chế-độ ấy. Lại còn những nước trước kia theo cái chế-độ đa-số tuyển-cử, mà nay thì đã có các nơi theo về cái cách tỉ-lệ tuyển-cử rồi, tức như là nước Anh nước Pháp; còn như nước Đức nước Áo thì hoàn-toàn là theo về cái cách tỉ-lệ tuyển-cử. Nay xét xem cái hình-thức nó ra thế nào.

Cái hình-thức về cách tỉ-lệ tuyển-cử cũng nhiều, không thể kể ra hết được, nay hãy nói qua về một vài cái thực-lệ.

Một cái thực-lệ về cách tỉ-lệ tuyển-cử rất là đơn-giản thô-thiển, thì năm-mươi năm trước nước Anh đã làm theo cách ấy; một cái thực-lệ về cách tỉ-lệ tuyển-cử rất là tinh-mật, thì gần đây nước Đức đã thi-hành.

Thực-lệ I. — Nước Anh trong năm 1867 có lập ra cách tỉ-lệ tuyển-cử, gọi là *Limited Vote*, phép ấy rất là đơn-giản thô-thiển, trong năm 1867 đã làm theo, đến năm 1884 lại bỏ. Cứ như phép ấy thì mỗi khu tuyển-cử được cử ra ba người nghị-viên; nhưng mỗi

một người dân có quyền đi bầu chỉ được bầu hai người, hề ai được nhiều phiếu thì là trúng-tuyển. Cứ như cái qui-chế ấy thì tuyển-dân về đảng thiểu-số, hề được một phần trong ba phần toàn-số trở lên, không kỳ là thế nào, cũng được bầu ra một người nghị-viên.

Thực-lệ II. — Trước kia những phép tuyển-cử, về đảng tuyển-dân thiểu-số ở trong một khu nào mà không kịp một phần trong ba phần toàn-số, thì có khi không được có người nào trúng-tuyển; nói rộng ra những đảng thiểu-số ở các khu trong toàn-quốc, mà không đủ số tuyển-dân được một phần trong ba phần toàn-số thì cái đảng thiểu-số ấy ở trong nước không có một người nào trúng tuyển nghị-viên cả, thì bỏ đi biết bao nhiêu là phiếu về đảng tuyển-dân ấy. Vả lại người đi bầu chỉ được bỏ phiếu cho những người ra ứng-tuyển ở trong một chính-dảng nào, chứ không được tự do bỏ phiếu bầu cho những người ra ứng-tuyển ở ngoại đảng, chỉ được xét xem những đơn ứng-tuyển của các chính-dảng kén chọn lấy rồi bầu ra mà thôi. Tuy không được lấy cả những người có tên trong đơn ứng-tuyển mà đem ra bầu cả, nhưng đối với đích một tên nào ra ứng-tuyển thì mình được có quyền tự-do kén chọn. Bởi thế sau khi khai-phiếu, thì những tên nào được nhiều phiếu bầu là trúng-tuyển, đó là cái thông lệ cả các nước.

Nhưng nước Đức từ năm 1919 đã đặt ra cái phép tuyển-cử mới về liên-bang nghị-hội, thì cứ lấy các chính-dảng làm cái chuẩn-đích cho việc tuyển-cử; theo như phép ấy thì cái số những phiếu phải bỏ đi của các chính-đoàn trong những khu tuyển-cử toàn-quốc có thể giảm đi được nhiều, đó là một điều đặc-biệt.

Cái phép tuyển-cử của nước Đức thì cứ hạn-định mỗi khu là 6 vạn cái phiếu

bầu, còn cái số nghị-viên thì không định trước, tùy theo cái số người có quyền đi bầu nhiều hay là ít mới định số nghị-viên. Phỏng như trong một khu 6 vạn phiếu đi bầu thì được bầu 1 người nghị-viên, nếu gấp hai hay gấp ba, thì được bầu 2 hay 3 người. Còn ngoài cái số 6 vạn phiếu ấy còn thừa ra thì dồn sang khu khác, hợp với những khu ít người cho lại vừa đủ số sáu vạn, mà bầu lấy nghị-viên, như thế thì những khu tuyển-dân thiếu-số không phải bỏ đi mất phiếu nào, mà có bị bỏ loại ra cũng là rất ít.

Xem thế thì cái cách tỉ-lệ tuyển-cử hòa-hợp được hết các phái nghị-viên, đảng đa-số hay đảng thiểu-số đều có người đại-biểu cả. Vì rằng nghị-hội

cũng ví như là một tấm kính, có dung-hàm hết cả ý-kiến các đảng-phái toàn-quốc vào trong ấy, thì soi ra lại càng rõ; cái cách tuyển-cử mới của nước Đức cũng đã được cái công-hiệu như thế, vì cứ theo cái phép ấy mà tuyển lấy những người nghị-viên, ai cũng cho rằng những người nghị-viên ấy xứng-đang có cái thế-lực hay đại-biểu được các chính-đoàn. Lại kinh-nghiệm xét ra thì cái tiền-đề về cách tuyển-cử mới của nước Đức rất có hi-vọng, sau này cái cách tỉ-lệ tuyển - cử ấy có cơ thông-hành khắp cả được, những người nghiên-cứu về hiến-pháp phải nên chú-ý xét xem.

Đ.-C. dịch

Il faut contenter ici, et d'un même geste, l'esprit d'un peuple essentiellement traditionaliste et le goût d'une génération portée presque violemment vers le modernisme et la plus récente civilisation. D'une part, nous ne pouvons pas, d'un seul geste et en un jour, changer les relations séculaires, établies et consacrées par l'habitude et par les mœurs, entre les administrateurs et les administrés d'un pays. D'autre part, on ne peut pas contraindre à la marche prudente, mais lente et arriérée, d'institutions déjà caduques, l'entrée dans la vie d'un peuple d'une civilisation agissante, qui veut gagner le temps, et qui pousse parfois son mouvement jusqu'à la trépidation.

Ces deux nécessités n'ont rien d'incompatible, et il m'apparaît qu'une solution se présente, acceptable pour tous: remettre l'ancien pouvoir aux mains des jeunes.

Nay phải nhất-cử mà làm thế nào thỏa được cái lòng thủ-cựu của cả một dân-tộc, lại thỏa được cái chí tiến-thủ của cả một lớp người, đương ham cái mới, đương sinh duy-tân. Nhất-diện thời không thể một ngày mà nhất-cử diên-đảo cả cái mối quan-hệ của kẻ chủ-trị cùng người bị-trị trong một nước, do thói quen cùng phong-tục đã định từ bao nhiêu đời đến giờ. Lại nhất-diện cũng không thể cưỡng bắt cho cái phong-trào văn - minh mới nó đương hoạt-động, đương tấn-tới, đương bành-trướng, đương bùng-bột, phải theo cái nhịp cần-thận, khoan-thai, mà từ-từ chậm-chạp của những chế độ đã quá cũ vậy.

Hai sự yếu-cần đó không có gì là phản-trái nhau, cứ thiên-ý tôi, có một cách giải-quyết ổn-thỏa cả, là: đem cái quyền-chính cũ trao cho bọn tân-tiến.

Le pouvoir émane toujours d'un principe unique qui est l'autorité du Prince. Que la source de cette autorité soit la tradition, la force populaire, le droit ancestral ou même le droit divin; que l'instrument de cette autorité soit un monarque absolu ou un parlement démocratique, l'autorité demeure, toujours et partout, de même essence. Ses effets ne peuvent différer que par les personnes qui l'exercent, par le plus ou moins d'entêtement ou de souplesse, de rigidité ou de malléabilité que l'éducation a donnés au chef unique qui la possède ou aux chefs multiples qui se la partagent.

C'est cette perpétuité et cette continuité de nature dans l'autorité qui fait que l'on dit que la gestion nationale est une, et que tout gouvernement est solidaire du gouvernement qui le précède, même si le premier a été renversé par le second.

C'est l'application de ce principe, toujours semblable à lui-même, que nous suggérons de confier aux jeunes, capables à la fois de comprendre ce qu'ils doivent maintenir dans le legs des ancêtres et ce qu'ils peuvent offrir de nouveau aux hommes d'aujourd'hui.

Ce sont ces chefs futurs qu'on est convenu d'appeler des Jeunes; et comment il faut leur donner les capacités et la dignité nécessaires à leur prochain rôle: voilà le grand — et peut-être le seul — problème de la politique indigène de demain.

ALBERT DE POUVOURVILLE

Chính-quyền trong một nước bao giờ cũng do một cái tôn-chỉ độc-nhất, là quyền Quốc-quân. Nguồn-gốc của quyền này hoặc là ở cổ-diền, ở dân-ý, ở thế-lập hay ở thiên-mệnh nữa; khí-cụ của quyền này hoặc là một vị quân-chủ chuyên-chế, hay một tòa nghị-viện dân-chủ; dù thế nào mặc lòng, chủ-quyền cũng là một, tôn-chỉ vẫn giống nhau. Cái hiệu-quả nó có khác chỉ là bởi kẻ cầm quyền hoặc cứng-cỏi, hoặc mềm-mại, hoặc cố-chấp, hoặc uyển-chuyển, kẻ cầm quyền ấy hoặc là một người chủ-tương, hoặc là nhiều người phân-nhiệm.

Bởi chủ-quyền trong một nước có cái tinh-cách vĩnh-viễn nhất-tri như thế, nên người ta thường nói rằng việc quốc-trị là việc duy-nhất, và phạm một chính-phủ nào ra kể chẵn một chính-phủ khác, dù khuynh - đảo chính-phủ trước mặc lòng, vẫn có liên-dải trách-nhiệm với nhau.

Cái tôn-chỉ đó, bao giờ cũng như bao giờ, nay ta bàn muốn giao cho đảng tân-liên thi-hành, vì đảng này có thể vừa biết nên bảo-thủ những gì trong cơ-nghiệp của ông cha để lại, lại nên cống-hiến những gì là mới lạ cho người đời nay.

Kể ra cầm quyền-chính sau này đó, ta gọi là kẻ tân-tiến. Nay nên làm thế nào để khiến cho hạng đó có đủ phẩm-giá, đủ tư-cách mà đương cái chức-vụ sau này, đó là cái vấn-đề lớn, — mà có lẽ là cái vấn-đề độc-nhất, — của chính-trị thuộc-địa sau này.

CẢNH-VẬT NHẬT-BẢN (1)

I. — Tinh yêu hoa.

Nước Nhật vốn có nhiều tên gọi. Quê-hương hoa anh-đào, quê-hương hoa bạch-cúc, nước của Thiên hoàng chúa-tể một cõi quần-đảo, các tên ấy đều trở vào nước Nhật cả.

Nước Nhật ngày nay có hai vẻ phản-trái nhau, một bên là tàu ngầm, súng đại-bác-hiệu *Krupp*, các chiến-hạm oai-vệ; một bên là vẻ huyền-bí phảng-phất mơ-màng. Nước Nhật - bản, hay muốn nói cho đúng hơn là nước Tân-Nhật-bản đang say-mê về việc duy-tân, say-mê vô-chúng vô hạn, nhưng chúng tôi ước-ao rằng các quần-đảo thần-thánh ấy tựa như hạt minh-châu cần vào mặt biển Viễn-dông tốt-đẹp kia, còn khéo gìn-giữ lấy cái màu rực-rỡ của mình được lâu năm nữa.

Các dân-cư ở cõi đất yên-tĩnh và màu-mỡ ấy đã thường chịu ảnh-hưởng các phong - cảnh cổ hoa tươi - đẹp quanh mình. Từ xưa, tâm-hồn của họ vừa nuôi cái tình yên nước thật nồng-nàn, vừa nuôi cái tình mến đẹp rất đậm-thấm. Nhờ vậy nên tuy biến-hóa mà khỏi tổn-hại điều gì cả; cuộc tiến-hóa không khiến được họ phải khuất-phục theo cái vật-chất dè-hèn thường đi nối theo các cuộc chiến-thắng trong trường võ-công và trường kinh-tế.

Các nhà làm văn nói về nước Nhật cách bốn năm mươi năm về trước, đã tả ra lắm việc, phần nhiều đến ngày nay hãy còn đúng. Giống dân dạn-khen-phục ấy, về chí-nguyên, về thói ăn ở đơn-giản đã không thay đổi, mà phong-cảnh tốt-đẹp lại cũng không thay đổi chi cả.

Nhưng nói rằng nước Nhật chỉ là đất vườn cảnh và cỏ đào (*mousmés*) cũng là

nói quá. Câu giải nghĩa khôi-hài ấy ngày nay không đúng nữa, vì ở nước Nhật mỹ-thuật và vẻ đẹp thường chen lẫn với các phép-tắc và các điều phát-minh tối-tân nhất, trông cũng lạ thay.

Khách du-lịch không ai trông thấy vẻ đẹp nước Nhật mà làm ngơ không cảm-mẫn, nhưng muốn nói rõ vẻ đẹp là đâu thì thật khó nói, cũng như khó giải cái tinh-thần lạ-lùng trong bức tranh hay bài âm-nhạc vậy. Có phải vì cảnh-vật tốt-đẹp chẳng? Có phải vì tình quý-mến của người dân chẳng? Hay là vì cả hai mối tình ấy hòa-hợp với nhau rất khéo rất bền chẳng?

Dân-tộc Nhật - bản có nhiều tính đặc-biệt, tình yêu hoa là một tính đặc-biệt nhất. Phần nhiều người Nhật cho rằng cuộc trần-thế mà chẳng có bông hoa thì thật buồn tẻnh một - thú vậy. Tạo-hóa có lẽ biết điều ấy chẳng, nên cố công tô - điểm cho cái hải - đảo xa-xôi một tràng hoa sáng-đẹp như món nữ trang, tràng hoa ấy khiến cho người bản-xứ được vui-vẻ quanh năm.

Nhiều mùa, tạo-hóa đã rộng - rãi lắm, hoa nở thật nhiều, lại tin rằng trong các hoa có tiên - nữ thiên-thần cho nên lòng dân lại càng vui-sướng.

Nhằm giờ buồn - bã vắng tanh, khách đi đường đã mệt, thế mà mắt vẫn nhìn vào cái hoa hèn trang - điểm cho vệ-đường, hay nhìn vào cái cảnh đẹp khiến cho tiêu-sầu giải-muộn.

Người Nhật trân-trọng nhất các thứ hoa về đầu mùa, lòng trân - trọng ấy có cái tình-cách oai-nghi trọng - thể. Tình yêu ấy là tình mạnh-mẽ quả quyết, bao giờ cũng vì nhìn xem chăm-chỉ và xem thật lâu mà sinh ra mối tình ấy,

(1) Dịch ba đoạn sách: *Au Japon: choses vues* của ông CLIVE HOLLAND, văn-sĩ nước Anh.

không vì vẻ đẹp cảm-hóa một cách mơ-màng.

Đưa bé con đang xem hoa, ta thử hỏi cậu trông thấy gì ; nếu cậu là đứa bé có trí, cậu đã kể sơ qua đó là giống hoa nào và là màu gì, nhưng các phần nhỏ-nhất tỉ-mỉ thì cậu lại kể rõ-ràng lắm.

Trong nước, cả một thời-kỳ tâm-hồn người vui thích quá, xem như trên đường đời mình đầy cả cánh hoa sáng-sủa, đủ các năm sắc.

Tình yêu hoa đã thấm vào cuộc đời người sâu-xa đến nỗi các đám hội - hè trong việc giao-tế như cuộc lễ, tiệc trà, đến các cuộc hội-hè tầm-thường hơn nhất, mỗi cuộc đều có một thứ hoa riêng để làm biểu-hiệu. Bông hoa biết bao là màu sắc tươi đẹp ; biết bao là hương-vị khác nhau.

Bông hoa thay đổi theo mùa, khi thì cả năm ba màu sậm, khi thì cả năm bảy màu chói sáng rực-rỡ.

Có quyển sách nói về trận đánh nước Nga rất đích-xác. Sách có kể một chuyện rất hay, xem đây lại càng thấy rõ tình người Nhật say mê về bông hoa là chừng nào.

Một đạo binh đang hăng-hái chạy lên các trái núi vây quanh Lữ-thuận. Quân kéo tới, bên nghịch đã biết, các súng đại-bác trong thành bắn trái phá vào phía núi có quân Nhật đang kéo, đạn bay như mưa, tiếng nổ vang rầm, các quân bị thương kêu la rên-rỉ ; khi ấy, một tên quân suýt đạp lằm cái hoa nhỏ tươi đẹp mọc trổ-trội một mình bên sườn núi. Thứ hoa này ở Tàu ở Nhật thường có nhiều. Trông thấy hoa, thì tên quân chợt cảm-dộng, có lẽ là nhớ đến việc chi ngày trước, nên lấy làm lạ, bèn cúi xuống, sẽ ngắt lấy cái hoa một cách âu-yếm lắm và để vào túi da mang sau lưng, không kể gì đạn bay súng nổ quanh mình.

Đời được mấy tên quân, được mấy người nghĩ nên dừng bước một phút

để cứu cái hoa nhỏ-mọn xinh-tươi cho khỏi dầy-vò !

Đời được mấy người trong cơn nguy-hiểm mà tỏ ra mỗi tình thương yêu vội-vàng và hợp nhân - đạo như thế !

Trong thế-giới, không nơi nào về cách sinh-hoạt hàng ngày của dân-tộc mà dùng hoa trưng hoa thường như ở nước Nhật.

Mỗi quán trà, mỗi nhà tư, mỗi đền chùa đều có cái vườn hương thơm ngào-ngạt, màu sáng rực-rỡ. Các thành-phố lớn như Kinh-dô (*Kioto*), Hoành-tân, Trùng-kỳ, đất cát mắc-mỏ, mà người ta cũng không đành bỏ sự xa-phi ấy. Không có sân, không có vồng, thì dùng bồn chậu và thùng cây mà thay vào ; tuy thế chứ hoa vẫn không kém vẻ, cũng thơm-tho tươi-đẹp, nhìn vào cũng vui mắt. Lễ ấy là bởi kẻ trồng hoa, không những là người thợ khéo mà thôi, lại còn có tài mĩ-thuật, có phép thần thông nữa. Dầu cho hóa-công cay-nghiệt khiến nên màu sắc thô kém, hoặc là mĩ nghệ vườn xấu ở bên dẫu, hoặc là bên sườn núi con có nhiều đá không có đất thịt mà họ cũng có thể sửa đổi cho bông hoa tốt đẹp hơn lên.

Theo tục nước Nhật, năm nào tháng nào cũng đều có một thứ hoa làm biểu-hiệu, có mấy tháng đến cả hai thứ.

Tháng giêng, cây-cối cần-cộc, bái cô tưởng như đã chết tiền, người khách chưa rõ cái tính lạ-lùng giống cô đất Phù-tang chắc phải lăm như thế. Vườn đã nhuộm màu đen màu nâu.

Các cây loại cau dừa, và nhiều cây khác tương tự như thế đều tỏ ra đáng mến-yếu, là khô màu vàng như rơm bao quanh theo cây, như đã quấn cái khăn dạ để dùng về mùa đông. Là khô ấy gọi là *Kimono*, mà *Kimono* chính là tên quần áo vậy. Cảnh buồn thay, nhưng hoa *Arabis* (?) khoe màu vàng tươi và đầu đo đều tỏ cho biết rằng chẳng bao lâu sẽ hái được nhiều hoa.

Các đường phố, kể qua lại ôm nhẹ nhẹ mấy cành cây bó từng bó lớn và có nhiều mầm sắp nở. Họ sẽ lấy tài-trí để làm cho có thể dùng những cây đó mà trưng trong nhà, tài ấy thật đáng khen và đáng học vậy.

Đặt tên hoa, tên cây thường có hội ý một câu cách-ngôn đẹp - để khôn-khéo, hay là một chuyện có thi-vị. Như tiếng *Saikan no san you*, « đồng-bàn tam hữu », là cây mai, cây tòng và cây trúc. Ta nên nhớ rằng mai là tiêu-biểu cho sự yêu-diệu, tòng là sự trường-sinh, trúc là tính cương-trực; lại nên nhớ rằng cả ba đều là món tặng nhau ngày năm mới. Có nhớ thế mới hiểu rằng món quà kia để thay cho biết bao lời chúc quý-hóa, và cách nói bóng như vậy hay biết chừng nào.

Vào tháng giêng, đều là ở nước Nhật, hóa-công cũng ráng hết sức để nuôi các mầm và các chồi non đang sắp-sửa lên khỏi mặt đất. Cây tòng lá rườm-rà, màu đen sậm, cây trúc màu xanh tươi. Kể bên ở các góc khuất-khúc, hoa thủy-tiên nhiều lắm, lại có cây *nan ten* trái đỏ, có dây *loranthus yadoriki* là một cây ký-sanh trái hồng-hồng giống như hạt ngọc cằn vào cái cuống xanh phơn-phớt.

Nước Nhật mà có tuyết xem ra trái ngược quá, hình như con tạo trêu người. Về tháng hai, tuyết xuống như mưa thì hơi lạnh độc-địa, cảnh trời thăm-dạm u-sầu. Tuyết là một mối lo cho các hoa sắp đến, tuy vậy chủ vườn thấy tuyết cũng mừng.

Đang khi tuyết sa, cây *mou mé* hay là mai Nam - kinh trổ hoa, hoa nhỏ và vàng. Người Nhật reo mừng chào đón các hoa ấy, là thứ hoa tầm-thường vô-giá-trị. Họ mừng hai điều: một là có thêm món hoa trang điểm cho mặt đất, hai là hoa ấy báo tin rằng còn nhiều hi-vọng về sau.

Vào tháng ba, phong-cảnh thay đổi. Khi trước, màu trời đất lờ-mờ như đang lúc nghỉ-ngơi, thì nay không còn trông thấy nữa. Các cây đào lớn đâm bông tươi sáng, vừa có màu vàng màu hồng, lại có màu đỏ thắm. Trái đào và chim quỳên cùng nhau bện ra một lượt. Chim quỳên vừa kêu hót thì nhà thi-nhân lại ngâm-vịnh nối theo.

*Cảnh trời tuy có nhiều hoa,
Hoa đào âu hẩn thứ hoa nở đầu.*

*Cánh hoa trắng như màu lông cánh,
Dầu tuyết trông khôn sánh được nào,
Từ đâu phấp-phới bay vào,*

Trước sân hoa rụng một màu sáng trung!

Ở nước Nhật, có điều này lạ lắm. Nhiều đền chùa nổi danh không vì có thần-thành linh-thiên, mà vì có nhiều cây lý, cây đào tiên, cây anh-đào, cảnh lá tươi-đẹp.

Về mùa xuân, thiện-nam tín-nữ nét mặt hân-hoan kéo nhau lũ-lượt ở các đường và các sân trong đền. Kể đến chiêm-bái, kể đến xem hoa đua nở; kể đến đề thơ vẽ cảnh, hay là ngồi uống trà, uống rượu *saké* dưới mấy giàn bông hình bán-nguyệt, có bông đỏ bông trắng nở lẫn-lộn nhau.

Các cảnh vui đẹp như thế, cứ vào công viên *Shiba* ở Tây-kinh là được mục-kích; câu văn hay, bức tranh khéo cũng không sao nói tả cho rõ được.

Công-viên *Shiba* thuở trước thuộc vào chùa Phật, nay là chỗ giải-trí chung cho các trẻ con và các trưởng-lão. Mọi người tới lui, tùy ý cử-dộng không có chi là trở-ngại. Họ đã được tự-do nên họ càng gìn-giữ lấy mình, không hái bông đẽa cây trơ-trọi, cho vẻ đẹp giảm bớt đi; cũng là lấy dao mà cạy, lấy bút chì mà vẽ nhắm nhĩ trên mõ-mả các vị tướng-quân ngày trước; đó là cái gương tốt cho người Tây-phương.

Ở nước Nhật cũng như ở đâu đâu, phong-tục mỗi ngày một đổi. Ở các

thành-phố, quốc-phục lịch-sự tốt-đẹp như thế mà nay đã đành nhượng-bộ cho cách ăn-mặc xấu-xa theo lối Tây-phương; đó là một điều đáng phàn-nàn. Đến cách ăn - mặc, người Tây-phương cũng tỏ ra người vụ - lợi, chớ không vì mỹ-thuật chút nào cả.

Khi trước để đầu trần, nay thì đội mũ melon. Khi trước dùng cái ô gỗ-nghĩnh sườn tre phất giấy, nay dùng cái ô lợp nỉ lợp tơ.

Ai lại chẳng trông thấy các con trẻ nằm xe nhỏ bằng mây bằng tre đi chơi mát ngoài đường; không ai chịu làm như ngày trước, người chị cả hay người vú đái đứá bé sau lưng rất ngoạn-mục.

Nhưng cũng may thay, thời-giờ và phong-tục chưa phá-hoại các cây hoa ở đền chùa, ở vườn tược và ở núi đồi. Nhờ vậy nên các chỗ ấy những cây hoa lớn hầy còn. Cội cây càng lớn, màu hoa càng nhiều thứ khác nhau, các nhành khô cũng bao một lớp vỏ nhiều màu, và thường khi lại có đóng rong xanh.

Gốc hoa ấy, ngày xưa các văn-sĩ đa-tình thường đến lựa nhành nào nhiều hoa thì dán một bài thơ của mình, thơ tặng các mĩ-nhân dạo cảnh. Trong bọn có cô khéo giả tuồng bở-ngỡ như không biết là thơ ai, và đọc đi đọc lại giả ý suy xét để tìm cho rõ nghĩa.

Tục để thơ ngày nay chôn thôn-quê hầy con thịnh - hành.

Hoa đào là thứ hoa yêu - dấu của người Nhật, đã yêu vì dáng-diệu mảnh-mai, lại yêu vì hương-vị nhẹ-nhàng. Không những thế, hoa lại nở sớm, trước ngày xuân chẳng bao lâu.

Một nhà thi sĩ vịnh rằng :

Họ-hàng thay đổi thường thường,
Bạc-bầu cũng thế dễ lường được dẫu.

Thi-giờ thắm-thoắt qua mau,
Chỉ người, đào hỡi, sống lâu chẳng tàn !

Quả thật vậy, nhiều cây đào sống lâu quá, đầu bạc phơ, thế mà hình-dạng còn mạnh - mẽ, sức mạnh muôn năm cũng không hề mòn-mỏi.

Tháng ngày dần đến, thì toàn nước Nhật là một vườn hoa nở, vườn hoa rộng - rãi mênh-mông. Hoa đào chưa hết hẳn, thì các hoa khác đã nở ra, khắp nơi đâu cũng có hoa mộc-liên (*magnolia*), hoa cúc, cây lùn nở đều hết các nhành, hoa *pyrus japonica* thanh-tân kiều-mị.

Giống hoa cúc ở Anh đem sánh với hoa cúc ở đây thật kém thua nhiều. Mắt nhìn vào các chỗ che khuất, đều trông thấy nhiều cây thật lớn, nhành lá vừa đen vừa ngời, còn hoa thì muôn trùng và ở rải-rắc theo lá, hoa trắng hoa đỏ hay là nhiều màu sắc pha lẫn nhau. Các cây ấy mọc dựa theo đường lộ, gió thổi mạnh cánh hoa đỏ như son hay trắng như tuyết bay dài theo hàng rào, bám lên năm bảy lớp. Các khe nước tự trên đồi chảy ra sông ra biển, đưa đi những đoàn ghe thuyền con con thứ đỏ thứ trắng; đó là cánh hoa bầu-bầu nên nổi linh-dinh trên mặt nước đến năm bảy dặm mới chìm.

Cuối xuân, vườn nào cũng bông hoa nở đầy. Thêm một ngày, là sẽ nở thêm nhiều thứ hoa khác. Xứ này hoa thụy-hương thật nhiều lắm, hoa nhỏ thứ trắng thứ hồng, có mùi thơm ngát; cây *mitsumata* hay là cây giấy Nhật-bản hoa vàng tròn như viên đạn; hoa *kaido* có dáng sang-trọng, hoa ấy cũng gọi là hoa qui phái, kẻ phụ-nữ, kẻ họa-sư, kẻ thi-nbản cũng đều ưa-chuộng; các thứ hoa *pyrus*, hoa trắng, hồng, đỏ sậm đều là danh-hoa ở các vườn Nhật-bản.

Sang tháng tư, có hoa anh-đào. Hoa khiến cho quên mấy ngày buồn bực và lối-tăm, quên cả gió mưa lạnh-lẽo. Tây-kinh là thành-phố lớn mà khi ấy cũng đổi ra một nơi xinh-lịch. Cổ ở

các vườn nhỏ vườn lớn đã tươi tắn và xanh om. Các cây anh - đào nhánh quăn-quại nặng-nề đầy cả một đám bông thật nhiều, chen khít nhau, màu hoa vừa hồng vừa trắng pha lẫn màu hoa lý đồ đều.

Cây tràn khắp các núi đồi đều nứt chồi, nên toàn đám lá xanh lại có điểm màu đỏ sậm.

Các cây trổ hoa thật không thiếu chi, nhưng về thời-kỳ ấy thì tình âu-yếm của người Nhật lại để dành riêng cho cây anh-đào. Hóa-công đã cho trải theo gốc cây một tấm khăn trắng và hồng. Có lẽ thi-nhân nước Nhật sẽ vịnh rằng:

*Bám mây màu ốc trắng trong,
Buổi trời nắng hạ trên không buông dài.*

Cuộc lễ mừng hoa anh-đào khiến cho nhân-dân thấy đều vui-vẻ. Các tiểu - thư, các phu - nhân yêu - kiều điểm - lệ sẽ mặc cái áo kimono thật tốt và buộc cái thắt lưng obi thật xinh để đi ngắm xem các cây yêu-qui. Khắp trong nước, đâu cũng có lệ thưởng hoa anh-đào, duy cái về long-trọng mỗi nơi một khác mà thôi. Ở Tây-kinh, tại công-viên Shiba, chặt nich những người. Ai ai cũng tươi-cười vui - vẻ, bày ra những cuộc chơi đùa rất mộc-mạc thật-thà, từ rặng đông cho đến đỏ đèn mới dứt.

Có lẽ — mà ai dám quyết không hẳn — có lẽ linh-hồn hiền-lành của tổ-tiên là người đã trồng cây từ mấy trăm năm trước sẽ về chơi trên thế-gian, mà cây ấy thì khiến cho bao nhiêu người được vui lòng vậy.

Có lẽ các linh hồn kia thừa khi đêm tối sẽ dời các mã-mô yêu-kích để ra dẫm trên tấm thảm diệu-mềm kết bằng cánh hoa đã rơi xuống gốc cây, các cụ cũng sẽ lấy làm lạ-lùng-lắm thay.

« Khá khen những kẻ trồng hoa anh-đào ». Người nào trông thấy hoa mà trong lòng vui-vẻ, cảm-dộng đều

tán-thành lời tặng trong câu ngạn-ngữ nước Nhật vừa kể trên đó. Trong dân-gia đã thương - mến hoa tươi, lại thương tiếc hoa tàn. Cánh hoa khô-héo và bay tơi bời, trông thật buồn-rầu. Cảnh ấy một nhà thi-sĩ đã tả như sau : mấy đám mưa nhỏ về mùa xuân chính là giọt nước mắt của hóa-công buồn-rầu vậy, người đời ai có biết không ?

Mùa anh - đào trổ hoa lại là mùa « đi thăm hoa », đó là phong-tục riêng của dân Nhật, do tấm lòng cao-thượng mà bày ra vậy. Nhân-dân ở thành - thị nghe tin rằng tận nơi làng xa-xôi kia, có hoa anh-đào nở muộn, thì cũng nhân dịp ấy đi chơi cảnh.

Hoa anh-đào qua rồi, thì chẳng bao lâu đến giây dâng-hoa. Hoa này trông theo cái cầu nhỏ trong công-viên và trong thôn quê, trông theo cầu - lơn các hàng nước trà và các giàn giây kẽm trong vườn, có từng chùm thật dài, hoa màu tía như hoa tử-dinh-hương. Giây dâng-hoa trông thật tươi mạnh, nhưng trang-diễm vườn nhà chỉ được một thời-kỳ ngắn-ngủi thôi. Các vườn bao quanh đền Kameido nhờ giây dâng-hoa mà tươi-tốt lạ thường.

Sau này hoa nở thịnh nhiều thứ, giá phải biên cho đủ, là phải làm một quyển bản-thảo thật dài vậy. Các thứ chính hơn hết là đầu-thể, trinh-nữ-hải, hoa mộc-mạc màu đỏ, hoa xích-thược cây cao lớn và đẹp lắm.

Kể đó là hoa ngải, hoa cũng đẹp và người ta lại tin rằng có phép trừ ma-quỉ. Các người đi tắm vào nhà tắm đã có nước hoa ngải, và các kẻ tin dị-đoan đều treo từng bó hoa ngải theo cành cây làm mái nhà. Cuộc thưởng hoa ngải vào tháng năm, cũng đi theo tết trẻ con. Ngày xưa, các trẻ lấy cành cây trổ hoa đánh lại làm dây và đập dưới đất cũng như dây đề nhảy, làm thế để trong ngày tết các tà-ma không dám lại gần. Có lẽ ngày nay lệ ấy đã bỏ rồi,

nhưng trong thôn-ở xa-xôi hầy còn giữ-gìn ; các nơi ấy còn giữ nhiều tục dị-doan cũ-kỹ quá, nhưng không phải là không thú-vị.

Giữa mùa hè, có hoa hường, hoa râu-dê, hoa mẫu-đơn, hoa nhật-quang-lan xinh-tốt ; khi ấy, hoa ngải còn dần-dà theo mé khe, theo mé hồ, theo vệ bờ đất chạy dựa kề các nhà ở thôn-quê. Đây là hoa tử-duơng (*hydrangée*), cây cao lớn cứng-cáp nhưng màu hoa trông rất dịu - dàng, hoa *himé-yuri*, hoa huệ bánh xe ; hoa *diospyros kaki* (?) màu vàng, sang thu trở ra thứ quả rất ngon.

Giữa mùa hè, lũ người Nhật có thể dời thành-phố thì đều lên tiêu-dao ở các núi nhỏ, trên ấy hoa đỗ - quỳn trở từng chòm đỏ ối. Hoa ấy thường được các nhà thi-sĩ khen tặng, nhờ có hoa ấy nên có nhiều bài tuy - điệu cũ mà hay, nay góp lại không khác gì một bức thêu vậy. Thi-dụ như nhà văn-sĩ kia nói về các núi nhỏ mình đã được ngắm xem như sau này :

« Tôi ngỡ là bà thiên-thần *Sao-himé*, là vị thần núi, đã qua chơi nơi đó, và mắt tôi mơ-màng được trông thoáng vật áo đỏ của bà kéo lê dưới đất »

Mấy tháng sau, trên các núi đồi, rừng phong đã khoác áo mùa thu, thì đám cây có hoa lại thêm nhiều thứ sắc đẹp nữa, khiến cho người phải ngợi khen ngắm-nghĩa : cây hình cây đèn, cây trắng như tuyết và bông tõi, lấy làm tự - đắc lắm : cây *lilium auratum* (?) tàn lớn ; cây *lilium speciosum*, bông màu hường, và còn nhiều thứ nữa. Lúc ấy, các hồ các ao hoa sen lên tươi-tốt. Hoa sen màu hường hay màu trắng thật đẹp, người Nhật cho là biểu-hiệu tinh thanh-cao, cộng rất dài, rễ ăn dưới bùn thật sâu. Bao quanh là lá lớn hình dáng đều - đặn, và bề dưới xanh giợt chiếu theo bóng trắng như cái gương bằng thép.

Hết hoa nọ, đến hoa ông bụt, hoa quì, hoa mồng gà. Cuối năm thì có hoa cúc, mắt trông vui lắm. Hoa cúc là hàng thứ tư trong bốn quân-tử, theo lời người Nhật đã ví như thế. Ba thứ kia là mai, lan và trúc. Ở cái vườn, hoa cúc nhiều không kể xiết, và dài theo các phố, kẻ bán bông dùng đóng tre và dòn dài gánh từng gánh nặng trĩu. Thường hoa cúc tức là khen ngợi cái học và cái khéo của kẻ trồng hoa, nghề ấy thật là thánh - thần và huyền - bí, vì một cây mà biết thế khiến cho trở sanh kẻ mấy trăm hoa. Cây hoa ấy dễ trang - điểm cho cảnh-vật được lắm về xinh-tốt, nhưng phi người Nhật thì không ai làm nổi. Ngạn - ngữ lại nói : Hỡi nào bông ít, thì cây được người quí-mến hơn nhiều. Muốn biết cách trồng hoa kiểng tài-tình là dương nào, nên nghe chuyện « cây-thuyền », cây uốn nhánh thành có be, có cột như chiếc thuyền, như sau này. Cây ấy dùng vào đất chùa, nhà sư ra công sửa-sang, các nhà sư sau tiếp-tục, uốn một cây đến những 200 năm dài dằng-dẵng, công - phu biết bao, kiên-nhẫn kỹ - càng là dương nào. Lại có vườn đầy cả hình thú, ban đêm có từng bóng tối xanh - xanh xem ra dễ ghê-sợ, mắt được trông mà lòng phải phục cái chí của kẻ yêu hoa, vì tạo nên cái công-trình lạ-lùng như thế, có khi phải trọn một đời người.

Tuy-nhiên, tâm-tri khách du - lịch chỉ nhờ màu hoa xinh - tươi. Cứ như lòng tin - tưởng của kẻ bình-dân, thì hoa nọ đã lãnh cái thiên-chức đem nét vui vẻ khéo xuống chốn hạ-trần mà tặng cho loài người là loài mau chết và không hay lo nghĩ.

II.— Sự sinh-hoạt ở thôn-quê

Vài nhà văn-sĩ đã chê người làm công nước Nhật là không biết biến-cải, lời chê ấy không phải là không đúng. Nhưng không biết biến-cải mà thường

có nhiều tính hay khác bổ-cứu lại điều khuyết-diễm ấy. Thí - dụ mình đưa món đồ hay bức tranh để làm mẫu mà làm ra món khác; phần nhiều kết-quả đều được đúng theo ý muốn của mình. Người thợ phổng theo thật hết. Phải người thợ bên Âu-châu thì nói rằng: Tôi sợ rằng không được thật đúng, nhưng tôi đã hết sức gắng công. Người Nhật không hề học câu nói ấy.

Nước Nhật là xứ sản ra đồ gốm, đồ sành; cả một số đàn ông, đàn bà và con gái rất đông chuyên về nghề ấy. Các món xầu, thường là đồ xuất-cảng, thì giao cho con gái vẽ lấy.

Con gái vừa nhỏ vừa lớn lo vẽ các chum, vại, chén, bát, sau này sẽ đem bán ở Âu-châu, Mỹ-châu. Bọn con gái trông tuổi thì chuyên vẽ các kiểu khó-khăn phiền-phức hơn, tiền lương mỗi ngày là sáu tiền; bọn nhỏ tuổi ăn lương vừa hơn ba tiền.

Nước Nhật làm đồ gốm thật nhiều thứ, cả mấy tỉnh cùng theo một nghề. Thí-dụ như ở *Obuké*, gần *Kuwana*, có hãng của ông *NUAMI-BANKO* rất có tiếng, đồ gốm cũng lấy tên ông làm danh-hiệu. Ở các xóm *Hora*, *Go*, *Minani-Shin-gai*, *Kita* đóng trên núi nhỏ bao quanh một thung-lũng bình tròn, có nhiều họ con cháu thật đông chỉ chuyên về nghề đồ gốm, đủ cả các hạng. Phần nhiều thợ lò gốm ở *Nagoya* đều lãnh tiền công của bọn thương-mãi hay bọn tư-bản, và đồ gốm vừa ra lò thì liền gởi hết cả ra vừa. Tại đây, công-việc chính của con gái là vẽ hình trên tô chén và khi nào đã ra lò thì bao gói lại, tiền lương thật nhẹ quá, một số nào bên Anh trả lương như thế chắc sẽ bị bãi-công ngay. Tuy vậy, các cô con gái Nhật cũng ra vẻ thông-dong an-phận. Nghề làm cực-nhọc, từ sáng sớm đến chiều tối không rảnh một lúc nào, nhưng các thói quen ăn mặc sạch-sẽ, ăn uống điều-độ không hề thay đổi. Món ăn nhiều hơn hết

là cơm, nước uống dùng nước lạnh, nước trà, rượu *saké*. Các cô gái ấy là những người tuổi trẻ vui cười, tuy mặc áo *kimono* bằng vải bông in tằm-thường, nhưng dáng điệu không kém các chị em Tây-phương cùng về hạng ấy. Muốn cho đúng, phải nói thêm rằng các cô được sinh - hoạt trong cái hoàn-cảnh cũng tươi-cười, và các chủ đối-đãi rất lễ-nhượng, sự lễ-nhượng này hình như là cái thiên-tính của dân Nhật vậy.

Các hãng đó chỉ làm mấy món rẻ tiền thôi. Mấy món thật tốt, như bàn ghế nhỏ, bình - phong sơn láng, các bình bằng đồng hay là tráng nước men nổi vồng lên cao, thì không làm lấy số nhiều. Các món này thường do các tay nhà nghề thật tinh - xảo làm ra, việc làm hàng mấy tuần mấy tháng, phải thật nhiều kiên-nhẫn nhọc-nhẫn. Nếu là đồ tráng men nổi, thì thật khó, phải thật chăm-chỉ, phải thật công-kỹ cho đúng từng nét vụn-vật.

Kể chạm ngà, thôi còn phải khen thế nào cho vừa? Ngồi nhà làm việc, quanh mình các món dụng-cụ thật đã nhiều quá, đục nhỏ cũng nhiều, đục nhỏ, dao, búa cây và các đồ dùng khác nữa, thứ nào cũng nhiều để gần theo tay người thợ trên cái sập dài và thấp, thợ ngồi tại đó như người thợ may. Các nhà mỹ-thuật Đông-phương ngồi trên sập như thế mà tạo - thành các món tinh - xảo lạ-lùng, gọi họ là nhà mỹ-thuật vì tận cái móng-tay của họ cũng có tài mỹ-thuật vậy.

Bọn thợ ấy ăn xài đơn-giản đạm-bạc, nên tiền lương gởi người thợ Âu-châu sẽ cho là hèn mọn quá mà họ cho là đủ dùng. Có những thợ rất tinh-xảo trong nghề chạm cây, chạm ngà, những thợ có phép tiên, một khúc cây vô-hình hay một cái ngà voi mà hóa thành những hình-tượng xinh-tốt, tiền lương mỗi năm hai nghìn hay hai nghìn rưỡi quan, thì đã cho là măn - nguyện rồi. Tiền lương ít như vậy, mà việc làm

kéo dài kể mấy giờ, từ ngày nọ sang ngày kia cho đến cả tuần - lễ. Việc làm phải khéo dụng - công biến-báo, khéo ra sức nhẫn-nại, phải chăm-chỉ mệt sức mất thật nhiều, mà chỉ thỉnh-thoảng mới có vài ngày lễ được nghỉ. Có hai nghề đã có từ lâu hơn hết và lại cao quý hết ở nước Nhật, là thợ sơn lạng và thợ chuyên kim-loại, công ăn việc làm cũng giống như thế.

III. — Đạo thần-học

Các giống dân mạnh hiện-thời phần nhiều đều theo một nền tôn - giáo không phải đã có sẵn từ khi mới lập-quốc. Tôn-giáo ấy tự phương xa đem vào. Duy chỉ có một giống dân vảo-minh đã có một nền tôn-giáo bền-vững từ có lịch-sử đến giờ. Tôn-giáo ấy mỗi thế-kỷ mỗi biến đổi như lịch-sử kia vậy. Không nói, ai cũng rõ là dân Do-thái. Dân ấy, lòng tin-tưởng rất mạnh, lòng thương nước rất bền, hai mối tình-cảm cùng hòa-hiệp khăng-khít nhau không thể chia lìa ra được. Nhờ thế nên con cháu thành *Israël* làm một nước người dân toàn là người ái-quốc. Thời-thế xui nên phải lẩn-mác trong hỗn biên, phần nhiều như phải bị lưu, tới trợ xứ nào cũng bị coi như người dưng kẻ lạ, không có một sào đất nào là thuộc quyền riêng của mình; tuy vậy, dân Do-thái vẫn cứ tin quyết rằng mình là giống dân được Hoàng-thiên yêu-quí, và nhờ đó nên tính-cách riêng của họ đều được giữ hoàn-toàn phân-biệt với các dân khác.

Ngoài ra, cũng còn một nền tôn-giáo do nơi lòng ái-quốc gây nên: chính tôn-giáo Nhật-bản vậy. Đạo thần-học đã có từ xưa, bị công-kích nhiều phe, bị suy-yếu nhiều lần, các nhà truyền đạo Thiên-chúa nhiệt-thành hết sức, thế mà đạo thần-học vẫn đặc-thắng luôn. Ngày

nay, đạo ấy chẳng những là nền tôn-giáo châu-chính nước Nhật mà thôi, mà lại là cái sức mạnh duy-nhất để diu-dắt dân-tộc, nhờ đó mới có sức đoàn-kết và lòng ái-quốc vậy. Nền tôn-giáo của dân Nhật là đâu? Hỏi thế chỉ có trả lời như sau mới đúng: cả dân Nhật đều theo đạo thờ nước, là đạo thần-học, nhiều người đem các điều tin-tưởng trong học-thuyết Phật-giáo hay Khổng - giáo mà gia vào cho mạnh thêm lên. Phái Gia-tò-giáo chỉ là một số ít lắm, còn các giáo khác của Âu-châu thì bọn tin-dồ chỉ được vài người. Đạo thần - học tuy không phải được nhà vua tin theo, nhưng đạo ấy là cái lý - tưởng dám dân của Thiên-hoàng tận - tâm theo đuổi vậy. Đạo ấy là cái sức mạnh để diu-dắt và phấn-khởi lòng người, giống như lòng tin-tưởng của dân Do-thái. Đây không thể và cũng không cần so-sánh tôn-giáo Do-thái và tôn-giáo Nhật-bản, lại cũng không thể phân - biệt cái vận - mạng tương - phản của hai giống dân ấy, nhưng đạo thần-học đáng cho mình chú-ý đến, một là để làm thí-dụ giữa một nước đã ham-mến sự tiến-bộ và đã văn-minh lắm mà còn giữ lòng tin-tưởng như hồi còn bán-khai, sau nữa vì các giường mối, các khuynh-hướng chính trong đạo đều không giống với ta.

Dân Nhật-bản đã bỏ hầu hết các bần thờ về đạo ấy, trong lòng giữ đạo mà các dấu hiệu bề ngoài một ngày một ít dần; tôn - giáo - học của nước đã bị chê - bai nhiều lắm, các vẻ bề ngoài chứng rằng mình theo đạo, bất - kỳ ở đâu cũng bị chê - bai, thế mà cả cuộc lịch - sử nước Nhật đều do nơi sức mạnh đó, đối với thời-gian khỏi phải ngại gì, vì đã ăn thật sâu xa vào tâm-hồn kẻ bình-dân và nhuần thấm một tấm lòng thương nước không sao phai lảng được. Cứ thật ra, đạo thần-học ngày nay là một việc

còn rộng hơn và hay hơn cái tập-tục tâm - thường hay là cách lễ-bái xưa nhiều. Đạo ấy là biểu-hiệu cái tâm-tĩnh cứng-rắn hơn hết và cao-thượng hơn hết vậy. Tinh-thần đạo này là tinh-thần hiểu thuận, tinh-thần bi-sinh của khách anh-bùng; tinh-thần kia đã khiến cho người Nhật vui lòng chết không do-dự chút nào để bênh-vực cho điều nghĩa-lý, quân Nhật ra trận từng đã chứng tỏ

điều ấy nhiều lần. Buổi sơ-dầu là nền tôn-giáo, mà nay biến-thành cái động-lực tinh-thần đời này truyền sang đời khác khiến cho các phần tử trong giống dân ấy đều giữ một khuynh-hướng như nhau.

TRỌNG-TOÀN dịch

(Hà-tiên)

GUƠNG ĐỨC-DỤC (1)

V

3. — Tri-bản

— Dương-minh tiên-sinh xưng ra cái nghĩa « lương-tri 良知 », lại thêm một chữ « tri 致 » ở trên, ý là bảo phải khuếch - sung bồi - dưỡng; sở dĩ phải nên bồi-dưỡng là bởi cái tâm nó rất dễ động. Trước kia cứ bảo rằng cái lương-tri nó vẫn thường thường hiện-tại, nên mới lầm mà thiếu mất cái công-phu bồi-dưỡng. (La Niệm-am).

— Cái lương-tri nó hay phân - biệt mà biết được điều thiện điều ác, tùy lúc hiện ra lại mất đi ngay, chỉ là nhất-thời phát-hiện mà thôi, chưa có thể cho đó là bản thể được; nên phải có cái công thu-nhiếp bảo tồn, để làm cái chốn khuếch-sung bồi-dưỡng, rồi sau nó mới hay định-tĩnh an-tâm mà suy nghĩ. Nếu đã tri-tri rồi thì dẫu một chút tâm-niệm gì cũng đều phải chân-thực cả; nếu không hay dụng - công cho cực-trí, thì dẫu lương-tri có lúc phát-hiện ra rồi lại biến mất ngay, không khỏi lưu về đường hư-dãng. Thế thì cái công-phu tri với chẳng tri, chỉ phân-biệt ở chỗ hư với thực mà thôi. (La Niệm-am)

— Dương-minh tiên-sinh xưng ra cái thuyết lương - tri, là bản tự cái thuyết thầy Mạnh bảo rằng chột thấy đứa bé sa vào giếng mà động lòng thương, và cái thuyết đứa bé con nó biết yêu cha kính anh, với cái lòng yêu ghét đương lúc bình-đán, đó đều là cái lương-tâm nó chứa phát-lộ ra, nên mới gọi là lương. Thầy Chu bảo lương là cái tâm tự - nhiên là phải. Nhưng cái tâm ấy mới là nhất-đoan phát-hiện, chứ chưa hay sung được cái bản-thể của nó, nên thầy Mạnh bảo rằng đã động lòng thương xót thì lại phải khuếch-sung thêm ra; đã biết yêu ghét phải đường thì lại phải nuôi lấy cái tâm ấy cho vững; đã biết kính, lại phải suy ra cho đạt đến thiên-hạ, ý thầy Mạnh nói như thế, nên ông Dương - minh mới suy cái ý ấy ra, cũng không lấy lương-tri làm đã đủ, còn phải gia - công về đường tri-tri. Cứ theo như lời thầy Mạnh bảo rằng khuếch-sung là sung cái tâm thương xót nó mới phát-hiện ra đó ư? Hay là xét cái chân-tâm lúc mới trông thấy đấy ư? Đã hẳn là

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu, xem Nam-Phong từ số 150.

không động về cái lòng tư-kỷ muốn cầu lấy tiếng-tâm đấy ư? Thầy Mạnh bảo rằng hàm-duyên là duyên lấy cái tâm hiệu-ổ chính-đăng nó đã phát ra đấy ư? Hay là xét về cái khi lúc bình-đán đấy ư? Đã hẳn là không bị những sự hành-vi lúc ban ngày nó quyến-dũ đi ư? Thầy Mạnh bảo rằng làm cho đạt ra thiên-hạ, là đạt cái tâm kính-ái nó đã phát ra đấy ư? Hay là phải giữ lấy cái tâm lúc còn con trẻ đấy ư? Đã hẳn là không có tư-lự gì kiêu-cường đấy ư? Suốt ngày không động đến tư-ý, không vương đến tạp-tục, không có mắc đến điều tư-lự kiêu-cường, cứ thế mà gia-công về đường tri-tri, thì ý có can gì mà chẳng thành, cần gì còn phải nói đến hai chữ « lập thành » nữa. Nay lại không thế, chỉ chắc nhờ về tri, mà không xét thế nào là lương, vậy nên cái mối đầu nó đã sai đi rồi, chỉ mặc cho nó tự phát-hiện ra, bèn nhận ngay lấy cái kiến-tri nó phát-hiện ra đó làm khôn-phép cho sự-vật, mà không xét rõ cái chỗ lý với dục nó hỗn-tạp; lại nhận ngay cái vật bề ngoài cho làm cái thể tri-giác, mà không xét biết cái chỗ vật với ngã nó đảo-ngược, há phải là cái bản-ý của tiên-sinh đâu! (La Niệm-am)

— Nay nếu tin về lương-tri quá, bảo rằng ý mình tức là lương-tri nó lưu-hành ra đó, sở-kiến mình tức là lương-tri nó chiếu xét đó, v.v., không biết rằng cái bụng lợi-dục nó bán-kết, át đi còn sợ không được, nữa là lại theo cái sở-tri nó phát ra đó mà cho làm tâm - thể; khi-huyết nó phủ-phiếm, liêm lại còn sợ không xong, nữa là lại theo cái sở-tri nó làm ra đó mà lấy làm công-phu; kể sợ khó tạm yên thì cho làm tiện dễ theo; kể sở-kiến nhỏ-nhen muốn chóng, thì lấy làm chắc mà tự-dắc. Không biết rằng chủ-niệm mà xét ai lại không có chút tri - giác, suy-nghĩ mà nói ra lẽ cũng rõ-ràng, nhưng cái chân-lý bất-tức nó đã mất

đi rồi, thì càng ngày nó càng sai đi mãi, rồi có khi đến cho sự tồn-tâm làm câu-thức, việc dối lồi làm bôi xoa, việc bắt-chước điều thiện là tỉ-nghĩ, việc ở hết đạo luân-thường là kiêu-sức, những kẻ liệt-diệt từng-từ lại càng khua-múa làm om-xòm cả lên, khiến người trong thiên-hạ đều lừa-dăng mà không biết theo về đường nào, ta không biết cái lối tục-học như thế rồi ra thế nào!

Cần xét: Trở lên trích-lục những bài phần nhiều là những lời biện-luận của ông Niệm-am và ông Long-khê. Niệm-am có gửi bức thư cho ông Trần-khê nói rằng: « Suốt ngày chỉ bàn cái bản-thể của tâm mà không nói đến công-phu, hễ nói đến công-phu thì cho là ngoại-đạo, chỉ sợ Dương-minh tiên-sinh phục-sinh, cũng lấy làm chau mày. » Xem thế thì ông Long-khê chỉ nói về bản-thể của tâm để dạy kẻ học-giả, thì nhiều câu nói hơi sai, vậy nên ông Niệm-am phải củ-chỉnh lại. Niệm-am lại trách kẻ học trò có bảo rằng: « Các thầy cứ cho rằng hễ tự biết mình giống càn là vương-tri, hoặc chẳng hay biết mà tự dối mình là đối lương-tri, hay là tự biết mình đối lương-tri đó tức là lương-tri, cứ tưởng như thế là hay rồi mà không chịu tri lương-tri, cái bệnh ấy há phải người khác chữa được cho mình đâu. » Xem thế thì các học trò cứ nhận lầm cả thuyết lương-tri nó vẫn hiện-lại thực là lưu-lệ đã lâu lắm, vậy nên ông Niệm-am phải hết sức chú-trọng ở một chữ « tri 致 », hễ không say cho cực-tri cái tri của mình, thực là không hay có ở mình vậy.

Lại xét: Kẻ học theo thánh-đạo mà hiểu thấu được ba chữ « tri lương-tri 致良知 » thì đã đủ rồi. Nhưng Dương-minh nghĩ rằng nói thế thì từ ý đơn-giản quá, sợ kẻ học-giả nhận sai chẳng, vậy nên lại xướng ra cái thuyết « tri

hành hợp nhất 知行合一 - dễ bỏ thêm vào cho đủ cái nghĩa tri lương-tri, vậy nên dưới đây thuật về cái nghĩa tri hành hợp nhất.

— Gọi là hành nghĩa là thực đi làm một việc ấy, nếu thực dụng - công về việc học, vấn, tư, biện, thì học, vấn, tư, biện cũng là hành, học là học về việc ấy, vấn là hỏi về việc ấy, tư là nghĩ về việc ấy, biện là biện-bác về việc ấy, thế thì hành cũng tức là làm những việc học, vấn, tư, biện vậy. Nếu bảo rằng học, vấn, tư, biện rồi sau mới hành, thì thế nào mà huyền-không làm những việc học, vấn, tư, biện được, mà đến lúc hành thì tài nào lại bỏ những việc học, vấn, tư, biện; thế thì những lúc hành mà hay sáng biết tính xét tức là tri, những lúc tri mà hay chân-thiết đốc-thực tức là hành. Nếu hành mà không hay sáng biết tính xét thì là làm mờ, thế là học mà chẳng biết nghĩ thì mờ -昧, sở dĩ phải cần đến tri. Nếu tri mà chẳng hay chân-thiết đốc-thực thì tức là nghĩ càn, thế là nghĩ mà chẳng học thì vẫn áy-náy, sở dĩ phải cần đến hành, nguyên-lai là một công-phu; phạm cổ-nhân nói đến tri với hành đều là cái thuyết bổ-thiên cứu-tệ về cái công - phu ấy cả; chứ không như người bây giờ lại đem tri với hành tiết-nhiên chia làm hai việc. Ta nay nói tri-hành hợp-nhất cũng là cái thuyết bổ - thiên cứu-tệ cho đời bây giờ, nhưng cái thể-đoạn tri-hành bản - lai nó vẫn như thế. (Vương Dương minh)

— Ông Minh - đạo rằng: Học cho cùng-lý thì là hay tận-tính chí mệnh, vậy nên nhân phải cực-kỷ là nhân thì mới là hay cùng cái lẽ nhân, nghĩa phải cực-kỷ là nghĩa thì mới là hay cùng cái lẽ nghĩa; nhân đã cực là nhân thì mới là hay hết cái tính nhân, học đã đến được cùng-lý mà còn không thi-thố ra việc làm được, thiên - hạ không có lẽ thế bao giờ. Vậy cho nên

tri mà chẳng hành thì không gọi là học, thế thì tri mà không hành thì cũng không gọi là cùng-lý được. Tri mà không hành không gọi là cùng-lý, thì tri với hành phải hợp-nhất, dù học cho tận - lời lên, chứ không thể chia làm hai việc được. Phải biết rằng phạm cái lẽ của vạn-sự vạn-vật đều không ngoại ở tâm ta, mà lại bảo phải cùng xét cái lẽ trong thiên-hạ, thế là cho cái lương-tri của tâm ta còn chưa đủ, còn phải xét rộng cả lẽ thiên-hạ để bổ-ích thêm vào, như thế thì ra chia tách tâm với lý ra làm hai vậy. Ôi, cái công-phu học, vấn, tư, biện, đốc-hành, dầu cái kẻ khờ-nhọc cố-gắng người một phần mình phải đến trăm phần, rồi khuếch - sung cho đến cùng-cực, cũng hay đến được bậc tận-tính tri-thiên, chẳng qua cũng chỉ suy-cùng cái lương-tri của tâm ta mà thôi; ngoài cái lương-tri há lại còn thêm chút gì nữa đâu. Nay bảo phải cùng cái lý trong thiên-hạ mà chẳng biết trở lại xét ở tâm ta, thì cái cơ thiên hay ác chân hay nguy, bỏ cái lương-tri của tâm ta ra, thì còn biết lấy gì mà thế-sát được nữa (Vương Dương-minh).

— Lương-tri đối với các tiết-mục sự biến, cũng như là cái qui-cử cái thước đo đối với các vật vuông tròn dài ngắn, các điều tiết-mục sự biến không thể dự-định trước được, cũng như là vuông tròn dài ngắn không biết thế nào là cùng. Vậy nên qui-cử lập ra rồi, thì các vật vuông tròn không thể đổi được, tha-hồ mà ứng-dụng với vuông tròn; thước đo đã bày ra rồi, thì các vật dài ngắn không thể đổi được, tha-hồ mà ứng-dụng với dài ngắn; lương-tri đã thực hay tri rồi, thì phạm tiết-mục sự-biến không thể đổi được, tha-hồ mà ứng-tiếp với các điều tiết-mục sự-biến trong thiên - hạ; sai một ly đi một dặm, nếu chẳng xét ở nhất-niệm lương-tri của tâm ta, thì còn biết đâu

mà học được nữa; có khác gì không dùng qui-cử mà muốn định các vật vuông tròn trong thiên-hạ, không dùng thước đo mà muốn lường các vật dài ngắn trong thiên-hạ, ta chắc là sai-lầm lẫn lộn, chỉ khó-nhọc mà chung-quì vô-thành. Người ta bảo hiểu thì phải quạt nòng ấp lạnh sớm hôm thăm hỏi, thì ai chẳng biết, nhưng không mấy người đã hay suy cùng được cái biết ấy; nếu bảo rằng mới biết được cái lẽ-nghĩ quạt nòng ấp lạnh sớm hôm thăm hỏi ấy đã cho là hay tri-tri rồi, thế thì nếu ai hay biết được đạo vua nên nhân, cũng cho là đã hay tri-tri về điều nhân; biết được đạo tôi nên trung, cũng cho là đã hay tri-tri về điều trung, như thế thì thiên-hạ ai chẳng hay tri-tri; cứ xem thế thì biết tri-tri tất phải hành, nếu không hành được thì không gọi là tri-tri, cái nghĩa « tri-hành hợp-nhất » lại càng rõ lắm vậy. Xem như ông Thuấn không thừa với cha mẹ mà lấy vợ, có phải trước ông Thuấn đã có người làm như thế để làm chuẩn - tắc, nên ông Thuấn có chỗ xét hỏi bắt-chước mà cũng làm như thế dư? Hay là chỉ hỏi ở chút niệm lương-tri của tâm mình, rồi cân nhắc nặng nhẹ bất-đắc-dĩ mà cũng làm như thế dư? Vua Vũ chưa táng cha mà đã dấy quân đi đánh chúa Trụ, có phải là trước vua Vũ đã có người làm như thế để làm chuẩn-tắc, nên vua Vũ có chỗ xét hỏi bắt-chước mà cũng làm như thế dư? Hay là chỉ hỏi ở chút niệm lương-tri của tâm mình, rồi cân nhắc nặng nhẹ bất-đắc-dĩ mà cũng làm như thế dư? Nếu tâm vua Thuấn không thật là sợ vô-hậu mà vội lấy vợ không thừa với cha mẹ, tâm vua Vũ không thực là vị cứu dân mà vội dấy quân không chờ táng cha, như thế thì thực là bất-trung bất-hiếu rất lớn, thế mà người đời sau không biết tri lương-tri của mình, dễ tình xét những sự-lý trong khi cái tâm mình

cảm ứng thù-tặc, chỉ muốn huyền-không thảo-luận những sự thường-biến, bằng-cứ đó để chế-định mọi việc, mong lúc lâm-sự cho khỏi sai, thì cũng khó lắm vậy. (Vương Dương-minh)

Xét : Ba bài trên này là phát-minh cái chân-lý tri-hành hợp-nhất, rất là rõ-ràng thâm-thiết. Bài thứ ba phần trên nói về chốn lương-tri ứng-dụng, phải nên thể nhận cho kỹ. Trước kia Dương-minh tiên - sinh bảo rằng hai chữ « thị-phi » là cái qui-cử lớn, còn chỗ khéo là tại người, cũng tức như nghĩa trên đó, khác với cái thuyết thầy Chu bảo rằng cứ theo mọi vật mà xét cho cùng cái lẽ.

— Ái này có hỏi rằng người bây giờ đều biết nên hiếu với cha nên thuận với anh, nhưng mà không hay làm được điều hiếu, điều thuận, thế thì tri với hành rõ-ràng là hai việc. Đáp rằng : « Đó là tại lòng tư-dục nó làm gián-đoạn đi, chứ không phải là bản-thể tri-hành, chưa khi nào đã tri mà không hay hành, biết mà không hay làm cũng tức là chưa biết, đáng thánh - hiền dạy người tri với hành chính là bảo phải giữ lấy cái bản - thể ; xem như sách Đại-học nói rõ về nghĩa tri-hành bảo rằng : « Như yêu sắc đẹp, như ghét mùi hôi. » Khi trông thấy sắc đẹp là thuộc về phần tri, khi yêu sắc đẹp là thuộc về phần hành, nhưng ngay cái lúc trông thấy sắc đẹp đã có lòng yêu rồi, chứ không phải trông thấy rồi mới lại định một cái lòng để yêu. Khi ngửi thấy mùi hôi là thuộc về phần tri, ghét mùi hôi là thuộc về phần hành, nhưng ngay khi ngửi thấy mùi hôi đã có lòng ghét rồi, chứ không phải sau khi ngửi thấy rồi mới sinh ra ghét. » Ái hỏi lại rằng : « Cổ-nhân chia tri với hành ra làm hai, cũng là mong cho người ta hiểu biết được rõ, một đàng cổ công-phu về phần tri, một đàng cổ công - phu về phần hành, thì

mới có chỗ dụng-công để mà theo». Đáp rằng: « Nói thế thì sai mất tôn-chỉ của cồ-nhân, ta bảo rằng tri là cái chủ-ý của hành, hành là cái công-phu của tri, tri là lúc hành mới bắt đầu, hành là lúc tri đã thành-công; nếu đến lúc đã hiểu được như thế rồi, thì chỉ nói tri mà hành đã ở đó; chỉ nói hành mà tri đã ở đó. Cồ-nhân sở dĩ đã nói tri lại phải nói hành, là vì ở đời có một hạng người chỉ mờ - mịt nhiệm-ý mà làm, không biết nghĩ ngợi xem xét, như thế chỉ là làm càn làm bậy, sở dĩ phải cần đến tri thì hành mới được đúng. Lại có một hạng người chỉ mệnh - mang suy nghĩ vơ - vẩn, không chịu thiết-thực cung-hành, như thế thì là suy-nghĩ mơ-màng, sở dĩ phải cần đến hành thì tri mới được thực. Đó là cồ-nhân bất-dắc-dĩ phải nói rõ cái thuyết tri với hành ra để mà bổ-thiên cứu-tệ. Nay nếu đã biết được tôn-chỉ rồi thì đâu phải làm hai cũng chẳng hại gì; nếu không biết được tôn-chỉ thì đâu hợp làm một cũng không ích gì, chỉ là bàn nói hão mà thôi. (Vương Dương-minh)

Xét: Dương-minh tiên-sinh bảo rằng biết mà chẳng làm cũng như là chưa biết, đó tức là giải rõ cái tôn-chỉ tri hành hợp nhất. Vậy nên bảo người ta tri lương-tri, tức là bảo người ta phải hành đó. Nếu chỉ nói về cái bản-thể lương-tri thì chắc là tiên-sinh cũng cho là nói hão-huyền vậy

— Hoặc kẻ hỏi về thuyết tri-hành hợp-nhất. Tiên-sinh đáp rằng: « Cốt phải hiểu biết cái ý ta nói mới được, kẻ học-giả đời nay vì đem chia tri với hành ra làm hai, nên khi mới phát-niệm ra một ý gì, đều là bất-thiện, nhưng chưa đem ra làm, cũng không biết cấm-chỉ ngay đi. Nay ta bảo tri hành hợp-nhất, là bảo cho người ta biết rằng hễ mới phát-niệm ra một ý gì, tức là đã hành rồi đó. Nếu cái điều phát-niệm ấy là bất-thiện thì phải cấm-

chỉ ngay cái tâm-niệm bất-thiện ấy đi cho tiết nọc đừng để một chút tâm-niệm gì bất-thiện nó tiềm-phục ở trong tâm, đó là cái tôn chỉ ta lập-ngôn như thế. (Vương Dương-minh)

Hoàng L'-Chân nói rằng: Cốt nghĩa tri hành hợp-nhất đến như thế, thực là giản-ước rõ-ràng, học-thuyết của tiên-sinh rất là chân-thiết, người đời sau phải nên lưu-ý thể nhận.

Cần xét: Dương - minh tiên - sinh thường nói rằng: « Nếu người nào đã biết đạo vua phải nên nhân, thì cho là đã hay tri-tri về điều nhân; biết đạo tôi phải nên trung, thì cho là đã hay tri-tri về điều trung, như thế thì thiên-hạ ai chẳng hay tri-tri được. » Câu nói ấy là bảo nếu biết điều thiện mà chẳng hay làm, thì cũng chẳng đủ làm điều thiện. Còn như lời nói trên này là bảo mới khởi-niệm điều ác mà chưa làm, cũng tức là ác rồi, ý là bảo rằng người ta lúc mới phát-niệm điều gì tức như đã làm rồi vậy. Nếu như thế thì ta mới phát-niệm nghĩ đến ái-quốc, đã bảo rằng ta đã làm được việc ái-quốc rồi ư, như thế thì trái với cái thuyết ở trên. Không biết rằng lương - tri không phải chỉ là biết điều thiện biết điều ác mà thôi, đã biết điều thiện thì phải nên làm, đã biết điều ác thì phải nên bỏ; biết điều thiện nên làm mà chẳng chịu làm thế là dối lương tri; biết điều ác nên bỏ mà chẳng chịu bỏ thế cũng là dối lương tri. Vậy nên lòng thiện-niệm mới phát-động cũng chưa đủ khen là thiện, là tại có sao? Có là tri-hành phải hợp nhất. Lòng ác-niệm mới phát-động, mà đã gọi là ác, là tại có sao? Có là tại tri hành vẫn hợp-nhất.

— Hoặc kẻ hỏi về thuyết tri - hành hợp-nhất. Đáp rằng: « Trong thiên-hạ chỉ có một cái tri, không hành thì không gọi là tri được, tri với hành có bản-thể và có cả công-phu, như mắt trông thấy

tức là tri, nhưng đã trông thấy rồi cũng
 • tức là hành ; tai nghe được là tri, nhưng
 đã nghe được rồi cũng tức là hành, rút
 lại chỉ nói một chữ tri cũng đã hết
 nghĩa rồi. Thầy Mạnh bảo rằng đứa trẻ
 con đứa nào cũng biết yêu cha mẹ nó,
 đến lúc lớn lên đứa nào cũng biết kính
 anh nó ; chỉ nói tri mà thôi, nghĩa là
 đã biết tức là hay làm, không cần phải
 nói nó hay yêu hay kính nữa ; nguyên
 bản - thể nó vẫn hợp - nhất, liên-sinh
 thấy các hậu-nhो đem chia làm hai, bất-
 đắc-dĩ bảo phải hợp-nhất lại, nghĩa chữ
 tri không phải những là hiểu biết, nghĩa
 chữ hành không phải chỉ là theo làm,
 tri-hành là chứng tự trong tâm-niệm
 người ta, tri mà hay chân-thiết đốc-
 thực tức là hành, hành mà hay minh-
 giác tinh-thiết tức là tri, hai chữ tri-
 hành đều nói về công-phu, mà nguyên-
 lai vẫn là hợp-nhất, không phải là cố-
 ý lập-thuyết ra để bắt người ta tin theo
 vậy. (Vương Long-khê)

Xét : Cái thuyết Long-khê nói rõ cái
 tôn - chỉ tri hành hợp-nhất của ông
 Dương-minh rất là rõ ràng, các hậu-
 nhो còn giải-thích ra rất nhiều, nhưng
 cũng không ngoài cái thuyết ấy.

Lại xét : Bên Thái-Tây đời cổ có
 Thoa-cách - lập-đế, đời gần đây có
 Khang-đức-tỉ-khuê-lê, (Hắc-tri-nhi)
 đều lấy cái nghĩa « Tri hành hợp-nhất »
 để dạy người, cùng với cái thuyết của
 ông Dương-minh cùng hưởng-ứng,
 giống nhau như in con sọ. Lục Tượng-
 sơn có nói rằng : « Ở Đông-hải với Tây-
 hải nếu có ông Thánh-nhân ra đời,
 đồng cái tâm ấy thì cũng đồng cái lý
 ấy cả. » Câu nói ấy thực là đúng lắm.
 Cái nghĩa « tri hành hợp-nhất » vì như
 đan-đao nhập-trận phá toang cả ra,
 khiến những kẻ nguy-thiện không còn
 lẫn trốn vào đâu được nữa. Dương-
 minh bảo rằng : Trong thiên-hạ chỉ có
 một cái tri, không hành thì không gọi
 là tri-được. Đã bảo rằng không hành

thì không gọi là tri, thì dầu bảo rằng
 trong thiên-hạ chỉ có một cái hành
 cũng được, đây chính là cái nghĩa
 hợp-nhất đó. Nay thử lấy lời thông-
 thường mà giải-thích, như là cùng
 người nói về nghĩa ái-quốc, nói về nghĩa
 hợp-quần, thì kẻ kia nói rằng ta đã biết
 rồi, không những là tự-đắc đã biết rồi,
 kẻ kia lại còn đem những nghĩa ấy nói
 chuyện với người, hình như là khảng-
 khái khích-ngang lắm, song ngoài cái lúc
 khảng-khái khích-ngang ra thì không
 còn việc gì nữa ; hình như cho là ta
 đã có cái tri ấy rồi, thì cái trách-nhiệm
 ta đã đủ rồi vậy ; thế có khác gì thấy
 cái kẻ mới biết vạch nét chữ hiểu 學
 đã khen là con hiểu ; cái kẻ mới biết
 vạch nét chữ trung 忠 đã cho là tôi
 trung. Cứ như ông Dương-minh xem
 ra thì những hạng người ấy cũng chưa
 từng biết gì vậy. Nhưng nếu quả là
 chưa biết thì cũng còn khá đợi mong,
 nghĩa là mong có khi biết ra mà làm
 ngay đi. Nếu biết mà chẳng chịu làm
 thì còn mong nổi gì. Và trong thiên-
 hạ chỉ có cái người biết mà chẳng chịu
 làm, chứ quyết không có người nào
 toàn là không biết, là tại có sao ? Bởi
 tại cái khiêu biết của người ta đều là
 tốt cả, dầu cái đứa con cực bất-hiểu,
 nhưng cái lương-tri nó vẫn biết hiểu
 là đáng quý ; dầu cái kẻ bày lời cực
 bất-trung, nhưng cái lương-tri nó vẫn
 biết trung là đáng trọng ; đời nay
 những kẻ chỉ ngồi nhìn quốc-nạn, làm
 bại-hoại cả công-đức, cái lương-tri nó
 chưa từng là chẳng biết ái-quốc hợp-
 quần là đáng quý, biết là đáng quý mà
 còn cứ lì như thế, là bởi tại không
 chịu cố gắng về cái công-phu chữ « tri
 致 » mà thôi ; người ta có lương tri
 mà không chịu cố công suy cùng cho
 cực-tri, thế là tự dối lương-tri của mình
 vậy. Nói cho rõ ra thì gọi là nguy,
 người mà đã đến là nguy, tức là hạng
 tiểu-nhân không còn có sợ hãi gì cả, sở-
 dĩ Dương-minh tiên-sinh phải nói rõ

ra cái thuyết « tri hành hợp-nhất » để giải-thích cái nghĩa « tri lương-tri » ra cho rõ, là vì thế.

Lại xét : Đã biết rõ cái nghĩa « tri hành hợp-nhất » không những là chỉ biết cái nguyên-lý lương-tri mà thôi, lại phải biết cái lương-tri nó ứng-dụng ra thế nào ; thế thì gọi là cái học tri-lương-tri, không những là chỉ học cho hay lấy một mình, vu-khoát mà chẳng đủ đem ra để cứu đời vậy. Nay dẫn lời họ Vương để chứng rõ ra sau này.

— Hoặc có kẻ hỏi như việc thờ cha mẹ, nào là quạt nòng ấp lạnh, sớm hôm thăm hỏi, còn nhiều lễ-nghi tiết-mục nữa, có phải cần giảng-cứu cả không ? Đáp rằng : Sao lại chẳng cần phải giảng - cứu, nhưng phải cốt xét ở tâm mình sao cho bỏ được nhân - dục, giữ được thiên - lý, như là mùa đông cầu cho cha mẹ ấm, thì cốt phải làm cho tận-tâm về điều hiếu ấy, chỉ sợ có một chút nhân-dục gì nó gián-tạp vào ; mùa hè cầu cho cha mẹ mát, cũng cốt làm cho tận-tâm về điều hiếu ấy, chỉ sợ có một chút nhân-dục gì nó gián-tạp vào. Nếu cái tâm ấy không còn có tí gì nhân-dục, toàn là thiên-lý, thế là đã có cái thành-tâm hiếu với đấng thân, mùa đông sức nghĩ đến cha mẹ rét thì tự - nhiên nghĩ sao làm cho ấm ; mùa hè sức nghĩ đến cha mẹ nóng thì tự-nhiên nghĩ sao làm cho mát. (Vương Dương-minh)

Xét : Đây là nói tu về đường đạo-đức với theo về đường học vấn hai đường không có phương-hại gì nhau cả. Tu về đường đạo-đức thì ngày bớt những điều dở đi, vậy khiến cho cái tâm ấy đừng có một chút nhân-dục gì gián-tạp ; theo về đường học-vấn thì ngày làm cho thêm những điều hay ra, vậy phải giảng-cứu cả các điều-lý tiết-mục. Nhưng đã tu về đạo-đức ngày bớt dở đi, thì cái đường học-vấn ngày

thêm cái hay ra, chính là đem cái đạo ấy ra để ứng-dụng. Vả lại tu về đạo-đức mà đã hay bớt được cái dở, thì học-vấn tất là phải ngày càng rộng thêm để mà đem ra ứng-dụng được. Như là thực có cái lòng ái-quốc, thì tự hay xét xem những khoa-học nào, là quốc-gia không thể thiếu được, tự mình phải gia công nghiên cứu ; lại nghĩ xem những công-việc gì là quốc-gia phải nên làm, thì tự mình phải hết sức điều-tra ; nghiên-cứu và điều-tra đều là bởi cái lòng ái-quốc mà mình phải làm, vậy nên bảo rằng cần phải giảng-cứu. Nhưng mình sở-dĩ nghiên cứu điều-tra, phải toàn là vì cái mục-đích ái-quốc, chứ không phải vì điều gì mà mình mới làm ; nếu có vì điều gì mà mới làm, thì tức là bị phải nhân-dục nó gián-tạp rồi ; vậy nên bảo phải xét ở chốn đầu - não. Xem thế thì học-thuyết họ Vương cùng với việc giảng-bàn thời-vụ, có phương-hại gì nhau đâu.

— Nếu đã tri được lương-tri cho đến thiết-thực rồi, thì dầu học về nghề khoa-cử, cũng không làm lụy tâm mình được — mình cứ tha hồ đọc sách, chỉ cốt phải điều-nhiếp lấy cái tâm mình mà thôi, có việc gì mà hệ-lụy. (Vương Dương-minh)

Xét : Thầy Trình bảo rằng : Học nghề cử-nghiệp cũng không sợ gì hại công-phu, chỉ sợ nó đoạt mất cái chí mà thôi. Lời họ Vương nói như trên là cũng bản tự lời thầy Trình. Học nghề cử-nghiệp thực là đáng khinh - bỉ, nhưng nếu hay tri được lương-tri cho thiết-thực, thì cũng chẳng sợ nó làm lụy được tâm mình. Thế thì ta cứ hằng ngày vào nhà trường tập khoa-học có sợ gì hệ-lụy. Đời nay có kẻ cho rằng giảng tập đạo-học thì có phương-hại đến khoa-học, rồi bỏ cả đạo-học mà không nhìn đến, thì sao

nên Hoặc có kẻ cho rằng giảng-lập khoa-học có hại đến đạo-học, rồi bỏ cả khoa-học mà chẳng theo, thì không phải. Cái câu thầy Trình bảo rằng chỉ sợ nó đoạt mất chí thì phải lên chú-ý, hễ lúc nào vào nhà trường lập khoa-học, thì thời - thường tĩnh - thức cái lương-tri của mình đừng để cho nó phóng-quá lúc nào, đó là điều cốt-tử.

— Nếu mình đã giữ được lương-tri rõ-ràng, thì tuy lúc mình ở chốn tĩnh mà thể-sát, hay là tuy lúc mình đi làm việc mà ma - luyện cũng càng hay. (Vương Dương-minh)

— Phải nên cần làm việc ma-luyện lấy công-phu cho đặc - lực, nếu chỉ hiểu-tĩnh, sợ đến khi gặp việc thì lại rối loạn, mà cái công-phu lúc tĩnh cũng sai, lúc tĩnh hình như thu - liễm được, nhưng không khéo lại hóa ra phóng dật. (Vương Dương-minh)

Xét : Phải nên cần làm việc để ma-luyện công-phu, đó cũng là một yếu-điểm họ Vương dạy người, thế thì tri lương-tri không phải chỉ để độc-thiện cho mình vậy.

— Đạo vốn ở đó, học cũng ở đó, cả thiên-hạ tin theo cũng chẳng là nhiều; nếu có một người tin cũng chẳng là ít, ấy là cái tâm của người quân-tử đầu đời chẳng có ai tin mình cũng không buồn. Nhưng cái tình ta thật là bất-đắc-dĩ mới phải xướng lên cái thuyết « tri lương-tri », ai tin hay không tin cũng chẳng kể chi. Phải biết rằng người là cái tâm của trời đất, trời đất muôn vật đều là nhất-thể với ta, kẻ sinh-dân gặp lúc đồ-độc khốn khổ, đó chẳng phải là những điều đau đớn thiết đến thân ta đấy ư ? Thế mà chẳng biết những điều đau đớn của thân ta, đó là hạng người không có cái tâm biết phân-biệt thị - phi vậy. Cái tâm phân-biệt thị - phi, không nghĩ mà tự biết, không học mà tự hay, đó tức là lương-tri đấy. Cái lương - tri ở trong tâm mọi người, không kỳ là thánh

hay là ngu, xưa nay thiên-hạ ai cũng đồng cái tâm ấy cả. Những bậc người quân - tử đời nay chỉ cốt tri lương - tri của mình, thì tự hay công thị - phi, đồng hiếu - ố, coi người cũng như mình, coi nước cũng như nhà, mà lấy cả trời đất muôn vật làm nhất - thể, như thế thì thiên-hạ lẽ nào mà chẳng trị. Cốt-nhân sở-dĩ hay thấy điều thiện của người coi cũng như là mình làm, thấy điều bất-thiện của người coi cũng như là mình mắc, coi dân đối rét cũng như là mình đối rét, một người dân mà thất-sở, cũng như là tự mình lẩn nó xuống ngòi rãnh, cái bụng như thế không phải là mong cho thiên-hạ họ tin mình đâu, chỉ cốt là tận cái bụng lương-tri của mình cầu cho nó thỏa-mãn mà thôi. — Đời sau cái học lương-tri không rõ, người trong thiên-hạ chỉ dụng cái tư-trí để cùng khuynh-loát nhau, mỗi người một bụng, mỗi người một ý-kiến méch-lệch thiên-là, một kế-thuật gian-giảo trá-ngụy, không thể kể sao cho xiết được; bề ngoài thì mượn cái tiếng nhân-nghĩa, mà bề trong thì chỉ cốt tự-tư tự-lợi, nói dối để đua đời, làm bộ để cầu khen, cướp điều hay của người mà khoe làm mình giỏi, thóc-mách việc riêng của người mà phò làm mình thẳng, tranh-phần để đua hơn mà cho là vị điều nghĩa, thâm-hiềm để hại người mà cho là vị ghét kẻ ác, ghen hiềm ghét tài mà tự cho làm công thị-phi, tư-tình tưng-dục mà tự cho làm đồng hiếu-ố, trong một nhà cốt-nhục chi-thân mà còn lẩn nhau hại nhau, chia ra phen rào kia khác, mày tao ganh khí; huống-chi là lớn cả thiên-hạ, đồng cả nhân-dân, thì sao hay coi là nhất-thể được, không trách được cứ phân-vân rồi bết họa-loạn mãi không thôi. Ta nhờ trời hiền biết về cái học lương-tri, nghĩ rằng phải học như thế thì thiên-hạ mới khỏi loạn được; bởi vậy nghĩ đến nhân-dân chìm-đắm thì lấy làm đau lòng, quên

minh là bất-tiểu mà muốn đem ra cứu đời, cũng tự biết là bất - tự-lượng; người thiên hạ thấy ta như thế, nào là chê cười ruồng bỏ, cho ta là cái người táng-tâm bệnh cuồng. Than ôi! ta có quản gì đau, ta nghĩ cái điều đau đớn thiết-thân mà ta phải làm, ta chẳng kể gì người chê cười cả. Người ta vẫn trông thấy cha con anh em sa đắm vào vực sâu, khúm-núm kêu gào, trần chuồng khổ sở, như thế mà không cứu là táng-tâm bệnh-cuồng đấy. Những người cười đùa ở bên người đắm đuối mà chẳng biết cứu, chỉ là người đi qua đường, không có cái tình thân-thích cốt-nhục gì mới thế; nhưng đã bảo rằng người nào không có cái lòng trắc-ân thì không phải là người. Còn như người còn có cái tình-ái cha con anh em, thì ai là chẳng đau lòng chạy cuồng lên để đi cứu-vớt, giả mà đến mắc phải chìm đắm cũng chẳng sợ, nữa là còn sợ cái tiếng chê táng-tâm bệnh cuồng ư, nữa là còn mong người ta tin với chẳng tin ư. Than ôi! Người đời nay dầu bảo tôi là người táng - tâm bệnh cuồng cũng được, nhân-tâm thiên-hạ đều là tâm ta cả, người thiên-hạ còn có kẻ bệnh cuồng; ta sao được mà chẳng bệnh cuồng; còn có kẻ táng - tâm, ta sao được mà chẳng táng-tâm. Xưa kia đương thời đức Khổng - tử, còn có kẻ chê ngài là siểm, bĩ ngài là nịnh,... thế thì người đương lúc ấy còn có kẻ không tin Khổng-tử, há những hai ba phần trong mười phần mà thôi đâu. Thế mà Khổng-phu-tử vẫn đau-dầu vội vàng mong ra cứu đời, không lúc nào ngồi được ấm chiếu, có phải chỉ mong cho người ta biết mình tin mình đau, vì cái bụng nhân cho cả trời đất muôn vật làm nhất-thề, nên mới lấy làm đau-đớn bách-thiết, muốn thôi đi không nhìn đến mà cũng không thể thôi được,... Còn như trốn đời cũng chẳng lấy gì làm buồn, biết số mệnh vui lẽ trời, không lúc nào là chẳng vui-thú tự-đắc,

cái đạo xuất với xử cũng tịnh-hành chứ không trái khác gì nhau cả. Bất - tiểu này dám đâu nhận lấy đạo Khổng làm tự-nhiệm, nhưng vì cái tâm cũng hơi biết đau-đớn đến thân mình, nên mới bàng-hoàng tứ-cổ tìm xem có ai giúp mình để cùng giảng-cứu trừ bỏ cái bệnh ấy đi cho. Nếu mà được những kẻ hào-kiệt đồng-chí phù-tri giúp đỡ, cùng giảng rõ cái học lương-tri ra cho thiên-hạ biết tri cái lương-tri của mình để cùng tương-an tương-dưỡng, bỏ những điều tự-tư tự-lợi đi, rửa hết những cái thói ghen ghét gièm pha tranh phần, cùng bước lên cõi đại-đồng, như thế thì cuồng bệnh của ta tự-khắc là thoát-nhiên khỏi, mà tuyệt hẳn cái lo táng-tâm vậy. (Vương Dương-minh).

Xét: Trên đây là cái thư của Dương-minh tiên-sinh đưa cho ông Nhiếp Song - giang, mỗi một chữ là một giọt máu một giọt lệ, đọc lên mà không bức-tức thì không phải là người; xem thế thì Vương-học không phải chỉ độc-thiên lấy thân mình, cái vị thuốc hay cứu đời không gì thiết bằng vậy. Cái tâm của Dương-minh tiên-sinh, cũng như cái tâm của Khổng-tử, Thích-già, Cơ-đốc; lời nói của tiên-sinh cũng như lời nói của Khổng-tử, Thích-già, Cơ-đốc, cho rằng không như thế thì không biến đổi được nhân-tâm trong thiên-hạ, mà thiên hạ cũng không khi nào trị được; lòng thành khẩn-thiết biểu-hiện ra lời nói, không khác gì như ghé tai mà dạy bảo cho chúng ta, tuy lũ chúng ta chẳng thích nghe, hoặc có kẻ phỉ-báng trong bụng, chề-bai trước mặt, tiên-sinh cũng chỉ lấy làm thương xót chứ không tức giận gì cả. Tuy rằng thế, lũ ta chẳng may mà không được nghe lời tiên-sinh thì chớ, nếu đã được nghe, mà cũng chẳng chịu để chí về cái chí của tiên-sinh, theo học về cách học của tiên-sinh, thế là người tự-bạo tự-khi vậy; kẻ tự-bạo thì không bảo cho

điều gì được, kẻ tự-khi thì không thể cùng làm việc gì được. Nay thử xét xem người toàn-quốc nếu đều như lời tiên-sinh bảo rằng chỉ dùng tư-trí để khuynh-loát nhau, giả danh-nghĩa tự-tư-tư-lợi, ở với người trong chi-thần-cán cũng cùng lẫn hại nhau, nếu đều như thế cả, thì tiền-đồ nước nhà còn ra thế nào nữa. Mấy năm nay những lời nói khẩu-đầu như những tiếng ái-quốc hợp-quần, thì ai ai cũng nói luôn, mà không bỏ-ích cho quốc-sự được một tí gì, là chính vì cái lỗi đó. Sách có chữ rằng : « Bất thành vô vật 不 成 無 物 » nghĩa là đã không có bụng thành-thực thì chẳng nên sự-vật gì cả. Lợi rằng : « Chi-thành mà chẳng hay cảm-dộng chưa có thể bao giờ, chớ như bất-thành thì không khi nào hay cảm-dộng được. » Thế thì kẻ chi-sĩ ngày nay chỉ có một cách là phụng Dương-minh tiên-sinh làm bậc nghiêm-sư, lúc nào cũng nhớ đến cái câu : « Bất khi lương-tri » tự xét những chỗ ăn-vi trong tâm-lũy của mình, không những thế, lại hằng ngày trách - thiện các bè-bạn, cùng giảng - minh cái học lương-tri ra để duy-tri lấy nhân-lâm, cứ giữ thế làm khuôn, rồi các điều tiết-mục sự biến cử theo thế mà làm, không vượt ra ngoài cái khuôn ấy, thời mình sở-dĩ cứu-quốc không kỳ là tôn-chỉ thế nào, thủ-đoạn thế nào, mà trăm việc đều là nhất-trí, khác đường đều là đồng-quy cả. Nếu không thế thì dễ là bất-thành vô-vật, nhất-thiết tôn-chỉ, thủ-đoạn, còn bầu vào đâu mà làm, đều là nói suông cả mà thôi. Các nước bên Âu-Mi đều lấy Cảnh-giáo để làm cái đích duy-hệ nhân-tâm, nước Nhật thì tôn-sùng Phật-giáo rất là đặc-lực, từ khi nước Nhật duy-tán trở về trước, công-nhận những người hào-kiệt tạo thời-thế như là ông Trùng-giang-đăng-thụ, Hùng-trạch-phiên-sơn, Đại-giám-hậu-tổ, Cát-diên-tùng-âm, Tây-hương-nam-chấn, đều lấy Vương-học để làm

khuôn-phép cho kẻ hậu-bối, đến nay trong xã-hội bọn quân-nhân, cũng còn tôn-ngưỡng Vương-học, cái giá-trị kẻ quân-nhân nước Nhật thế-giới đều suy-phục cả, biết đâu là chẳng bởi một chút tinh-thần giáo-dục tự Vương tiên-sinh ban cho đó vậy. Lũ chúng ta ngày nay muốn cầu lấy cái tinh-thần giáo - dục, bỏ cái học ấy thì còn lấy cái gì, thế mà lại đem vất kho báu của mình đi, vác bát lẩn cửa đi ăn xin, thực đáng thương thay !

Lại xét : Vương-tiên-sinh muốn lấy cái nghĩa tri-lương-tri để biến đổi cả nhân-tâm trong thiên-hạ, như thế có chắc được không hay là không chắc ? Thực là một điều nghi-vấn. Kể bài-bác bảo rằng : Cối đời sở-dĩ tiến - hóa, là bởi tại loài người ta biết tranh tự-tồn, thế thì tự-tư tự-lợi cũng là một điều cốt-lũ của loài người ta để mà tự-tồn đó ; nay như Vương-tiên-sinh nói muốn khiến người trong thiên-hạ điều tự-tri cái lương-tri của mình, để cùng bước lên cõi đại-dồng, cái ý ấy vẫn rất tốt. Song, mình làm như thế mà người ta vị-tất đã như thế, mình thì thoái mà người ta thì tiến, sợ lại yếu hèn hơn người ta, thế gọi là cái đạo - đức tiêu-cực, chớ không phải cái đạo-đức tích-cực vậy. Ta đáp lại rằng : Không phải thế, vô-luận cái chủ-nghĩa công-lợi không đủ làm phép-tắc cho đạo-đức, mà cứ xem như luận về công-lợi chủ-nghĩa bảo rằng lợi ấy là tất làm lợi cho cả đại-ngã phần nhiều người mới thực là chân-lợi, nếu chỉ biết phần tiểu-ngã mà chẳng biết phần đại-ngã, tuy gọi rằng lợi nhưng không phải lợi, không khéo lại hóa hại. Cái phạm-vi phần đại-ngã có rộng có hẹp, thử lấy một nhà đối với một thân, thì một nhà là đại-ngã ; lấy một địa-phương đối với một nhà, thì một địa-phương là đại-ngã ; lấy một dân-tộc, một quốc - gia đối với một địa-phương, thì dân-tộc quốc-gia là đại-ngã ; cứ kể như thế thì

không biết bao nhiêu là cùng ; mà cái tâm-niệm mình định hi-sinh phần tiêu-ngã để bảo-toàn lấy phần đại-ngã, tức là bỏ những điều tự-tư tự-lợi đi, để cùng bước lên cõi đại-dồng đó. Nói rút lại tức là công-lợi công đức mà thôi, Vương-tiền-sinh muốn đem để biến đổi nhân tâm tức là cái vật ấy, mà cái lẽ trong cõi thiên-diễn tranh lấy tự-tồn, chẳng ngoài cái vật ấy vậy. Kê cãi lại bảo rằng ; Lấy như phách-lực Vương-tiền-sinh suốt đời đề-xướng cái nghĩa ấy, mà nhân-lâm lúc bấy giờ chẳng thấy biến-dịch được chút nào, xem thế thì biết cái đạo ấy rất ngược, không thể đạt ra cả thiên-hạ được. Báp lại rằng ; Cái việc ấy rất khó thì ai cũng biết, lẽ nào thấy khó mà lại thôi ngay

đi ư, từ xưa đến nay học-phong trong một đời chẳng qua chỉ vài người có mãnh-lực đề-xướng lên, rồi cái ảnh-hưởng nó lan ra, ơn-trạch mãi không dứt, hoặc đến và mười năm, đến trăm năm, cái lẽ ấy trong bài bản về nhân-tài của ông Tăng Văn-Chính nói đã thâm-thiết rõ ràng lắm rồi, lẽ nào lại không hay biến-dịch được thiên - hạ. Kinh Thi rằng : Tiếng chuông văng-vẳng trong cung, vang ra khắp đến ngoài đồng hưởng theo. Chỉ cốt tại người hữu - chỉ biết tự phần-chấn lên mà thôi.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

MÊ-TÍN VỚI CHÂN-LÝ

Kể những điều mê-tín thời người ta thật nhiều. Tự-trung có điều như đổi vàng bạc, tin đồng bóng, v. v.. là hàm có ý-nghĩa tôn-giáo ; lại có điều lưu-xuất tự các thuật thần-bí như: bói, toán, sao hạn, v. v.. Đây tôi không bàn, chỉ đặc-cử ít điều thông-thường mà xét nguyên-nhân nó ở đâu, nghĩa là trong mê-tín có phần chân-lý nào không ; nhân xét vì sao chân-lý lại thành ra mê-tín, vì sao mê-tín lại thịnh-hành, và cái phương-pháp chữa bệnh mê-tín, vì thiệt là một thứ bệnh, một thứ bệnh về tùy-rã, về tinh-thần.

Tôi xin nói trước rằng bài này không chủ ý sưu-lập những điều mê-tín lưu-hành trong nước. Mấy điều tôi sẽ kể làm tỉ-dụ sau này chưa chắc là phổ-thông : có điều trong một địa-phương có mà qua địa-phương khác thời có lẽ không ; lại có một điều tự nó không phải không hay ; không hay là cái tâm-

lý những người thực-hành, lẽ ấy tôi sẽ phân-giải.

Mê-tín đủ cả các tính-cách, phát-hiện ra khắp cả các trạng-thái của sinh-hoạt ; nhưng tôi đã nói chỉ xét những điều thông-thường thời tôi sẽ theo một cái khái-lược sau này cho tiện. Cái khái-lược ấy rất giản-dị, nghĩa là tôi sẽ tiết-thứ xét những điều mê-tín của cá-nhân, trong gia - đình, rồi đến những điều có quan-hệ đến cuộc xã-hội giao-lễ.

I. — Kể cá-nhân, từ cách sinh-hoạt động-vật như ăn ngủ, cho đến cách sinh-hoạt thuộc về tinh-thần đều có thể liên-dai với những điều mê-tín. Tôi xin dẫn một ít điều :

10) Ăn mặc xương thời xoay mâm, bỏ muối vào bếp, hay là dóm vào trong cái ới, là cái đồ người ta dùng mà đựng cá.

20) Ngủ kiêng đắp mặt, nhất là đắp bằng vải đỏ, kiêng nằm trở đầu ra ngoài sân ;

30) Hồng xôi kiêng trở củi hay là thay dầm củi ;

40) Kiêng đánh mâm, đánh chén đĩa. (Trẻ con ngồi ăn đánh mà chơi).

50) Kiêng soi gương ban đêm, vì soi thời lạt duyên ;

70) Đau mắt kiêng cầm kim ;

60) Văn thơ sai hay là trẻ.

II. — Trong gia-đình cũng có lắm điều mê-lin :

10) Ban đêm chải đầu kiêng cho cha, quét nhà kiêng cho mẹ ;

20) Có người đi xa vắng thời ở nhà kiêng để chể ;

30) Có khách thời kiêng quét nhà. Những chỗ cầu đông khách như thờ gá bạc, thanh-lâu, v.v., lại càng kiêng lắm, vì quét là tiện-thị khách không tới nữa.

III. — Trong nhà đi ra, trừ những việc chọn ngày giờ, còn có nhiều điều mê-lin khác nữa :

10) Gặp rắn thì đi, gặp qui thì về ;

20) Gặp đàn ông là may, gặp đàn bà là rủi ;

30) Có việc phải đi cách sông mà trở đò cũng là một điềm xấu ;

40) Kiêng đi đường lúc tròn bóng.

IV. — Trong cuộc xã-hội giao-tế, có nhiều luật huyền-bí chi-phối :

10) Ăn cưới mà gầy dứa là một cái triệu đại-bất-tường ;

20) Hai ba người rửa chung một thau nước thời sinh ghét nhau. Vì vậy nên trước khi rửa, có người lấy ngón tay mà rạch nước ra như chia phần ;

30) Kiêng vía như vía lạnh (vía người chết) vía phòng, vía đầu rớt, v. v.. Cũng có người tự mình có cái tốt, hay cái vía xấu. Đại-dễ, vía đàn ông tốt, vía đàn bà xấu. Song cũng

thường nghe có người đàn-ông vía xấu, có người đàn-bà vía tốt. Cái vía nó ảnh-hưởng rất rộng : đi thi đi hạch kiêng vía, đi đánh bạc kiêng vía ; bỏ cau kiêng vía ; xắt khoai kiêng vía, lật lợn, lật bò cũng kiêng vía ; đau mắt, đứt tay gì đều kiêng vía cả.

Nay ta cứ theo thứ-tự như trên mà phân-tích từng điều một xem trong các điều mê-lin có phần chân-lý nào không.

I — Mê tin trong sự sinh-hoạt của cá-nhân.

10) Cứ như tôi đã kinh-nghiệm được một vài lần thời mắc xương mà xoay mâm, bỏ muối vào bếp hay là dóm vào trong cái oi, cũng có khi lành được thật. Lành nghĩa là cái xương ra đi hay là trôi mất. Sự lành đó, nếu không phải là ngẫu-nhiên, quả là vì phương thuốc ly-kỳ ấy có ứng-nghiệm, thời tác-dụng nó thế nào ? Muốn hiểu lẽ ấy thời ta thử hỏi : người mắc xương muốn gì ? Tất là muốn xương ra hay là trôi đi. Thế nhưng tự mình thời không đủ nghị-lực mà « khạc », vì khạc là đau. Khi ấy nếu có ai ra cho một cái hiệu gì để nỗ lực trong một cái thời-gian rất ngắn thời hẳn là làm được. Đã làm được thời xương ra hay là trôi đi cũng là việc khá tốt. Hoặc bảo : Như vậy thời ra hiệu thế nào cũng được mà không cần phải xoay mâm, bỏ muối vào bếp hay là khiến dóm vào trong cái oi. Nói vậy là phải. Nhưng nên biết rằng điều ấy cũng như muốn vạn điều khác thuộc về phong-tục chế-độ, cái tổ-truyền bao giờ cũng mạnh hơn cái tân-tạo. Xoay mâm, bỏ muối vào bếp, dóm vào cái oi là những phương-pháp tổ-truyền ai ai cũng biết, cũng làm vậy. Người thủ-thuật thường thường cũng chỉ là nựu-cửu mà làm, chứ không hiểu lẽ ấy. Nhưng nếu hiểu tự-liện ra hiệu cách khác, thời vị-tất đã được cái hiệu-quả như các cách kia, vì cái mãnh-lực của các cách ấy

nó ảnh-hưởng đến tâm - thần người mắc xương nhiều khi cũng là người biết phương thuốc ấy, tin nơi phương thuốc ấy mà giúp sức cho cái hiệu một phần khá lớn vậy. Đó có lẽ cũng giống như cách cảm - ứng thời - miên mà ngày nay đã nhiều người biết.

2°) Nằm ngủ kiềng đắp mặt. Đắp lại thời hay bị ma bắt. Sau rồi có đau ốm thế nào thời phải dùng đến thầy cúng thầy pháp. Về phương-diện vệ-sinh, ngủ cũng không nên đắp mặt. Mặt đắp thì thở khó, điều ấy chắc cũng nhiều người kinh-nghiệm đến. Vả lại đắp mặt là độc, thân-khí bài-tiết ra khó lưu-thông đi được mà lại hít vào. Ấy là một cái chân - lý về sinh-lý-học. Lại là một cái chân-lý thuộc về tâm-lý nữa. Ai cũng biết người mình khi chết rồi mà nhập - liệm thời có một vuông vải thường là vải đỏ dùng để đắp mặt, gọi là phủ-diện. Những người đã mục-kích cái cảnh ấy bất-giác mà khái-quát, cho rằng đắp mặt là người chết. Như vậy, mỗi lần thấy ai ngủ mà đắp mặt thời tự-nhiên nhớ lại cái cảnh mình đã trông thấy mà trong thần-trí không yên.

Kiềng trở đầu ra ngoài sân cũng là vì cái lẽ vừa nói đó.

3°) Hông xới kiềng trở củi, và thay dầm củi. Thậm-chí có khi cần trở hay là thay dầm mà cũng không dám làm, lấy lẽ rằng nếu làm thời dẫu cần-thận đến đâu xới cũng không sống! Nói rằng trở củi hay là thay dầm củi mà xới sống thời rất hữu-lý. Xới sống hay chín là quan-hệ nơi hơi nước. Hơi nước liên - tiếp hay là gián-đoạn lại là quan-hệ ở nơi ngọn lửa. Đã trở củi, đã thay dầm củi thời ngọn lửa không tắt cũng có thể mất sức đi ít nhiều. Lửa đã mất sức thời xới phải hư. Chẳng những hư mà thôi, nếu rồi củi vấp núc hay là vấp hông thời đến đồ mất nữa. Nói thế không phải

là hiểu-biện, vì ai cũng biết rằng cái hông bề cao thường gấp hai, hai rưỡi đường trục-kinh của bề nằm; đã thế lại còn chổng trên một cái nôi; cả hông cả nôi lại bắc trên bếp, thường thường là ba hòn núc đất cao mà còm, không vững-vàng gì mấy. Vậy hông xới mà kiềng trở củi và thay dầm củi là vì cần-trọng, có thể gọi rằng một cái chân-lý thuộc về thực-tế.

4°) Ngồi ăn kiềng đánh mâm, đánh chén đĩa. Trẻ con ngồi ăn hoặc có lấy đĩa đánh mà chơi thời cha mẹ lấy làm sợ hãi, là mắng và giạt đĩa ngay. Cha mẹ làm thế là phải, vì ngồi ăn mà đánh gõ như vậy là vô-lẽ. Nhưng có biết tâm-lý người cha người mẹ thời mới biết rằng làm thế chính là vì mê-tín. Cái tiếng mâm (mâm đồng) không nói ai cũng biết là giống như tiếng cái tin hay là cái nhạc. Khi gì khác bằng loài kim của thầy pháp đánh để sai đồng hoặc triệu âm-binh và cùng vài này khác. Ở thôn-quê nhiều thầy không đủ đồ cũng có dùng chén hay đĩa mà đánh. Vậy nếu con trẻ đánh thời cha mẹ cho là không nên, không nên là vì sợ rằng ma-quỉ có nghe lầm mà lại chẳng!

5°) Ban đêm kiềng soi gương. Như trên đã nói, kiềng là vì sợ lạt duyên. Soi gương ban đêm sao lại có cái ảnh-hưởng ly-kỳ ấy? Có hay không, cũng khó lòng mà thí - nghiệm cho đích-xác được. Nhưng ta lại thử hỏi: soi gương là để làm gì? Tất là để trang-sức. Trang-sức là để cho mặt duyên thêm, dẫu không có thể thời chủ-ý những người hay trang-sức cũng là thế. Song trang-sức thường-thường là việc ban ngày, làm để đi đây đi đó, hoặc là để thù-iếp tân - khách cho đứng-dẫn, khỏi ra người vô-lẽ. Còn ban đêm thời trang-sức là việc vô-ích. Về phương-diện đàn-bà, trang-sức ban đêm lại giống như không được chính-dinh nữa, vì đó là cái thói của bọn ca-nhi kỹ-nữ

Nhưng xét vậy là theo cái tâm-lý của sự kiêng, nghĩa là theo tâm-lý đời xưa, hay là tâm-lý của người thôn-quê; chứ theo phong-tục đời nay, nhất là ở chỗ thành-thị, giao-thiệp rộng-rãi, ban đêm cũng gần như ban ngày, thời sự kiêng đó không còn có nghĩa-lý gì nữa.

6.) Đau mắt kiêng cầm kim. Chữ cầm đây hiểu theo nghĩa chích mà thôi, chứ không nói tỉ dụ rằng cầm kim là may. Phi chỉ kiêng cầm mà thôi thậm-chí rờ đến cái kim cũng kiêng nữa. Theo sinh-lý-học thì một cái kim-quan gì, khi làm việc, nhiệt-độ cao hơn khi nghỉ. Trong nghề may, mắt làm việc không phải ít. Làm việc lâu thời nhiệt-độ lên cao mà sinh ra lấm. Bởi vậy đau mắt mà nếu còn may được cũng không nên làm. Rủi thay, nhiều người hay khái-quát quá! Kiêng may mà kiêng đến rờ cái kim! Ước-hoặc hiểu lầm chữ cầm kim chăng? Nếu quả thế thời lỗi tại cái văn-chương tỉ-dụ vậy.

7.) Văn thơ sai, trệ. Tương-truyền có người vì làm một bài văn một câu thơ mà đau, chết hay là mắc một cái tai-nạn gì khác. Thí-dụ như bài văn tế: «Than ôi vàng lặn cùng thau, ngọc lấm với đá», mà nói tác-giả sau bị chết trôi. Lại như bài thơ của con ông Nguyễn Văn-Thành cũng có người nói là sai; họ cho rằng cái khẩu-khi ấy là tiện-thị mắc tai-ương ấy: nếu vua Gia-long không bắt tội thời tác-giả, đến cả «tam-tộc» của tác-giả cũng chết một cách gì giống như thế. Ấy ngoài những điều đau-đớn do pháp-luật của xã-hội gây nên, cái nạn văn-chương còn do một cái pháp-luật vô-hình mà hà-khốc hơn nữa! Vì vậy nên các nhà làm văn làm thơ giữ-gìn chỗ ấy lắm. Tôi nghe có người nói ước-đạc rằng cụ Nguyễn Du viết truyện *Kiều*, đến đoạn *Kiều sắp trảm*

minh nơi sông Tiền-đường thời thôi, nhờ một người học trò nghèo nghe đầu tên là nho Hàn thuật thay cho, sau *Kiều* gần được trùng-phùng *Kim*, cụ mới cầm viết chép lại. Chuyện ấy thực hư thế nào không rõ, nhưng cũng đủ chứng-rằng có người tin cái thuyết văn thơ sai, trệ lắm. Và ta xem các tiểu-thuyết ngày xưa thời thấy chuyện nào cũng có một cái đặc-sắc này, là kết-cục hao giờ cũng là một cảnh đoàn-viên êm-ấm. Đó không phải là hoàn-toàn căn-cứ ở sự mộng-tưởng mà thôi, mà cũng có vì cái tánh úy-kỵ của tác-giả nữa vậy. Nay ta thử xét văn thơ quả có sai, trệ thật hay không. Muốn thế, ta hãy giả-thiết ra một người làm bài văn hay là một bài thơ rồi đau. Người đã gần đau thời chắc trong thân-thể trong thần-chí có biến-đổi. Sự biến-đổi đó thường thường thời hay phát-lộ ra ở văn-chương. Như thế thời ta thấy rằng vì gần đau mà văn thơ sai, chứ không phải văn thơ sai mà đau. Đau mà chết là một việc hoặc-nhiên, ai ai cũng biết. Nhưng đó là giả-định cái đau và cái chết tự-nhiên, nghĩa là có quan-hệ đến luật sinh-lý. Còn những cái đau và cái chết ngẫu-nhiên như gãy chân, chết trôi, v. v., thời sao? Nếu văn thơ mà quả có thể dự-đoán được, thời hoặc-giả là nhờ công-phu của trí-tiền-thức chăng? Nghiệm ra một đôi khi con người ta cũng có cái mối thần-cảm như thế thật. Trong trường-hợp này cố-nhiên là ta giả-định rằng tác-giả không có điều gì phần-chí, văn thơ không phải là những văn thơ tuyệt-mệnh như ta thường thấy vậy.

Nhân tiện ta xét qua thứ văn thơ gọi rằng có «khí-tượng». Văn thơ có khí-tượng là thế nào? Có thể định nghĩa rằng một thứ văn-chương sai mà sai tốt, không nên lấm với văn-chương có khí hay là có khí-phách vậy. Một cái tí-

độ rất rõ-ràng là câu thơ thua bạc của cậu nhỏ Củng tức là cụ thượng Trứ sau này.

Bỗng chốc nên quan đã xuống chưa.

Ngày nay mà chúng ta nghe tán-dương rằng những câu thơ như vậy là có khí-tượng thời thật là tỉ-mỉ, vật-vạn, ngĩ chẳng ra sao ; nhưng đối với những người đã quen lối văn thơ ấy thời câu thơ đầu ở trên là chưa-chạm hi-vọng tựa-hồ cứ đánh dần, đánh bong dất mãi cũng đến ngày « quan trong năm bảy thứ, quan ngoài chín mười phen », mà không cần gì phải học tập, phải « theo đòi vì phạm lại vì duyên » nữa vậy. Nhưng văn-thơ có khí-tượng quả có quan-hệ gì đến sự-nghiệp của người làm văn làm thơ không ? Trong trường-hợp kể trên, câu thơ của cậu nhỏ cũng có quan-hệ gì đến sự-nghiệp của cụ thượng Trứ sau này không ? Muốn biết điều ấy, ta chỉ đặt mình vào cái cảnh-địa của cậu nhỏ cũng lúc bấy giờ một chút là được. Tôi còn nhớ đầu như một người Tây có viết câu này « Trong mỗi người An-Nam là có một ông quan. Người An-Nam mới đây còn thế, nữa là hồi cậu nhỏ Củng ! Cậu nói câu ấy cũng như ngậm-ngữ tây nói rằng : « muốn là được » mà thôi vậy.

Xem thế thời biết rằng văn thơ sai, trệ là một việc có thật ; chỉ vì lấy kết-quả làm nguyên-nhân mà thành ra một điều mê-tín không có nghĩa-lý gì.

II. — *Mê-tín trong việc gia-đình giao-lễ*

1' Ban đêm chải đầu kiêng cho cha, quét nhà kiêng cho mẹ. Tôi xin thú thực rằng không biết nguyên-lai việc kiêng ấy ở đâu. Ước-hoặc xuất tự một cái ý gì trong các sách nhỏ chẳng ? Duy sở-kiến tôi thời thế này : chữ cha với chữ mẹ đây vị-trí không có quan-hệ gì, cũng như nói « thương cha nhớ mẹ »

« ơn cha nghĩa mẹ » mà thôi. Chải đầu với quét nhà là hai việc sạch sẽ, là có ý trang-sức. Đại-đề những việc trang-sức hay làm ban ngày như đã nói trong mục trên về điều thứ 5. Làm ban đêm là vô-ích mà có khi lại khó xem, cha mẹ thường dạy con như vậy. Nếu thế thời sự kiêng ấy lại là nguyên-nhân thực-tế.

2' Có người đi xa vắng thời kiêng đề tang. Đại-phàm có người thân-thiết đi vắng xa, nhất là về hồi đường-xá hiềm-nghèo, giao-thông không tiện, thời trong lòng lại càng thương người ấy, nhờ người ấy lo nghĩ vì người ấy rồi sinh ra sợ hãi mà không muốn bày ra những cái cảnh-tượng mô-hồ như đề tang hay là những việc gì tương-tự khiến người ngoài có thể hiểu lầm rằng mình đề tang cho người họ không thấy mặt ở trong nhà.

3' Có khách thời kiêng quét nhà : thậu-chí có khi khách đến nhà quá nhộp, không quét không được, thời chỉ quét vào, đập lại trong nhà, đợi khách về mới dọn. Quét nhà thường quét lúc sáng mới ngủ dậy ; trong các bài gia-huấn cũng thấy dạy vậy. Quét lúc ấy tuy còn vì nhiều lẽ, nhưng cũng có ý dự-phòng khi có khách. Trừ những trường-hợp rất hiếm, khách đến quá sớm thời đợi có khách mới quét nhà là một điều không tốt, trông đó mà biết được cách trị-gia không nghiêm. Vả chẳng, quét mà không cần-thận, thí-dụ như trời nắng mà không rưới nước, thời lại làm cho bụi lên, khách ngồi khó chịu phạm đến phép lịch-sự. Mà thật ra, có khách mà quét nhà là quá ư khẩn-cấp khó làm cho châu-đáo được như khi thường.

III. — *Những việc mê-tín trong lúc xuất-hành*

1') Gặp rắn thời đi, gặp quỉ thời về. Ý bảo gặp rắn là may ; đi ra có việc ắt thành. Gặp quỉ thời trái thế. Vì

sao gặp rắn lại cho là may thời không được 10. Ước-hoặc vì thấy con rắn nó sun-sẻ lạnh-lợi chẳng? Còn gặp rùa mà cho là rủi và bảo phải về thời hẳn là vì chữ 龜 đồng âm với chữ 歸. Trong câu ấy không nói gặp rùa mà nói gặp qui. Tuy cũng vì lẽ bỏ vần «qui» với «đi» nhưng cũng đủ chứng-minh cho câu phán-đoán trên ấy. Nhưng có quả gặp rắn là may, gặp rùa lại rủi không? Thời-hở cũng có. Có vì hai cách: một là may với rủi không quan-hệ gì với sự gặp rắn, gặp rùa chẳng qua là ngẫu-nhiên mà phát-sinh ra trong hai thời-kỳ tương-tiếp mà thôi. Hai là có quan-hệ thời sự quan-hệ ấy là gián-tiếp, mình cho gặp rắn là may thời mình phẩn-trấn rồi việc nhờ đó mà thành, mình cho gặp rùa là rủi thời mình sinh do - dự rồi việc vì đó mà bại.

2' và 3') Gặp đàn ông là may, gặp đàn bà, đi cách sông mà chỗ dò là rủi đều có ứng-nghiệm thời cũng là vì hai lẽ vừa nói trên.

4') Kiêng đi đường khi tròn bóng. Nhiều người nói rằng đi đường vào khoảng ấy hay bị «ma thu». Tôi thời chưa được thấy, nhưng theo nhiều cái chứng-cớ chắc-chắn mà phù-hợp với nhau thời có người, nhất là trẻ con, vì đi đường hay là làm việc giữa đồng lúc tròn bóng mà hóa ra đồn-đờ ngờ-ngác, có khi vào trốn trong bụi rậm, kịp người ta tìm thấy bắt ra mà cũng không chịu ra, giống như bị một cái giấy trói lại ở đấy. Nếu thế thời quả là vì thần-kinh rối loạn. Nhưng vì sao mà khoảng thời-gian ấy lại có cái tính-chất làm cho rối loạn thần - kinh? Nhiệt-lực nất trời lúc ấy quá mạnh chẳng? Những quang-tuyến thuộc về hóa-học lúc ấy quá nhiều mà cảm - động não-tủy ta quá dữ chẳng? Có một điều là những nhà bác-sĩ Âu-tây nghiên-cứu về phép vệ-sinh trong các xứ thuộc địa ở về nhiệt-đới cũng có dạy

rằng buổi trưa không nên làm việc ở ngoài trời hay là đi đường, mà phải ngủ để mà dưỡng sức. Họ cũng công-nhận một chứng bệnh hơi giống như bệnh «ma thu» của ta, gọi là «tính hay giận ở nhiệt-đới» (*Irritabilité tropicale*). Những người mắc bệnh ấy nhiều khi vô-cố mà có những cơn giận lạ-lùng; nếu mê-tin thời có thể đặt tên là «ma ám» vậy. Về cách chế áo, mũ để dùng trong những xứ ấy họ cũng nghiên-cứu rất kỹ-càng. Họ dạy rằng lớp ngoài thời phải màu vải màu này, lớp trong thời phải màu vải màu nọ. Thứ nhất là cái lớp vải ở trong mũ phải màu sao cho không xát vào đầu. Như thế thời áo và nón của dân quê ta tuyệt-nhiên không có gì dễ dễ-phòng ánh nắng mặt trời cả. Thiết-tưởng cách ăn mặc sơ sài ấy, thứ nhất là cái nón, cũng có quan-hệ đến cái chứng bệnh «ma thu» nói trên vậy.

IV. — Những việc mê-tin trong cuộc xã-hội giao-lễ.

1^o Ăn cưới mà gây dũa là một cái triệu đại-bất-tường. Ta thử xét vì sao mà cho là bất-tường và có quả bất-tường thật hay không. Tục ta, khi vợ chồng ly-dị, thời một chiếc dũa bẻ đôi, một đồng tiền chặt đôi, rồi mỗi người lấy một nửa. Làm thế là để biểu-hiệu việc chia đôi gia-tải. Nhân thấy cái pháp-thức ấy bèn trừu-tượng hết những cái nguyên - nhân việc ly-dị, như vợ chồng bất - hòa, không có con, v. v., trừu-tượng đến cả bản-thể việc ly - dị nữa, chỉ nhớ lấy rằng dũa gãy đôi tức là vợ chồng ly-dị nhau, rồi kết - luận rằng ngay lúc ăn cưới là ngày bắt đầu của cuộc trăm năm mà đã gãy dũa thời đôi vợ chồng ấy sau này một là phải chia rẽ, hai là không được sống cùng nhau trọn đời, nghĩa là chia rẽ một cách hoàn-toàn hơn nữa. Nhưng có quả

thế thật hay không? Nói có thời ra phán-đoán mê - hồ, mà nói không thời ra phủ-nhận một cái hiện-tượng thuộc về tâm-lý, không có thời sao mà thành ra một điều mê-tín, nghĩa là một điều mà có nhiều người thừa-nhận là một cái chân-lý bất-khả-xâm-phạm? Cái não quan-sát vốn là cần cho khoa-học đời nay, nhưng trong việc tạo - thành ra mê-tín nó cũng phải chịu một phần trách-nhiệm rất nặng-nề vậy. Lẽ ấy tôi sẽ bàn sau này. Vậy cái triệu bất-tường đó ta không nên khái-luận rằng linh-ứng, nhưng ta cũng giả-định rằng có, có vì lẽ ảnh-hưởng đến tâm - lý rồi phát hiện ra sự bành-vi như đã giải trong mục trên d ều thứ 1, 2 và 3.

20 Kiêng rửa chung một thau nước. Giống như theo phép lịch - sự bảy giờ cũng ít ai làm cách ấy. Vệ-sinh dạy không nên dùng chung khăn bĩ mũi, khăn bìn và các đồ lật-vật khác. Thế thì thau nước chắc cũng không nên rửa chung. Nhưng khi rửa mà vạch nước ra là một cái pháp-thức thuộc về lối biểu-hiệu, cũng như cách bẻ dũa vừa nói ở trên, vì nghiệm như nói rửa chung thành ra ghét nhau thời đủ biết. Chung tiền chung bạc, chung ruộng chung vườn sinh lời-thời mà ghét nhau đã đành, chỉ như chung miếng nước thau mà cũng sinh ghét nhau! Cờ nhân làm thế chẳng qua là ngu-ý rằng của người của mình phải có giới-hạn phân-minh mà thôi vậy. Hoặc-giả trong một đám ăn uống nào, phải rửa chung với người mình vốn ghét, mà cứ rửa thẳng không làm cái cử-chỉ ấy, như thế thời việc mê tín đó quả có ững nghiệm rõ-ràng!

3') Kiêng vía. Như trên đã nói, vía rất nhiều thứ, ảnh - hưởng rất rộng mà sự kiêng vía cũng rất phổ-thông. Tiếng tây gọi rằng *le Fatum* hay là *la Veine* cũng là vía, như vào trong sông bạc kiêng cái vía chỗ ngồi, vía

những người ngồi bên cạnh, v. v.. Tôi không hiểu vía là gì. Tiếng ta có câu ba hồn bảy (chín) vía, lại có câu tam hồn thăng thiên, thất (cửu) phách nhập địa, thời bìn như vía là một cái gì trong phần xác. Một ngày kia tôi cùng người bạn nói chuyện kiêng vía. Bàn đi luận lại, cân nhắc những bằng-chứng của nhiều người, chúng tôi đến phải kết - luận hỏi nhau rằng: ước-hoặc vía là một thứ khí, một luồng điện tự người ta phát ra chẳng? Nhưng nay ta giả-định rằng kiêng vía là một điều mê-tín, có nhiều lẽ cho ta được giả-định như vậy. Như nói đau mà gặp vía lạnh là bệnh nặng thêm thời trong các bệnh-viện ngày nay, tuy có nhà xác, nhưng cũng đợi khi tắt hơi mới đem ra đấy, những người đau chả cứ càng ngày càng đau thêm cho đến chết cả hay sao? Về phần riêng tôi, đã có một lần đau một thứ bệnh mà người ta cho rằng cần phải kiêng vía, tôi nằm điều-trị ở bệnh-viện, một ngày tử-thi khiêng qua trước cửa phòng đến ba bốn bận, thế mà tôi cũng không thấy bệnh nặng thêm. Như nói tại tôi không kiêng thời lại đủ chứng rằng « vía » là một việc mê-tín, vì cái ảnh-hưởng của nó chỉ là gián-tiếp mà thôi. Nuôi tâm, cất rượu, ủ thuốc lá đều phải kiêng vía cả. Không biết những xưởng lớn ngày nay, kinh-doanh đến hàng ức hàng triệu, có biết giữ cái chỗ nguy-hiểm ấy không? Dạy trong sự đau mà kiêng vía lạnh thời tôi thấy một điều này người ta có muốn sợ, nhưng cứ - cánh là sợ một cái chết, đó là cái bản - năng tự-thủ, ai cũng có vậy. Nếu có một người thật không sợ chết thời có lẽ là không sợ gì. Khi đau thời muốn lành. Muốn lành cứ-cánh lại là cầu cho khỏi chết. Ấy vì thế nên nghe tin một người chết hoặc là thấy một người chết thời ngbĩ người lại găm đến ta mà không phải là một cái tư-tưởng

có thể khiến cho người còn đau được thư-thái trong lòng vậy. Song nếu thế thì trừ ra những trường-hợp bất con mắt người đau phải tiếp-xúc với người chết, quyết không nên để cho họ đoán được hay là nghe được. Xét trên thực-tế thì lại trái thế: mỗi khi có người chết ở gần nhà mà trong nhà có người đau thì lại dứt trái chầm-kết, giẻ rách hay là nhang trầm mà xông, lựa-hồ dùng cái khói để cải một cái mùi độc gì vậy. Cách này chẳng những dùng để trừ vía lạnh mà thôi mà chính là để đề-phòng tất cả các thứ vía khác.

Còn như đau mắt mà kiêng vía phòng, thời Y-học ngày nay có nói « đau mắt lặn », « đau mắt tiêm-la », v. v. Nhưng mỗi dạng thủ ý một khác, kẻ qua làm tỉ-dụ mà không bàn làm gì chứng tại độc-giả vậy.

V. — *Phụ thêm ít việc mê-tín thuộc về các hiện-tượng ngoại-giới.*

Đầu bài tôi đã nói không bàn đến những việc mê-tín có ý-nghĩa tôn-giáo. Nhưng đã nói mê-tín mà muốn tuyệt-nhiên bỏ tôn-giáo ra ngoài thời tưởng không đúng sự thực. Tôn-giáo với mê-tín có một-thiết quan-hệ cùng nhau. Những điều mê-tín gọi rằng thông-hường chỉ là những điều chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo một cách gián-tiếp xa xôi mà thôi. Tôn-giáo sinh ra mê-tín. Trái lại, không mê-tín không thể có tôn-giáo. Đến tôn-giáo « thực-nghiệm » như tôn-giáo nhân-loại của Khổng-dức cũng vị tất là đã khỏi mê-tín. Nhưng tỉ-dụ kẻ trên, chắc độc giả cũng đã thấy chỗ mâu-thuẫn ấy rồi. Mấy tỉ-dụ sau này, chỗ mâu-thuẫn ấy lại càng rõ rệt hơn nữa. Tôi phụ-lục vào đây là chủ-ý để chứng-minh cho xác-tác rằng một cái hiện-tượng gì, hiểu ra là chân-lý không hiểu ra biện-giải theo lối đơn-giản, mờ-hồ là tiện-thị thành một việc mê-tín.

10) Trời mưa có quan-hệ với cá voi chết. Dân duyên-hải ta thờ cá voi (cá ông, cá bà) làm hộ-thần, cho là một linh-vật, sinh-thời hay bảo-hộ những người đi biển. Khi nó chết thì trời sấm đất chấn, mưa gió đập-dồn đề tỏ lòng thương tiếc. Cá voi chết, trời mưa thật; không phải tôi bằng ư lý-luận mà quyết-đoán mà vốn là một việc hiển-nhiên, nhiều người kinh-nghiệm. Trước hết, tôi phải nói rằng người ta biết cá voi chết là khi nó đã tạt vào bờ hay là vào cửa bể nào. Nhiều nơi nói rằng « Ông lụy ». Cũng khi ông lụy mà người ta thấy trời mưa. Không ai gặp ngoài khơi mà đưa về chôn và thờ. Vả những ngư-phu ta cũng ít khi ra thật khơi. Gọi rằng khơi chẳng qua cũng cách bờ vài ba chục cây số mà thôi. Những chỗ ấy nếu có gặp tử-thi cá voi thì cũng không phải là chỗ nó chết, vì cá voi là một loài ở bể khơi, mà vốn là chỗ gió đã đưa lại. Gió đã đưa tử-thi cá voi lại thì cũng đưa mây về lại được. Đưa mây về lại là đưa mưa lại, đều ấy thiết-tưởng không cần nói nữa vậy. Ấy « ông lụy » với trời mưa không phải là một việc ngẫu-nhiên mà chính là một hiện-tượng Vật-lý.

2) Ma trời. Ngày nay trẻ con tôi trường sơ-học cũng đã nghe nói ma trời là cái gì. Nhưng đã lấy khoa-học mà giảng cho chúng nó, lại còn gọi rằng « ma » thì nó cũng chỉ báo-tín báo-nghi mà thôi. Đây tôi xin nói trước đi rằng danh-từ vốn có ảnh-hưởng đến tâm-lý mà, « chính-danh » cũng là một phương-pháp cần trong việc chữa mê-tín ngày nay vậy. Về vấn-đề ma trời, trong khi nói chuyện, có nhiều người hỏi tôi. Tôi cũng theo nghĩa khoa-học mà giảng-giải cho họ nghe. Họ bèn hỏi cật-lại rằng: « Thế sao mình đuổi nó thì nó chạy, mình chạy thì nó lại đuổi theo? » Ấy thế, nói

với họ rằng ma trời là chất kinh-lân cháy họ cũng nghe; nhưng họ nghe mà họ không có thể tin được, vì thấy nó giống như có linh-hồn, đuổi biết chạy mà chạy lại biết ăn hiếp mà đuổi theo! Khi nào họ hiểu chỗ đó thời khi ấy có lẽ họ tin rằng ma trời là lửa thật, là kinh-lân gặp không-khí mà cháy vậy. Chỗ đó, người có hiểu ít nhiều vật-lý, biết rằng sô-dĩ ma-trời chạy hay đuổi theo là vì cái luồng không-khí tự người chạy mà sinh ra, cũng như chiếc xe hơi với bụi ở dọc đường, thời cho là một điều rất rõ-ràng, rất gẫn-dĩ; nhưng đối với những người không biết suy - xét, lại sẵn có lòng mê - tín thời cố-nhiên là ma vậy. Nói thế ngbĩa là muốn trừ một việc mê - tín không phải là dễ phải cần đến khoa-học mới được. Điều ấy ta sẽ xét sau này.

Xem những tỉ-dụ kể trên thời ta thấy rằng, một ít một nhiều, chứ trong mê-tín vốn có chân-lý. Ta cũng đã thấy vì sao mà chân-lý lại thành ra mê-tín. Tôi đã nói rằng trong sự tạo-thành ra mê-tín, cái năng-lực quan-sát vốn phải chịu một phần trách-nhiệm. Cái phán-doán ấy giống như quá bạo. Nhưng nếu xét kỹ thời thấy quá có thể thật. Bao nhiêu học-thuật tư-tướng ở Á - đông đều căn-cứ ở một việc kinh-nghiệm. Kinh - nghiệm lắm, chất-chứa lại mà đặt thành ra công-lệ. Song nào-chợt người ta vốn là hoạt-dộng, không chịu mạnh - tùng những công - lệ ấy mà muốn biết duyên-do nó ở đâu. Đó lại là một cái đồng-diểm của mê-tín và khoa-học ngày nay vậy. Rủi thay, chính vì thiếu những phương-pháp của khoa-học ngày nay mà cách biện-giải thường không được xác-dáng, ngbĩa là biện-giải mà lại tất tạo-thành ra những việc mê-tín mà thôi vậy. Nếu ta muốn giải - thích cái tình - trạng

ấy ra một cách khô-hải, thời ta nói rằng kỹ-sơ-dã cũng muốn một nền khoa-học, nhưng bất đồ kết-quả lại trái ngược đi mà không tự biết. Tôi còn nhớ trong một quyển sách thuốc nào (giống như sách của Hải-thượng) dạy rằng mắc xương cá thời lấy hột trám (橄欖) mài ra mà uống và phiết vào ngoài cuống họng, lấy lẽ rằng hột trám bình như chiếc thuyền, thuyền chạy thời cá sợ mà tránh vậy! Biết đâu trong hột trám không có một chất gì khiến cho cái xương phải trôi hay là biến đi thế nào đó, người xưa dùng đã ứng - nghiệm nhiều lần mới đem liệt vào trong kho thuốc? Cách giảng-biêu ấy đủ chứng - minh rằng câu nói của tôi không ngoa vậy. Lại một lẽ này nữa: người ta vì lẽ chết sống không thường, ăn làm vất - vả mà thành ra muốn cho việc gì cũng có thối-giữ, có thể trắc-lượng được để theo đó mà hành-dộng. Song việc đời có phải theo luật định-mệnh cả đâu; thành-thử bình không đặt để ra một mối liên - quan, giống như đề đối minh mà yên-ủy mình vậy.

Trên kia, tôi đã nói rằng bài này chỉ đặc-cử ít việc để chứng-giải rằng trong mê-tín vốn có chân-lý. Nhưng nếu ta sưu-tập được nhiều, bài-trí cho có trật-tự thời ta sẽ thấy hai cái đặc-sắc này:

1° Những điều mê-tín khiến ta kiêng-kỵ nhiều mà những điều bảo ta nên làm thời ít. Mê-tín là bởi cái lòng khiếp-sợ: hoàn-cảnh nguy-hiểm chừng nào, công-việc ăn làm bất-trắc chừng nào, thời mê-tín càng thịnh chừng ấy. Nghiêm ra những dân ở bãi bể và ở miền núi hay mê-tín hơn dân ở đồng-bằng; dân ở thôn-quê lại hay mê-tín hơn dân ở thành-thị. Những dân-tộc văn-minh hoặc có tuyết-nhiên không mê-tín, thời không phải nhờ học-thuật tư-tướng mà thôi, mà cũng có nhờ cách sắp đặt trong xã - hội nhiều vậy.

2°) Những việc kiêng-kị ấy thuộc về cá-nhân nhiều, mà thuộc về đoàn-thể thời ít. Những việc mê - tín trong cuộc gia-đình xã-hội giao - tế đều có liên-đái cái tính-cách cá-nhân. Cuộc đời đã gian-nguy, xã - hội đã vô-lực thời cố-nhiên ai lo thân nấy, cái tính vị-kỷ vì đó mà phát-triển ra; nhưng phát-triển ra mà không có cách gì tự-vệ, thời lại xoay về mặt thần-bí cho muôn việc đều có mệnh trời, để dối mình mà yên-ủy mình như trên đã nói. Người Âu-tây bình-phẩm pháp-luật chế-độ ta nói rằng chỉ chú-trọng vào đoàn-thể mà bao nhiêu quyền-lợi của cá-nhân đều bị hy-sinh cả. Xét những việc mê-tín thời lại thấy trái thế. Cái này có lẽ là tương-đề của cái kia vậy.

Phàm tư-tưởng của người ta, điều gì có ích mới tồn-tại. Trái lại điều gì tồn-tại là vì có ích. Mê-tín cũng là một thứ tư-tưởng. Ai cũng biết người đời xưa mê-tín hơn người đời nay; dân-tộc văn-minh ít mê-tín hơn dân-tộc dã-man. Nhưng ta không có thể suy-luận rằng mê-tín có từ hồi loài người còn ăn lông ở lỗ, hoàn - toàn chưa biết nghĩ-ngợi gì. Như trên kia tôi đã nói, lúc người ta đã biết quan-sát các hiện-tượng trong trời đất, muốn suy-lẫm những duyên-do những hiện-tượng ấy ở đâu mà lúc ấy mới có mê-tín vậy. Mê-tín cố-nhiên là độc-quyền của những dân tộc còn mê - muội, nhưng xét cho kỹ thời những dân-tộc gọi rằng văn - minh ngày nay cũng chưa phải là tuyệt-nhiên không mê-tín. Như vậy ta có thể nói rằng mê - tín là một thứ tư - tưởng rất trường-thọ. Trường - thọ như thế không phải chỉ vì những lẽ đã nói ở trên mà cũng vì tự nó có điều bổ-ích. Nói vậy không phải là còn muốn hồi-hộ cho mê-tín, chỉ là đứng về một phương-diện khác để tìm nguyên-nhân nó vậy. Trước hết, mê-tín có cái năng-lực yên-ủy lòng người, như

trên đã nói: ta không biết vì sao mà chết, cũng không có cách gì tránh khỏi cái chết, nhưng ta tin rằng chết là do mệnh trời thời ta cũng bớt lo sợ di vậy. Vả chăng, tâm-trí người ta còn non-nớt, chưa có thể vì điều thiện mà làm điều thiện thời mê-tín lại có cái năng-lực kiềm-chế được dục vọng của người ta. Nói thật ra thời các nhà Tôn-giáo cũng chỉ là lợi - dụng cái lòng mê - tín của người đời để dạy họ làm điều thiện mà thôi vậy. Đó là nói cái tính-cách phổ - thông của lòng mê-tín, vượt ra ngoài giới-hạn bài này. Nhưng cứ như những tỉ-dụ trên kia thời những việc mê-tín thông-thường cũng không phải là không có cái tính-chất hữu-dụng. Có khách kiêng quét nhà là hàm cái ý theo phép lịch-sự; ban đêm kiêng chải tóc là hàm cái ý tránh những sự xa-hoa; đương hồi chưa có những quyển sách luân-lý tinh-lễ châu-đáo như ngày nay thời những lời khẩu-truyền đó không phải là vô-ích vậy.

Nhưng nếu thế thời mê-tín có nên trừ-tuyệt và có thể trừ-tuyệt được không? Về phần thứ nhất trong câu hỏi ấy chắc có người cười mà trả lời rằng, cứ thế thời không cần gì phải trừ-tuyệt, vì tuy hai đường nhưng cùng về một chỗ, khoa-học muốn cho trong đời có trật-tự, muốn lo hạnh-phúc cho người đời mà mê-tín cũng muốn cho trong đời có trật-tự, muốn lo hạnh-phúc cho người đời. Nếu theo thuyết hư-vô thời ai cũng nghĩ vậy; nhưng nếu tin rằng loài người cần phải văn-minh, phải tiến bộ, thời chắc ai cũng công - nhận rằng mê-tín cần phải trừ-tuyệt đi mới được. Văn-minh là gì? Tiến-bộ là gì? Thiển hình vạn-trạng mà cứn - cách chỉ là một cái biết. Xưa kia ta cho sét là cái lưỡi búa của ông thiên lôi; ngày nay ta biết rằng sét là một luồng điện, tức là ta văn-minh hơn. Sự biết ấy,

nếu là vô-dụng thời tự nó cũng có cái giá-trị cao-lớn ấy rồi. Ngày nay không ai là thật lòng mà không tán - dương khoa - học. Nhưng khoa - học là gì? Nói rằng khoa-học chỉ là nói cái biết mà không nói đến những sự ứng-dụng vậy. Tuy-nhiên, cái biết đó ứng-dụng ra thời thế nào? Không kể một dân-tộc còn lầm lẫn điều mê-tín kỳ-quái như dân-tộc ta, mà đến những dân-tộc còn lầm lẫn điều mê-tín kỳ-quái hơn ta nữa, ngày nay được giáo tiếp nhờ những sự ứng-dụng ấy mà cũng đã hưởng được nhiều thú khoái lạc không ngờ. Còn mê-tín mà nói lo hạnh-phúc cho người đời thì sao? Trên kia tôi có nói rằng kỳ-sơ-dã cũng muốn một nền khoa-học, bất-đồ kết-quả trái ngược đi mà không tự biết. Mê-tín mà muốn lo hạnh - phúc cho người đời thường thường cũng là thế mà thôi. Mê-tín luận-tê ra tưởng không cần phải nói nữa. Muốn so - sánh cho rõ-ràng, ta có thể nói rằng khoa-học thì mạnh mẽ hăng - hái, bao giờ cũng muốn bước lên, còn mê - tín thời e sợ dụt-dè, chỉ khoanh tay ngồi một chỗ; song lẽ trời đã không tiến thời thoái, một dân-tộc ở trong vòng mê - tín thời cái vận-mệnh ra sao cũng có thể dự-đoán được vậy.

Muốn trừ tuyệt mê - tín thời làm sao? Ta đã thấy rằng cách sinh-hoạt trong xã-hội có ảnh-hưởng đến lòng mê-tín nhiều. Như vậy, thời cách sinh-hoạt ấy tiến-bộ đến chừng nào thời mê-tín cố-nhiên thoái-bộ chừng ấy. Nhưng đó là một vấc-đề khác. Nay ta thử xét có phương-pháp gì để trừ - tiếp trừ-tuyệt mê-tín không? Nói đến trừ mê-tín thời chắc ai cũng tin cậy nơi khoa-học. Nhưng phải biết rằng nên tin cậy nơi cái tinh-thần của khoa - học hơn ở nơi những sự ứng-dụng của khoa - học. Một nước đèn điện loè trời, đường sắt giăng khắp mặt đất mà nhứt-dân không

có cái tinh-thần khoa-học thời vị-tất đã khỏi mê-tín. Nói cho thật thời bao nhiêu việc tân-kỹ đó chỉ là bấy nhiêu điều khiến cho họ sinh mê-tín mà thôi. Vì mê-tín là gì? Như trên đã nói, thường - thường chỉ là một điều hiểu lầm mà thôi vậy. Tôi còn nhớ một ngày kia đi xem sở máy nước ở Huế; khi đi qua dưới chân một cái ống khói cao, thấy một sợi dây sắt to từ trên đỉnh mà xuống đất; vô-tình không biết là dây gì, bèn hỏi một người thợ đứng đấy. Người ấy trả lời rằng: đó là cái dây yểm ông Thiên-lôi! Câu giải-thích lịch-sự mà ly-kỳ đó, cứ sở - kiến tôi thời không phải hiểm-hoi gì. Lên một tầng nữa mà nói, đã không có cái tinh-thần khoa-học thời khoa-học cũng là một việc mê-tín mới mà thôi, vì mê-tín lại là câu-jà, là manh-tàng mà không suy-trắc biện-biệt gì vậy.

Như thế thời muốn khỏi mê-tín cần nhất là phải biết suy-nghĩ. Biết suy nghĩ lại cốt nhờ nơi học-thức. Cứu-cánh là chỉ nhắc lại rằng trừ mê-tín là phận-sự của các nhà giáo-dục và các nhà ngôn-luận. Đưa chân-lý mà giảng-thuyết là cái phương-pháp phổ-thông. Phát-huy chỗ tương-quan của mê-tín với chân-lý là cái thủ-đoạn trực-tiếp: những điều kể trên là chỉ mong để làm tỉ-dụ mà thôi, không dám nói là giải-luận đã được hoàn-toàn đích-thực vậy.

Chính phủ Tàu ngày nay hạ lệnh trừ tiệt các việc mê-tín. Có người bình-phẩm cho đó chỉ là một cách trừ ngọn, không có hiệu-quả gì. Ta cũng tin vậy. Mê-tín là một việc thuộc về tinh-thần. Mệnh-lệnh là một việc thuộc về hình-thức. Lấy một việc hình-thức mà hong-trừ một việc tinh-thần thời kết - cục ra sao tưởng không đợi nói. Họ có khuyến-khích đặt ra những câu ca-dao chế biếm các việc mê - tín; cách ấy chắc sẽ

có hiện - quá rất hay. Tuy - nhiên, ta không được biết rằng họ muốn trừ-tiệt những việc như bói toán đồng-bóng mà họ có nghĩ đến những việc nhỏ-nhất như ta kể trên kia không? Cứ như thiên-ý của tôi thời những việc đó chính vì lẽ nó nhỏ nhất mà mới thật là cái bản-chất của mê-tin.

Về phương-diện cá-nhân, tôi xin hiến một cái phương-pháp này : muốn khỏi mê-tin thời thứ nhất là đừng vội tin xằng. Mê-tin cũng như uống rượu đánh bạc, tự nó có một cái mãnh-lực lạ thường. Đã tập uống rượu, thời không có thể nói uống đến chừng nào là thôi; đã tập đánh bạc

thời không có thể nói việc khác sẽ không mê-tin, vì ta đã thấy rằng nhiều việc chính vì tin mà thành ra có, cái « có » đó là cái mới đề đủ ta vậy.

Tuy-nhiên, ta có cầu một cái xã-hội không tin gì cả không? Thiết-tưởng đọc bài này thời ai cũng thấy là không rồi vậy. Người mê-tin là dở mà người gọi rằng ngang cũng là dở. Ta không cầu có những người ngang, ta chỉ cầu cho có nhiều người đạt mà thôi vậy.

THAM PHỦ

(Quảng-bình)

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

V

Anh em ông Trần Sùng-Dĩnh

陳崇穎

Trần Sùng-Dĩnh, tổ quán ở làng Quan-sơn 關山, tổng An-dật 安逸, phủ Nam-sách, đến ông thiên-cư ở làng Mạn-nhuế 蔓渚, tổng Trác-châu 卓洲 phủ ấy, đời nhà Lê. Ngày ông còn nhỏ, hay nghịch mà biếng học. Nhà ở phố chợ Huyện Thanh-lâm về thôn Vạn-niên xã ấy. Một hôm thấy một vị quan trải qua phố chợ, nhân-dân đến đón rước đông lắm. Trần Sùng-Dĩnh ra xem rồi hỏi người nhà rằng : « Sao người ta phải đón rước một người này đông thế ? » Người nhà bảo : « Người này thừa bé chăm học rồi thi đỗ ra làm quan, giúp cho nước được nhiều công-dức, nên người ta mến yêu mà đến rước đông như vậy. »

Trần Sùng-Dĩnh lấy làm hăm dọa, từ đấy rất chăm học, ngày đêm không lúc nào rời quyển sách ra, bèn thành

người hay chữ. Một ngày vào chơi chùa Côn-sơn 崑山 tục gọi là chùa Hun ở huyện Chi-linh, có thờ Tam-tổ nhà chùa đời Trần Sùng-Dĩnh đề một bài thơ vào vách chùa hay lắm. Tiếng văn tài của Trần Sùng-Dĩnh từ đó lừng-lẫy cả vùng xứ đông. Năm đinh-vị, niên-hiệu Hồng-dức 洪德 thứ 18 (1488 đời Lê Thánh-tôn, Trần Sùng-Dĩnh đỗ Trạng-nguyên, làm quan đến Hộ-bộ Thượng-thư. Cáo lão về ở làng. Tương-truyền nơi biệt-thự của ông này là xứ Mả-vạn. Cũ sách Thanh-lâm phong-thổ thì nói làng Mạn-nhuế thờ ông làm phúc-thần. Trần Năng 陳能 là em ruột ông Trần Sùng-Dĩnh lại về ở tổ-quán làng Quan-sơn. Sau khi anh đỗ 7 năm là năm Quý-sử niên-hiệu Hồng-dức t. ú 24 thì Trần Năng đỗ Hoàng-giáp, làm quan đến Lại-bộ Tả-Thị-lang. Khoảng năm Thống-nguyên đời Lê Cung-hoàng 恭皇, Mạc

Đặng Dong cướp ngôi vua Lê. Ông theo vua Lê mưu việc khôi-phục không thành bị chết, dự hàng tiết-ngĩa 節義 (sách Hải dương phong-vật).

Sau cháu ông là Trần Bảo 陳寶, đỗ Tiến-sĩ đời nhà Mạc, cháu là 陳春榜 Trần Xuân-Bảng đỗ Hoàng-giáp đời nhà Mạc.

Ngô Hoán 吳煥

Ngô Hoán sinh ở làng Thượng-dáp 上答, tục gọi làng Hóp, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời nhà Lê. Đỗ Bạng-nbữ n năm canh-tuất niên-hiệu Hồng-đức đời Lê Thánh-tôn. Ông học rộng mà nhớ lắm. Văn-chương cực tài. Được tuyển vào *nhị thập bát học-sĩ hội Tao-dân* 騷壇, là một hội làm thơ mà gồm có nghĩa văn-học của vua Lê Thánh-tôn mới lập ra. Vua làm chủ hội, tự-hiệu là *Tao-dân Nguyên-sứ* 騷壇元帥. Ngô Hoán thì được chức *Tao-dân Sái-phu* 騷壇洒夫. Những thơ của ông họa với vua Thánh-tôn nay còn chép ở những tập *Minh-lương* 明良, *Cầm-tú* 錦繡, *Quỳnh-nguyên cửu-ca* 瓊苑九歌, v. v ; ông lại tài văn-thơ nổi nữa. Làm quan đến *Lại-bộ* 上書. Năm Cảnh-thống 景統 đời Lê Hiến-tôn vì nói chuyện vô ý làm tiết-lộ việc cơ-mật, bị cách về nhà. Đến năm Thụy-khánh 瑞慶 đời Lê Uy-Mục để lại triều dụng hoàn-phục cả chức cũ. Đến năm Quang-thiệu 光紹 đời Lê Chiêu-tôn, họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông theo Đà-giang-vương 沱江王 là hoàng thứ-lũ nhà Lê sang Ai-lao để mưu khôi-phục. Sau ông thấy việc hồng cả, bèn tự thắt cổ chết. Hai con trai ở nhà cũng bị Mạc Đăng-Dong bắt uống thuốc độc chết. Đến lúc nhà Lê trung-hưng lại phong cho ông là *tiết-ngĩa thượng đẳng* 節義上等臣 (thờ ở làng, nhà nước mỗi năm sai quan về tế, hai con trai được phối-hưởng. Nay làng Hóp có dựng một cái bia ở cửa miếu ghi hành-trạng của ông.

Những thơ phụng họa như sau này:

I

奉和御製思家將士詩

Phụng họa ngự-chế tư-gia
tướng-sĩ thi

壯志桓桓孰與俱。
Tráng chí hoán-hoán thực dữ cù.
鄉心無奈亂雲孤。
Hương tâm vô nại lộn vân cô ;
淒迷薔角和風夜。
Thê-mê họa giác hòa phong dạ.
牢落寒更滴雨秋。
Lao-lạc hàn canh trích vũ thu ;
參裏依依鶯鏡合。
Sâm lý y-y oanh kính hợp,
天心查得雁書無。
Thiên tâm diên-diên nhạn thư vô ;
勤勞王事酬初願。
Cần lao vương-sự thù-sơ nguyện,
早晚春風上帝州。
Tảo vãn xuân-phong thượng đế châu.

II

奉和御製綠雲洞詩

Phụng họa ngự-chế Lục-vân
động thi

丹崖青壁聳巖航。
Đan nhai thanh bích tủng toàn ngoạn,
隱約壺中境界寬。
Ẩn ước hồ trung cảnh giới khoan ;
蘼草丰茸迷野徑。
Mị thảo phong-nhung mê dã kính ;
琪花爛熳擁禪關。
Kỳ hoa lạn-mạn ủng thiền-quan ;
雲興雨降清氣冷。
Vân hưng vũ giáng thanh-phong
[lạnh,
夜靜山空皓月寒。
Giạ tĩnh sơn không hạo nguyệt hàn ;
夙夜未灰香火念。
Túc dạ vị hôi hương-hỏa niệm,
林泉休說老僧閒。
Lâm-tuyền hưu thuyết lão tăng nhàn.

III

奉和御製英才子詩

Phụng họa ngự-chế anh-tài tử thi

雨露偏承寵渥新。
 Vũ lộ thiên thừa sủng ốc-tân.
 賢將忠孝報明君。
 Thệ tương trung hiếu báo minh quân;
 天低花蔭依紅日。
 Thiên đê hoa cái y hồng nhật,
 地近蓬山擁瑞雲。
 Địa cận bồng-sơn ủng thủy-vân;
 鰲殼大猷推巨筆。
 Phủ-phất đại du suy cự bút,
 鋪張盛治展雄文。
 Phô-trương thịnh-trị triển hùng-văn;
 于今欲奏登天草。
 Vu kim dục tấu đăng thiên thảo,
 遙指南山勅聖勳。
 Dao-chỉ Nam-sơn hặc thánh huân.

IV

奉和御製梅花詩

Phụng họa ngự chế mai-hoa thi

綃裳玉骨韻清孤。
 Tiều thường ngọc cốt vận thanh-cô,
 枝北枝南蓓蕾珠。
 Chi bắc chi nam bái-lôi châu;
 羌塞雪深龍角咽。
 Khương tái tuyết thâm long giác yết,
 漢宮粧曉燕釵攏。
 Hán cung trang hiều yến thoa cở;
 香飄東閣時多少。
 Hương-phieu Đông-các thi đa thiêu,
 影照西湖月有無。
 Ảnh trảm Tây-hồ nguyệt hữu vô;
 天意欲賢開鼎餽。
 Thiên ý dục tư điều đỉnh-nại,
 早教春信到寒株。
 Tảo giao xuân-tín đáo hàn châu.

Thơ nôm thì nay còn chép lại ở bia làng được bốn câu làm khi đi bỏ-bà:
 Non nước cùng trời một sắc xanh,
 Ai đến người ngọc tới Nam-minh;
 Chẳng hay Liễu-nghị 柳毅 đi đâu tá?
 Khôn kể truyền thư tới Động-dinh.

Ông Vũ Dương 武陽 và khoa-cử huyện Thanh lâm

Vũ Dương sinh ở xã Mạn-nhuế, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời nhà Lê. Sáu tuổi đi học; 12 tuổi đọc khắp ngũ-kinh, nổi tiếng là thần-dồng; 15 tuổi ra Trảng-an du-học, chơi với khắp mọi người danh-sĩ trong nước, ai có quyền di-thư cồ-ký gì hay thì mượn cho ký được mà sao chép lấy; 19 tuổi đỗ Giải-nguyên; 22 tuổi là năm Hồng-đức 24, (1490), qui-sử, đời vua Lê Thánh tôn, đỗ tam-khôi Trảng-nguyên.

Làng Mạn-nhuế mới năm Hồng-đức 18, ông Trần Sùng-Dĩnh đỗ Trảng-nguyên đến năm nay Hồng-đức 24, ông Vũ Dương lại đỗ Trảng-nguyên, thế là cách sáu năm mà đỗ hai vị Trảng-nguyên, nên đời gọi làng Mạn-nhuế là « Trảng-nguyên-ấp 狀元邑 ».

Ông Vũ Dương dự hội Tao-dàn, đi sứ Tàu, làm quan đến Công-bộ Thượng-thư. Những thơ của ông làm ở hội Tao-dàn đều có chép ở những tập: Minh-lưỡng 明良, Cầm-tú 錦繡, Quỳnh-nguyên 瓊苑, Cửu-ca 九歌 Văn-minh 文明 Cồ-suy 鼓吹, đây trích ra mấy bài như sau này:

I

奉和御製思家將士詩

Phụng họa ngự-chế tư gia tướng-sĩ thi

桑蓬志氣更誰俱。
 Tang-bồng chí-khí cánh thù cu,
 詎奈天邊雁影孤。
 Cự nại thiên biên nhạn ảnh cô;
 萬里玉關空見月。
 Vạn lý ngọc-quan không kiến nguyệt,
 數聲鐵笛易驚秋。
 Số thanh thiết địch dị kinh thu;
 風寒鷄店秋多少。
 Phong hàn kê điếm thu đa thiêu,
 雨挹霜袍夢有無。
 Vũ áp sương bào mộng hữu vô;
 Vũ áp sương bào mộng hữu vô:

會待勤勞王事了。
Hội đãi cần lao vương-sự liễu,
瓜期應已到皇州。
Qua kỳ ứng dĩ đáo Hoàng-châu.

II

奉和綠雲洞詩

Phụng hoa Lục-vân động thi

壺天深處倚巔峴。
 Hồ thiên thâm xứ y loạn ngoạn,
 細細乾坤四望寬。
 Tế-tế càn khôn tứ vọng khoan;
 爛熳夜花開竹徑。
 Lạn-mạn dạ-hoa khai trúc kính,
 徘徊岩月炤松關。
 Bồi-hồi nhâm nguyệt chiếu tùng quan;
 烹茶窖冷蒼苔合。
 Phanh trà kháo lãnh xương đài hợp,
 洗耳泉清白石寒。
 Tẩy nhĩ tuyền thanh bạch-thạch hàn;
 最愛山僧塵夢少。
 Tối ái sơn tăng trần mộng thiêu,
 江邊掃葉夕陽閒。
 Giang biên tảo diệp tịch dương nhàn.

— Khoa qui-sử Hồng-dức 24 này, ông Vu Dương ở Vạn-nhuế đỗ Trạng-nguyên thì trong huyện Thanh-lâm, ông Lê Hùng ở Lạc-thực, (nay là Lạc-
nghiệp, đỗ Thâm-hoa, ông Trần Năng ở Quan-sơn, ông Nguyễn Hoãn ở Nhân-
lý đều đỗ Hoàng-giáp, ông Nguyễn Quảng-Văn ở Đồng-khê, ông Nguyễn Chính-Lang ở Đồn-bố, ông Phạm-Dương ở Nhân-lý cùng đỗ Tiến-sĩ. Lệ
vinh-qui bấy giờ, vua cho Trạng-nguyên được năm tổng đi đón, Ti ám-hoa ba
tổng, Hoàng-giáp mỗi viên hai tổng. Tiểu-sĩ mỗi viên một tổng, cộng là 15
tổng, thế mà trong huyện bấy giờ chỉ có 12 tổng, nên phải lấy sang huyện
Chi linh hai tổng, Thanh-hà một tổng.

Văn ông Vũ Dương thì ngự phê rằng: « Học-lực yêm-quân, khả vi nhất trảng chi tối 學力淹貫。可爲一場之最 », nghĩa là học-lực rộng khắp đáng quân cả trảng.

Văn ông Lê Hùng 黎熊 thì có câu
ngự phê là « thần-cử ». Nhân có lời ngự-
phê ấy nên người ta bèn chú-thuyết
vào câu văn rằng khi ông viết câu ấy
như thế này : Bài phú đề là « 漁父入
桃源 Ngự-phủ nhập Hào nguyên ». Ông
Lê Hùng viết đến văn « 許 ử », ông đã
viết được rằng :

夢斷驚宮。歌殘鳧渚。
Mộng đoạn ngao cung, ca tàn phù trử.
 閒尋鷗鷺之盟。擬作魚蝦之侶。
Nhàn tìm âu lộ chi minh, nghĩ tác ngư-hà chi lữ.
 宅浮水國。方任意於所之。
Trạch phù thủy quốc, phương nhiệm ý ư sở chi.
 路失塵寰....
Lộ thất trần hoàn,...

Còn chữ gót câu tiếp sau này phải có chữ 許 *hử*, mà nghĩ không biết viết gì « 許 *hử* » cho được. Nghĩ mãi không được, ông bèn nằm ngả xuống chiếu, bồng nghe có mấy tiếng liền « *hử* *hử* » ông sức thúc dấy viết ngay rằng :

« 忽不知其何許。 *hốt bất tri kỳ hà hử.* » Thế là « *Lộ thất trần-hoàn, hốt bất tri kỳ hà hử.* ». Sau vua Lê Thánh-tôn xem quyển phê « *thần cú* » vào chỗ chữ « *hử* 許 » đó. Ông Lê Hùng làm quan đến Đông-các Đại-bọc-sĩ.

Ông Hoàng-giáp Nguyễn Hoãn 阮皖
làng Nhân-lý thi dự Tao-dàn, ông Tiến-
sĩ Phạm Dương 范洋 cũng ở Nhân-lý
thi vào được Ngự-phê là : « 且留強 *thả*
lưu cương », nghĩa là giỏi lắm. Ấy là nói
về có một khoa này, còn trước sau các
khoa còn nhiều lắm, mà các bậc hiền-
dạt ra đó, phần nhiều cũng là có sự-
nghiệp một đời cả, không chép hết. Lại
đến nữ-học-sĩ cũng lưng-lẫy (sẽ nói
đến sau này.) Cho nên đời Lê thực là
một thời-kỷ khoa-cử cực-thịnh mà
cũng là thời-kỷ văn-học toàn-thịnh của
huyện Thanh-lâm. Bởi vậy đời gọi
« Thanh-lâm là đất văn-vật » là thế.

Ông Nguyễn Đức-Trinh 阮德貞

Nguyễn Đức-Trinh sinh ở xã An-dật, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời nhà Lê. Ông là người thông-minh dĩnh-ngộ từ thuở bé, một hôm theo mẹ đi lễ giỗ, giữa đường gặp người lính sai, người ấy thấy cậu Trinh có giáng tuần-tứ, bèn yêu mà hỏi chòng rắng: « Cu con đã đi học chưa? » Cậu đáp « đã ». Người lính nói: « Ta ra cho một câu đối, hễ em bé đối được thì ta mới cho đi với u. Rồi ra rắng: « 小兒從父母 誰知 nhi tông phụ mẫu nghĩa là trẻ con theo cha mẹ. Cậu Trinh ứng-khẩu ngay rắng: « 大德配乾坤 đại đức phối càn khôn » nghĩa là đức lớn sanh trời đất. Người lính lấy làm kinh-ngạc, nói thẳng này ngày sau tất không vừa.

Đến năm 12 tuổi, cậu Trinh ra du-học ở Tràng-an (Hà-nội), bấy giờ vua Lê Thánh-tôn còn làm Hoàng-tử, ra chơi phố, ngồi ở cái chợ gọi là chợ « Con khỉ ». Cậu Trinh nhân nhà nghèo, vừa hết cả giấy bút, liền vào xin Hoàng-tử trợ-cấp. Hoàng-tử bảo làm câu « lán con khỉ ». Cậu Trinh đọc ngay lên rắng:

*Đức tích liền thân, hóa tác Tề-thiên
Đại-thánh.*

德積前身。化作齊天大聖。

*Phúc thủy hậu duệ, dặng thành
Gia-dịnh Trạng-nguyên.*

福垂後裔。孕成嘉定狀元。

Hoàng-tử khen hay, sai người mua ngay giấy bút về cho. Từ đó cậu Trinh nổi tiếng lừng-lẫy ở kinh-đô. Lớn lên cậu Nguyễn Đức-Trinh đỗ Bảng-nhơn năm quý-vị, niên-hiệu Quang-thuận, đời vua Lê Thánh-tôn. Vua phê rắng: « 狀元梁世榮。榜眼阮德貞。探花郭庭寶。天下共知名 » Nghĩa là khoa này Trạng-nguyên là Lương Thế-Vinh, Bảng-nhơn là Nguyễn Đức-Trinh, Thám-hoa là Quách Đình-Bảo, là những người mà đời đã biết tiếng cả.

Vua Lê Thánh-tôn lấy ông Nguyễn Đức-Trinh làm người tao-ngộ cũ, yêu lắm, cho làm chức Thị-tụng của ngài ở Tao-dàn, nên văn thơ của ông cũng chép ở những tập *Cầm-tú*, *Cổ-súy*, *Quỳnh-uyên* nhiều bài yêm-bác lắm, làm đến Lễ-bộ Thượng thư.

Cha con ông Đinh Lưu-Kim

丁流金

Đinh Lưu-Kim sinh ở làng An-dật, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời nhà Lê. Ông từ nhỏ đã nhiều tài-năng, bắn hay, cưỡi giỏi, phàm các kỹ-nghệ không cái gì không biết không khéo. Thường cưỡi ngựa, giải một quan tiền rồi xuống dọc đường, rồi phi ngựa trở lại, lại thò tay nhặt đủ từng đồng. Ông đỗ Thám-hoa, năm bính-thìn, niên-hiệu Hồng-đức, làm đến Đông-các Đại-học-sĩ. Một hôm tết « mừng năm », vua Thánh-tôn ngự ra xem bơi thuyền, các quan đua nhau mỗi người làm một bài thơ chúc thọ cho vua. Ông Đinh Lưu-Kim xin lỗi là thơ mình làm không hay, xin đá cầu đề chúc thọ vua. Vua không thấy sự ấy bao giờ, do bằng mặt lên, nhưng cũng gượng ưng cho xem sao, ông bèn đứng trên mạn thuyền rồng cầm lấy quả cầu, giơ chân đá liền một hồi đến 8, 9 chục chiếc, vua cười phì lên mà rắng: « Thôi, thọ thế là đủ, nhiều quá lại lẫn-căn. » Vua Lê Thánh-tôn bèn ta thực là biết đủ, không tham như vua Hán Vũ-đế bèn Tàu nghe núi hó đến ba câu « Vạn tuế » mà nín yên. Còn ông Đinh Lưu-Kim thì thực vừa là ông tổ khoa thi-thao của học-sinh, lại là ông tổ trò « lục-sở », ông tổ trò « siếc » của ta bây giờ.

— Cha của ông Đinh Lưu-Kim không còn tên để lại, nay tạm gọi là Đinh-công. Đinh-công là nhà võ-sĩ làm đến chức đầu ban Quân-dô lục-sĩ. Sách *Thanh-lâm phong-thổ* nói

rằng: Bấy giờ là vua Uy-Mục-dế, trong triều có ba người Quân-dô-lực-sĩ, Đinh-công là chức đầu ban, thứ đến một người nữa, thứ ba thì là Mạc Đăng-Dong. Vua năm chiêm-bao thấy có người đọc một câu rằng: « 三都得天下 Tam đô đắc thiên-hạ ». Câu này có hai nghĩa, là ba người Đô-lực-sĩ sẽ lấy được thiên-hạ hay là người Đô-lực-sĩ thứ ba sẽ lấy được thiên-hạ, cũng có nghĩa cả. Nhưng vua bấy giờ, thì thấy Đinh-công có hùng-tài lại có con là Đinh Lưu-Kim văn-võ toàn-tài, bèn yên chí rằng câu trong mộng là nghĩa bọn tam-dô sẽ lấy mất thiên-hạ. tức thì đem giết Đinh-công và người thứ hai đi. Nhà họ Đinh vì thế tan-tành. Đinh Lưu-Kim phải trốn sang Chiêm-thành rồi mất tích. Ngờ đâu sau cướp ngôi Lê là Mạc Đăng-Dong, người thứ ba bọn Quân-dô-lực-sĩ, hợp vào nghĩa giải mộng thứ hai trên kia. Ấy sách nói thế. Cổ-nhân hay nhẹ dạ mê-tin nhiều khi bị lầm, hại cho việc nước như thế. Nhưng biết đâu câu mộng ấy không phải là câu của Mạc Đăng-Dong tạo ra, dùng mẹo lừa vua tự khi người vũ-dực của mình đi đề kế gian mới dễ làm gian.

Ông Hoàng Kiều-Vinh 黃矯榮

Ông Hoàng Kiều-Vinh sinh ở làng Dục-kỳ, huyện Thanh-lâm, Nam-sách, Hải-dương, đời nhà Lê. Ông có tài văn-học mà lại có sức võ-dũng, đỗ Tiến-sĩ năm bính-thìn, niên-hiệu Hồng-đức, ra làm quan triều. Một hôm ông vào cung thấy bọn Đô-lực-sĩ đang vật nhau cho vua và các quan xem. Ông ngoảnh đi đang khác không xem. Vua thấy lạ hỏi. Ông tâu rằng: « Bọn đô-vật này chỉ to xác chứ biết vật là gì mà ngài nuôi cho tốn. » Vua bảo: « Thế nhà ngươi có vật ngã được họ không mà nói khoác thế? » Hoàng Kiều-Vinh tâu xin vật thử. Vua ưng cho, ông bèn lay tạ ra về, mua một trăm

cái kim cắm vào trong búi tóc rồi ngang-nhiên đi vào xin vật. Ông vừa vào sân cùng người lực-sĩ vờn tay nhau thì ông bế sức ngay người ấy đáp ra ngoài gióng. Các quan vỗ tay cười ồ lên, vua khen là « văn trung hữu võ », bèn cử ông làm chức Tam-ha lực-sĩ Đô-dinh-úy 三衛力士都庭尉 và Quản-lĩnh tứ thành 管領四城, văn-giai thì làm đến Thượng-thư.

Con là Hoàng Kiều-Cường 黃矯強 di-cư sang ở làng An-trang huyện Lương-ài Bắc-ninh, cũng đỗ và làm đến An sát-sứ.

Ông Vũ Hữu 武有, và gia-thế, gia-phong họ Vũ.

Vũ Hữu sinh ở làng Mộ-trạch, tục gọi là làng Trầm, phủ Bình-giang, Hải-dương, đời nhà Lê. Ông Vũ Hữu là dòng-dối của ông Vũ Hồn 武渾 người đất Phúc-kiến bên Tàu, niên-hiệu Hội-xương đời nhà Đường, bấy giờ ta còn đang thuộc về Tàu, ông sang làm Thù-sử cõi Giao-châu ta. Ông lập một nơi biệt-thử ở hạt Bình-giang bấy giờ, vì vậy ông đặt làng biệt-thử ấy là « Khả mộ 可慕 », nghĩa là đáng yêu mến, huyện là Đường-an. Sau ông Vũ Hồn bị người Giao-châu đuổi thì ông chạy về Tàu mà còn để sót con cái ở lại Khả-mộ, tức là họ Vũ làng Trầm về sau đó, nay cả làng đều là con cháu họ Vũ thờ ông Vũ Hồn làm Thành-hoàng. Họ Vũ Trầm hiển-dật từ ông Nghiêu-Tả 堯佐, em là Nông 農 cùng đỗ Thái-học-sinh ở đời Trần Minh-tôn, cùng làm đến Nội-thị Hành-khiển Tả-bộc-sạ, cùng nổi tiếng hay chữ đời ấy. Ông Nghiêu-Tả mới làm ra sách « Tóng-môn đồ của họ Vũ » thì từ đó dòng-dối mới dễ xét.

Ông Vũ Hữu là tăng-tôn của Nghiêu-Tả, con của ông Vũ Bá-Khiêm làm An-phủ sứ Qui-hóa-lộ. Ông Vũ

Hữu là người hiền-cổ mà chấp-lễ, học-vấn rộng lắm, đỗ Hoàng-giáp năm quý-vị, Hồng-dức, làm quan trải các chức trong triều ngoài quận, qua ngũ bộ Thượng-thư, danh-tiếng lừng-l lẫy mà nhà vẫn nghèo. Ông thường ngâm rằng:

在萬周年官歷踐。

Nhằm-nhiễm châu niên quan lịch tiễn,

宰牛曾有乏牛耕。

Tề ngư tằng hữu pháp ngư canh.

Dịch: Chánh-sách « mổ trâu (1) » dùng khắp chốn,
Mà nhà vẫn chẳng có trâu cày.

Ấy cái nền thanh-giới gia-phong hiển lên từ đó, về sau con cháu hiển-dật kế thế mà bao giờ cũng vẫn giữ được cái gia-phong tồ-truyền này.

Ông Vũ Hữu lại tinh khoa toán-học, ông có làm ra những sách dạy học tính như là « 大成算法 Đại-thành toán-pháp » « 田畝新述書 Điền mẫu tân thuật thư » lưu-hành ở đời. Một điều thư - ghiệm về khoa toán-học của ông là: Hoàng-thanh đắp từ đời nhà Lý đến bấy giờ đã lâu năm lắm, nên từ cửa Đoan-môn, cửa Đại-hung cho đến cửa chùa Đông-hoa đều vỡ-lở cả. Vua hỏi ông Vũ Hữu tính trừ xem hết bao nhiêu vôi gạch và các vật-liệu thì lại được y như cũ. Ông bèn đo rồi tính xong làm bản-kê đệ-tấu, vua sai đốc-công chiều số đã kê sai thợ nung gạch rồi xây. Xây xong không thừa thiếu một tí gì. Vua khen là « thần-toán », bèn ban cho 100 mẫu ruộng tốt để thưởng cái tài. Ông làm quan đến 70 tuổi thì về trí-sĩ, mới sửa-sang chỗ ở, nào dinh chơi mát, nào nhà ở ấm, sau người ta gọi chỗ ở ông là « Phụng-trị », lấy cái cổ-trạch của ông làm nhà nhờ họ, gọi

là « Truy-viễn từ-đường », trước cửa nhà thờ có cây thông của Vũ Hữu trồng đến đời sau hỡi còn, cây cao lá tốt đẹp lắm. Vũ Cán 武幹 Hoàng-giáp là cháu, đời sau có bài thơ vịnh cây thông ấy, trích ra hai câu đầu như sau này:

祖來遺種異風英。香火堂前得地生。

Tổ lai di chủng dị phong-anh,

Hương-hỏa từ-đường đắc địa sinh.

Lại nói về ông Vũ Hồ: về Tàu rồi sinh-sản ra ngành họ Vũ ở Phúc-kiến, sau cũng phả-đạt lắm. Niên - hiệu Dương-dức đời Hậu-Lê, họ Vũ Trầm có Duy-Hải, Công - Đạo cùng được đi sứ Tàu, định với nhau về việc sứ-sự xong thì cùng đến Phúc-kiến thăm ngành họ Vũ ở đấy, nhưng sau vì đường-xả bị giặc-giã không đến được. Đến niên-hiệu Vĩnh-trị (1676) đời Hậu-Lê, có ông Hoàng Công-Thực ở xứ Sơn-nam đi sứ Tàu, giữa đường ông gặp một ông lão đón nói là người họ Vũ con cháu ông Vũ Hồn ở Phúc-kiến, rồi hỏi đến họ Vũ Trầm ở ta, ông Hoàng Công-Thực bèn kể nhà họ Vũ Trầm bây giờ đang đồ-đạt nhiều, con cháu thịnh-vượng lắm. Ông lão ấy nghe nói thì giờ chân giờ tay mừng-rỡ lắm, nói: « hẩu, hẩu » hai ba lần và kể nhà họ Vũ bèn Tàu cũng đang hiển-dật. Ông lão nhân gửi sứ-giả 10 hốt bạc, 10 tấm vóc về cho nhà họ Vũ Trầm, nhưng khi sứ-giả về đường gặp người vợ Tướng-quận 將郡 bèn Tàu tên là Du 俞, nó oán nước ta ở trận Hồng-dâm 洪潭 đã đánh chết mất chồng nó, nên nay nó đem quân ra đón sứ-giả nước ta mà đánh báo-thù, vì thế nó lấy mất cả hành-trang, khi về đến nước nhà, Hoàng-công thuật lại thế.

(1) - Cái kê gien dụng ngư dao 割雞焉牛刀 = Mổ con gà sao phải dùng dao mổ con trâu, nghĩa là cái rì một hạt nhỏ sao phải dùng đến cái chày-giáo to.

Nay lại nói về sách « Công-dư-tiếp-ký » của liên-sĩ Vũ Thuần-Phủ 武純甫 là người họ Vũ Trầm có một đoạn cãi về chỗ lầm của người chép sử mà đề tai-tiếng cho ông Vũ Hữu như sau này : « Cũ trong gia-phả và sách *Đặng-khoa-lục* đều nói : « Ông Vũ Hữu đỗ năm quý vị, bấy giờ ông 23 tuổi » vậy từ quý-vị là năm ông đỗ đến năm đình-hội đời Lê Cung-đế là 64 năm, 64 với 23 là 87, nếu năm ấy ông có còn sống thì đã 82 tuổi, tất về hưu vô-dụng rồi. Thế mà năm ấy sử chép rằng : « Vua sai Tùng-dương-hầu 松楊侯 Vũ Hữu 武有 cầm cờ tiết đến Cổ-trai tiến phong Mạc Đăng-Dung làm An-quốc-vương 持節往古齊進封莫登庸爲安國王 ». Xét Vũ Hữu ấy là một võ-quan quê ở Sơn-nam đồng tỉnh-danh với ông Vũ Hữu Mộ-trạch. Đến Hồ công sĩ-dương 胡公仕楊 làm sách « *Việt-giám tiếp-lục* », ông thêm ngay hai chữ văn-thần vào rồi ông chỉ việc đó là vì tài-lợi, nên người sau cho là ông Vũ Hữu Mộ-trạch, để ông vốn là người thơm-danh mà thành mang tiết xấu. Bối vậy nay tường-biên ra đây, mong các bậc-bác-nhũ quân-tử xét mà sửa chỉnh lại. »

Ta xem một đoạn sách trên thì biết người xưa trọng-danh-tiết là dường nào.

Ông Vũ Phong 武豐

Vũ Phong là em ông Vũ Hữu, tướng ngũ-đoãn, học kém bèn tập đánh vật. Đời Lê Thánh-tôn ra chơi Trảng-an, nhân thấy một người Đồ-lực-sĩ cầm dùi đồng đứng trước ngự-triều mà ra dáng vênh-váo, Vũ Phong hỏi ra mới biết người ấy do đồ-vật áp-chúng mà xuất-thân, Phong bèn dâng sớ xin vật thì với người Đồ-lực-sĩ ấy một ván. Vua cho phép, đến ngày Ngự-ra xem vật, Phong đã giấu cát vào lòng bàn tay, hai bên mới giờ tay ra thì Phong ném cát vào mắt người

kia, người kia bị cát tối tăm mắt lại, tay chưa kịp giờ thì Phong đánh ngay một miếng « xuyên-trửu 穿肘 » quật ngã người kia xuống đất, người xem vỗ tay reo ầm lên, vua khen là khỏe, tức-then cho Phong thụ chức Đô-lực-sĩ của người kia, sau là n đến-Cầm-y thị-vệ đình-ủy thuộc Chỉ-huy-sứ, có tiếng công-bằng.

Ông Vũ Tụ 武聚

Vũ Tụ sinh ở xã Hoạch-trạch 獲澤 phủ Bình-giang, Hải-dương, đời Lê, đỗ Hoàng-giáp năm quý-vị niên-hiệu Hồng-đức. Ông tính liêm-trực, làm quan mà ăn ở thanh-kiệm, không hề lấy của ai chút gì mà không phải lẽ. Bấy giờ các quan đã có thói ăn của dút, vua Lê Thánh-tôn bắt-chước vua Đường Thái-tôn sai người kiểm việc đem lụa lễ các quan, quan nào cũng thụ cả, duy Vũ Tụ không lấy. Người ấy cố nài rằng : « Việc này ngày nay đã quen thói đi rồi, và một chút lễ mọn có hại gì đến điều liêm-tiết mà ngài từ chối » Vũ Tụ nổi giận mắng rằng : « Đời họ dục cả mà tao vẫn trong, tao có vì mày nói khéo mà đổi lòng đâu ». Nói rồi sai đuổi ra, người ấy về tâu vua, vua khen là có cái phong « từ vàng ban tước » như người đời xưa, bèn ban cho hai chữ « công-liêm 公廉 », hễ vào triều thì đeo vào vật cả áo để nêu khen.

Ông là n quan đến Hình-bộ Tả-thị-lang, thế mà nhà vẫn sạch như rửa, được chút lộc ban nào thì đủ nhà dùng mà thôi, ông cũng không để ý gì đến sự túng-bần của người nhà, nhà có vài sào ruộng xấu, ông lại đem củng cho làng chứ không để cho con. Vì thế người làng mộ cái khí-tiết của ông, đến nay vẫn thờ làm Phúc-thần.

Ông Vũ Quỳnh 武璫

Vũ Quỳnh người họ Vũ Trầm, đỗ Hoàng-giáp năm mậu-tuất Hồng-đức.

Trước làm chức Ngự-sử, không nề gì bọu quyền-quí; rồi ra trấn xứ Đông có nhiều ân - đức. Sau lại về triều làm *Sứ-quân Tổng-tài* 史館總裁, soạn được bộ *Đại-Việt thông-giám* 大越通鑑, rồi làm đến Binh-bộ Thượng-thư.

Bộ *Đại-Việt-thông-giám*, ông chia tự Hồng-bàng (2879.T.G.t.) đến thập-nhị Sứ-quân (968) làm *ngoại-kỷ* tức đời nay gọi là nghi-sử, từ Đinh Tiên-hoàng (968 - 970) đến năm đầu Lê Thái-tổ (1428) làm *bạn-kỷ* tức đời nay gọi là tin-sử. Ông lại kẻ ra một mục-lục lịch-dại kỷ-niên, thành toàn bộ 21 quyển lưu hành ở đời. Ông lại soạn lại bộ « *Lĩnh-nam trích-quái* » đề 10 bài cổ-ký về Hùng-triều làm quyền đầu, còn các truyện đời sau về quyền dưới, và làm bài tựa. Sự-nghiệp chữ-thuat của ông có nhiều ảnh-hưởng cho đời. Sách *Công-dư-tiếp-ký* nói: « Ông đang làm Binh-bộ Thượng-thư thì giặc đến ông bị hại » Nhưng nay chưa kịp khảo là giặc gì bấy giờ.

Ông Nguyễn Kim-An 阮金安

Nguyễn Kim-An sinh ở làng Thời-cử 辰舉, Hải-dương, đời nhà Lê. Ông làm một tên lính canh điện vua thừa Hồng-đức. Hôm ấy là đêm trung-thu, vua Lê Thánh-tôn cùng quan triều ngồi trước đèn uống rượu trông trăng làm thơ. Đêm ấy vẫn mây không trông thấy trăng Ngự-bèn mệnh đề rằng: « *Trung thu vô nguyệt* 中秋無月 ». quan triều còn đang nghĩ chưa xong, Nguyễn Kim-An vào quí dâng ngay thơ lên, cử tọa cười ồ lên rằng: « Lĩnh cũng biết làm thơ kia, nào dễ dâng vua xem nào, thật là đánh trống cửa nhà sấm. Các quan cầm lấy thì câu kết rằng: « 莫把今番開望月。來秋望月月彌高。 » Mạc bả kim phiến nhân vọng nguyệt, lai thu vọng nguyệt nguyệt di cao ». Các quan triều đều khen hay và tâu vua xin cho Nguyễn Kim-An miễn lính về đi học,

đến năm nhâm-thìn dõ Bằng-nhôn, chưa kịp ra làm quan, gặp « *đình-gian* » phải ở nhà, chưa đoạn chế thi chết, không có con trai. Luật bấy giờ ai có tang cha mẹ mà vợ có thai thì phải tội, ông Nguyễn Kim-An chết rồi, vua Thánh-tôn nhớ đến hỏi ra mới biết sự rủi-ro ấy. bèn thi đạo luật ấy đi.

Anh em ông Lê Nai 黎維

Lê Nai là con Lê Thúc-Hiến (có sách chép là cháu tam-dại) sinh ở làng Mộ-trạch, Hải-dương, đời nhà Lê. Ông thừa kế rất chăm học, 27 tuổi đỗ Giải-nguyên, lấy con gái ông Vũ Quỳnh cùng làng, sách *Công-dư-tiếp-ký* nói ông đến gửi rề nhà ông Vũ Quỳnh cứ ngồi ý ra cả ngày, chả nhìn gì đến sách vở, ông Quỳnh lấy làm lạ, bèn hỏi ông nhân-gia rằng: « Thấy nói anh Cống khi ở nhà chăm học lắm mà sao nay chẳng học hành gì? » Ông nhân-hỏi lại: « Thế từ hôm con nó sang ở bên nhà cụ-lớn thì ngại cho nó ăn thế nào? » Ông Vũ Quỳnh nói: « Nhà nhỏ chỉ có thanh-dam mà thôi. Thế anh ấy ăn thế nào kia? » — Nó ăn khoẻ khác thường kia đấy, ngại cho nó ăn như mọi người thì nó đòi không học được đó thôi. Từ đó ông Vũ Quỳnh dẫn người nhà cứ bữa thì mời thêm cơm cho cậu rề, cậu rề mới mở sách ra đọc một vài bài, người nhà thấy thế thêm đến nồi ba (ba bát gạo) thì cậu học đến canh ba, lại thêm đến nồi tư thì cậu học đến canh tư. Ông Vũ Quỳnh nói: « Thế ra rề ta khác người thật » Bèn dẫn cứ mỗi bữa đem cho cậu một nồi nấu xem sao. Từ đó cậu rề học thâu đêm suốt sáng, nổi tiếng văn-chương cự-phách, thường viết bài tự-tán rằng:

慕澤先生。以食爲名。

Mộ-trạch tiên-sinh, dĩ thực vi danh.

十八鉢飯。十八鉢羹。

Thập bát bát phạn, thập bát bát canh.

魁元及第。名冠羣英。

Khôi-nguyên cấp-đệ, danh quán quần anh.

畜之也鉅。發之也宏。

Súc chi dã cự, phát chi dã hoành.

Dịch: Ông cống Mỗ-trạch, mười tám bát cơm, mười-tám bát canh, ông ăn ngon thơm.

Rồi đây ông đỗ, đứng đầu làng nho.

Vì ông chứa nhiều, nên ông phát to.

Đến năm ất-sửu niên-hiệu Đoan-khánh đời Lê Uy-Mục-đế (1504), Lê Nại đỗ Trạng-nguyên, làm đến Hộ-bộ Tả-thị-lang, người đời cũng gọi là «phạn Trạng-nguyên = Trạng ăn» nữa.

— Lê Tài-Đĩnh 黎才鼎 là em ruột Lê Nại, từ bé đã nổi tiếng thần-dồng và khi-khải hách-dịch, anh là Lê Nại thường ngăn nên bớt đi. Khoa ất-sửu là khoa anh đỗ, khi còn đang làm bài thi ở trong trướng. Đĩnh quên một chỗ, hỏi anh, anh bảo: « Tao chỉ thi với mấy dây chừ còn thi với ai nữa mà bảo mày, » Đĩnh tức giận quá, nhờ lều ra ngay, đi suốt đêm về đến quê đã trống canh ba, nhà đóng cửa bèn nằm ở ngoài hiên ngủ. Mẹ ở trong nhà nghe có tiếng ngáy khò - khò, mở cửa ra coi thì ra Lê Đĩnh, mẹ hỏi thì Đĩnh nói đầu đuôi, mẹ bảo: « Vì mày học còn kém chớ sao, nên cố đi. » Đĩnh lập-tức đốt đèn lên học. Mẹ lại nói: « Thi chượt rồi mới phát-phần, chả biết có giữ bền chỉ được mãi thế không. » Đĩnh thưa: « Rồi mẹ xem ».

Từ đó học suốt đêm suốt ngày, tay không lúc nào rời quyển sách ra, bèn hay chữ lắm.

Anh là Lê Nại đỗ Trạng-nguyên khoa ấy rồi, vua cho làm Giảng-quan trường Quốc-tử-giám để đào-tạo lấy nhân-tài, được ít lâu Đĩnh ra kinh-dô, trọ ở chợ Hàng-cai, chừ không vào nơi anh, rồi đi đón học-trò

nhà giám bảo rằng: « Tôi là bồ chủ đây, các anh có nghĩa sách nào ngờ, đem đến tôi giảng cho. » Học-trò vẫn biết tiếng Đĩnh, bèn rủ nhau đến hỏi xem thế nào. Đĩnh trả lời luôn luôn không vướng chỗ nào, đến cả Chư-tử và sách ngoài cũng biết được nhiều, ai nấy đều kinh-hãi, xô nhau kéo đến hết cả, nhà giám không còn ai học nữa. Lê Nại phải đến an ủi rằng: « Tài em như thế, lo gì không đỗ cao, chớ nên làm sự bậy-bà, rủ học-trò nhà giám đến tụ-dâm với nhau như thế, dễ đến nỗi nhà giám không còn người nào vào học nữa. Việc đó có quan-hệ đến giáo-hóa, phải thôi đi. »

Đĩnh mới về quê, đến niên-hiệu Hồng-thuận thứ ba (1512) Lê Tài-Đĩnh đỗ Hoàng-giáp, làm đến Lại-bộ Cấp-sự-trung, nhưng vẫn tức không đỗ Trạng.

Ông Trương Phu-Thuyết 張孚說

Trương Phu-Thuyết sinh ở làng Kim-dâu 金兜, huyện Thanh - miện, Hải-dương, đời nhà Lê, đỗ Hoàng-giáp năm ất-dậu niên-hiệu Đoan-khánh đời Lê Uy-Mục-đế (1504-1505), làm đến Lại-bộ Thượng-thư. Ông tính cương-trực, cuối niên - hiệu Thống-nguyên (1522). Mạc Đăng - dong định cướp ngôi, các quan cho ông là người cố-thần, cử ông thảo tờ thiện-chiều, ông trợn mắt mắng rằng: « Thế là nghĩa gì? », rồi nhất-dịnh không chịu thảo, bèn bỏ quan về ở nhà quê. Nhân thông-thả ra hàng ngồi uống nước, ăn mặc quê - mùa cũng như người thường. Xảy có quan Huyện trải qua, mọi người trong hàng đều đứng dậy, ông cứ ngồi yên, linh mắng: « Lén chi mà láo thế? » Toan sẵn vào đánh, quan Huyện thấy người tu - my đẹp lắm, vội gọi lính lại rồi nói: « Ta xem bác này râu-ria đẹp mà thể-dạng ra tuồng tất có biết chữ, ta ra cho một

câu đối, đối được thì ta tha, không thì ta đánh đòn.» Bèn ra rằng :

知縣青河。見無禮而欲攻。

*Tri-huyện Thanh-miền, kiến vô lễ
nhĩ dục công.*

(Quan Huyện Thanh-miền, thấy kẻ vô lễ mà muốn đánh).

Ông đối ngay rằng :

進士金兜。幸有鬚而得免。

*Tiến-sĩ Kim-dầu, hạnh hữu tu nhi
đắc miễn.*

(Ông Nghè Kim-dầu, nhờ mình có râu mà được tha).

Quan Huyện mới biết là ông, vội vàng vào vái nói đường-xá chot lắm, xin ngài tha lỗi cho, ông cười rồi thôi.

Ông Trương Phu-Thuyết trước không chịu phục nhà Mạc, sau cũng ra làm quan, thực là bậc tiết-nghĩa.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT

NGHĨA-BỘC BẢO CHỦ

(Hát chèo)

CHƯƠNG-TRÌNH

CẢNH THỨ I. — Rừng núi

Núi Đường-sơn có một thặng yêu-tinh hiện hình xuống trần, vào ở với vợ chồng Trương Đa-Phúc, Trần Thiện-Khanh, để sau gỡ nạn cứu chủ. Khi sắp phải xuống trần, yêu-tinh dặn vợ con rồi từ-biệt đi.

CẢNH THỨ II. — Nhà giàu

Yêu-tinh đổi hình vào xin ở với Trương Đa-Phúc Trần Thiện-Khanh, gọi tên là Tam-Hậu. Đa-Phúc có bạn nghèo là Lê Bạc-Phu đến vay, vợ chồng Đa-Phúc thiết-đãi và cho vay 500 đồng bạc về sinh-cơ lập-nghiệp.

CẢNH THỨ III. — Nhà giàu

Sau Lê Bạc-Phu vay được tiền về làm nên giàu có, Đa-Phúc cùng nghĩa-bộc đến thăm, xem bạn có còn nghèo thì cấp thêm, song vợ chồng Bạc-Phu nghĩ là đến toan đòi nợ, liền đánh thuốc chết cả hai thầy trò, rồi đem tro

chôn ở vườn, thầy bỏ vào áo quan, cho tìm vợ Đa-Phúc sang, bảo là chồng bị cầm, vợ Đa-Phúc đòi mở quan-tài xem mặt chồng, thì nghĩa-bộc đã cải-tử cho chủ mà đem ra ngoài rồi, mà mình thì ở trong quan-tài cầm dao nhẩy ra, giết vợ chồng Bạc-Phu, rồi biến đi. Dầu làng đồn đến, bắt vợ-chồng Đa-Phúc trối, và khất quan khám án vợ chồng Bạc-Phu.

CẢNH THỨ IV. — Huyện-đường và trại giam

Lý-dịch giải vợ chồng Đa-Phúc lên huyện, quan hỏi thì vợ chồng Đa-phúc không nhận là giết vợ chồng Bạc-phu, quan truyền giam-xét, sau nghĩa-bộc hiện ra, vào ngục thăm chủ và báo mộng cho quan tha vợ chồng Đa-Phúc.

CẢNH THỨ V. — Rừng núi có miếu

Vợ chồng Đa-Phúc được tha về, hồn vợ chồng Bạc-Phu đón đường dọa-nạt. Hồn nghĩa-bộc lại hiện lên cứu chủ,

rời mời về nhà thết trà, và trở lối cho về. Sau vợ chồng Đa-Phúc lập miếu nghĩa-bộc để đền công.

Các vai trò

Thằng Yếu.
Vợ Yếu
Hai con của yếu.
Trương Đa-Phúc.
Trần Thiện-Khanh (vợ Đa-Phúc).
Lê Bạc-Phu.
Lã Ngoan-Tầu (vợ Bạc-Phu).
Thằng Nô.
Lý-trưởng.
Hai tuần-dinh.
Quan Huyện.
Thầy Đờ,
Hai cậu linh.
Cộng 16 vai : 3 đào và 13 kép.

Các điệu hát

Nói lối	Ca kim-tiền.
Thết lối.	Ca hành-vân.
Vĩa.	Ca vọng-phu.
Ngâm.	Ca tam-thất.
Hát dập đuôi.	Ca lưu-thủy.
Hát bài sai.	Ca tứ-dại-cảnh.
Hát dập bẩy.	Ca Phúc-kiến.
Hát sa lệch.	Ca cô-bản.
Hát mọi.	Ca giao-duyên.
Hát nổi niêu.	Ca phúc-kiếp.
Hát trống quân.	Ca nam-thương.
Hát lối anh khóa.	Ca nam-bình.
Khóc lối rĩ vong.	Thết lối.
Khóc nói lối.	Cộng 27 điệu hát.

CẢNH THỨ I

Rừng và núi

Nghĩa-bộc là thằng Yếu ra nói lối bỏ :

Gan già ma mọi; tôi gọi nghĩa-yếu. Ngửa coi đèo núi cheo-leo; xa ngắm cuộc đời bát-ngát. Đỉnh ngàn hoa man-mác; cõi còn cát xông-pha. Thông reo đàn gió à-à; trúc gõ sênh trời rắc-rắc. Uả kia: người đi nam đi bắc; kể về đông về tây. Một mình riêng động non mây; tám mặt xa vời cõi đất, a.

Vĩa hát mọi :

Cuộc đời đồ lẩn kiếp ma, nước non còn đỏ trắng hoa hầy còn. — *Hát mọi :* Tôi trèo lên đèo đá lon-chon, hạt sương gieo lổp-bổp, giọt mưa sa lộp-độp, văng đá rơi lộp-độp lộp-độp trận gió đồn giục mây; mịt-mờ dậm cỏ đồi cây, bụi hồng cách nẻo non mây tuyết vời.

Ca kim-tiền tàu-mã :

Ấy ai hỏi là ai, duyên kiếp sinh lên cõi cuộc đời, mà lên cõi cuộc đời, đề mà chơi ấy mà đua chơi, kia ông trời, kia ông bụi, kia ông người, cuộc duyên nợ mà chơi, cũng là trò chơi; kia ai khéo xui duyên phận, đặt vẽ ra đời, đặt vẽ ra đời, thôi thì lên xuống mà chơi, thôi thôi thì lên xuống mà chơi, đã chơi chi sợ, nhẩn mụ vợ mụ vợ qua chơi, nhẩn-nhe qua vợ mụ vợ.

Gọi nói lối :

Nào mợ ma nó đâu? ra cậu yếu này dẫn. Mau mau kéo còn mắc bận; xa xa phải xuống cõi trần. Thôi chờ có ngại-ngần; đừng ra cho nhẩn-nhũ, a mợ ma.

Vợ yếu ra nói lối tiếp :

E lấp-lồ lấp-lồ; còn lăm-le lăm-le. Chồng ma lem nhọ-nhỉnh nhập nhòe; vợ ma mụt xung-xe phề-phỡn. À à, này cậu yếu: chồng hay đùa bỡn; vợ phải chai-lơ. Non thần thánh-thót mây mưa; động quỷ cợt-cờ trắng gió, a cậu.

Chồng yếu nói lối tiếp :

À à, cậu coi cậu ngó; càng đẹp càng xinh. Nhớn-nhờ mắt biếc mây xanh; hớn-hở da hường mặt tia. Hả hả, thật tươi hơn con khỉ; khi khi, sao đẹp quá mẹ ma. Vợ ta vĩa mắt ta; mợ yếu tôi mợ nhè. (*Vĩa nói vĩa ngắm vuốt vợ*).

Vợ yêu cười nói tiếp :

Hé hé hé! Vợ đã tốt mẽ; chồng lại càng yêu. Tôi lắm về mĩ-miêu; cậu ưa chiều lơ-lãng, lắm sao.

Ngâm :

Nhờn-nhờ mây liễu má đào,
Chồng ma vợ quỉ ai nào kém ai.

Ca hành-văn ;

Cậu ơi hời, cậu ơi hời, khéo bợm bợm trò chơi, ngàn non nước gang thước cách khơi, then trắng cài cửa động, trời xa lắc, non thần cao, vợ quỉ chồng ma, mà mặn-mà, trắng già ước hẹn; lời kia nguyện, vẹn ba sinh, đẹp đôi mình, gan già ma mọi, thiệt là xinh là xinh; kia tiên - cô, tại non bằng, sánh vợ so chồng, thử cùng trông cùng trông; lững bóng hồng, lờng về gương trong, tuyệt vời mây nước, bầu trời riêng một bầu không.

Nói lời :

A này cậu Yêu : kia xa nẻo bụi hồng; đó quanh vòng nước biếc. Cậu trông tôi cậu liếc; tôi ngẫm cậu tôi cười. Lững-lơ riêng một bầu trời; thanh-thả khác người cõi đất, a cậu.

Ngâm :

Cuộc đời lấp-lé ma trôi,
Non Đường khuất nẻo một trời đôi ta.

Chồng yêu nói tiếp :

Nghe lời toan gặt gặt; xiết nỗi giạt mình mình. Ta còn nặng nghiệp ba sinh; ắt phải đời hình mấy kiếp. A này mợ ma : nay có người họ Trương, vốn nhà dịch-diệp; cùng họ Lê mắc nghiệp phiến-oan. Vàng mệnh trời ta còn phải xuống trần-gian; tới mặt đất mình sẽ cứu toàn mệnh chủ, a mợ ma. Vây gọi nàng ra nhắn-nhủ; rồi đây iêng phải phân-li. Ấu đành dạ mển dạ còn ghi; sá quẩn đàng đi đàng còn lại, a mợ.

Ngâm :

Vì đời nhiều nỗi ranh-ma,
Yêu-tình lại phải xông-pha cõi trần.

Vợ yêu nói tiếp :

Ủa phu-quân ơi, phu-quân lại bỏ thiếp mà đi mô đặng? Đã hay phu-quân vì nghĩa nặng; song-le si-thiếp vì tình vương. Nhắc nghe một bước xa đường; vội ứa hai hàng châu-lệ, a phu-quân.

Ngâm :

Mây mưa cách nẻo non Thần,
Đoài trông muôn dặm hồng-trần xa khơi.

Khéo sao ma mọi với đời,
Đề chàng Yêu phải vượt ngoài non tiên.

Tay biau chồng ca vọng-phu từ-biệt :

Ơi iêng ơi iêng nhắn chi iêng, đề thiếp than rằng : vì tình mà rẽ nước chia trăng, nước xuôi trăng lững buồn chẳng chẳng hời tình; thôi iêng nhắn nhắn chi iêng, iêng hời iêng hời, iêng hời iêng hời, cực lắm iêng ơi! Phụ tình phàng chừ duyên chi hời, ời đời đời ơi, ời đời đời ơi, chi mà tẻ lắm đời, chi mà bạc mà bạc lắm đời, thôi iêng nhắn nhắn chi iêng, iêng hời hời hời, iêng nhắn đi iêng, iêng hời hời hời, thiếp nhớ iêng chàng ơi!... Chàng li thiếp chẳng nhé, biển non thề, biển hẹn non thề, chàng bỏ ra đi, hời chàng chàng ni, tẻ non cao, sá đặng mòn hao, thiếp vì đó xanh-xao, chàng tới nơi nao, trời đã định sao, ời trời trời ơi!... Khóc mần chi đời ni kia hời, chi ma ranh mà bạc bội mần chi, đề chàng chàng đi. Nay chàng xuống kia, nỗi biệt-li dặn nhớ, kia nơi phong-trần, xa trở xiết bao, ời đời đời ơi, ời đời đời ơi, chi mà tẻ lắm đời, chi mà bạc mà bạc lắm đời, thôi iêng nhắn nhắn đi iêng, iêng hời hời hời, iêng nhắn đi iêng, iêng hời hời hời, nhắn thiếp chàng ơi.

Chồng Yêu nói lời :

Này mợ ma : em chớ vì tình thêm lụy ; anh nay vì nghĩa ra đi. Nhấn lời dặn bảo thê-nhi ; thay lột đèn nghi chủ học, đừng sao. (*Ngắm vuốt vợ mà than*).

Ngắm :

Nước non xa cách dặm nghìn,
Vi ơn-ngãi nặng sả phiền-não chi ;
Lòng riêng riêng mến thê-nhi,
Anh-hùng gạt lệ phân-li quân nào.

Ca tam-thất :

Thương luống thương, thương luống thương, chừ con én (ừ ừ-ừ-ừ) li-li-li-li-li-sào, con én li-sào, tình bằng li-sào (ơ-ơ-ơ-ơ), tình bằng li-sào (ơ-ơ-ơ-ơ) ; để ơ cho, cho con én vợ (ừ-ừ-ừ-ừ), vợ mồn, vợ luống mồn hao vì chồng (ơ-ơ-ơ-ơ), mồn hao vì chồng (ơ-ơ-ơ-ơ). Giã ơ nhau, giã nhau chừ ra khỏi (ừ-ừ-ừ-ừ), non-non-non non-non non bông, tình bằng non bông (ơ-ơ-ơ-ơ), tình bằng non bông (ơ-ơ-ơ-ơ) ; cỗi ơ nguồn, cỗi nguồn Đào khuất nẻo (ừ-ừ-ừ-ừ), chốn bụi hồng, xa xa, tình bằng xa xa (ơ-ơ-ơ-ơ), tình bằng xa xa (ơ-ơ-ơ-ơ).

Vợ Yêu nói lời :

Chừ chàng quyết ra đi ; để thiếp thương li-biệt. Ủa nào hai con nít ; cùng ra đó tiễn cha, a hai con.

Hai con cùng ra làm trò nói lời bộ, mỗi con nói một câu, dú dõn nhau, múa-mạng nhây-nhót, lại chồm lên cha mẹ, lối bộ phải làm y như trò bù-dù, đánh trống mõ, gõ, thét, nhảy, chồm, v. v. :

Tùng cốc tùng cốc, cốc tùng cốc tùng ; bung bung bung, cách cách cách ; xạch xạch xạch, oe oe oe ; tò hoe tò hoe, ý oét ý oét ; ét ét, o o ; ồ ý ồ, ồ ầm ồ ; a mẹ mẹ, ủa cha cha.

Chồng Yêu thét lời :

Ủa này mẹ ma ; cùng là con mánh. Nay số thiên-định đã mệnh ; cho ta

trần-giới thác-sinh. Mau mau vô nhà trong đời lột thay hình ; kíp kíp xuống hạ-giới đèn ơn cứu chủ, đó a.

Ngắm :

Đã hay con mến cha vợ mến chồng,
Anh-hùng nghĩa nặng nhẹ lòng biệt-li.

Biến hình cải dạng ra đi,
Non mây phò mặc thê-nhi một đoàn.

Vào cả.

Chồng Yêu vào thay bộ mừng mán, cầm búa dao ra nói lời bộ :

Non sâu beo vừa đời lột ; núi cũ cáo chữa quay đầu. Cuộc đời thấp-thoáng bóng câu ; dặm thẳng xa chồn vô ký, a. À à này ! có Trương Đa-Phúc là người nghĩa-khi ; Lê Bạc-phu vốn kẻ bội-ân. Vãng mệnh trời ta xuống cõi hồng-trần ; cứu gia-chủ cho khỏi vòng hắc-địa, đó sao.

Ngắm :

Dẫn thân ra cửa động đào,
Lá bùa xe bện con dao liếc mài ;

Nghĩa-nô vãng mệnh nhà trời,
Ra tay cứu chủ bỏ loài vô-nhân.

Ca hành-vân :

Mặt phong - trần, mặt phong - trần,
luống nặng nặng vì ân, ngàn non nước đạo bước đưa chân, dẫn thân làm nghĩa-bộc, dâng men móc, song tình-thân, nỡ nào phụ lòng nhân, quần áo quần, áo quần thay lột ; trời kia định nợ ba xuân, xuống nơi trần, trợn đèn ân chủ, giúp người nhân người nhân ; dù ai đó nợ nên hân, liếc mũi dao thần, sẽ vằm thân vằm thân ; cuộc chuyện vắn, xoay trở ba xuân, trời nào xa cách, mau mau trả oán đền ân.

Nói lời :

Đã thay lột mán rừng ; mau xuống vòng trần thế.

Hạ mán

CẢNH THỨ II

Nhà giàu và đường

Hai vợ chồng Trương Đa - Phúc Trần Thiện-Khanh cùng ra. Đa - Phúc nói lời :

Tôi gọi Trương Đa-Phúc; vợ là Trần Thiện-Khanh. May mình còn lúc tuổi xanh; đẹp phận kết duyên tơ đỏ. Cửa nhà giàu-có; nền-nếp phong-lưu. Chẳng cùng ai gây oán mua cừu; chỉ dốc chí làm lành ở tốt. A này mợ nó, tôi với bác Lê Bạc-Phu; vốn bạn ruộng nghiên cây bút; thương ai nhà bạc cửa thưa. Lấy gì lập-nghiệp sinh-cơ; những muốn giùm lưng cấp vốn. A mà lạ lâu này: ác không tới chốn; mình khó tìm nơi. Đợi khi bạn sang chơi; ắt là mình phải giúp, a mợ.

Ngâm :

Bạn ta hai sách một đèn,
Nhường cơm xẻ áo sá phần ngại chi.
Giàu sang riêng những nặng vì,
Sẵn lòng giúp bạn cũng khi ích mình.

Trần Thiện-Khanh nói lời tiếp :

Nghe lời chàng phân tỏ; e dạ thiếp cũng ưng. Nghĩ một cây làm chẳng nên rừng; góp vầng đá bấn xây thành núi. Nay bạn còn đen đủi, khôn hay nước lã vã hồ; may mình vận đỏ hồng, nào thiếu muối chườm bỏ bề. A à! giàu vì bạn sang vì vợ, thật là có lẽ; khó giúp công giàu giúp của, còn kè chi hơn. Vậy những sự làm ơn; thì là nhà có đức, a cậu.

Ngâm :

Kìa ai vì bạn vì tình,
Xây nên vầng đá non xanh một trời;
Vợ chồng thuận tát bề khơi,
Sẵn lòng cứu giúp dám lời can ngăn.

Hai vợ chồng đồng-thanh ca lưu-thủy :

Sự giàu sự giàu là sự hay, gây nên giàu nên bột nên hồ, giùm cho bạn nên cả cơ-đồ nghiệp lớn, biết ai giàu, thiệt ai giàu, khéo sao, ời chao ời chao phá hoang, ời hoang tang-tình hoang phá,

hoang-phá ừ-hự phá hoang, khi đưa bạn tang, tình tang, tình tang bạn tình, giục tình giục tình đắng chua, cay chua bạn, cay chua tình, thêm cay chua bạn tình, thêm càng thêm càng phí pha mình, nay cách giàu nay cách giàu, giùm bạn ta, của trong nhà của trong nhà thêm nhiều rộng, nhà giàu nhà giàu thật vinh-hoa, vui chi bằng hương lan hội vườn hoa, đua với nước non nhà, chơi cũng thú, chốn phong-trần gặp mặt người tương-tri, thử xem bạn tương-tri, tương tri chẳng hời ời hời tương-tri, tiến nhất bộ giúp cho giúp cho bạn vàng, rõ-ràng rõ-ràng bác tương-tri, tiến nhất bộ giúp cho giúp cho bạn vàng, đang giao-thiệp tiếp-đãi khách xa đang, mong dựng nghiệp, rõ nghiệp giàu sang, xa trao vàng, sao trao vàng giúp đỡ

Ca xong thì nghĩa-bộc cầm con dao ra nói lời ngoài :

Tôi chính thực nghĩa-yêu; nay tới nhà thiện-chủ. Quyết đã dẫn thân bọc-lỗ; thử vào kết ngãi gia-nô. Từ đây nên đạo thầy trò; dặng sẽ cứu người sinh tử, đó sao.

Vào nói :

Dạ dám bẩm, con ở nơi nương rợ; người gọi chủ mán rừng. Cơm sấm-sét đã từng; trận gió mưa cũng trải. Nghe gia-chủ rộng dàng ân-ái; nên tiểu-nô muốn tới nương-nhờ. Cơm chăm măm măn từng ưa; muối xốt dưa rầu sá quản. Vậy đem mình bán; xin dặng chủ mua. Dừng tôi làm dưa tiểu-nô; có lẽ hơn ông đại-biên. Dạ thưa chủ.

Ngâm giọng hát mọi :

Ái rằng mọi rợ ngu-dần,
Dẫn thân ở bếp miếng ăn thực nôi.
Tôi nay lộn kiếp di bồi,
Thịt bò thịt thỏ vẫn ngồi ăn quen.

Nói lời :

Dạ thưa chủ: tôi đi ở. Những vị nấu không rành; những miếng ăn thật giỏi.

Khi thịt gà cá gỏi ; khi cơm trắng chả chim.

Trương Đa-Phúc nói lời :

Ủa thắng ni rất tốt ; vậy nhà cũng nên nuôi.

Ngâm

Thức ăn nấu thịt tay quen,
Thì nơi nhà bếp cũng nên cần dùng.

Trần Thiện-Khanh nói lời tiếp :

Ủ thì cách nấu nướng thế nào ;
nên kể thức xào xào nghe hiểu, chớ.

Ngâm :

Mi đã biết nấu ăn ngon,
Cớ chi đi ở tay còn cầm dao.

Nghĩa-bộc nói lời :

Dạ thưa chủ, tôi cốt có dao con ; mới
làm nên việc lớn. Coi như người dữ tợn,
mà vốn bụng trung-thành, dạ thưa chủ.

Ngâm giọng hát mọi :

Quen tay mài liếc dao con,
Mọi mùi cá thịt ăn ngon mới rành.

Ca hành-vân :

Thiệt tôi lành, thiệt tôi lành, cũng
bơm bơm mà nhanh, từng phi phá,
thịt cá cơm canh, quen tay nhà nấu
bếp, chừ thu xếp, toan vào đây, mền
chủ nhà ta, thà thật thà cháo gà cháo
vịt, nời ăn thịt, đừng tay pho, bắt chim
cò lại là nhanh-nhẹn, vậy càng pho
càng pho, dù rang kho, thịt heo bò,
ớt muối tha-hồ, tôi hành khô hành
khô, nọ bánh mì cùng rượu vang nho,
ắt là xơi thích, còn gì cậu bếp không
no.

Nói lời :

Dạ thưa chủ, cách sào nấu tôi tiêu-
di như vậy ; sự ăn làm chủ đại-dụng

thì nên. Rồi đây trước lạ sau quen, sẽ
liệu ơn đền nghĩa báo, dạ thưa chủ.

Trần Thiện-Khanh nói lời :

Nghe nói thật là tay thạo ; song làm
chỉ cốt miệng ăn. Vậy con đòi thường
xơi trước chủ-nhân ; sao quan cả cứ
phải cần nhà bếp. Vậy có nên mượn ở
không a cậu ?

Ngâm :

Mọi mùi thịt cá cơm canh,
Xưa nay cậu bếp vẫn xơi nhanh hơn
chủ nhà.

Trương Đa-Phúc nói lời :

Việc nhà bếp nấu tra ; dầu ai mà
chả nếm. Nhưng mi nên tiết-kiệm ;
thì chủ mới thương yêu. Bây giờ là
mới buổi nhất-chiều ; đây hãy đặt tên
cho Tam-Hậu. Khiến coi xét mọi mùi
sào nấu ; và theo hầu những lúc ra
vò. Đã nên ngãi thầy-trò, phải hết lòng
chủ-bộc, đó con.

Ngâm :

Quản chi dưa muối mặn-mà,
Từ đây con ở chủ nhà nên quen.

Trần Thiện-Khanh nói lời :

A Tam-Hậu, chừ cậu mới nuôi cho
ở ; để ta phân lại cho nghe, đó sao.

Ca từ-dại-cảnh :

E con đòi, lòng yêu chúa, ni ăn ở
ăn ở một nhà, nên gan trường đừng
vội ngoa sai ngoa ; chỉ e nề, mưa gió
sương sa, mưa gió sương sa. Chi quản
ngại, chi quản ngại, phải nghĩ chút
tình xa, bao chừ cũng trọn vẹn ta
ngãi ta, nghe mấy lời, giải tỏ lòng ta,
chỉ ngần-ngại đó a. Nay chúa nhà, nay
chúa nhà, đem sự thực kia vì ta, song
tình nặng còn mãi xa ơn xa, cho vì dù
vật đời sao đời xa, nữ chi phụ lòng ta.

Trương Đa-Phúc ca tiếp :

Người người ni, ơn ai đó, ta đây ta đây cần dùng, ở sao đành cho trọn thủy cùng chung, cho trọn thủy cùng chung. Tình tình chung, sao mà khéo, sắt son sắt son một lòng, tắc gang tắc gang cho vẹn cùng hện cùng hện công nên công, hỡi ai hỡi ai mình đồng, trăm năm chút ngãi thầy trò nặng, trăm năm chút ngãi thầy trò nặng.

Nói lời :

A Tam-Hậu, người đã sẵn lòng mến chủ ; ta đây trọn đạo làm thầy. Đây tờ ngãi chân tay ; thân yêu bằng ruột thịt, đó con.

Tam-Hậu ca phúc-kiến :

Ai ái ơi, trơ a trơ a da sắt mình đồng, mà nợ mình đồng, a mượn vòng nô-lệ đề iêng-hùng chứa chân, ai ái ơi, lòng a trời a bất-phu hảo-tâm-nhân, a kìa vòng nô-lệ thử xuất thân iêng-hùng ai ái ơi.

Trương Đa-Phúc mừng nói lời :

Chi thắng! đã đem thân đi ở ; chi nói sự iêng-hùng. Rơm trong xô bếp một vùng ; rai giải ở năm từng bối. Thôi đi nghỉ.

(Đều vào cả)

Buồng cảnh đường

Lê Bạc-Phu ra nói lời :

Vốn dòng Lê-thị ; tên gọi Bạc-Phu. Đã lắm phen vì công nợ nung nấu hỏa-lò ; cũng lắm lúc bị đánh đập giầy vò búa sắt. Kề bạc ít rõ là nghèo-ngặt ; mà bạc nhiều lại thật phong-lưu. Á á ! nghĩ như mình đành mang tiếng kiết-keo, thử tìm bạn sẽ liệu chiều vay-vô. Uả kia Trương Đa-Phúc với mình bạn cũ ; Lê Bạc-Phu tới đó hãy xoay. Nếu

mà hần cho vay ; sẽ sau này rồi vô, chờ sao.

Via hát nối niều :

Ai khéo sinh ra cái đồng bạc mỏng tèo, họ in ra họ đúc cũng lắm chiều gay-go. — *Hát :* Vốn khi xưa họ nung nấu trong hỏa-lò. Hỏa-lò hỏa-lò hỏa-lò, búa danh (tình-chung) đánh đập (y ý y mầy) vầy vô trăm khoanh ; khéo ai in ra đồng bạc giầy cũng tài-tinh. Tài-tinh tài-tinh tài-tinh, nhọ nhem (tình bằng) rách bết (y ý y mầy) vẩn linh-lời nhiều ; đến như tôi keo kiết ngặt-nghèo. Ngặt nghèo ngặt nghèo ngặt nghèo, nếu tay mang (tình chung) túi bạc (y ý y) đã ăn tiêu tung trời ; cũng lắm phen công nợ rạc-rải. Rạc-rải rạc-rải rạc-rải, họ đòi (tình chung) không được (y ý y) họ xách vào chơi trong Hỏa-lò, (ò ý c ồ ý ồ).

Nói lời :

Ừ thử xoay ngón xỏ ; có ngại gì mặt mo. Sang bạn hãy nói phò, để mình chao món nợ, chờ.

Vợ chồng Trương Đa-Phúc Trần Thiện-Khanh ra đón hỏi mời ngồi, v. v...

Trương Đa-Phúc nói lời :

Đặng kính chào bạn cũ ; xin hãy tạm ngồi chơi. Bấy lâu cách nẻo xa khơi, có đặng phát tài chũng chờ, dạ thưa bác ?

Trần Thiện-Khanh nối tiếp :

Gọi phòng trà ra pha nước ; mời bạn cũ ở xơi cơm. Vợ chồng vốn sẵn lòng thơm bẻ bạn đừng chê mồm thối, dạ thưa bác.

Tam-Hậu bưng khay nước ra chào nói lời :

Khách vừa qua tới ; chủ gọi ra chào. Chén chè nay đặng ngọt-ngào ; mồm rượu còn đang sắp sửa, dạ thưa chủ.

Lê Bạc Phu nói lời :

Dạ thưa bác trai bác gái, xưa vì quen lã; nay dám tỏ bày. Em sang chơi quan bác là cốt hỏi vay; bác cố giúp cho em, ắt rồi nên nợ. Nợ nào phải là đeo hoa, dâm bô bấu nói ngang cánh búa; nợ nếu vay mà xỏ lá, làm ngựa trần chịu đánh vọt tre. Vậy em đang cùng cực khắt-khe; xin bác liệu phũ-tri giúp đỡ, đó a.

Ngâm :

Nợ nào có phải đeo hoa,
Nếu vay xỏ lá có ra mặt mèo.

Ca hành-vân :

Đặng ai liều, dặng ai liều, vay nợ
nợ mà đeo, vì non nước gặp bước đeo-
neo, phải mang công lĩnh nợ, nào chi
ngợ, vay thì vay, cho nợ đừng keo,
kèo kéo ai liều sả vô.

Trương Đa-Phúc ca tiếp :

Tình kia nợ, nợ cho vay, kip lâu
ngày, xin rồi trả lại, dặng thời hay thời
hay.

Trần Thiện-Khanh ca tiếp :

Tiền cho vay, dặng xum vầy, chờ để
chi chầy, liệu đừng gay đừng gay,
ngãi bạn bè chừ bác sang vay, bác
nhà dâm tiệc xin mời cơm rượu sẽ hay.

Nói lời :

Dạ thưa bác, giờ bác sang đó hỏi
vay; thì cậu nhà tôi cũng thuận. Nhưng
vội chi việc bạn; xin hãy dõn ngồi
chơi. Tôi bảo làm cơm rượu bác xơi;
bác sẽ lấy bạc tiền bác lại, a bác.

Ngâm :

Gọi là giúp đỡ ít nhiều,
Nghiep nhà bác sẽ liệu chiều giò xoay.

Trương Đa-Phúc nói lời tiếp :

Giờ bác may đã sang đây; như mợ
nó bản là phải. Đàng đi đàng còn lại;
việc mãi việc chi cần. Gọi là bày biện
tiệc xuan; tiện đó quây quần bạn cũ,
a bác.

Ngâm :

Cho vay em cũng cho vay,
Gọi là chuốc chén rượu say sẽ về.

Gọi :

Nào Tam-Hậu đem cơm rượu đây.

Tam-Hậu đem mâm rượu ra nói lời ngoài :

Chủ nhà nay có khách; cậu bếp
phải ra tay. Nào là rán thịt quay, đủ
cả cua xào cá ướp. Quái lạ khách đã
nợ mướp, mà sao chủ dãi rất sang.
Sợ khi đen lòng đỏ vì vàng, rồi nữa
lóc mắt thâm nữa trắng. Nói ra e phải
măng; đành chịu nín như cậm. Đáo-
đề bạn mặt tây mâm, hồ dề biết tay
nhà bếp. Ủ thôi chuyện dẫu hãy xếp;
chủ yếu mình cũng phải chiều. Nếu quả
thật đồ liều; rồi dãi cho chửng chết,
chớ sao. (*Bưng mâm rượu vào dãi!*)

Đứng hát trống-quân :

Tôi làm mâm rượu rất ngon, rượu
vang «cốt-nhát» rượu còn «sâm-banh»;
vịt gà bóp tỏi vắt chanh, heo bò xào-
xảo với hành khoai lang; may nay
nhà thết khách sang, con cá nưôt vàng
tôi mỗ lấy gan; chắc rằng tôi nó không
oan; bởi nó nưôt càn nên mắc câu
ngành câu.

Trương Đa-Phúc nói lời mời Lê Bạc-Phu :

A này qui-hữu; đó là nghĩa - nô.
Đã kéo nấu thịt bò; lại tài nghề câu
cá. Vì thế em nay yêu quá; đi dẫu hần
cũng theo chân. Mời quan bác hãy xem
món đồ ăn; biết nghĩa - nô rất giỏi tay
lâm nhấm, a bác.

Ngâm :

Làm nên rất mực sang giàu,
Phi nhà bếp dề biết mầu ăn ngon.

Trần Thiện-Khanh nói lời tiếp :

Dạ thưa bác, tôi tớ cũng như con,
thầy trò là nghĩa cả. Giàu như ông
trưởng-giả cũng còn thiếu trã nấu ăn.

làm nên bậc đại-rhân, cũng phải có quân sai-khiến. Nên nghĩa-nô mới đến ; là cậu nó dùng ngay. Mời bác xơi món này ; mới biết là tay khéo, thừa bác.

Ngâm :

Nghĩa-nô khen thật tinh-khôn,
Mùi ngon ưa miệng miếng dòn quen tay.

Lê Bạc-phu nói lời tiếp :

Anh chị thật là hay ; con đòi chi phải bâu. Đặt vẽ đồ xào thử nấu ; chi bằng ăn sống nuốt tươi. Khi nào mời bác sang chơi ; sẽ dâng với tôi ăn gỏi, nhé.

Ngâm :

Ăn tươi nuốt sống là hay,
Dạy mùi nấu nướng khéo ngày ông
Toại-nhân.

Tam-Hậu nghe lúc quá dùng hát trống-quân :

Gỏi trưa tôi cũng thường ăn, nhưng
ăn cá ắt phải dần dừ xương ; lại còn
riêng dấm mơ tương, không may lỡ
hóc phải xương trợn lè ; đang khi
rượu ớt cay xè, bỗng mà mất trợn lưởi
lè oan chết oan.

*Hát xong tăng làm bộ trợn mắt lè lưởi,
giả làm mắc hóc dây chết. Trương Đa-Phúc
thét mắng chỉ thẳng. Rồi lại tỉnh ngay
cười nói :*

Dạ tôi tưởng tôi nuốt phải xương,
xít chết hóc. (Hạ)

*Lê Bạc-Phu ngồi uống rượu ca lưu-thủy-
đoản hỏi vay :*

Bồ-đào bồ-đào hồ cùng say, chén
san-hồ bông-hồ rượu say, chén chén
cay chén rượu dùng tay, món vay nợ
sao chừ món nợ, món vay nợ món nợ
đánh sao, nợ đánh sao đó chừ đó sao,
sao 'ình sao sao mà nấn-ná. ná nấn-
ná nấn-ná thế sao, có cho dặng nào
dặng tiền trao, đó tiền trao tiền trao
rồi chén, chén khi cạn đó em dặng về,
nhờ ơn bạn ơn bạn ra về, đành duyên

nợ duyên nợ đề-huê, đó ra về làm
thành nghiệp quê, vén cơ-đồ sang sửa
vườn Lê, món tiền kia đến sau trả về.

Nói lời :

Dạ dám thừa hai bác ; xin tỏ tình
chút em. Sang chơi sá mảng rượu
nem ; chỉ cốt cần vay tiền bạc. Bởi
nay em nghèo xác ; may dặng bác
giàu to. Giúp cho gây dựng cơ-đồ, sau
sẽ trả hoàn công nợ, dạ thừa bác.

Ngâm :

Bạn hiền xá tưởng rượu nem,
Tiền rùng bạc bề giúp em mới là.

Trương Đa-Phúc nói lời :

Bác nay đã hỏi qua ; em xin đã cấp
đỡ. Dám kể chi là công-nợ ; mong sao
dùng được cơ-đồ. Bạc năm trăm xin
em hãy cấp cho ; rượu ba chén mời
riêng xin uống cạn.

Ngâm :

Hãy mời xơi cạn tiệc hoa,
Bạc năm trăm sẵn của nhà tay trao.

Trần Thiện-Khanh nói lời tiếp :

Chàng vốn đã hiệp-hào ; ai nào còn
tiếc bạn. Rượu nồng khuyên uống cạn ;
bạc trắng sẽ đưa trao, a bác.

Ngâm :

Cuộc vui khuyên cạn chén đào,
Năm trăm bạc trắng ai nào tiếc ai.

Ca cồ-bản :

Dâng chén vui cùng bạn, chàng vốn
anh-hào, ca hồng-đào rượu nồng cùng
trao, bạc anh-hào bạc vàng dường bao,
song lo chi mà sợ mà cầu bách ai nào,
của đem về nguyện đừng mòn hao, mà
nghiệp nhà thêm giàu, dễ xiết bao xiết
bao, vắn-tự là tin, tin bạn thế nào,
đàng ăn-ai, dầm đầu ngăn giàu, song
cùng bạn vì bạn lời trao, vắn-vương
tinh-tự nhường nào, kia lòng ước-
ao, bạn quỳnh giao, tay đưa tiền trao,
bày tiệc mời chén đào, lan thơm ngát-
ngào, đó thời trao, món tiền tiền nao.

Trương Đa-Phúc ca tiếp :

Hương đượm chén nồng, ngâm ca đào hồng, bạn đồng-song ân ngãi ân ngãi tương đồng. từ xưa vẫn cùng mong, gây nền mở nghiệp, xây cửa núi Đồng, vậy lo lòng, bạn còn tay không, một mình phong-lưu đành phận vẫn còn mong, muôn vàng sau cùng, dư bạc khối đồng, sự giàu giàu chung cùng, anh - hảo quân nao, có là bao, năm trăm đồng, năm trăm đồng đây cùng trao gởi, trao gởi anh-hào, đừng ai nào, mặt mừng tay trao, bạn cùng ước-ao, chừ về sau, chút còn lâu, gây nền dựng nghiệp, muôn lợi thêm giàu.

Cầm bạc đưa nói lời :

Đây em hãy giúp năm trăm, mong bác gây nền nghìn vạn, đó sao.

Trần Thiện-Khanh nói lời tiếp :

Đó giúp anh em bạn ; về dựng cơ nghiệp nhà. Khi giàu gấp bảy gấp ba ; rồi sẽ trả hai trả một, a bác.

Lê Bạc-Phu nói lời tiếp :

Thật bác nay lòng tốt ; đầu em dám xử xằng, nợ này sau tôi quyết trả phăng ; thế đó nợ thẳng nào vô tuột.

Ca tam-thất tạ ơn :

Ơn cảm ơn, ơn cảm ơn chừ cho nước lã quấy nên (ừ ừ ừ), nên nên nên nên nên hồ, cho quấy nên hồ, (tinh bằng) nên hồ (ơ ơ ơ ơ), (tinh bằng) nên hồ (ơ ơ ơ ơ) ; ơn nguồn ơn, nguồn ơn nợ bề ai dễ hồ dám quên, (tinh bằng) quên dám quên (ơ ơ ơ ơ), (tinh bằng) dám quên (ơ ơ ơ ơ). Gian thể-gian, thể-gian chừ cần nhất (hừ

hừ hừ hừ) đồng đồng đồng đồng đồng đồng tiền, cần nhất đồng tiền, (tinh bằng) đồng tiền (ơ ơ ơ ơ), (tinh bằng) đồng tiền (ơ ơ ơ ơ) ; khéo sao, khéo sao mà đổi trắng thay đen (hừ hừ hừ hừ) cho cho cho cho cho cho đành, làm sao cho đành, tạ chị cùng anh (ơ ơ ơ ơ), chào chị cùng anh (ơ ơ ơ ơ).

Vợ chồng Trương Đa-Phúc cùng chào hạ, Lê Bạc-Phu vay được tiền ra nói lời ngoài :

Hừ, khéo nổi vợ chồng Đa-Phúc ; quả tin bè bạn Bạc-Phu. Minh chơi rõ lu-bù ; hần vẫn còn cấp-dỡ. Chắc về sau đòi được nợ ; thôi đừng mong nữa uổng công. Giờ mình hãy được tiền, trở về làm rõ giàu hung ; sau anh đến đòi nợ, rồi sẽ chomiếng ác, chớ.

Hát lời tiễn anh khóa :

Ở anh bạn tôi ơi, chớ sao anh không nhớ câu « tin bọm mất bò » ; anh vội cho tôi vay năm ba trăm đồng bạc sau định trối nhau tại « hỏa-lò » hay sao. Anh làm ơn e nên oán thế nào ; thẳng tôi quyết sau là vô tuột, mà đãi bác một chén rượu đào cho bác lặn ô. Khéo gấp đòi công-nợ liu-lô ; mình muốn vô hai bàn tay trắng phải ghim bồ dao găm. Những người tham ấy thời tham.

Nói lời :

Mau trở lại gia-trang ; sẽ sinh - cơ lập-nghiệp .

(Hạ màn)

(Còn nữa)

HOÀNG THỨC-KHIÊM

MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

XXXIX

XL

五。教。所。子。曰。孟
者。以。之。君。子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Quân-tử chỉ sở dĩ giáo giả ngã.

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Quân-tử sở dĩ dạy người có năm bậc.

Chú-giải. — Đây là nói nhân-phẩm có kẻ hơn người kém, mà thời-kỳ với ở ở lại còn có kẻ xa người gần, kẻ trước người sau, nên người quân-tử dạy người phải chia ra năm bậc, thì giáo-hóa mới khắp mà không khi-tải.

者。化。時。有
之。雨。如

Dịch-âm. — « Hữu như thời vũ hóa chi giả.

Dịch-NGHĨA. — « Có bậc dạy như trận mưa phải thời cảm-hóa rất chóng.

Chú-giải. — Đây là nói về hạng người thiên-tư đã cao, tọc-lực lại giỏi, nghe lời dạy bảo thì cảm hóa ngay, ví như cây cỏ đã lấy nhân-lực bốn sới đến nơi rồi, gặp mưa thì bốc ngay lên.

財。有。德。有
者。達。者。成

Dịch-âm. — « Hữu thành đức giả, hữu đạt tài giả.

Dịch-NGHĨA. — « Có bậc dạy cho thành được đức, có bậc dạy cho đạt được tài.

Chú-giải. — Chữ tài 財 cùng đồng nghĩa như chữ tài 材.

Đây là nói bậc người thiên-tư thuần hậu, nhờ về quân-tử chiếu-trung dạy cho mới thành được đức ; bậc người thiên-tư minh-mẫn, nhờ về quân-tử khéo-chỉ dạy cho mới đạt được tài.

問。有
者。答

Dịch-âm. — « Hữu đáp vấn giả.

Dịch-NGHĨA. — « Có bậc dạy chỉ tùy hỏi điều gì thì đáp lại cho dễ giải-thích mọi lẽ hồ-nghì.

者。淑。有
艾。私

Dịch-âm. — « Hữu tư thực nghệ giả.

Dịch-NGHĨA. — « Có bậc chỉ trộm nghe những điều hay để tự trị lấy mình.

Chú-giải. — Tư = Trộm riêng, là ý không được trực tiếp người quân-tử, mà học về một cách gián-tiếp. Thực = Thiệu, điều hay. Nghệ = Tư-trị.

Đây là nói về hạng người vì chỗ đất ở xa người quân-tử, hoặc thời-kỳ sinh sau người quân-tử không được trực-tiếp để học, chỉ rộm nghe lấy những điều hay của người quân-tử còn truyền-thu ở người, rồi tự-trị lấy mình cho tiến về chi-thiện, đó cũng là nhờ về giáo-hóa của người quân-tử vậy.

教。所。子。者。此
也。以。之。君。五

Dịch-âm. — « Thử ngũ giả quân-tử chỉ sở dĩ giáo dã.

Dịch-NGHĨA. — « Năm điều ấy là quân-tử sở dĩ tùy từng bậc để dạy người vậy ».

XLI

也。而爲何不可登美道公
日可。不。可。天矣。則孫
學幾。使。及。然。宜高丑
卒及彼也。似若矣曰。

Dịch-âm. — « Công-Tôn Sửu viết : « Đạo tắc cao hi mi hi, nghi nhược đẳng thiên nhiên, tự bất khả cập dã. Hà bất sử dĩ vi khả cơ cập nhi nhật tự dã ? »

Dịch-NGHĨA. — Công-Tôn Sửu nói rằng : « Đạo của đẳng quân-tử thì thật là cao vậy đẹp vậy, chử trách kẻ học đạo khó như lên trời, bằng đường chẳng thể nào kịp vậy. Sao quân-tử chẳng bảo cho cái thuyết thiên-cận dễ làm, để khiến cho kẻ học đạo kia có thể mong kịp được mà hàng ngày chăm-chút vậy ? »

Chú-giải. — Tự-tư = Chăm chút siêng-năng.

...

率。變爲墨。改爲大孟
其拙。羿廢拙匠子
殺射。不繩工。不曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Đại tượng bất vị chuyết công, cải phế thăng mặc ; Nghệ bất vị chuyết xạ, biến kỳ cấu luật.

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Dạy người có cái phép nhất-định, không thể biếm-sút xuống được. Cũng ví như kẻ thợ cả dạy nghề thợ mộc, chẳng vì người thợ vụng mà đổi bỏ cái dây nẩy mực. Người Nghệ dạy người nghề bắn, chẳng vì người bắn vụng mà biến đổi cái cũ giương dây cung.

Chú-giải. — Cấu-luật = Cái cũ giương dây cung đến đó là thẳng.

...

之。者立道也。躍不引君
從能而中如發。而子

Dịch-âm. — « Quân-tử dẫn nhi bất phát, được như dĩa, trung đạo nhi lập, năng giả tung chi. »

Dịch-NGHĨA. — « Quân-tử dạy người học đạo, cũng như dạy người học bắn, giương cung cho mà chẳng bắn tên họ, nhưng cái tinh-thần nghề bắn đã rành rành ra trước mắt. Cứ cái đạo trung ấy mà đem ra lập giáo, kẻ nào hiểu mà học được thì theo. »

Chú-giải. — Được = Dững-dược, nghĩa đen là ni ấy nhót, nghĩa bóng là linh-động rành rành ra trước mắt. Trung = Đạo trung-thường không quá không bất-cập, không quá mà cũng không dễ.

Chương này là nói đạo vốn có định-thể giáo phải theo thành-pháp, không thể biếm xuống dễ theo người được, học-giả phải tự cố gắng mà theo.

XLII

道。以下殉道。天孟
身無身。以下子
殉道。天道有曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Thiên hạ hữu đạo, dĩ đạo tuấn thân ; thiên hạ vô đạo, dĩ thân tuấn đạo.

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Lúc thiên-hạ hữu-đạo mà cái thân được hiển, thì quân-tử đem đạo theo với cái thân ra mà thi-hành ; lúc thiên-hạ vô-đạo mà đạo bị khuất, thì quân-tử đem cái thân theo với đạo mà đi ẩn.

Chú-giải. — Tuấn = Chôn theo, ý là chết theo không lia nhau.

Đây là nói cái thân người quân-tử cùng với đạo vốn là nhất-thể, thân không lia đạo mà đạo cũng không lia thân, không khi nào con đạo dễ theo người.

...

也。人殉以未
者乎道聞

Dịch-âm. — « Vị vấn dĩ đạo tuần hồ nhân giả dã ? »

DỊCH-NGHĨA. — « Chỉ nghe cái thân với đạo chưa khi nào lìa nhau, chứ ta chưa từng nghe rằng đem đạo tuần theo với người đời, để cho cái thân hỏng mà cái đạo cũng hỏng vậy ».

XLIII

也。不。所。也。之。曰。公
答。禮。若。在。膝。郡
何。而。在。門。更。子

Dịch-âm. — Công-Hồ-tử viết : « Đẳng Canh chỉ tại môn dã, nhược tại sở lễ nhi bất đáp, hà dã ? »

DỊCH-NGHĨA. — Công-Độ-tử hỏi rằng : « Em vua nước Đẳng là Canh lại học ở cửa nhà thầy, bằng đường nên dãi lấy lễ-mạo thì phải thế mà nhà thầy chẳng đáp bảo điều gì, là có sao ? »

有。答。問。問。有。長。賢。貴。孟
二。也。皆。挾。勤。而。而。而。子
焉。膝。所。故。勞。問。問。問。曰。
更。不。而。而。挾。挾。挾。挾

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Hiệp quý nhi vấn, hiệp tiền nhi vấn, hiệp trưởng nhi vấn, hiệp hữu huân lao nhi vấn, hiệp cổ nhi vấn, giai sở bất đáp: dã, Đẳng Canh hữu nhị yên. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Phàm kẻ lại cầu thầy dạy bảo, nếu cậy mình là tôn-quí mà hỏi, cậy là tài-năng mà hỏi, cậy là có công-lao hơn thầy mà hỏi, cậy là có tình cố-cựu với thầy mà hỏi, những kẻ ấy đều không có lòng thành thụ-giáo, nên chẳng đáp lại lời hỏi vậy. Người Canh nước Đẳng có phạm về hai điều vậy ».

Chú-giải. — Hữu nhị = Phạm về hai điều: một là cậy tôn-quí, hai là cậy tài-năng.

Đây là nói kẻ đi cầu học mà có một điều cậy mình, thì cái lòng thụ-giáo không chân-thành, nên không bảo cho vậy.

XLIV

不。薄。所。不。者。已。於。孟
薄。無。厚。已。無。而。不。子
也。所。者。於。所。已。可。曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « U bất khả dĩ nhi dĩ giả, vô sở bất dĩ. U sở hậu giả bạc, vô sở bất bạc dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Phàm xử-sự, đối với sự có quan-hệ về cương - thường luân - lý chẳng thể thôi được mà thôi chẳng làm, thì không điều gì là chẳng thôi. Phàm đãi người, đối với người thân-thích nên đãi hậu mà đãi bạc, thì đối với ai mà chẳng bạc vậy. »

Chú-giải. — Đây là nói về cái tệ của kẻ ở bất-cập đạo trung.

速。其。銳。其
退。者。進

Dịch-âm. — « Kỳ tiến nhuệ giả kỳ thoái tốc ».

DỊCH-NGHĨA. — « Phàm tu thân học đạo, kẻ bắt đầu tiến hăng quá thì về sau thoái tất chóng ».

Chú-giải. — Đây là nói về cái tệ của kẻ dụng-tâm hăng quá, rồi lại chóng chán nản.

XLV

民。而。弗。也。弗。也。子。孟
而。仁。親。仁。仁。愛。之。子
愛。民。親。之。於。之。於。曰。
物。仁。親。而。民。而。物。君

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Quán-tử chi ư vật dã, ái chi nhi phát-nhân; ư dân dã, nhân chi nhi phát-thân. Thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Đẳng quán-tử đối với loài vật, ái-tích mà chẳng nhân-huệ; đối với người dân, nhân-huệ mà chẳng thân-thiết. Thân-thiết với người thân rồi sau mới

suy lòng nhân-huệ với mọi người ;
nhân-huệ với người rồi sau mới suy
lòng ái-tích với loài vật.

Chú giải. — Vật = Gồm cả các loài
cầm thú cỏ cây v. v. Ái = Thương-liếc giữ
gìn dè dặt lấy cho phải thời, dùng có tiết-
độ. Nhân = Ân-huệ, suy bụng ta ra bụng
người, điều người ghét chớ thì cho người,
điều người muốn ta giúp cho người. Thân-
thân = Chữ thân trên nghĩa là thân-ý thân-
thiết, chữ thân dưới nghĩa là người thân
trong một nhà.

Đây là nói thi-ân phải có thứ-tự, vì đối
với các loài có kẻ thân người sơ, vật khinh
người trọng, nên suy lòng nhân-ái phải có
sĩ-đẳng vậy.

XLVI

賢。不。務。而。爲。愛。爲。不。孟
也。徧。也。不。務。也。急。知。子
愛。人。急。親。之。仁。先。知。者
急。親。之。仁。先。知。者

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Tri giả
vô bất tri dã, đương vụ chi vi cấp ;
nhân giả vô bất ái dã, cấp thân hiền chi
vi vụ. Nghiêu, Thuấn chi tri nhi bất
biến vật, cấp thân-vụ dã. Nghiêu, Thuấn
chi nhân, bất biến ái nhân, cấp thân
hiền dã.

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Người tri không gì là chẳng biết,
nhưng cần biết về việc lớn nên làm ;
người nhân không gì là chẳng yêu,
nhưng cần về việc thân người hiền
hơn. Tri chẳng ai bằng vua Nghiêu vua
Thuấn, mà chẳng xét được khắp mọi
vật, chỉ kịp về việc nên làm trước thôi
vậy Nhân chẳng ai bằng vua Nghiêu
vua Thuấn, mà chẳng yêu được khắp
mọi người, chỉ kịp thân người hiền
thôi vậy.

Chú giải. — Cần biết việc lớn nên làm,
thì mọi việc đều chỉnh-lý cả cần dùng người
hiền lên trước, thì nhân-ân đều rộng khắp
cả, như thế mới là đại-tri đại-nhân.

不。是。無。歡。放。功。而。年。不
知。之。齒。而。飯。之。總。之。能
務。謂。決。問。流。察。小。喪。三

Dịch-âm. — « Bất năng tam niên chi
tang, nhi ti tiều-công chi sát ; phóng
phạn lưu xuyết, nhi vấn vô sĩ quyết, thì
chi vi bất tri vụ. »

Dịch-Nghĩa. — « Vì như người chẳng
hay hết lòng về việc tang ba năm là
việc trọng, mà chỉ xét về việc trở ti-
ma trở tiều-công là việc khinh ; lại vì
như người chẳng cần về việc ăn phàm
uống tục là cái lỗi lớn, mà chỉ trách
về cái lễ chớ cần thịt khô là lỗi nhỏ ;
những người ấy gọi là kẻ chẳng biết
việc. »

Chú-giải. — Ti = Ti-ma, trở ba tháng. Tiều-
công = Trở năm tháng. Phóng-phạn = Và
miếng cơm to. Xuyết = Uống, búp. Lưu-
xuyết = Búp xoắn-xoát kéo dài. Sĩ-quyết =
Lấy răng cắn lay-phay miếng thịt khô.

Tiết này là nói xét về đạo-lý cốt biết cái
toàn-thể thì tâm không hẹp, biết điều trước
sau, thì mọi việc đều có thứ-tự.

Thiên tận-tâm hạ

盡 心 章 句 下

(Gồm 38 chương)

凡 三 十 八 章

I

愛。愛。以。愛。及。以。王。仁。孟
及。其。不。其。其。也。哉
其。所。仁。所。仁。樂。曰
所。不。者。不。愛。者。惠。不

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Bất
nhân tại Lương Huệ-vương dã ! Nhân-
giả dĩ kỳ sở ái cấp kỳ sở bất-ái ; bất
nhân giả dĩ kỳ sở bất ái cấp kỳ sở ái. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Bất-nhân thay vua Huệ-vương nước
Lương vậy ! Người nhân suy cái mình
yêu, rồi sung ra đến cái mình chẳng
yêu mà cũng yêu ; người bất-nhân v

cái mình chẳng yêu, làm lây đến cái mình yêu mà cũng chẳng yêu. »

Chú-giải. — Người nhân-giả trước nhất thân-thiết với người thân, rồi suy ra nhân-huệ với dân, lại ái-lịch cả loài vật, thế là suy cái mình yêu rồi sung ra đến cái mình chẳng yêu mà cũng yêu.

愛。之。子。勝。將。民。地。也。公。孫
及。其。以。弟。故。復。而。之。故。惠。丑
所。以。其。驅。之。恐。之。廢。王。曰。
愛。不。是。愛。能。大。其。土。謂

Dịch-âm. — Công-Tôn Sửu viết : « Hà vị dã ? » — Lương Huệ-vương đi thổ-địa chi cố, mi lạn kỳ dân nhi chiến chi, đại bại, tương phục chi, khùng bất năng thắng, cố khu kỳ sở ái tử-dệ dĩ tuần chi, thị chi vị dĩ kỳ sở bất ái, cập kỳ sở ái dã »

Dịch-Nghĩa. — Công-Tôn Sửu hỏi : « Nhà thầy bảo thế là nghĩa sao vậy ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Vua Huệ-vương nước Lương vì có tham thổ-địa, làm tàn-hại dân mình mà đem dân đi đánh nhau, đã cả thua, lại toan đánh nhau nữa, sợ rằng dân chẳng theo lệnh chẳng thể đánh được, nên sua cả con em mình là kẻ mình yêu để chết theo vào đó. Như thế gọi là vì cái mình chẳng yêu, làm chết lây đến cả cái mình yêu vậy. »

Chú-giải. — Mi-lạn = Tan nát, nói dân bị phải tàn-hại về việc chiế-dấu. Tử-dệ = Kẻ con em, trở thái-tử Thân bị chết trận vì sự tranh thổ-địa với nước Tần. Tuần = Chết theo.

Đây là nói Huệ-vương vì tham thổ-địa là cái không cần ái-lịch bằng nhác-dân, mà lại sinh sự tranh-chiến làm tàn-hại đến nhân-dân, lại làm chết đến cả con em là kẻ chí-thân-ái, thực là bất-nhân lắm vậy.

II

之。則。於。彼。義。秋。曰。孟
矣。有。此。善。戰。無。春。子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Xuân-thu vô nghĩa chiến, bất thiện ư thử tắc hữu chi hĩ. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Sách Xuân-thu không khen trận đánh nào là hợp-nghĩa, chẳng qua bọn chư-hầu đánh lẫn nhau, trận đánh kia phải hơn trận đánh nọ thì có mà thôi vậy. »

Chú-giải. — Xuân-thu = Ông Khổng nhân sách sử nước Lỗ mới làm ra kinh Xuân-thu, có chỗ chép vào, có chỗ lược đi, để ngụ ý khen chê. Nhưng về sự chiến-tranh đời ấy thì không khen một trận nào là hợp-nghĩa cả.

征。不。敵。下。上。征
也。相。國。也。伐。者。

Dịch-âm. — « Chinh giả, thượng phạt hạ dã, địch quốc bất tương chinh dã. »

Dịch-Nghĩa. — « Chinh 征 » nghĩa là thiên-tử chinh tội chư-hầu mà đi đánh vậy; nước ngang hàng với nhau chẳng có phép chinh tội nhau. »

Chú-giải. — Thượng = Trở thiên-tử. Hạ = Trở chư-hầu. Địch-quốc = Trở các nước chư-hầu ngang hàng nhau, thế-lực bằng nhau.

III

書。如。則。信。曰。孟
無。不。書。盡。子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Lạn tin thư, tắc bất như vô thư. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Hết thầy tin lời sách chép mà tin lầm, thì chẳng bằng không có sách. »

Chú-giải. — Lời sách chép việc có thì quá sự thực, không nên nệ mà quá tin.

矣。而。三。取。武。吾
已。策。二。成。於

Dịch-âm. — « Ngô ư Vũ-thành, thủ nhị tam sách nhi dĩ hĩ. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ta đối với thiên Vũ-thành chỉ lấy có hai ba sách mà thôi, còn thì không thể tin hết được.

Chú-giải. — Vũ-thành = Thiên sách Châu-thư, chép việc vua Vũ-vương đi đánh vua Trụ, có chép câu rằng: « Huyết lưu phiêu cửu 血流漂杵 » nghĩa là máu chảy trôi chảy, là nói giết chết nhiều người. Sách = Giản sách, trượng sách, trở về mấy trượng chép việc nhân-chính.

也。之。何。不。仁。下。敵。仁
流。其。仁。伐。以。於。人
杵。血。而。至。至。天。無

Dịch-âm. — « Nhân nhân vô địch ư thiên-hạ, dĩ chí nhân phạt chi bất nhân, nhi hà kỳ huyết chỉ lưu cửu dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Người nhân thiên-hạ không ai địch nổi, lẽ nào lại phải đánh giết, lấy vua Vũ-vương là người chí-nhân đi đánh vua Trụ là kẻ chí-bất-nhân, mà sao đến nỗi giết hại máu chảy trôi chảy, như lời trong thiên Vũ-thành chép vậy. »

Chú-giải. — Cửu = Cái chảy dễ già, hoặc nghĩa là cái mọc.

Toàn chương này là nói không nên quá tin lời sách, lấy làm tạ-khẩu mà dụng binh tàn-sát.

IV

也。大。爲。我。爲。我。人。曰。孟
罪。戰。善。陳。善。曰。有。子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Hữu-nhân viết: Ngã thiên vi trận, ngã thiên vi chiến, đại tội dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Có người khoe rằng: Ta khéo bày trận, ta giỏi nghề chiến-dấu, người ấy là người có tội lớn với loài người vậy.

Chú-giải. — Chương này là kể tội cái kẻ bày dụng binh hiếu-chiến.

焉。無。天。好。谿
敵。卜。仁。君

Dịch-âm. — « Quốc-quân hiếu nhân, thiên-hạ vô địch yên.

DỊCH-NGHĨA. — « Đấng quốc-quân nếu chuộng đạo nhân chẳng thích giết người, thì thiên-hạ đều phục không ai địch nổi vậy.

我。奚。夷。而。怨。征。南
爲。怨。征。東。北。面
後。曰。西。面。狄。而

Dịch-âm. — « Nam diện nhi chinh bắc-dịch oán, đông diện nhi chinh tây-di oán, viết: Hề vi hậu ngã.

DỊCH-NGHĨA. — « Xem như vua Thang đi đánh phía Nam thì rợ phía bắc oán mong, đi đánh phía đông thì rợ phía tây oán mong, họ nói rằng: Làm sao vua Thang lại đến cứu ta sau.

千。賁。兩。三。革。殷。之。武
人。三。虎。百。車。也。伐。王

Dịch-âm. — « Vũ-vương chi phạt Ân dã, cách xa tam bách lạng, hồ bốn tam thiên nhân.

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Vũ-vương đi đánh nhà Ân, xe bọc da chỉ có ba trăm cỗ, quân hồ-bôn chỉ có ba nghìn người.

Chú-giải. — Cách xa = Xe bọc giáp bằng da. Lạng = Một xe hai bánh.

稽。厥。若。姓。敵。也。寧。無。王
首。角。崩。也。百。非。爾。畏。曰

Dịch-âm. — « Vương viết: « Vô úy, ninh nhi dã, phi địch bách tính dã. » Nhược băng quyết giốc khê thủ.

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Vũ-vương bảo dân nhà Ân rằng: « Chớ có sợ, ta đến đây là làm yên cho mày, chẳng phải là làm hại trăm họ đâu. » Dân nhà Ân nghe lời dụ dỗ đầu lạy như lở sừng rơi xuống.

Chú-giải. — *Địch* = Đố-địch làm hại. *Bằng* = Lở rơi, nói về sừng chúc xuống như rơi ra. *Quyết* = Thử, cũng như tiếng nó, là tiếng thay ngói. *Khê-thủ* = Dập đầu.

Trở lên ba tiết là dẫn việc vua Thang vua Vũ là vua nhân-đức, nên đi đến đâu dân đều qui-phục, chứ không phải đánh.

用也。正各正爲征
戰焉。己欲也。言之

Dịch-âm. — « *Chinh chi vi ngôn chinh dã, các dục chinh kỷ dã, yền dụng chiến* ».

Dịch-Nghĩa. — « *Chinh nghĩa là mình đã chinh mà đi chinh tội người vậy ; dân thiên-hạ đều mong người nhân đến chinh tội kẻ bạo-quân nước mình, sao phải dùng đến sự đánh nhau* ».

V

巧。使不規。典與匠曰。孟子
人。能矩。人。能輪。梓子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Tư tượng luân dư năng dữ nhân qui củ, bất năng sử nhân xảo* ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « *Người thợ mộc người thợ xe có thể dạy được người theo qui-củ, chẳng có thể khiến được người tính khéo* ».

Chú-giải. — *Qui* = Cái đồ để làm mẫu hình tròn. *Củ* = Cái đồ để làm mẫu hình vuông.

Đây là nói thí dụ học đạo thánh hiền, về phần qui-thức thì có thể lấy lời nói mà truyền bảo được, về phần tính-thần thì tất phải đợi kẻ học trong tâm tự hiểu biết.

VI

之。果。鼓也。其終章之。孟子
若琴。被爲身也。飯糗曰。
固二衿天焉。若糗曰。
有女衣子及將婦

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Thuần chi phạn thừu như thảo dã, nhược tương chung thân yền ; cập kỳ vi thiên-tử dã, bị trần y, cổ cầm, nhị nữ khỏa, nhược cố hữu chi* ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « *Vua Thuần khi bần-tiện, ăn lương*

khô, ăn rau cỏ, trong tâm dường như toan cử thể suốt đời cũng vậy ; kịp khi phú-quí làm dấy thiên-tử, mặc áo vẽ, gầy đàn cầm, hai con gái vua Nghiêu hầu, trong tâm dường coi như sẵn có vậy ».

Chú-giải. — Đây là nói cái tâm ông thánh-nhân tùy ngộ nhi an, lúc bần-tiện lúc phú-quí đều coi như không vậy.

VII

聞。自。其。之。殺。人。親。而。孟
耳。殺。兄。兄。其。父。之。後。子
之。然。人。父。重。知。曰。
也。則。亦。殺。人。也。殺。殺。吾
一。非。殺。人。亦。殺。人。今

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Ngô kim nhi hậu tri sát nhân thân chi trọng dã ; sát nhân chi phụ, nhân diệc sát kỳ phụ ; sát nhân chi huynh, nhân diệc sát kỳ huynh, nhiên tắc phi tự sát chi dã, nhất giản nhĩ* ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « *Ta tự nay về sau mới biết rằng sự giết kẻ thân của người là cái vạ rất trọng vậy. Giết cha người thì người cũng lại giết cha mình, giết anh người thì người cũng lại giết anh mình ; thế thì bảo rằng chẳng phải tự tay mình giết cha anh mình, nhưng chỉ cách một người mà thôi, kỳ thực cũng là mình giết cha anh mình vậy* ».

Chú-giải. — Đây là nói cái đạo báo-phục tuần-hoán, để răn người chớ thí cái thủ-đoan tàn-sát.

VIII

以。關。今。以。關。古。孟
爲也。之。禦也。之。子
暴。將。爲。暴。將。爲。曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Cổ chi vi quan dã, tương dĩ ngữ bạo ; kim chi vi quan dã, tương dĩ vi bạo* ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « *Đời xưa đặt ra cửa quan vậy, xét hỏi kẻ lạ mặt, cốt để phòng giữ kẻ cướp ; đời nay đặt ra cửa quan vậy, đánh thuế hàng-hóa xuất-nhập, chỉ cốt để tự mình làm kẻ cướp* ».

Chú-giải. — Chương này là nói giữ phép cổ mà sai ý cổ, cũng một phép đặt cửa quan mà cổ kim nhân với bạo khác nhau.

IX

妻能以使於道。身孟子
子。行道。人妻不不子。
於不不子。行行曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết : « Thân bất hành đạo, bất hành ư thế tử ; sử nhân bất dĩ đạo, bất năng hành ư thế tử. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Thân mình chẳng làm đạo, thì chẳng giáo-hóa nổi vợ con, đạo chẳng thi-hành được với vợ con ; sai khiến người làm việc mà chẳng phải đạo, thì dầu vợ con cũng chẳng theo, lệnh chẳng hay thi-hành được với vợ con. »

Chú-giải. — Đây là khuyên người trước phải tự mình ăn ở cho hết đạo, thì mới hay cảm-hóa được người.

X

不者。周不者。周孟
能邪于能凶于子
亂世德殺。年利曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết : « Châu vu lợi giả, hung niên bất năng sát ; châu vu đức giả, tà thế bất năng loạn. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ súc-tích đủ về đường sinh-lợi, thì dầu năm mất mùa cũng chẳng giết được cái thân ; kẻ súc-tích đủ về đường đạo-đức, thì dầu đời dâm-tà cũng chẳng loạn được cái chí. »

Chú-giải. — Châu = Đủ, súc-tích thừa đủ, Châu vu đức = Đủ điều nhân nghĩa sung túc, tự có định-kiến định-thủ, dầu thời đời tà-dâm, cũng không hay làm loạn được chí mình.

Đây là khuyên người nên súc-tích lấy đạo-đức cho thừa đủ.

XI

見食其國。于入好孟
於豆人。苟乘能名子
色。突。竈。非。之。詘。之。曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết : « Hiền danh chi nhân, năng nhượng thiên thặng chi quốc ; cầu phi kỳ nhân, đan tự dậu canh hiện ư sắc. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái người hiền-danh, cố kiêu-cường hay nhượng được cả nước nghìn cổ xe là sự lớn ; nếu chẳng phải là người thực coi khinh phú-quí, thì một rổ cơm một liễn canh là sự nhỏ, lại thấy cái chân-tình mừng giận hiện ngay ra ở sắc mặt. »

Chú-giải. — Đây là nói cái người giả cách hiền-danh, lúc miên-cường kiêu-tinh coi khinh phú-quí, dầu hay cố-gượng đề cầu tiếng khen nhưng đến khi chợt quên đi gặp việc nhỏ nhặt, bất-giác cái chân-tình mừng giận lại phát-lộ ngay ra vậy.

XII

不則無上禮空賢。不孟
足。財政下義虛。則信子
用事亂。則無國仁曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết : « Bất tín nhân hiền, tắc quốc không-hư ; vô lễ-nghĩa, tắc thượng hạ loạn ; vô chính sự tắc tài dụng bất-túc. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái đạo trị nước, chẳng tin dùng kẻ nhân-hiền, thì kẻ khác chẳng giúp việc, trong nước không-hư ; không có lễ-nghĩa để duy-trì, thì kẻ trên người dưới hỗn-loạn ; không có chính-sự để tiết-chế, thì của dùng chẳng đủ. »

Chú-giải. — Không hư = Như không có người.

Đây là nói cái đạo trị nước phải tin-dụng người nhân-hiền để giúp đỡ, lại phải có lễ-nghĩa để biệt tôn-ti, có chính-sự để làm cương kỷ, nhưng cốt nhất là phải dụng người hiền làm gốc.

XIII

也。未得不有得不孟
之天仁之國仁子
有卜而矣者而曰。

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Bất-nhân nhi đắc quốc giả, hữu chi hĩ. Bất-nhân nhi đắc thiên-hạ, vị chi hữu dã. »

Dịch-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ bất-nhân mà được một nước, cũng hoặc có vậy. Nhưng kẻ bất-nhân mà được cả thiên-hạ, thì chưa có bao giờ ».

Chú-giải.— Đây là nói kẻ bất-nhân không khi nào là đắc nhân-lâm, làm cho thiên-hạ qui-phục.

XIV

輕。君。次。社。爲。白。孟
爲。之。稷。貴。民。子

Dịch-âm.— Mạnh tử viết : « Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh. »

Dịch-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Nước lấy dân làm gốc, dân là quý hơn nhất, xã-tắc thứ hai, vua là khinh. »

Chú-giải.— Xã-tắc = Xã = Nền xã tế thần bản-thổ, tức là thần sơn-xuyên. Tắc = Nền tắc tế tế thần mới dạy dân giồng thóc, tức là tế Thần-Nông. Khi mới lập-quốc phải trước dựng nền xã-tắc, để vị dân cần-dao kỳ báo.

爲。乎。諸。天。子。而。乎。是
大。諸。侯。子。得。爲。丘。故
夫。侯。得。爲。乎。天。民。得

Dịch-âm.— « Thị cố đắc hồ khuru dân nhi vi thiên-tử, đắc hồ thiên-tử vi chư-hầu, đắc hồ chư-hầu vi đại-phu. »

Dịch-NGHĨA.— « Thế cho nên được lòng với kẻ khuru-dân thì làm đến ngôi thiên-tử, được lòng với thiên-tử chẳng qua làm chư-hầu, được lòng với vua chư-hầu chẳng qua làm quan đại-phu. »

Chú-giải.— Khuru dân = Người dân chốn điền-dã. Cỗ-gia chia bốn tỉnh là một ấp, bốn ấp là một khou.

Đây là giải ra cái nghĩa dân là trọng nhất, nếu hay được lòng kẻ nhân-dân chốn điền-dã, thì dân đều qui-phục hay làm được đến ngôi thiên-tử.

變。稷。危。諸
置。則。社。侯

Dịch-âm.— « Chư-hầu nguy xã-tắc, tắc biến trí. »

Dịch-NGHĨA.— « Vua chư hầu làm nguy cho xã-tắc, thì biến-đổi vua ấy đi mà đặt vua khác. »

Chú-giải.— Đây là giải ra cái nghĩa vua khinh hơn xã-tắc.

社。則。乾。然。祀。既。成。犧
稷。變。水。而。以。潔。粢。牲
置。溢。旱。時。祭。盛。既

Dịch-âm.— « Hi-sinh ký thành, tư-thình ký khiết, tế-tự dĩ thời; nhiên nhi hạn can thủy dật, tắc biến trí xã-tắc. »

Dịch-NGHĨA.— « Lễ hi-sinh đã thành, xôi tư-thình đã sạch, việc tế-tự đã hợp-thời; thế mà thần chẳng hân-ngũ được tai-nạn cho dân, hoặc nắng khô, hoặc nước lụt, thì biến đổi chỗ cũ đi mà đặt nền xã-nền tắc ra chỗ mới. »

Chú-giải.— Hi-sinh = Loài sinh-vật thuần-sắc giết ra để cả toàn-thổ tế thần. Tư-thình = Tư là xôi nếp, Thình là đựng, tức làm ẩm xôi.

Đây là giải ra cái nghĩa xã-tắc tuy trọng hơn vua nhưng mà khinh hơn dân.

XV

於。聖。下。畜。之。儒。聞。也。孟
視。人。聞。者。百。之。夫。伯。伯。子
矣。而。者。莫。世。薄。有。夷。柳。聖
之。能。不。之。夫。立。之。柳。人
著。若。興。上。敦。志。者。百
乎。是。乎。起。白。柳。頑。世
而。也。世。夫。下。夫。是
况。非。之。寬。惠。廉。故。師

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Thánh-nhân bách thế chi sư dã, Bà-Di, Liễu-Hạ Huệ thị dã. Cổ văn Bà-Di chi phong giả, ngoan phu liêm, ngoa-phu hữu lập chí; văn Liễu-Hạ Huệ chi phong giả, bạc-phu đôn, bỉ-phu khoan; phần hồ

bách thể chi thượng, bách thể chi hạ, văn giả mạc bất hưng-khởi dã, phi thánh nhân nhi năng nhược thị hồ, nhi hướng ư thân chủ chi giả hồ ? »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Đấng thánh-nhân là thầy trăm đời, như ông Bá-Di, ông Liễu-Hạ Huệ đấy vậy. Cho nên kẻ nghe cái phong ông Bá-Di, thì kẻ ngu-dộn biến đi mà có nét liêm, kẻ lười-biếng biến đi mà có lập-chí. Nghe cái phong ông Liễu-Hạ Huệ, thì kẻ đơn-bạc biến đi mà trung-hậu, kẻ bỉ-lận biến đi mà có nét khoan-hồng Ông Di ông Huệ phẫn-khởi ở trên khoảng trăm đời, khiến cho dưới khoảng trăm đời, kẻ nghe biết chẳng ai là chẳng cảm-dộng hưng-khởi, chẳng phải bậc thánh-nhân mà hay cảm-hóa được như thế ư ? Phương-chi là những kẻ sinh đồng-thời với thánh-nhân, được thân chủ đấy ư ? »

Chú-giải. — Liêm = Biết phân-biệt không hạp lẫn. Bỉ = Hẹp hẹp biệt-lập. Thân-chủ = Thân là gần ; chủ là bờ nương, nghĩa là được gần - gần hun-đúc cảm-hóa càng dễ.

Đây là tán ông Di là bậc thánh chí thanh, ông Huệ là bậc thánh chí hòa, cái thanh-phong hóa-khai ấy hay cảm-hóa được trăm đời về sau.

XVI

道言合人也曰。孟也。之。而。也。者。仁。子

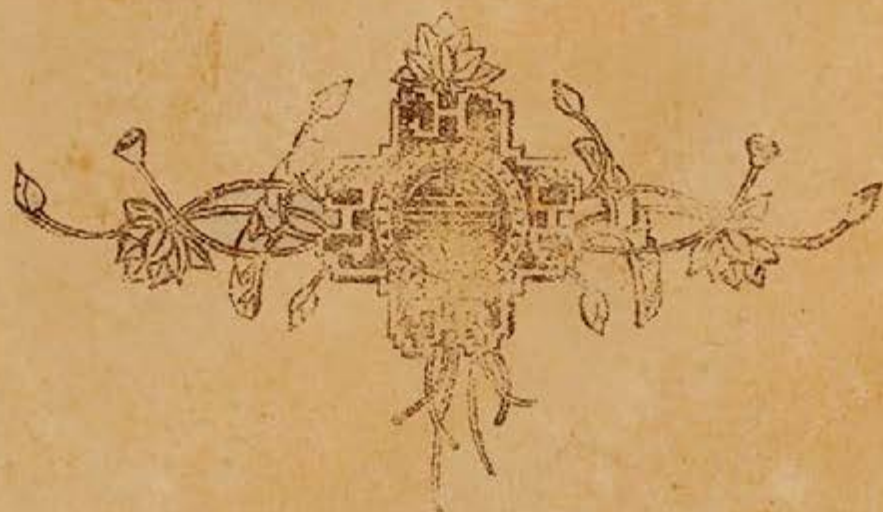
Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân dã giả nhân dã, hợp nhi ngôn chi, đạo dã ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Nhân tức là cái lẽ người ta sở dĩ làm người vậy. Đem cái lẽ nhân thuộc về phần tình, với cái thân người ta thuộc về phần hình, hợp lại mà bàn, thì tức là cái đạo người ta cùng noi theo vậy ».

Chú-giải. — Đây là nói nhân tức là cái lẽ trời phú-tính cho người ta để làm người, mà tức là cái đạo người ta cùng noi theo ; nếu đã làm thân người thì phải theo điều nhân ở cho hết đạo, mới thành nhân-cách được.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VĂN dịch



QUÍ-PHI DIỄM-SỬ

貴妃艷史

(Tiền-thuyết)

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Quý-phi gia-thế và xuất-thân

Từ xưa đến nay, phàm kẻ gọi là kẻ mỹ-nhân, phần nhiều thân nhẹ như chim yến, lưng nhỏ như lá liễu, như nàng Phi-Yến, gả Tây-Thị, một hạng nhân-vật ấy, đều được dâng để vương yêu quý, truyền tiếng đẹp về đời sau. Vì rằng đàn bà yếu-diệu nhỏ-nhân, rất dễ được người ta thương yêu. Song-le, trời sinh ra chất đẹp, vốn không có lẽ thường nhất-định. Kẻ mỹ-nhân xinh-sắc yếu-ớt kia, là sự thưởng của trời đất, mà kẻ mỹ-nhân thân-thể phương-phi béo tốt này lại là sự phạt của thiên-gian. Vì cái chất phong-hậu nùng-diễm mà trừ-danh là mỹ-nhân, như nàng Dương Quý-phi đó, há chẳng xứng đáng vì với cái hoa hải - đường mà tuyệt - đối thiên - cồ dư! Ngày nay phàm người trên đời, hễ nói đến nàng Vương Quý-phi, chẳng ai chẳng biết là một vị tuyệt-thế giai - nhân. Duy Quý-phi gia-thế thế nào, xuất-thân thế nào, dường như chưa tất ai ai đã hiểu biết. Ôi! Muốn biết cái lịch-sử khuynh-quốc khuynh-thành của Quý-phi, trước hết phải xét cái gia-thế Quý-phi và cái lịch-sử xuất-thân của Quý-phi vậy.

Quý-phi họ Dương 楊, tên là Ngọc-Hoàn 玉環, sinh ra ở đất Thục, là con gái người Dương Nguyên-Đàm. Nhà Nguyên-Đàm nguyên không phải là nhà quý-tộc, nhưng cũng không đến nỗi là nhà hàn-vi cho lắm. Duy con gái họ Dương sinh ra, người thì đẹp vừa, người thì đẹp lắm, toàn là người đẹp cả, đó là một điều đặc-sắc của họ

Dương trong đất Thục. Quý-phi khi sắp-sửa sinh ra, vợ chồng Nguyên-Đàm có cùng chiêm-bao thấy một giải cầu vồng tự trên trời kéo xuống, quần liềm vào cột giường nằm, bảy sắc rực-rỡ. Chợt lại hóa làm vị sao sa, rơi thẳng xuống đất, có tiếng như tiếng sấm. Vợ chồng Nguyên-Đàm đều kinh-hãi thức dậy, liềm sinh ra Quý-phi. Người vợ Nguyên-Đàm cho là cái điềm quái gở, toan đem bỏ đi chẳng nuôi nữa, và nhân nghĩ bụng rằng cái điềm gớm-ghe ấy, nếu sinh ra con trai, còn có lẽ mong quang-đại được môn-hộ, nay lại sinh ra con gái, thì cái mộng ấy tất là cái điềm chẳng hay. Cho nên trong tâm thường lấy làm buồn-bã chẳng vui, chỉ muốn đem ra sông đánh đắm cho chết đi. Nguyên-Đàm biết ý cố ngăn lại, và bảo vợ rằng: "Sinh con trai chưa tất đã làm bậc công-hầu, sinh con gái há chẳng đủ làm bậc quý-nhân hoàng-hậu đó ư?" Kịp lúc Quý-phi lớn lên, những kẻ biết có điềm ấy, đều đã gọi sẵn là quý-nhân.

Hàng chị em gái trong họ Dương khi ấy, chẳng ai là chẳng nhan-sắc tuyệt-luân, mà Quý-phi lại là đệ-nhất. Quý-phi thể-chất phong-mãn, tóc tốt và dài, nước da sạm-nhuận như ngọc; vả lại trong khoảng thờ da thời thường có khi thơm, tự chỗ chân lông bay ra, sức-nức như mùi lan-xạ, cho nên lại có nhũ-hiệu gọi là Hương-Ngọc.

Năm Khai-nguyên thứ hai-mươi đời vua Minh hoàng nhà Đường, mùa đông, Quý-phi được sách-phong làm vợ tước Thọ-vương, nhưng bấy giờ cha

đã chết rồi. Trước kia Qui-phi còn ở nhà, thường theo các hàng anh em đọc sách, tính-tính thông-luật, sách kinh sách sử, sách chư-tử bách-gia, hễ qua mắt là thuộc ngay. Nhưng không thích đọc sách, chỉ thích về một môn âm-nhạc, hàng ngày nghiên-tính kiệt-tử, khảo-cứu âm-luật, cùng-cực kỳ điệu. Qui-phi lại chế ra được lối từ-khúc mới, hễ chế ra được khúc nào, thì chốn lư-lý gần xa truyền-tụng ngay. Ngày sau đem được khúc nghệ-thường vũ-y, làm mê-hoặc lòng vua, gây nên một phen nghiêng nước nghiêng thành, kinh-thiên động-địa, không phải là ngẫu-nhiên vậy. Như nàng Qui-phi thực là một kẻ tài-mạo song-toàn, là một cái vật lạ của trời sinh ra, dầu muốn nép ở trong chốn hương lý, há có thể được sao?

Qui-phi lại có tính xảo-quyết gồm-ghe, nhưng đối với các hàng anh em chỉ em lại rất có tình hòa-thuận yêu-giấu. Ngày thường vẫn thẽ riêng với nhau rằng: « Nếu được phú-quí chớ có quên nhau. » Nghiêm-nhiên có cái khí-khái chim hồng-hộc muốn dặm bay cao.

CHƯƠNG THỨ HAI

Qui-phi sách-phong làm vợ tước Thọ-vương

Tước Thọ-vương là con bé vua Minh-hoàng, nàng Vũ Huệ-phi sinh ra. Khi ấy nàng Huệ-phi được vua yêu nhất, quyền-thế khuynh-đảo trong đám hậu-cung, ngầm có cái chí cướp ngôi thái-tử của con cả. Kịp khi Thọ-vương đến tuổi sắp-sửa lấy vợ, Huệ-phi hỏi khắp quần-thần, muốn được người con gái tài-đức kiêm-bị để làm vợ Thọ-vương, khiến ngày sau xưng-đáng là ngôi quốc-mẫu. Huệ-phi khi ấy chuyên-cây một người đề làm tâm-phúc với mình là Lý Lâm-Phủ. Lâm-Phủ khi ấy làm chức lễ-tướng, đương được vua Minh-hoàng tin dùng.

Lâm-Phủ vốn là một kẻ tiểu-nhân, gian-giảo tuyệt-laán, khéo dò biết ý-tư người đề làm kẻ đưa đón. Lâm-Phủ biết rằng vua Minh-hoàng làm vua đã lâu năm, hơi có ý chán mỗi, muốn khiến cho vua mê-hoặc về sự gì mà không hỏi đến việc thiên-hạ, thì mình sẽ được chuyển-quyền. Và biết rằng Huệ-phi muốn thừa-cơ chuyển-chính, mới dua-nịnh phụng sự Huệ-phi, đề trong ngoài cùng giao-kết.

Đến khi ấy Huệ-phi hỏi với Lâm-Phủ rằng: « Nay ta muốn kén vợ cho Thọ-vương, vậy có ai là người khá không? » Lâm-Phủ tức-khắc cử họ Dương đề tiến-đổi. Vì Dương Nguyên-Đảm khi còn sống, vẫn cùng với Lâm-Phủ quen thân, từng đón Lâm-Phủ đến nhà, đem khắp cả con gái ra phỏ với Lâm-Phủ. Lâm-Phủ vắng lại đã lâu ngày, quen thuộc như người nhà, thấy Qui-phi đẹp, vẫn lấy làm kinh-dị. Nay nhân dịp Huệ-phi hỏi đến, cho nên tức-khắc tiến-cử họ Dương Huệ-phi nói rằng: « Ta vẫn nghe con gái họ Dương có nhiều kẻ tài giỏi, chưa biết kẻ nào là nên hợp-tuyên ». Lâm-Phủ thưa rằng: « Chẳng ai bằng một người tên là Ngọc-Hoàn, thực là bậc quốc-sắc vậy. » Huệ-phi mừng lắm, tức-khắc tâu với vua Minh-hoàng. Vua Minh-hoàng vốn là bậc thông-minh tức-khắc gạt đi rằng: « Thọ-vương tuổi còn đồng-ấu, lấy vợ thì nên lấy con gái những nhà huân-cứu thế-gia, ngõ-hầu am-hiểu lễ-pháp, sau này có thể khuông-chính được điều lỗi cho chồng. Chứ họ Dương kia môn-hộ cô-hàn, cuộc tuyển ấy không phải là xưng-đáng. » Huệ-phi nói rằng: « Không phải lễ thế, bề-hạ làm đáng thiên-tử, cho ai sang thì người ấy được sang, bắt ai hèn thì người ấy phải hèn, có kẻ gì môn-hộ; bề-hạ cho là nên, thì nên đấy thôi. Vả lại Thọ-vương thường nói với tôi rằng: « May mà được sinh ra làm con đáng đế-vương chỉ nguyên lấy vợ đẹp như nàng

Tây-lử gã Vương Tường. Thà rằng con nhà bách-tinh mà đẹp còn hơn con nhà phú-quí mà xấu. Tôi không nỡ trái ý nó, nay tôi đã xét được kỹ-càng, gái họ Dương kia thực là một bậc thiên-tiên giáng-thế, không nên bỏ vậy. »

Vua Minh-hoàng khi ấy vẫn hiềm rằng môn hộ họ Dương hàn-vi đơn-bạc, không đủ có gia-pháp, ngăn-ngừ chẳng nghe. Huệ-phí sợ rằng sự ấy chẳng hài, mới dẫn dò Lý Lâm-Phủ thừa-cơ nói với vua Minh-hoàng. Khi ấy vua Minh-hoàng bề trong bị mê hoặc về nàng sủng-phí, bề ngoài bị khi-trá về kẻ nịnh thần, mới truyền mệnh sách phong Ngọc-Hoàn làm Thọ-vương-phí.

Họ Dương được tin báo, cả nhà mừng rỡ, chẳng ai là chẳng cảm cái ơn của Lâm-Phủ ngọc-thành cho, chỉ một Quý-phí trong tâm uất-ức buồn-bã, cho rằng nay nhà vua đã có thái-tử rồi, Thọ-vương không có cái hi-vọng làm thái-tử nữa, chỉ làm Vương-phí mà thôi, chẳng đủ lấy làm vinh-sủng. Lâm-Phủ biết ý Quý-phí thừa-cơ đến hiểu cho rằng : « Thọ-vương là Huệ-phí sinh ra, Huệ-phí quyền-thế khuynh - đảo hậu-cung, ai là chẳng biết. Gần đây đương mưu tranh ngôi thái-tử, ý vua đã chuyển, lũ chúng ta vì Thọ-vương giúp sức, lo gì chẳng thành. Nàng cứ yên tâm, ngày nay làm vương-phí, ngày khác tức-khắc làm quốc-mẫu. Chỉ nguyện rằng ngày khác mà đặc-chi thì chớ quên lũ chúng ta mà thôi. » Quý-phí cười nói rằng : « Nếu thực như lời nói nhà người, thì sao dám chẳng nghe lời. »

Chưa bao lâu, nhà vua đem lục-lễ đến nghinh-hôn, Quý-phí mới lia cửa lia nhà về cung Thọ-vương.

Khi ấy Quý-phí tuổi mới 16, vàng tó ngọc chuốt, diễm-lệ như tiên, khác nào một đóa danh hoa từ chốn hang sâu đời lên vườn ngự vậy.

CHƯƠNG THỨ BA

Quý-phí được vua Minh-hoàng triệu-kiến

Quý-phí từ khi về cung Thọ-vương, đêm đêm hàn-thực ngày ngày nguyên-liệu. Nếu làm bạn với Thọ-vương để suốt đời, há chẳng phải là một sự nhất-sinh hạnh-phúc? Nhưng trời đã sinh ra kẻ tuyệt thế giai nhân ấy, trời chẳng muốn khiến cho mai-một đi mà không ai biết. Rồi thì cái kẻ yểu qui trùn lợp trong lục-cung là Vũ Huệ-phí hốt nhiên mắc bệnh mà chết. Trước kia Huệ-phí chuyên sủng ở trong cung, gìn giữ nghiêm nhặt, cho nên vua Minh-hoàng đối với sự nữ-sắc, cũng đạm-bạc quên đi cả rồi. Kịp sau khi Huệ-phí mất, kẻ nội-sủng thiếu người, mà vua lại chẳng muốn tìm tới mãi nữ ở dân-gian, để khiến cho thiên-hạ di-nghị. Vì thế vua tâm-linh uất-ức không thể đối với ai mà nói được, dần dần đến nỗi cử-động thì vô-định, hi-nộ thì thất-thương. Thường đương lúc thịnh-nộ hay đánh đập các hoạn-quan, thậm chí có người bị trọng-thương mà chết.

Khi ấy trong bọn hoạn-quan có Cao Lực-Sĩ là chuyên-sủng, nói gì vua cũng nghe. Các kẻ hoạn-quan vì có vua Minh-hoàng thưởng-phạt bất-đáng, đều có lòng sợ hãi, rù nhau đi tiếp kiến Cao Lực-Sĩ để mưu cái kế oan cừu. Lực-Sĩ cau trún nói rằng : « Sự ấy không thể lấy miệng lưỡi can ngăn được, các người hãy chút yên tĩnh, đừng có tạo bạo, để đợi tìm kẻ từ đồ. »

Một hôm Lý Lâm-Phủ bị triệu vào diện đối-sự, đối sự xong đi ra, cùng với Lực-Sĩ gặp nhau ở ngoài chỗ điện-môn. Lực-Sĩ nói rằng : « Xem ý chúa thượng chỉ vì sau lúc Huệ-phí đã chết, chốn nội-dinh không có người xứng ý, mà lại chẳng muốn trưng-hoàng rộng tìm quốc-sắc, để tránh tiếng với thiên-

hạ. Tục-ngữ có câu : « Tâm-bệnh lại phải chữa bằng tâm-dược ». Nay trong ý tưởng-công xét những nhà qui-thích cận-thần, có từng thấy người nào là qui-sắc không ? » Lâm-Phủ ngẫm-nghĩ hồi lâu, rồi nói rằng : « Có kẻ quốc-sắc vô-song là Dương Ngạc-Hoàn, hiện ở trong cung Thọ-vương. Nay làm cái kế-sách cho các người, chỉ có dò xét cái ý chúa-thượng thế nào, mà đem người con gái ấy để liến-ngự, thì lũ người có thể cao gối mà nằm yên được. Nhưng lũ chúng ta là kẻ ngoại-thần, không thể nói đến việc ấy được, người hăng cử thừa-cơ mà nói thì nên đấy. » Lực-Sĩ tán khen là phải.

Cách vài ngày, Lực-Sĩ hầu cơm vua trong lâm-cung, vua Minh-hoàng ăn chữa hết bát cơm, ném đĩa xuống mà ngậm-ngùi thở dài. Lực-Sĩ nhân qui tâu rằng : « Cỗ-ngữ có câu : « Vua có lo thì bầy - tôi phải như ». Nay chúa-thượng bỏ ăn than-thở, liễu-thần này xin dương tội chết ; chúa-thượng sao chẳng đem tâm-sự bảo với liễu-thần, nếu sự gì có thể giải được cái lo ấy, thì dầu dầm vào nước sôi, nhảy vào đồng lửa, liễu-thần cũng không dám chối từ. » Vua Minh-hoàng nổi giận mắng rằng : « Lũ chúng bay nó-lẽ biết gì, lại dám bép-xếp. » Lực-Sĩ lại tâu rằng : « Nay bốn bề thái-bình, muôn cơ nhân-hạ, chúa-thượng hết thầy nên kịp thời làm vui. Nếu khéo kén dừ-xe những người lương-gia nữ-lữ để sung vào chốn hậu-cung, thì tướng cũng có thể giải-trừ được phiền-muôn, chưa biết thánh-ý như thế nào ? » Vua Minh-hoàng sắc mặt đã hơi động, nhưng lại than rằng : « Giai-nhân nan đắc, những kẻ son thường phần tục, sao có đủ đề mắt. » Lực-Sĩ đứng dậy, tiến lại gần trước mặt vua mà se sẽ tâu rằng : « Khuynh-thành nữ-sắc vẫn ở trước mắt, chúa-thượng há lại chưa trông thấy đấy ư ? » Vua Minh-hoàng vừa kinh-ngạc vừa hân-lũ hồi rằng : « Kê nào đó ? Người thứ nói xem. »

Lực-Sĩ tâu rằng : « Chúa - thượng có từng nghe Dương Ngạc - Hoàn đấy không ? Kê về bề mao, thì nàng lây chẳng đủ vi ; kê về bề tài thì nàng Ban chẳng đủ so. Người ấy hiện ở trong cung - cấm. » Vua Minh-hoàng lại nổi giận mà rằng : « Ấy Dương đã chẳng phải là vợ Thọ-vương rồi đấy ư, người sao được nói can. »

Vua Minh-hoàng nói xong, liền trở vào thanh bảo-kiếm mà rằng : « Chúng bay còn nói đến Dương Ngạc - Hoàn, thì trông vào thanh bảo-kiếm ấy. » Lực-Sĩ qui xuống tâu rằng : « Liễu-thần thực là một dạ yểu vua. »

Ngày khác, Lực-Sĩ thường-thường ở trước mặt vua tán khen cái đẹp của Dương Ngạc-Hoàn, là cái đẹp quốc-sắc vô - song. Vua Minh-hoàng thở dài than rằng : « Định-phận đã định, nay biết làm thế nào ! » Lực-Sĩ tâu rằng : « Xưa nay giai-nhân nan tái-đắc, chúa-thượng hăng cho tam triệu Dương Ngạc-Hoàn vào cung, để trông thấy mặt một chút, tướng cũng không hại gì. » Vua Minh-hoàng ngẫm-nghĩ hồi lâu, rồi nói rằng : « Dem Ngạc-Hoàn sung vào hậu-cung, sự ấy quyết là chẳng nên, nay người đi truyền mệnh triệu Ngạc-Hoàn vào cung, để trăm một phen trông thấy trang-mạo, có quả xứng-dáng gọi là mỹ-nhân hay không, thì nguyên-vong trăm như thế cũng là đủ vậy. » Lực-Sĩ mỉm cười phụng-mệnh, tức-khắc cùng với vài kẻ hoạn-quan ngự xe thanh-loan ra đi đến cung Thọ-vương.

Than ôi ! Hăm vua về đường bất-nghĩ, để lấy phú-quí, như Cao Lực-Sĩ, Lý Lâm-Phủ, hai kẻ liễu-nhân ấy, mấy muôn đời cho hết tội đồ thay !

CHƯƠNG TẠO TỬ

Quý-phí tu-hành làm kẻ nữ-đạo-sĩ

Khi trong cung Thọ-vương ăn bữa cơm tối vừa xong, Quý-phí với Thọ-vương sánh vai cùng ngồi, thời sáo từ-ngọc, tấu khúc văn-môn, để cùng làm

vui. Bọn thị-nữ trong cung kẻ nào kẻ ấy đều cầm đồ nhạc khi đề họa lại.

Đương lúc thưởng nhạc vui lại, chợt có kẻ giữ cửa chạy vào báo rằng có thánh-chỉ triệu Vương phi, và lại người mang tờ chiếu là Cao tướng-quân, chưa biết rằng có duyên sự gì, nên mau chóng đội mũ mặc áo ra nghênh-tiếp.

Thọ-vương lấy làm đại-kinh, bảo với Quý-phi rằng : « Đấng phụ-hoàng có ý gì, nay triệu phi mà chẳng triệu ta, ta đi hỏi Cao tướng-quân, xem quả là sự gì đó vậy ! » Lúc ấy đàn sáo nhất-tề im lặng, trong cung Thọ-vương tỏ ra cái cảnh-tượng bàng-hoàng rối loạn.

Duy Quý-phi trong tâm biết được cái cơ vua triệu mình, vừa mừng vừa sợ, nhân nghĩ thầm rằng sau khi vào chầu vua, may mà đắc-sủng, thì có thể quyền lớn ở tay, muốn làm gì thì làm. Không thể thì chẳng khác gì cái quạt mùa thu đến thời-kỳ xếp xó, há chẳng sờn lòng ru !

Quý-phi đương nghĩ ngợi lo toan, thì Thọ-vương đã vội vàng bước vào, cầm lấy tay Quý-phi cả khóc. Quý-phi cố ý làm ra thái-trạng chẳng hiểu, nắm lấy áo Thọ-vương mà hỏi rằng : « Cao Lực-Sĩ lại đây, tóm lại là vì việc gì thế ? Điện hạ có sao làm ra thái-trạng ấy ? Xin mau mau bảo cho thiếp biết. » Thọ-vương thồn-thức nói rằng : « Mới đây Lực-Sĩ bảo ta đấng phụ-hoàng nghe ái-khanh tuyệt-diễm khuy-nh-thành, kip muốn một trông thấy ngọc-dung Ta nghĩ bụng rằng ái-khanh phen này đi, không bao giờ có cái thời-kỳ trở lại nữa. Ta với ái-khanh phi chốn suốt vàng, chẳng thể thấy được nhau, chẳng cũng đau-đớn thay ! »

Quý-phi nghe Thọ-vương nói cũng nghĩ đến cái ân-linh cũ mà lấy tay che mặt khóc than. Lúc ấy nghe tiếng khóc ở trong cung Thọ-vương vang-động cả ra ngoài cửa.

Bọn Cao Lực-Sĩ đứng chờ đã lâu, mới vào lặn trong cung khuyên rằng :

Wương-phi sau khi vào bái-yết thánh-thượng, hoặc-giả lại tức - khắc được phóng-hồi vương-cung cũng chưa biết đâu. Thánh-thượng đương ở trong cung đứng đợi, nếu trễ biếng thánh-chỉ, sức-động thánh-nộ, thì họa-phúc chưa biết thế nào mà liệu trước được, xin vương-phi mau chóng ra đi. »

Quý-phi mới cùng với Thọ-vương và các người trong cung nhất-nhất nắm tay từ-biệt.

Thọ-vương khi ấy đã khóc ngất đi mà lặn ra đất. Kể sung-nữ phi-tử Quý-phi ra cửa, bọn Cao Lực-Sĩ phủ-vệ Quý-phi lên xe, gió bay điên chạy, ruổi vào trong cung. Phát chốc xe Quý-phi đã đến chỗ nội-cung, vua Minh-hoàng ở trong bóng đèn trông thấy kẻ mi-nhân tuyệt-thế ấy, kinh-di lấy làm người trời Quý-phi làm lễ triệu-kiến xong, được mông-án cho ngồi ghế bên cạnh. Vua Minh-hoàng khi ấy như si như ngốc, dường như có ý trầm-ngâm ngẫm-nghĩ chẳng quyết về bề nào. Cao Lực-Sĩ mới tiến lại gần mà mật-tấu rằng : « Xin hăng khiến Quý-phi làm tờ biểu tình-nguyên vào làm kẻ nữ-đạo-sĩ, nhất-diện vì Thọ-vương tuyền-trạch cho người vợ khác, kẻ ấy là kẻ vạn toàn, không còn kẻ gì hơn kẻ ấy. » Vua Minh-hoàng cả mừng khen phải, tức-khắc sai Lực-Sĩ truyền bảo Quý-phi y như kẻ mà hành-sự.

Tức đây Quý-phi hàng ngày ở liền trong cung, niệm-đạo tu-hành, đội mặc mũ áo nữ-đạo-sĩ.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Vua Minh-hoàng đến chơi Giao hoa-cung

Năm Thiên-bảo thứ tư, mùa thu tháng bảy, sách phong họ Vi làm vợ Thọ-vương. Thế là Thọ-vương với Quý-phi từ đây chẳng khác gì Chức-nữ với Ngưu-lang, mà sông Ngân vĩnh-viễn không bắc cầu nữa vậy.

Qui-phi tự sau khi vào cung làm nữ-đạo-sĩ, thì ở tại cung Giao-hoa. Cung ấy vốn là chỗ để cho những người cung-nữ tuổi đã lão, ở đấy mà hưu-nhàn tu-đạo tình-dưỡng. Vua Minh-hoàng mới giả-danh là đi bàn kinh hồi đạo, hàng ngày đến cung Giao-hoa, cùng với Qui-phi tiếp-kiến. Qui-phi lại là kẻ giáo-hiết khôn-ngoa, thả ra cái thủ-đoạn làm mê-hoặc người, khi thì làm ra bộ cười, then-thở như kẻ sử-nữ; khi thì làm ra bộ giận, sảng-lãng như vị thiên-tiên. Vua Minh-hoàng đến khi ấy hoảng-hoảng hốt-hốt, lĩnh-lĩnh mê-mê. Mỗi khi tiếp mặt Qui-phi, ban thưởng vô-số. Nào là những vật kim-ngân châu-báu, trân-ngọc dị-kỳ, cái vật gì có thể mua chuộc được lòng vui của Qui-phi không gì là chẳng tìm-lòi mà đem đến.

Một hôm, sau khi lui buổi chiều vua Minh-hoàng tức khắc đi đến Giao-hoa-cung ngay, cùng với Qui-phi uống rượu làm vui. Qui-phi đứng dậy tâu rằng: «Thiếp tôi thuở nhỏ ở nhà, hơi biết nghe âm-nhạc, nay đội ơn bệ-hạ nhũ-yêu, không biết lấy gì báo-đáp được đôi chút, xin tâu ống ngọc-dịch, để gọi là khuyến giúp chén vua.»

Vua Minh-hoàng nghe lời tâu cả đẹp lòng, kịp sai đi lấy ống ngọc-dịch của nước Vu-quích dâng ngày xưa đem lại. Phát chốc kẻ nội-thị đem ống sáo đến, thì sắc nhuận mà có bóng sáng, lấy tay xoa vào thì có khí âm phát ra, vì ống sáo ấy chế bằng chất noãn-ngọc, mùa đông thổi lên thì cả nhà đều ấm, thực là của báu vô-giá.

Qui-phi tiếp ống ngọc-dịch, nhẹ-nhàng thổi lên một khúc, tiếng sáo véo-von, vang lặn mây xanh. Vua Minh-hoàng cả mừng, uống hết chén ấy lại rót chén khác, rượu rót không biết thế nào mà kể.

Sau khi bãi tiệc thì vua đã quá say, không thể cử-bộ được nữa, mới truyền chỉ-dụ đêm nay ngủ liền ở cung Giao-hoa mà sai Qui-phi thì-tầm. Vua Minh-

hoàng mơ cái sắc của Qui-phi đã lâu, khi ấy thì đầu chàng Lưu, Nguyễn vào cảnh Thiên-thai, chẳng qua như vậy.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Qui-phi tổ bộ ghen-tuồng

Qui-phi biết rằng cách để-vương hành-sự khác với người thường. Nếu chẳng đương lúc ân-ái, lấy thuật kết-buộc lòng vua, thì nhất-đán sắc suy, không khỏi quạt thu bị bỏ. Mới giữa khi vua Minh-hoàng lần thứ nhất đến thăm chơi, ân-ái đương nồng-nân, bèn si-sút khóc-lóc mà tâu rằng: «Thiếp tôi là chất liễu bại hoa tàn, được đội ơn thánh-thượng đoái yêu, dầu chết cũng chẳng quên. Nhưng xin một cái vật gì để làm tin, hoặc ngày khác sắc kém mà phải xa vua, cũng còn giữ được cái vật ấy làm cái dư-ân, xin thánh-thượng thương mà hứa cho.»

Vua Minh-hoàng nghe nói, khôn xiết ngùi thương, kịp đem một cái hộp và một cái thoa bằng vàng, bẻ đôi ra, chia cho Qui-phi một nửa, rồi lấy khăn lau nước mắt cho Qui-phi mà yên-ủi rằng: «Trẫm được ái-khanh, trẫm coi bọn son-phấn trong sáu cung kia đã đều như hòn đất, hận rằng gặp ái-khanh thế là khi muộn. Có lẽ đầu quạt thu xếp bỏ, ái-khanh thiết-thiết đừng quá lo.»

Qui-phi mới nuốt nước mắt mà tạ rằng: «Nay được bệ-hạ chung-linh như vậy, thiếp tôi thiên-thu vạn-tuế đội đức không cùng.»

Vua Minh-hoàng từ đấy lưu-liên ở trong cung Giao-hoa, chẳng ra khỏi cửa cung đã ba ngày. Đến ngày thứ tư, vua Minh-hoàng bất-dắc-dĩ ra coi chầu, chẳng qua là chiều theo lệ cũ, lại định về cung ngay. Ngờ đâu sự ở ngoài ý, chợt cõi biên-thùy phía tây-bắc có việc quân-tinh khẩn-cấp, tướng ngoài sai sứ liền về Triều, thỉnh hỏi cơ-quan. Sứ ngoài biên đến kinh chờ đợi đã hai ngày, ngày nay không thể tri-diễn được nữa. Vua Minh-hoàng nghe tin,

họp bách-quan ở trong điện cùng bàn cái kế-sách chiến-thủ.

Các quan nghị-luận phân-vấn mãi chẳng quyết, đến quá nửa ngày lâu Vua Minh-hoàng nổi giận tan châu, chỉ lưu lại một Lý Lâm-Phủ, khiến Lý thảo tờ chiếu, sai An Lộc-Sơn kiêm lĩnh chức Tiết-dô-sứ ba trấn ngoài biên, để chống giữ giặc Khiết-đan.

Lộc-Sơn nguyên là đứa Hồ-nhi, không học-thức mà khác loài giống, Lâm-Phủ lợi-dụng rằng không bao giờ Lộc-Sơn lập đại-công mà tranh được ngôi tể-tướng của mình. Cho Lộc-Sơn kiêm lĩnh ba trấn, cũng là mưu của Lâm-Phủ. Lâm-Phủ thảo tờ chiếu xong thì ngày đã sắp sửa hoàng-hôn, vua Minh-hoàng nhân ở nơi tiền-diện truyền tiến-thực, cùng ăn cơm với Lâm-Phủ.

Ngày hôm ấy Qui-phi ở trong cung Giao-hoa, trang-sức nùng-diễm, ngồi tình dốt hương, suốt ngày trông tả trông hữu, chẳng thấy xe vua đến, nhân hỏi những người lão-cung-nhân hầu hạ ở trong phòng rằng: « Sau khi Vũ-Huệ-phi đã mất, thì thánh-thượng rất sủng yêu người nào? » — Người lão-cung-nhân đáp rằng: « Thánh-thượng đối với Huệ-phi, chẳng những là yêu, mà lại là sợ. Huệ-phi mất rồi thì gần đây thánh-thượng rất yêu qui chỉ có một người là Mai-phi. Duy Mai-phi thiên-tinh cô-cao thanh khiết, không thích giáng-cửn những sự chốn gối. Thánh-thượng những khi ngẫu-nhiên đến cung Mai-phi, chỉ là uống rượu làm thơ, đánh cờ gô phách, làm những sự tiêu-khiển thanh-nhã mà thôi. Thánh-thượng nhân gọi Mai-phi là vị nữ-tài-tử » Qui-phi lại hỏi diện-mạo Mai-phi thế nào. Người lão-cung nhân đáp rằng: « Cái mĩ-lệ của Mai-phi, không thể ngôn-ngữ mà hình-dung ra được, đại-khải cùng với hiền phi phảng-phất. Duy hiền-phi đẹp về bề phong-niêm, mà Mai-phi đẹp về bề thanh-lũ, xuân lan thu cúc, đều cực vẻ đẹp, khó phân được hơn kém. »

Qui-phi nghe người lão-cung-nhân nói, ngậm-ngùi nín lặng chẳng nói gì, nhân ẩm-lương rằng trong cung đã có người tuyết-thể mĩ-nhân ấy, thì cái sự mình ứng-triệu vào cung ngày nay, chỉ là thêm ra một sự đầy thôi. Chừ sau này cái chi chuyên-quyền đoạt-sủng của mình, thời hết thầy ném về bề đồng. Hôm nay xe vua chẳng tới, chắc là đã đến cung Mai-phi, vui-vẻ tình cũ, mà mình thì danh-phận chưa định, khác nào cái vật lâm thời ngoạn-lộng ở trong cung, chưa biết rồi sau này kết-cục ra sao!

Qui-phi nhân nghĩ như thế, mối sầu tự-nhiên ở trong lòng tuôn ra, nằm gục xuống giường thồn-thức khóc-lóc.

Bọn cung-nữ hầu hạ chẳng biết có sao, xúm lại trước giường khuyên-hỏi yên-ủi. Qui-phi chỉ ngảnh mặt đi chẳng ứng đáp lại.

Kịp bữa cơm tối bưng lên, Qui-phi cũng chẳng chịu ăn. Bọn cung-nữ đều lấy làm kinh-hãi, không biết làm thế nào.

Chợt báo xe vua đến, mọi kẻ cung-nữ vội-vàng ra nghênh-tiếp. Vua Minh-hoàng vào cung Giao-hoa, thấy trang-thái Qui-phi như vậy, vội hỏi Qui-phi có sự gì mà đau đớn. Qui-phi chẳng đáp, hỏi đến hai ba lần, Qui-phi mới thồn-thức nói rằng: « Bệ-hạ đã có kẻ ý-trung-nhân, hà-tất phải trang-sức cái ý giả ấy, mà đối với thiếp tôi nữa. » Vua biết ý rằng vì có tại mình đến cung quá chậm, khiến Qui-phi nhân lòng ngờ mà sinh ý ghen. Bèn cầm lấy tay Qui-phi mà nói rằng: « Thề rằng đời trăm tự giờ trở đi chẳng lại chung-tình với người khác nữa, ái-khanh thiết chớ đa-nghĩ, mà thương-hại đến ngọc-thể. » Vua Minh-hoàng hết lời yên-ủi khuyên-giải, Qui-phi mới hơi mỉm cười ngồi dậy chỉnh-sức xiêm áo, đặt liệc cùng vua uống rượu làm vui.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 9 năm 1930)

Mồng 1 tháng 9. — Tình - hình thợ bãi-công ở miền Bắc nước Pháp vẫn không thay đổi. Ở Tourcoing có một nghìn thợ đã đi làm, nhưng ở Roubaix lại năm trăm người mới bãi-công. — Ngoại-tướng BRIAND định đến chủ-nhật 7 Septembre thì khởi-hành đi Genève để khai cuộc thảo-luận về vấn đề Liên-Âu.

— Ở Buda-Pest (Hung-gia-lợi), có xảy ra cuộc bạo-động của đảng xã-hội; cảnh-binh với quân-đội bắn vào bọn biểu-tình. Thợ bãi-công đi biểu-tình ngoài phố kịch-liệt lắm.

— Ở Bombay (Ấn-độ), cuộc khủng-hoảng về nghề dệt đang nguy kịch lắm: Hiện 40.000 thợ không có việc làm, 24 nhà máy phải đóng cửa.

Mồng 2. Hai nhà phi-hành COSTES và BELLONTE từ trường máy bay Bourget nước Pháp khởi-hành vào 11 giờ trưa ngày hôm qua, đến 23 giờ 12 phút hôm nay (giờ của Thiên-văn-đài Greenwich) thì đến New-York (nước Mĩ), thiên-hạ cổ-vũ hoan-ngênh vô-cùng. — Ở Maroc, tại miền giáp giới Algérie, ở gần Tardé, quân Pháp xung đột với quân nghịch, tổn-hại cũng nhiều. — Nhân chủ-nhiệm sở Điện-báo Mĩ International News tên là HEARST công-kích nước Pháp kịch-liệt, nên chính-phủ Pháp ký nghị-định trục-xuất ra ngoài nước Pháp.

— Ở Ấn-độ lại xảy ra sự biến-loạn; cảnh-sát đang truy-nã những kẻ đầu đảng phiến-loạn.

— MUNIR BEY được cử làm đại-sứ Thổ-nhĩ-kỳ ở Paris.

Mồng 3 — Ngoại-tướng Pháp BRIAND tiếp ngoại-tướng Anh HENDERSON qua Paris để đi Genève; hai người cùng bàn tính về cuộc hội-nghị hội Vạn-quốc sau này.

— Ở Argentine (Nam-Mĩ), tình-hình vẫn còn phân-vân lắm, chính-phủ hết sức phòng-bị cho bọn quân-nhân khởi phiến-loạn.

Mồng 4. — Hai nhà phi-hành COSTES và BELLONTE ở Mĩ lại bay cho đến Dallas, 18 giờ 30 tới nơi, hoàn-hảo cả. — Ở miền Bắc nước Pháp việc bãi-công vẫn nhùng-nhằng chưa thu-xếp xong.

— Ở Đức đương vận-động về cuộc tổng-tuyên-cử: tướng VON SEECKT cõ-động nên khôi-phục lại thế-lực của Đức đế-quốc, và sau này nên công-kích hòa-ước Versailles.

— Ở Ấn-độ vẫn xảy ra việc biến-loạn, cảnh-binh phải can-thiệp và phải dùng khí-giới.

Mồng 5. — Hai nhà phi-hành COSTES và BELLONTE ở Mĩ lại từ Dallas bay sang Louisville. — Văn-sĩ GEORGES DE PORTO-RICHE, có chân hội Hàn-lâm nước Pháp tạ-thế hồi 14 giờ 45 phút.

— Ở Argentine, tình-hình nguy cấp, Tổng-thống IRIGOYEN phải từ chức. Trong nước phải đặt quân-luật, Cảnh-binh với học-sinh xung-đột nhau dữ. Chính-phủ phòng-bị nghiêm-nhặt lắm.

— Ở Ấn-độ, tại miền Satara, dân nhà quê công-kích lính cảnh-sát. Lại có

tin ở Bombay nói rằng cuộc điều-định của chính-phủ Ấn-độ với lãnh-tụ đảng quốc-gia là GANDHI đã thất-bại rồi.

Mồng 6 — Tổng-trưởng bộ Lao-động Pháp PIERRE LAVAL đương hết sức điều-định về việc bãi-công ở miền Bắc nước Pháp, định họp tổng-hội các đại-biểu chủ và thợ để cùng nhau thương-thuyết. — Hai nhà phi-hành COSTES và BELLONTE được thăng-thưởng tam-dẳng và tứ-dẳng Bắc-dầu bội-tình. Hai người đã bay suốt nước Mĩ, trở về Nữu-uớc, trong sáu ngày bay được một vạn một nghìn cây số.

— Ở Argentine sau khi Tổng - thống IRIGOYEN từ chức, quân phiến-loạn tiến vào dinh Tổng-thống. Chính-phủ phải treo cờ trắng mà bỏ chạy.

— Ở Đức cuộc vận-động bầu-cử vẫn kịch-liệt lắm. Lãnh-tụ đảng quốc - gia xã - hội (National-Socialiste), cố-động cho quốc-dân nên bỏ lòng tư-kỷ mà hi-sinh cho nước và nên bảo-thủ lấy cuộc thống-nhất của Đức-đế-quốc.

— Ở Ấn-độ các rợ phản - nghịch đương rục-rịch họp-tập nhau ; có lẽ sắp xảy ra cuộc biến-động to.

Mồng 7. — Việc bãi-công ở miền Bắc nước Pháp, nhờ có ông ENGÈNE MOTTE bàn kế-hoạch điều-định, xem chừng sắp có thể-giải quyết được. — Ngoại-tướng BRIAND đã tới Genève để dự cuộc hội-nghị Vạn - quốc.

— Ở Đức, bác-sĩ SCHOLTZ lãnh-tụ đảng linh-dân (Populiste và tướng - quân VON SEECKT, lãnh-tụ đảng quốc-gia, mỗi người đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng ở kinh-đô Bá-lâm. Một người nói rằng : « Người Đức ta phải hăng đề con mắt nhìn về phía đông » ; một người thì nói rằng : « Chúng ta phải hết sức duy-trì lấy chủ-nghĩa Nhật-nhĩ-man (Germanisme). »

— Ở Ấn-độ lại có cuộc bạo-động đến lưu-huyết, nhiều người bị bắt-bớ.

— Ở Argentine, xem đã hơi yên; chính-phủ lâm-thời dùng hết kế-hoạch để giữ trị-an. Tính ra trong cuộc chính-biến này, người chết và người bị-thương có tới một nghìn.

Mồng 8. — Việc bãi-công ở miền Bắc nước Pháp đã tiệm xong. Nhiều nhà máy đã lục-tục mở cửa. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc ở Genève đã khai kỳ hội-đồng thứ 60. Ngoại-tướng BRIAND nước Pháp bàn đem cái nghị Liên-Ấu ra bàn ở trước Hội Vạn-quốc, được cả hội-đồng tán-thành. — Hai nhà phi - hành COSTES và BELLONTE sau cuộc bay qua Đại-tây-dương và qua nước Mĩ được hoàn-hảo cả, được tổng-thống nước Mĩ HOOVER tiếp-kiến ở điện « Bạch-cung ».

— Cuộc chính-biến ở Argentine đã xong, tướng URIBURU cử làm tổng-thống lâm-thời đã làm lễ tuyên-thệ.

— Ở Ấn-độ Học-sĩ MOTILAL NEHRU là một tay phù-tá rất đắc-lực của GANDHI, bị kết án 6 tháng tù từ ngày mồng 1 tháng 7 trước, nay đã được tha. Ở Bombay, phái Ấn-độ-giáo và phái Hồi-hồi-giáo lại xung-đột nhau; cảnh-bình phải dùng khi-giới bắn vào bọn biểu-tình để cho giải-tán đi.

Mồng 9. — Ở Genève, hội-đồng Hội Vạn-quốc sắp thảo-luận về cái nghị Liên-Ấu. Đại-biểu các nước họp mặt riêng với nhau để bàn trước, nhất là ngoại-tướng Pháp BRIAND và ngoại-tướng Đức CURTIUS. Còn ngoại-tướng Ý GRANDI thì tự-nhiên thấy về Rome.

— Ở Buenos-Aires là kinh-đô Argentine, sau cuộc chính-biến của đảng phiến-nghịch gây nên để chống lại với đảng Nguyên - Tổng - thống IRIGOYEN, chính-phủ đặt kế-hoạch rất nghiêm để giữ cuộc trị-an. Tướng Justo là nguyên Tổng-trưởng bộ Lục-quân, được cử làm thống-linh cả các quân-đội, có quyền đặc-biệt đề đối-phó với đảng phiến-loạn.

Mồng 10.— Ở Genève, đã khai kỳ đại-hội đồng thứ 11 của Hội Vạn-quốc. Ông TITULESCO, đại-biểu nước Lô-mă-ni, được số vé rất nhiều bầu làm nghị-trưởng.

— Ở Đức, ngày hôm nay ồn-ào lắm. Đảng xã-hội và đảng cộng-sản xung-đột nhau. Đảng cực hữu bày ra một cái tình-trạng khủng-hoảng về kinh-tế, chính-trị và tài-chính để làm kẻ vận-động bầu-cử, nhưng không được dân thành Berlin hoan-ngheh. HUGENBERG là linh-tu đảng quốc-gia, có đọc một bài diễn-thuyết ở Potsdam, yêu-cầu khôi-phục lại quân-chủ.

— Ở Calcutta (Ấn-độ) tìm được một nơi chứa thuốc nổ; nhiều người bị bắt.

— Ở Argentine sau cuộc chinh-biến vừa rồi, chính-phủ lâm-thời hạ-lệnh giải-tán hội-đồng thành-phố Buenos-Aires. Có tin Tổng-thống cũ IRIGOYEN đã rời Argentine đi Âu-châu rồi.

Ngày 11.— Ở Genève, ông BRIAND đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng đề trình bày cái nghị Liên-Âu cho Hội Vạn-quốc; ông chủ-trương cái nghị ấy một cách rất hùng-hồn, còn cái thủ-tục nên theo thế nào thì xin để Hội Vạn-quốc định lấy. Ông HENDERSON là Tổng-trưởng bộ ngoại-vu nước Anh cũng diễn-thuyết theo một ý-nghĩa như thế. — Việc thợ dệt bãi-công ở miền Bắc nước Pháp đã giải-quyết gần xong, thợ các nơi đã lục-tục đi làm cả.

— Ở Đức đương sắp-sửa việc tổng-tuyên-cử; số người có tên trong sổ đi bầu ước được 43 triệu.

Ngày 12.— Ở Genève, cái nghị Liên-Âu của ông BRIAND được nhiều người tán-thành; bảy người diễn-thuyết xin cho Hội Vạn-quốc đem ra thảo-luận và công-nhiên biểu-dồng-tình.

— Ở Đức đương chuẩn-bị cuộc tuyên-cử hăng-hai lắm. Các đảng cạnh-tranh nhau kịch-liệt, đảng quốc-gia xem ý ra

muốn kết-liên với đảng quốc-gia xã-hội. Đảng này có hợp một cuộc vận-động bầu-cử ở Perneberg, thành ra cuộc xung-đột dữ, 48 người bị thương nặng.

— Ở Ấn-độ tình-hình vẫn còn phân-vân lắm; miền địa-giới tây-bắc vẫn có các rợ Afghans muốn tràn sang. Gần Bombay công-chúng tàn-phá nhiều nơi.

Ngày 13.— Việc bãi-công ở miền Bắc đã giải-quyết xong hẳn; bắt đầu từ ngày 15 tháng 9, thợ các nơi sẽ đi làm hết. — Ở Pháp, định mở cuộc tập-trận lớn tại miền Troyes-Sens: hơn 3 vạn quân sẽ tham-dự vào cuộc đó, chủ-trương là tướng-quân DE VAULGREMONT.

— Suốt nước Đức đương lục-lục bầu-cử. Ở Berlin đảng cộng-sản và đảng « chủng-tộc » (Raciste) xung-đột nhau dữ.

Ngày 14.— Ở Genève, ông BRIAND liếp ông SCIALOJA đại-biểu nước Ý, hai người cùng xét các vấn-đề biên trong nhật-ký kỳ hội-đồng Hội Vạn-quốc. Duy có vấn-đề tài-giảm hải-quân thì không đề-cập tới, vì chỉ có ông GRANDI là chánh đại-biểu mới có tư-cách thay mặt nước Ý mà thảo-luận về việc đó, mà ông thì mới về Ý, chừng trong tuần-lễ này mới trở lại Genève.

— Đức hôm nay bầu Hạ-nghị-viện, đảng xã-hội quốc-gia của bọn HITLER là đảng giữ cái chủ-nghĩa quốc-gia cực-doan được thắng dữ lắm, tính ra được hơn một trăm ghế ở Nghị-viện mới. Đảng binh-dân và đảng quốc-gia thì bị thua. Đảng cộng-sản với đảng Trung-ương Gia-lô thì được thêm mấy ghế. Trong cuộc bầu-cử, ở Berlin cũng mấy tỉnh khác có xảy ra cuộc bạo-động lưu-huyết; cảnh-sát phải bắt nhiều người.

Ngày 15. — Ở Genève đương thảo-luận về cái nghị Liên-Âu. Hội-đồng định giao cho một ban ủy-viên nghiên-cứu và định-định lại để đem trình cho đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc năm 1931. —

ở miền bắc nước Pháp, các thợ bãi công đã đi làm việc cả, không xảy ra việc gì hết.

— Ở Đức, đảng HITLER được đại thắng, các đảng khác lấy làm kinh ngạc. Xem chừng ra Nội-các Brüning khó lòng được phần đa-số ở Nghị-viện. Tuy nhiên có lẽ Nội-các không chịu từ chức, mà có ý muốn cưỡng-bách Nghị-viện chuẩn nhận mấy cái dự-án đã dự-định sẵn. Tổng-thống HINDENBURG cũng không muốn cho lập một Nội-các liên-liếp cả các đảng. Các báo còn nghị-lận phân-vân lắm.

Ngày 16. — Ở Genève, đại-biểu nước Đức CURTIUS quyết rằng nước Đức vẫn trung-thành với chủ-nghĩa Hội Vạn-quốc. Đại-biểu nước Ý SCIALOJA xem ra không hoan-ngênh cái nghị Liên-Âu. Đại-biểu nước Ba-lan và nước Lô-mã-ni thì tỏ ý-kiến nên liên hiệp cùng địa-phương về vấn-đề biên-địa. — Ông AL-CIDE DELMONT là thứ-trưởng bộ thuộc-địa nước Pháp, đi kinh-lý thuộc-địa Martinique, nay dời thuộc-địa ấy về Pháp.

— Ở Đức, chính-phủ họp một hội đồng bất-thường. Thủ-tướng BRÜNING tuyên-bố rằng Nội-các nhất-định không từ chức, sẽ công-nhiên ra đối-phó với nghị-viện mới, đem các dự-án về kinh-tế tài-chính ra trình bày với Nghị-viện và cố thu-thập lấy một phần đa-số ở nghị-viện. Nghị-viện mới sẽ triệu-tập vào ngày 15 tháng 10.

Ngày 17. — Hội Vạn-quốc đồng-thanh quyết-nghị nên nghiên-cứu về cái nghị Liên-Âu, giao việc nghiên-cứu ấy cho một ban ủy-viên phải trú-tĩnh các kế-hoạch thực-tiến đề trình-bày cho kỳ đại-hội đồng sang năm. Bàn xong về việc đó rồi Hội Vạn-quốc bầu mấy nước mới vào chân hội-ng nghị: ba nước Guatemala, Norvège và Irlande đều được bầu một kỳ-hạn ba năm. — Ông KRALCIC là nguyên thứ-trưởng bộ Ngoại-

vụ nước Mĩ, được cử làm chân thẩm-phán ở viện Quốc-lễ thẩm-phán tại La Haye.

— Lãnh-tụ đảng quốc-gia xã-hội Đức mới được thắng kỳ tổng-tuyển-cử vừa rồi là HITLER, đọc một bài diễn-thuyết lớn, tuyên-bố rằng đảng mình không phải có ý muốn gây ra việc chinh-biến trong nước, chỉ muốn thu-phục lấy nhân tâm mà thôi.

— Chính-phủ lâm-thời mới nước Argentine được chính-phủ Pháp và Mĩ công-nhan.

— Nước Uruguay tuyên-bố tuyệt-giao với nước Pérou (Nam-Mĩ).

Ngày 18. — Ở Đức đảng HITLER đã được thắng kỳ tổng-tuyển-cử mới rồi, nay hết sức vận-động để chiếm lấy chính-quyền.

— Ở Ấn-đó trong cuộc tuyển cử hội-ng nghị lập-pháp ở Bombay có cuộc biêu-tình, cảnh-sát phải đàn-áp; 250 người bị thương, 300 người phải bắt.

— Ở hạt Fiume, nơi giáp-giới nước Ý và nước Yougoslavie, có xảy ra việc xung-đột. Đảng « Pha-si » Ý thóa-ma nước Yougoslavie, đem quốc-kỳ của nước ấy mà giương sáo lên. Hiện chưa biết duyên-do thế nào mà xảy ra như thế.

Ngày 19. — Ông TITULESCO là hội-trưởng Hội Vạn-quốc, định họp ban ủy-viên mới lập ra để xét về cái nghị Liên-Âu. — Ở ban thứ sáu Hội Vạn-quốc nước Đức lại đề-khởi ra cái vấn-đề các thiểu số dân-tộc, xin đặt một ban thường-trực để chuyên về việc đó, nhưng đại-biểu nước Pháp và nước Lô-mã-ni không bằng lòng như thế.

— Ở Tàu phải Diêm Phụng thuận theo lời ước định-chiến của Trương Học-Lương khởi-xướng ra: cuộc Nam Bắc chiến-tranh có lẽ liễu-kết từ đây.

Ngày 20. — Ở Hội Vạn-quốc thảo-luận về vấn-đề các thiểu-số dân-tộc. Đại-

biểu nước Đức xin đặt ban thứ sáu thành ban ủy-viên thường-trực. Việc này xem chừng còn thảo-luận kịch-liệt. — Bộ thuộc-địa Pháp có lời thông-cáo về việc biến-động ở Đông-dương, khuyên công-chúng không nên nghe những tin đồn sai. — Ở miền duyên-hải Đại-tây-dương và bờ Manche nước Pháp, có trận bão rất dữ, tàu thuyền đắm nhiều lắm, các đường hàng-không hàng-hải Pháp Anh phải đình hết.

— Các báo nước Đức phản-đối những tin đồn nước ấy sắp có cuộc chính-biến.

— Ở Delhi (Ấn-độ) ngày nào đảng quốc-gia cũng gây việc biến-động, cảnh-sát phải bắt nhiều người, lo còn có cuộc loạn to.

Ngày 21. — Ông PIÉRAI, tổng-trưởng bộ thuộc-địa Pháp, đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng, thuật về cái công-nghiệp khai-hóa ở thuộc-địa.

— Ở Anh, nội-các lao-động xem ra phải đối-phó với nhiều sự khó-khăn. Hiện nội-các đương chuẩn-bị khai cuộc để-quốc hội-nghị vào ngày 30 tháng 9 sau này.

— Ở Tàu, quân Mãn-châu đương chi-phối cả thời-cục; hiện đã chiếm-cử Thiên-tân và đương tiến lên Bắc-bình. Chính-phủ Nam-kinh mong rằng sẽ khôi-phục được cuộc hòa-bình trong nước.

Ngày 22. — Ở Hội Vạn-quốc, thảo-luận về vấn-đề các thiểu-số dân-tộc, nhưng lời yêu-cầu của nước Đức không được toàn-hội chuẩn-nhận.

— Ở viện Quốc-tế thẩm-phán La Haye đương xét cái án nước Mi kiện nước Đức về các tội mưu-sát của người Đức phạm ở nước Mi, trước khi nước ấy tham cuộc Âu-chiến.

Ngày 23. — Ở Genève, các nước Âu-châu có chân Hội Vạn-quốc, cùng nhau họp hội-nghị, bàn định nhiều việc quan-trọng. Ban ủy-viên nghiên-cứu về cái

nghey Liên-Âu thì định họp vào tháng giêng sang năm. Ông BRIAND được toàn-hội cử làm trưởng-ban, SIR ERIC DRUM-MONT cử làm tổng thư-ký. Đoạn rồi các đại-biểu xét về vấn-đề những nước không có chân Hội Vạn-quốc, thứ nhất là nước Mi, thì làm-thời có thể tham-dự vào việc hội thể nào.

— Ở Tàu, quân Mãn-châu tiến vào Bắc-bình, quân Diêm Phụng chạy tan-tác cả.

Ngày 24. — Ở Hội Vạn-quốc ban thứ ba xét về vấn-đề tài-giảm quân-bị sáu đại-biểu diễn-thuyết, đề tỏ ý xin triệu-tập tổng-hội-nghị. Cuộc thương thuyết nước Pháp nước Ý về vấn-đề hải-quân bị đình, nước Ý nhất-định đòi được công-nhận cho có quyền ngang bằng nước Pháp, xem chừng sau này khó lòng điều-dinh được.

— Ở Ý-dại-lợi nhân ông TURATI là thư-ký đảng « Pha-si » xin từ chức, các tay chủ-trương trong đảng có thay đổi nhiều. Ông GUIRATI nghị-trưởng Chung-nghị-viện, được cử thay ông TURATI.

Ngày 25. — Đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc bầu 15 viên thẩm-phán để dự vào viện quốc-lẽ thẩm-phán La Haye bắt đầu từ mồng 1 tháng giêng sang năm. Đại-biểu nước Pháp ở viện Thẩm-phán vẫn là ông FROMAGEOT.

— Ông HITLER là lãnh-tu đảng xã-hội quốc-gia, tuyên-bố cái chương-trình ngoại-giao của đảng ấy, tóm lại một câu rằng: « Những hòa-uớc mà nước ngoài cưỡng bắt chúng ta phải ký, thì chúng ta nhất-quyết không phục và sẽ dùng hết kế-hoạch để phá cho được. »

— Ở Áo, Nội-các SCHÖBER từ-chức.

Ngày 26. — Hội Vạn-quốc định đến năm 1931 sẽ họp tổng-hội tái-bình.

— Ông KLAS là Tổng-thống nước Áo cử ông VAUGOIN lập Nội-các

mới, ông nguyên Thủ-tướng SEIPEL có lẽ lĩnh chức ngoại-vụ tổng-trưởng.

— Ở Bombay (Ấn - độ), lại có cuộc xung-đột, 20 người bị thương nặng.

— Tổng-thống nước Thổ-nhĩ-kỳ cử ISMET PACHA lập Nội-các mới.

Ngày 27.— Ở Hội Vạn-quốc có xét hai vấn-đề lớn về kinh-lẽ: là vấn-đề thuế đặc-biệt về lúa mì và cái chính-sách « phá giá » (dumping) của chính-phủ Sô-viét Nga. Đại-biêu nước Đức có ý bênh cho nước Nga.

— Ở Thổ-nhĩ-kỳ, ISMET PACHA đã lập xong Nội-các mới, định đến thứ năm ra trình với Nghị-viện.

Ngày 28.— Ông MULLER là nguyên thủ-tướng nước Đức diển-thuyết ở Berne là kinh-đô Thụy-sĩ, chủ-trương nước Pháp nước Đức nên thân-thiện dễ-huê với nhau và muốn cho được như thế thì phải trừ-khử cả cái tư-tưởng chiến-tranh đi.— Ở Berlin có tin đồn Nội-các BRUNING định hoãn họp nghị-viện đến tận tháng giêng sang năm.

— Ở Madrid, kinh-đô Tây-ban-nha, có cuộc biểu-tình lớn của đảng cộng-hòa phản-đối chế-độ hiện-hành và chính-thể quân-chủ.

Ngày 29.— Hội Vạn-quốc duyệt-y cái nghị-định trợ-cấp về tài-chính cho nước nào có chán hội mà bị nước khác gây cuộc chiến-tranh.

Ngày 30.— Ở Genève liêu-kết cuộc thảo-luận về vấn-đề tái-bình. Ông BRIAND đọc một bài diễn-thuyết lớn định rõ cái vị-trí của nước Pháp về việc này.

— Ông VAUGOIN đã lập xong Nội-các mới nước Áo.

— Đế-quốc hội-nghị Anh khai-mạc ở Londres.

— Ông WILLIAM P. NEALE được bầu làm thị-trưởng thành Londres.

— Tổng-thống nước Equateur (Nam-MT) là ông ISIDRO-MAYORA từ chức.

Thời-cục nước Tàu.— Cuộc nội-chiến nước Tàu từ khi Tưởng Trương toàn - thắng, Diêm Phùng thất - bại, chính-phủ Nam-kinh thúc giục Diêm Phùng phải xuất-dương ngay, nhưng hai người vẫn có ý trù-trừ, chưa quyết hẳn đường nào. Gần đây tổng-tích của Diêm Phùng không nhất-định ở một chỗ nào. Có tin người Nhật nói rằng Phùng chia người đến miền nam Sơn-tây và bờ cõi Thiểm-tây triệu-tập những kẻ lưu-vong; Diêm thì đi lại các nơi Đại-đồng, Thái-nguyên sơ-thông ý-kiến những người thuộc - hạ, đề mưu giữ toàn thực-lực, không nói gì đến chuyện xuất-dương cả.

Tin Thiên - tân rằng Vương Thụ-Thường (bộ-hạ Trương Học-Lương) phái viên tham-mưu-trưởng là Trần Khâm - Nhược đi Thạch - gia - trang khuyên Diêm Tích-Sơn xuất-dương và hộ-tống đến Thiên - tân. Diêm nếu không tỉnh-ngộ, chính-phủ trung-ương quyết dùng võ-lực đuổi đi.

Trương Học-Lương có địa cho Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường bảo nên mau mau xuất-dương, chớ nên tiếc nữa, và xin nhận trách-nhiệm giữ cho được yên-toàn.

Nghe đồn Diêm Tích-Sơn tại nguyên-quán ở núi Ngũ-dải vẫn đặt cơ-quan quân-chính.

Lại có tin rằng Diêm Phùng hiện đang hết sức chỉnh-đốn hậu-phòng và sẽ mưu cuộc phản-kháng cuối cùng.

Chính-phủ Nam-kinh đã bốn năm lần cho ném tạc đạn xuống Thái-nguyên-phủ để làm cho nhân - dân nao-động và thúc cho Diêm Tích-Sơn phải đi ngoại-quốc.

Bộ-hạ Diêm Tích-Sơn mỗi tháng cần dùng 150 vạn đồng. Gần đây Phùng Ngọc - Tường và bọn Thạch Chấn-Thanh, Tôn Điện-Anh lại đòi Diêm phát cho số lương thiếu và tiền cấp-dưỡng là 260 vạn đồng, ngay lấy

cả số thu-nhập tỉnh Sơn-tây dùng vào quân phí cũng không đủ cung một phần ba. Diêm đến nay mới biết là không thể làm gì được nữa.

Diêm nay thấy cơ-sự đã hỏng, tiền-dò không còn hi-vọng gì nữa, đã thông-diện từ chức. Trước khi từ chức, Diêm Tích-Sơn có thông-diện tuyên-cáo dân-chúng như sau này: Bản tổng-tư lệnh vì ý muốn giữ vững đảng-quốc, sửa đổi chính-trị, nên trước định tất cả Trương, Tuồng, Diêm, Phùng, Lý cũng từ chức, thực-hiện nền chính-trị dân-chủ của đảng, vì đó mà bị ngờ ghét, đến nỗi sinh ra chiến-tranh. Từ lúc khai-chiến đến giờ, ở chỗ chiến-tranh thì nhà cửa đồ đạc, hậu-phương thì cung-ứng nặng-nề, mỗi khi nghĩ đến việc ấy, trong lòng vẫn lấy làm xót thương. Lấy việc chiến-trách để đạt được cái mục-dịch cải-lương chính-trị, đã là sự vạn-bất-dắc-dĩ. Người ta đã nhận cách chủ-trương của tôi, nguyên định đợi cho cách chủ-trương được thực-hành hẳn, rồi mới từ chức.

Nay thì rút binh ở Hà-bắc, thiệt-hại gần một nửa, lại muốn dùng chiến-tranh để cầu đạt mục-dịch, đã là việc không thể được rồi. Mấy lần vắng mệnh cha già, thúc giục phải từ chức, bản tổng-tư-lệnh không muốn lại dùng võ-lực để làm hại địa-phương, làm khổ dân-chúng nữa. Vậy đem việc chính-trị ở các tỉnh Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ, Thiểm-tây, Cam-túc, Thanh-hải giao cho chính-phủ các tỉnh ấy, quân-dội thì giao cho bộ cảnh-bị tư-lệnh các tỉnh ấy, chỉnh-dốn kết-thúc, cho được đầu vào đấy, bản tổng-tư-lệnh thì lập tức cởi áo giáp về nơi điền-dã, cho được không trái lời cha. Còn như việc phủ-tập quân-dân do các nhà đương sự chịu trách-nhiệm trông coi. Phàm nhân-dân ta, nên cùng xét thấu.

Luôn mấy ngày Diêm đã đem món tiền riêng là 1.200 vạn đồng gửi vào hai nhà ngân-hàng Chính-kim, Đại-

chính ở Hoàng-tân, dự bị đề sang ở nhờ bên Nhật.

Nghe đầu Diêm đã bí-mật phái người đến Thiên-tân tru-tình việc xuất-dương, đã thuê một cái trang riêng ở bên ngoài Thần-hộ, hôm trước đã gửi 40 vạn đồng bạc Nhật sang gửi một nhà ngân-hàng Hoa-kỳ ở Thần-hộ, định cùng bọn Triệu Phi-Liêm, Triệu Đái-Văn, Chu Thụ-Quang cùng đi.

Lại có tin rằng Diêm định từ Tuy-viên qua miền tây-bắc sang Âu-châu. Có Triệu Phi-Liêm theo Diêm đi.

Sau khi Diêm Tích-Sơn từ chức, đã đem quân chính ở Sơn-tây và Tuy-viên giao cho Từ Vĩnh-Xương, nhưng Tưởng Giới-Thạch muốn giao cho Triệu Đái-Văn; Trương Học-Lương thì bàn nên cử Thạch Hữu-Tam, Phó Tác-Nghĩa cùng trông coi.

Người ta đồn rằng ở phía bắc Hoàng-hà ngọn lửa chiến-tranh chưa tắt hẳn, hiệu quân trung ương họp ở nam-ngạn sông Hoàng-hà có đến 8 sư-doàn, chờ nghe mệnh-lệnh qua sông vào Sơn-tây, mà Phùng Ngọc-Tường thì có đến 8 vạn quân, súng đạn đầy đủ, và quân-khi rất hăng-hái. Bọn ấy họp ở bắc-ngạn Hoàng-hà, máy bay trung-ương vẫn thường bay đến các nơi gần đó ném tạc-dạn xuống, mục-dịch là để bắn Phùng Ngọc-Tường, nhưng quân-bộ của Phùng lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác, cho nên không mấy người biết được tổng-tích. Nghe đầu Trương Học-Lương đã được chính-phủ trung-ương trao cho toàn-quyền giải-quyết thời-cục Sơn-tây, vậy cục-diện tây-bắc may ra không xảy ra nạn chiến-tranh nữa.

Đại-biêu Sơn-tây là Lã Hàm, Hoàng Lô-Sơ, Vinh Hồng-Lô đến Nam-kinh yết-kiến Tưởng Giới-Thạch, Trương Học-Lương báo-cáo rằng tướng-lĩnh Sơn-tây đều cùng Thương-Chấn, Từ Vĩnh-Xương phục-tòng

chính-phủ trung-ương.

Phùng Ngọc-Tường thấy các tướng li-tâm và các đạo quân ở Thiềm-tây lìa tan, quyết kế không đến Thiềm-tây nữa và tuyên-bố mình đã lìa quân-ngũ, bỏ-hạ nên đều tự tìm lấy sinh-mệnh mới.

Có tin ở Bắc-bình nói rằng Trương Học-Lương diện bảo một cơ-quan ở Bắc-bình chuẩn-bị cách xử-trí sau khi Diêm, Phùng xuất-dương, định cấp cho Phùng Ngọc-Tường 20 vạn đồng để làm lữ-phí và giữ cho được yên-toàn ra khỏi nước. Còn Diêm thì không cấp tiền, chỉ chịu trách-nhiệm giữ cho yên-toàn và bảo phải xuất-dương ngay.

Lại có tin Phùng Ngọc-Tường đã lìa Sơn-tây đi qua Mông-cổ, rồi sang nước Nga.

Trước khi Diêm, Phùng sắp kéo nhau đi, thì Uông Tinh-Vệ đã phải lên đi trước. Có người nói Uông sang Pháp, có tin đồn Uông sang Nhật, Uông đã biến đổi họ tên là Lục Tuấn xuống chiếc tàu Nhật đi rồi. Lại có tin Uông vẫn ở Đại-liên nay mai sẽ đi Âu-châu để phản-đối cái chính sách độc-tài của Tưởng Giới-Thạch.

Trương Học-Lương từ khi vào cửa quan đã nhượng chức tư-lệnh trưởng quân Đông-tam-tỉnh cho chú là Trương Tác-Tướng, còn mình thì nhận chức phó-tổng-tư-lệnh mà chủ-trương việc quản-trị các hạt miền bắc sông Hoàng-hà.

Tưởng sẽ gặp Trương Học-Lương ở Thanh-đảo để soạn một cái chương-trình bồi đắp quyền-chính của Tưởng và của Trương, nghĩa là chia Trung-hoa ra làm hai phạm-vi thống-quyền quốc-vụ, một đảng từ Hoàng-hà trở lên bắc, một đảng từ Hoàng-hà trở xuống nam.

Tưởng, Trương sẽ bàn về cách xử-trí Diêm, Phùng và quân-dội của hai người ấy; lại bàn về việc thiện-hậu cuộc-hội-nghị Trung, Nga và việc cải-

tạo chính-phủ quốc-dân cùng việc đặt đảng-bộ ở bốn tỉnh Đông-bắc.

Ông xã-trưởng ở Thượng-hải đã đi Thiên-tân để tiếp-kiến Trương Học-Lương và đưa đến Nam-kinh. Trương có 3.000 lính hộ-vệ đi theo. Như vậy Trương đã ưng đến dự cuộc hội-nghị của đảng quốc-dân và Nam-kinh sẽ hoan-ngênh Trương.

Xem việc Trương đến Nam-kinh thì rõ Tưởng đã ưng các khoản cốt-yếu của đảng bắc-phương về việc tổ-chức lại chính-phủ, và về việc thi-hành một cái chính-sách mới có thay đổi nhiều trong các viên thượng-quan và các quan tỉnh-trưởng.

Trương đến Phốc-khầu, Hà Ưng-Khâm, Tống Tử-Văn, Vương Chính - Đình, Vương Sung-Huệ đến ga xe-hỏa hoan-ngênh. Khi đến nơi, Trương vào thẳng nhà riêng Tưởng Giới - Thạch, cùng Tưởng nói chuyện nửa giờ rồi cùng đến đảng-bộ trung-ương dự lễ kỷ-niệm sinh-nhật ông Tôn Văn. Trương ở Nam-kinh ngụ ở nhà riêng Tống Tử-Văn. Trương lại đến lãng ông Tôn Văn làm lễ khai-mạc bức tượng mới đúc.

Hội trung-ương toàn-thể lần thứ tư làm lễ khai-mạc ở nhà đại-lễ trung-ương, Đến dự có 28 người ủy-viên chấp-hành, 8 người ủy-viên giám-sát. Trương Học-Lương cũng dự-tịch. Chủ-tịch là Hồ Hán-Dân làm lễ theo như nghi-tiết, Hồ đọc lời khai-hội, đại-ý nói hội trung - ương toàn - thể lần thứ tư khai-mạc, vừa gặp ngày đản Tòng-lý, ý - nghĩa rất là trọng-dại, chúng ta nên lấy bảy chữ « hòa bình phần dẫu cứu Trung quốc » của tòng-lý đã bảo rõ, cố sức mưu hạnh-phúc của nhân-dân, hết trách-nhiệm của mình. Thử đến Trương Học-Lương diễn-thuyết, xin cùng các bạn đồng-chí noi giữ di-giáo của tòng-lý, cố sức thực-hiện cái chính-phủ liêm-khiết, yên vững nước nhà. Rồi tấu nhạc lễ tất.

Trương Học-Lương có diễn-thuyết tại đảng-bộ trung-ương, lời nói rất là khấn-thiết, hết sức nói về lẽ Trung-quốc cần phải hòa-bình. Trương lại nói Học-Lương này năm 19 tuổi đã đem thân ra quân-ngũ, dự vào cuộc nội-chiến, mắt được trông thấy nhân-dân chịu sự đau-khổ về cái hai binh-hỏa, trong lòng lấy làm thương xót. Nghĩ lại trong nước sự họa-loạn theo nhau xảy ra, sinh-mệnh và tài-sản của nhân-dân chịu thiệt-hại rất lớn. Nhưng các nhà đương-cục không hề nghĩ tới, khiến cho cái giọt máu quý-báu của thanh-niên Trung-quốc tiêu-tan ở trong những cuộc tranh-dấu vô-ý-nghĩa ấy, há chẳng thẹn lòng lắm ru. Số bi-sinh lớn-lao về cuộc nội-chiến ấy đều là vì tư-lợi của số ít vô-nhân. Vì có ấy, theo cái kết-quả trong những điều đã cùng Tổng-tư-lệnh họp bàn, quyết không kể thế nào, tất trước hết phải duy-trì hòa-bình, nếu cuộc hòa-bình trong nước có thể duy-trì được đến 5 năm hay 10 năm, thì vận nước tất có tiến-bộ lớn. Lại cũng quyết xin hết sức ủng-hộ chính-phủ trung-ương, cho dù có phải vì cơ duy-trì hòa-bình mà đem cái bi-sinh rất lớn của cá-nhân để làm đại-giá, cũng bằng lòng.

Khi hội trung-ương toàn-thể lần thứ tư làm lễ bế-mạc, Vu Hữu-Nhiệm đọc lời tuyên-ngôn, Tưởng Giới-Thạch đọc lời bế-mạc, đại-ý nói nghị-án và lời tuyên-ngôn trong những cuộc hội-nghị của đảng đều hay cả. Nhưng trong một tỉnh xét đã thực-hành được bao nhiêu, rất lấy làm xấu hổ. Trước kia bọn quân-phiệt chưa trừ, án quyết-nghị và lời tuyên-ngôn chưa thể thực-hành, còn có thể đổ tại thế nọ thế kia được, nay thì hết thấy bọn bán-ngịch đều đã thứ-đệ tước-bình, nếu lại chỉ nói không, thì đối với Tổng-lý, đối với

nhân-dân, đối với lương-tâm của mình còn ra thế nào. Mong các bạn đồng-chi chịu trách nhiệm ở hội Trung-ương và trong chính-phủ, đem những nghị-án và lời tuyên-ngôn lần này để ở bên chỗ ngồi, tùy thời xem xét, khiến cho thực-hành. Những cái yếu điểm trong lời tuyên-ngôn như sau này : 1' Định ngày 5 tháng năm năm Dân-quốc thứ 20 triệu-tập cuộc Quốc-dân hội-nghị để lập cơ-sở đượ nước ; 2' Tập-trung nhân-dân để cho đầy đủ cái lực-lượng đượ nước ; 3' Đồi lại chế-độ, sửa mới chính-trị ; 4' Định hẳn việc trừ đảng Cộng-sản, dẹp yên giặc cướp và phương-pháp thiện-hậu về quân-sự ; 5' Cứu-tế nạn-dân và chấn-hưng thực-nghiệp ; 6' Làm xong việc địa-phương tự-trị, đồi lại khu-vực địa-phương.

Kiểm chức viện-trưởng viện hành-chính là Tưởng Giới-Thạch, các ủy-viên chính-phủ quốc-dân là Trương Học-Lương, Vu Hữu-Nhiệm ; chức tuy-tĩnh đốc-biên tỉnh Giang-tô là Trương Chi-Giang đã làm lễ tuyên-thệ nhận chức. Đến dự lễ có hơn 500 người. Ngô Kinh-Hằng giám thị, Hồ Hán-Dân trao ấn, hai người lại cùng đọc lời huấn-hoại. Tưởng, Trương đều có đáp lại.

Trương đến dự cuộc hội-nghị trung-ương toàn-thể lần thứ tư này, mục-dích chỉ cốt để báo-cáo về tình-bình phía Bắc Trung-hoa, về việc cải-biên quân-đội, xin theo như mệnh-lệnh trung-ương.

Trương có điều-đinh với Nam-kinh, nhưng xem chừng không yêu cầu được các bộ lớn. Song chính-phủ sẽ đặt ra các chức phó-trưởng ở bộ ngoại-giao, bộ tài-chính, bộ chiến-tranh, và bộ giao-thông để dùng người Mãn-châu, khiến cho người Mãn-châu có thể kiểm-soát được đại-thể chính-trị của Trung-hoa. Trương lại xin được Quốc-dân-đảng thuận rằng không can-thiệp vào

nội-chính Bắc-bộ Trung-hoa, để việc ấy riêng về quyền của Phụng-thiên.

Quan Tổng-trưởng tài - chính hội-kiến với Trương đề yêu cầu cho chính-phủ trung-ương được kiểm-soát việc tài - chính Mãn-châu, nhưng Trương nhất-dịch không chịu. Người ta nói Trương có ý giữ cho cả các tỉnh ở phía bắc Hoàng-hà được tự-trị tài-chính.

Trong các đề án của hội trung-ương toàn-thể lần này có bọn Trần Minh-Khu, Ngô Kinh-Hằng, Hồ Hán-Dân, Vương Sung-Huệ bàn nên biến đổi khu-vực hàng tỉnh, nâng cao địa-vị các huyện, bỏ hết cái khu - vực các tỉnh bây giờ, theo như khu-vực từng đạo ngày xưa mà đặt làm từng tỉnh. Phạm-vi tỉnh phủ rất nhỏ, chỉ đặt một người tỉnh-trưởng, không dùng chế-độ ủy - viên, cũng không đặt ra các sảnh nữa.

Tướng Giới-Thạch vừa mới hạ lệnh cấm ngặt các viên tư - lệnh các đội quân không được mộ thêm lính mới; hễ tướng-lá nào trái lệnh, sẽ bị phạt nặng. Ai cũng biết rằng từ trước đến giờ, tuy chính-phủ trung-ương đã cố sức ngăn-ngừa, mà các đội quân ở Trung-hoa cũng vẫn là của riêng các tướng, trực-tiếp thuộc quyền các tướng bảo hộ cai-quản, các tướng ấy tự ý tuyển mộ và cấp lương cho các binh-sĩ của mình. Vậy nay chính-phủ ra lệnh cấm này, chính là một phương-pháp mới để đặt hẳn binh-gia hoàn-toàn thuộc quyền Nhà-nước chủ-trương. Nếu việc này mà thành thì thật là một cách diệu nhất để bài-trừ cái tệ nội-chiến.

Một tờ báo Anh có nói rằng cái hi-vọng hòa-bình thống-nhất của Trung-hoa đến ngày nay là cái ngày có thể thực-hiện được. Nếu cái kế-hoạch cải-lương chính-trị của chính-phủ quốc-dân, bước đầu được thực-hành, thì cái cơ-sở hòa-bình thống - nhất của Trung-quốc tất có thể lập vững.

Phương-chi ngày nay cánh Trương Học - Lương và cánh Tưởng Giới-Thạch đều đã tin nhau, theo như các sự-thực đã xem xét, có thể chứng tỏ được. Trương Học-Lương đã có lời tuyên-bổ ủng-hộ chính-phủ trung-ương, giữ vững nền hòa-bình trong nước, thì phái phản-đối tất không có năng lực để đối-kháng sự liên - hiệp của cánh Trương và Cánh Tưởng vậy.

Trương Học-Lương sau khi hội-ngập rồi liền đi đến Thiên-tân, không tới Bắc - bình mà thẳng về Phụng-thiên, là vì có lời yêu nài của các tướng Mãn - châu không bằng lòng việc Trương hợp-tác cùng Tưởng Giới-Thạch. Lại có tin các tay quyền-thế thuộc về phái cũ ở Mãn - châu nhất-quyết không chịu công-nhận các điều-uớc mà Trương Học-Lương đã ký với Tưởng, cho là các việc tự không đáng gì đến Mãn-châu cả. Nếu như vậy thì Trương còn phải điều-dinh các phái cho thỏa-đáng mới xong.

Hiện nay nước Tàu cuộc nội-chiến đã tạm yên, chỉ ở các tỉnh miền Nam như: Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây và vùng Dương-lử-giang còn có nhiều quân Cộng-sản quấy rối; ở miền bắc thì có cái nạn thổ-phỉ tung-hoành, nào là các nhà giáo-sĩ bị bắt cóc, nhà chung bị tổng tiễu, đoàn xe-hỏa bị giặc cướp. Tưởng Giới-Thạch hiện đã phái đến hàng 10 vạn quân «Tiểu Cộng» đi đóng ở các nơi để dẹp cho yên.

Mặt Quảng-tây thì các lĩnh-tự là bọn Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hí vẫn cùng Trương Phát-Khuê điều-độ quân đội ở miền Liễu-châu, Nam-ninh Khánh-viên để hồng chống lại đạo quân thứ tám Quảng-dông, nên tổng-chỉ-huy Trần Tế-Đường định chờ Trần Minh-Khu về đến Quảng-châu, sẽ sang ngay Quảng-tây để hạ lệnh tổng-công-kích. Vậy ở Phủ-hà và Tầm-châu lại sắp có cuộc chiến-tranh.

Lĩnh-tụ Quảng tây là Hoàng Thiệu-Hùng đã từ chức, thông-diện hỏ-hào hòa-bình. Việc ấy Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi không bằng lòng. Lý Bạch vẫn hăng hái muốn đánh chưa chịu thôi.

Các báo Trung-hoa đăng tin rằng nhân-dân Quảng-tây có yêu-cầu quân Văn-nam phải rút khỏi Quảng-tây, rồi sẽ điều-dinh ở Bình-dương.

Chính-phủ Quảng-châu đã bằng lòng cho Lý Tôn-Nhân, Trương Phát-Khuê và Bạch Sùng-Hi 100.000 đồng để lui quân nhượng cho Hoàng Thiệu-Hùng chủ-trương việc cai-trị tỉnh ấy.

Nghe đâu Trần Lễ-Đường là tổng-chỉ-huy đạo quân thứ tám, đã bằng lòng cho thủ-lĩnh quân Quảng-tây tự tuyên-bố bãi binh từ chức, bộ-đội do Trần xin với chính-phủ Trung-ương thu biên và cho ở lại Quảng-tây để bảo-hộ địa-phương. Còn vấn-đề thiện-hậu ở Quảng-tây và đại-quyền quân-chính sẽ do Lý Dương-Kinh tạm đứng chủ-trì. Nếu như vậy thì chiến-sự Lương - Quảng cũng tạm yên được chăng?

Nay cứ theo như lời các báo mà xét xem hiện cuộc nước Tàu, thì phái quân-phiệt đã dẹp tan, Trương với Tưởng đã tỏ lòng hợp-tác. Như thế thì Tưởng Giới-Thạch chắc đã thành-công nhất thống được chăng? Song cứ như hiện-tình Trung-hoa thì phái phản-đối Tưởng chưa đã hết hẳn, nhưng cứ xem trong thực-tế thì cũng chưa có tay nào đương-dầu địch-thủ với Tưởng được. Sao vậy?

1.) Nói về danh-nghĩa thì Tưởng lấy danh-nghĩa chính-phủ một nước, liệt-

cường đã công-nhận, đối ngoại đối nội, tình - thế rất thuận, bọn quân - phiệt linh-tinh khác không sao sánh được.

2.) Nói về địa-thế thì địa-vị trung - ương ở giữa nước Tàu, giữ thượng-lưu sông Trường-giang như ngồi nơi cao mà xem xuống các nơi thấp, động có việc gì thì vùn tả xoay hữu, lắm bề tiện-lợi; bọn quân-phiệt kia chỉ chiếm-cứ một góc không có địa-lợi như thế.

3.) Nói đến binh-lực thì Tưởng lại là một tay ở trong quân-sự học hiệu xuất-thân, cái tài lâm-cơ ứng-biến, khiến tướng hành binh, lịch-duyet đã từng trải, xem như trên mười năm nay đánh đâu được đó, gần như toàn cả nước Tàu không ai địch nổi Tưởng cả.

Ấy mấy điều đó đều là cái ưu-điểm chiến - thắng của Tưởng; song nói đến nguyên - nhân độc - nhất mà các quân - phiệt khác không bì được, là Tưởng lại thừa được chủ - nghĩa cách - mệnh do đảng Tôn Trung-Sơn truyền lại, danh - chính ngôn - thuận, mà công - nghiệp đã qua như đánh đổ triều Mãn Thanh, lập thành nước cộng-hòa, cùng bắc-phạt thành-công ngày trước, chứng-nghiệm rõ-ràng, đủ khiến cho lòng người qui-phục; Tưởng mà sở-dĩ chiếm được địa-vị thắng-lợi kia, vẫn có lai-lịch, không phải là việc tình-cờ vậy. Cốt nhất là Tưởng sửa-đổi chính-sách cho thuận với nhân-tâm, hợp với thời-thế, mà dần dần bỏ cái quyền-thuật độc-tài, thì cuộc thống-nhất sau này, sẽ mong có ngày xuất-hiện vậy.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Octobre đến 15 Novembre

Đại - hội - nghị kinh - tế tài - chính Đông dương. — Đại-hội-nghị kinh-tế tài-chính Đông-dương khai-mạc từ 9 giờ sáng ngày 15 Octobre, họp luôn trong 15 hôm, mãi đến 4 giờ chiều ngày

30 Octobre mới bế-mạc. Tòa trị-sự hội-nghị kỳ này có ông PERROUD, chánh phòng Thương-mại Hà-nội, được bầu làm nghị-trưởng, ông MARTINI chánh phòng Thương-mại Sài-gòn, phó-nghị-trưởng tây, ông Bùi Quang-Chiêu phó nghị-trưởng An-Nam, ông Bona thư-ký

Tây, ông PHẠM QUỲNH thư-ký An-Nam. Chương-trình của hội-nghị, ngoài việc xét các số dự-toán về năm 1931, có mấy việc sau này là quan-trọng: việc đổi lại « thuế nội-địa » (*taxe générale intérieure*), và tăng thuế xuất-cảng gạo lên 45 phần trăm để bù vào; việc định thuế trước-bạ về các di-sản; việc sửa đổi nghị-định ngày 13 tháng 10 năm 1921 về thuế muối; việc đặt thể-lệ điều-đinh các việc phân-tranh của phần đông thợ với chủ, cùng qui-định cách dùng đàn-bà con trẻ cùng cách làm việc đêm ở các xưởng thợ. — Kỳ hội-nghị này bàn-bạc các vấn-đề một cách chu-đáo lắm, nên mới lâu đến nửa tháng.

Nạn ô-tô. — Ngày 15 Octobre hồi 5 giờ chiều, một cái ô-tô trong có người Tây tên là PAGÈS chủ khách-sạn ở Qui-nhơn, với hai người đàn-bà Huế, đi từ *Faifoo* vào Qui-nhơn, khi gần đến Tam-kỳ, đâm vào thành cầu sắt rồi nhào xuống sông, ba người ngồi trong xe đều thiệt mạng cả.

Bắt một chi-bộ cộng-sản ở Huế. — Ngày 17 Octobre, sở Mật-thám ở Huế khám bắt được một chi-bộ cộng-sản rất quan-trọng. Đứng đầu là một giáo-viên trường Quốc-học Huế. Đảng-viên phần nhiều là học-trò Quốc-học và *Pellerin* ở Huế và học-trò ở *Faifoo*. Số người bị bắt đến 80 người. Trước khi việc chưa vỡ, thì những người này vẫn lập ra một hội « Phúc-thiện », ngoài mặt là để làm phúc cho những người khổn-nạn, nhưng kỳ thực là để âm-mưu phiến-loạn. Theo lời sở Mật-thám thì việc bắt này rất có quan-hệ.

Báo Echo Annamite tạm đình-bản. — Báo *Echo Annamite* là một tờ báo bằng chữ Pháp, trước ông NGUYỄN PHAN-LONG làm chủ-nhiệm, sau đến ông DEJEAN DE LA BATIE, trước sau xuất-bản luôn trong năm sáu năm trời, có tin ngày 23 Octobre ở Sài-gòn ra nói rằng báo ấy từ nay tạm đình-bản.

Khám bắt ở trường Bách-ngệ Hà-nội. — Nhân sở Mật-thám bắt được truyền-đơn ngoài phố, biết rằng ở trường Bách-ngệ Hà-nội có một chi-bộ cộng-sản, nên ngày 24 Octobre, có đến khám bắt hơn 30 người học trò tình-nghị.

Mừng hai nhà phi-hành Costes và Bellonte. — Trưa hôm 25 Octobre, hai nhà phi-hành trứ-danh nước Pháp là COSTES và BELLONTE, đã bay qua Đại-tây-dương và bay khắp nước Mĩ, đi tàu thủy về tới Pháp. Chính-phủ Pháp hạ lệnh cho học-trò nghỉ hôm nay để mừng hai phi-công, ở Đông-dương cũng có lệnh quan Toàn-quyền cho học trò nghỉ.

Tòa Thượng-thẩm Hà-nội xử việc truyền-đơn ở Kiến-an. — 8 giờ sáng ngày thứ hai 27 Octobre, tòa Thượng-thẩm Hà-nội họp để phúc-thẩm lại cái án truyền-đơn cộng-sản ở Kiến-an, bị cáo cả thấy có 3 người tên là Thái, Hán và Nghi, đã bị tòa Nam-án Kiến-an kết-án từ 17 Aoút trước.

Quan ba LE BIGOT bị nạn. — Ngày 28 Octobre, làm lễ an-táng quan ba LE BIGOT, là quan hầu của quan Tổng-thống Đông-dương quân-vụ BILLOTTE, bị nạn ô-tô ở Ninh-bình ngày chủ-nhật 26 Octobre.

Hội-dồng chính-phủ Đông-dương. — Ngày thứ ba 28 Octobre 9 giờ sáng, khai-mạc kỳ hội-dồng thường-niên của « Hội-nghị Chính-phủ Đông-dương » (*Conseil de Gouvernement de l'Indochine*). Quan Toàn-quyền PASQUIER có đọc một bài diễn-thuyết rất quan-trọng về việc cải-cách chính-trị ở Đông-dương, và thứ nhất là việc chỉnh đốn cuộc bảo-hộ ở Trung-Bắc-kỳ, theo như điều-ước bảo-hộ ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884. Lời diễn-thuyết này thật là ám-hợp với cái chỉnh-kiến của bản-chỉ chủ-bút vẫn chủ trì bấy lâu nay. Toàn-văn bài diễn-thuyết đó, đã dịch ra quốc-ngữ, đăng trong *Nam-Phong* số 154 trước.

Dương Hạc-dinh đã thủ nhận. — Dương Hạc-Dinh là một tay thủ-phạm trong việc biến-loạn Bắc-kỳ, bắt được ở Nam-kỳ, giải ra Bắc đã hơn một tháng nay, vẫn phải giam kín trong nhà pha Hỏa-lò. Quan trên đã hỏi Dinh mấy lần, Dinh đều nhất-nhất nhận mình có bản Tội-Nhung và Thị-Uyển phở Dương-cát Hải-phòng, có đứng đầu «Tòng-công-hội», có đi dự hội đồng Đệ-tam Quốc-tế ở Moscou và Quảng-dông.

Quan Toàn-quyền Nam-dương quần-đảo sang chơi Đông-dương. — Ngày 3 Novembre, quan Toàn-quyền xứ Nam-dương quần-đảo là S. E. LE JONKHEER DE GRAEFF, sang tới vịnh Hạ-long xem cảnh Hạ-long xong thì ngày 4 Novembre hồi 11 giờ lên tới Hà-nội. Ngài ở Hà-nội từ ngày 4 đến ngày 7 Novembre, trú tại phủ Toàn-quyền

Trong ba ngày ấy, quan Toàn-quyền Nam-dương đi xem cảnh thành-phố, thăm trường Cao-dẳng, viện Pasteur, viện Ung-thư, trường Trung-học tây, trường Mỹ-thuật, sở Căn-cước.

Sáng 5 Novembre, có cuộc diêm-binh. Chiều hôm ấy, quan Toàn-quyền có thiết đại-tiệc tại qui-phủ.

Chiều ngày 6 Novembre, quan Thống-sứ Robin tiếp quan Toàn-quyền Nam-dương tại qui-phủ và có đặt tiệc trà để khoản-dãi ngài.

Quan Toàn-quyền Nam-dương đi du-lịch ở Đông-dương cho mãi tới ngày 18 Novembre, rồi sang Bangkok. Ngài sẽ vào thăm kinh-đô Huế, rồi do đường Thiên-lý vô Đa-lạt, Sai-gòn và Pnom-pênh. Vì ít thì giờ, nên ngài chỉ qua các thành-phố ấy trong mấy giờ đồng-hồ thôi. Tuy vậy, đầu đó cũng sửa-soạn để nghê th tiếp ngài rất trọng-thể, nhất là tại Triều-dinh Huế và Pnom-pênh.

Quan Toàn-quyền Nam - dương có đem lệnh-ái là Mlle C. DE GRAEFF sang theo, cùng các quan-chức sau này đi

tùy-tụng : quan Nông-phổ Tổng-trưởng bác-sĩ BERNARD, quan phó Toàn-quyền GERKE, trung-tá STONTGES DIAP, đại-úy STOPPELAAR, thủy-quân đại-úy POOLON và hai viên li - tướng. Ngài sang Đông-dương đi một chiếc tàu của chính-phủ Nam-dương, có chiếc chiến-hạm *Florès* đi kèm.

Quan Toàn-quyền Nam - dương LE JONKHEER ANDRIES CORNELIS DIRK DE GRAEFF sinh ở thành *La Haye* nước Hà-lan ngày 7 Août 1872. Sau khi tốt-nghiệp trường Cao-dẳng Luật-học *Leyde* rồi, thì ngày 23 novembre 1895, ngài được bổ sang tòa-sự tại phủ Toàn-quyền xứ Nam - dương; năm 1912 được bổ làm Phó Toàn-quyền xứ ấy, đến năm 1914 thì ngài được cử làm hội-viên Thượng-hội-nghị xứ Nam-dương.

Ngày 2 janvier 1917, ngài được cử làm phó-hội-trưởng hội-đồng ấy.

Năm 1918, ngài từ chức, trở về Hà-lan.

Năm 1920 ngài được đặc-phái sang làm Đại-sứ tại Nhật-bản. Năm 1923 lại được cử sang làm Đại-sứ tại Hoa kỳ.

Ngày 21 Mars 1926 ngài được bổ làm Toàn-quyền xứ Nam-dương.

Nghị-dinh tăng tiền hưu-bổng cho các viên-chức bản-xứ — Ngày 31 Octobre quan Toàn-quyền đã ký nghị-dinh thay đổi thể-lệ về lương hưu-tri và tăng tiền hưu - bổng các viên chức người bản-xứ bắt đầu từ năm 1931. Đại-khai thì những lương hưu-tri của các người làm việc mãn-hạn, trước kia ít nhất là 90 \$ một năm, từ nay tăng lên 180 \$, trước kia nhiều nhất không được quá nửa số tiền lương sau cùng của người làm việc, nay được ba phần tư tiền lương ấy, nhưng không bao giờ được quá ba nghìn đồng một năm. Tiền tuất-quả thì trước được một phần ba hưu-bổng của chồng, nay được một nửa, mà phụ - cấp cho con thì mỗi người được 18 đồng một năm cho đến năm 21 tuổi, nhưng chỉ được ba người

là cùng. Nghị-định mới lại cho phép các viên-chức nào lòng - sự được 10 năm, vì lẽ riêng gì thôi việc nhà-nước được lấy lại món tiền đã nộp cho sở Hưu-tri.

Bão ở Côn-lôn và Cà-mau.— Ngày 4 và 5 Novembre có trận bão to ở đảo Côn-lôn lan sang cả Cà-mau thiệt-hại nhiều lắm. Ở Côn-lôn số người chết là 48 người. Trong số đó có một người giám-ngục An-nam, còn 47 người tội-nhân.

Tết mặt trăng ở Cao miên.— Mỗi năm cứ đến kỳ nước rút vào khoảng tháng 9 ta, nước Cao-miên làm lễ mặt trăng rất long-trọng. Năm nay hội bắt đầu từ ngày 4 Novembre tới ngày 11 Novembre chung-cuộc. Hội này là một ngày quốc-khánh của dân Cao-miên, cho nên năm nào cũng do quốc-vương thân làm chủ-tế. Tục gọi là lễ thoát nước và tế mặt trăng.

Nhà nữ-phí-hành Anh đến Hông-dương.— Một nhà nữ-phí-hành Anh là VICTOR BRUCE, cưỡi chiếc máy bay nhỏ hiệu Moth. 120 C. V đi du-lich thế-giới, ngày thứ năm 6 Novembre 4 giờ rưỡi chiều, bay tự Xiêm qua Ai-lao, đã đến đỗ ở trường máy bay Bạch-mai (Hà nội).

Hội-đồng đề-hình tại Hải-dương.— Hội-đồng đề-hình họp tại Hải-dương sáng ngày thứ sáu 7 Novembre để xử các việc đánh phá Vĩnh-bảo và Phụ-dục, giết quan huyện Hoàng Gia-Mô, cướp tiền và giết ông Nguyễn Bình phó Amiral Courbet, bắn thầy đội Dương phổ Đường-thành, cướp nhà ông Ngô Vi-Lan ở phố Gia-ngư, giết tiền thuế ở cầu Phú-lương, tổng tiền ông Đặng Văn-Ngân ở Hải-phòng, cùng các việc Việt-Nam Quốc-dân-đảng ở Lan-can, Mĩ-xá, Phạm-xá, Đáp-khe, Bắc-ninh, Hải-

duong, Quảng-yên, v.v. Bị cáo 193 người, nhưng 10 người còn trốn được, nên có mặt chỉ có 183 ng rời. Ngày thứ bảy 15 Novembre, hội-đồng xét xong tuyên án, 9 người được vô-tội, còn thì 6 người phải án xử-tử, trong số đó có Trần Quang-Điệu là thủ-phạm việc Vĩnh-bảo và Lê Hữu-Cảnh là thủ-phạm việc Hà-nội, 29 người khổ-sai chung-thân, 87 người phát-lưu chung-thân, 20 người 20 năm khổ-sai, 4 người còn nhỏ tuổi phải 20 năm giam ở nhà trừng-giới, 7 người 15 năm khổ-sai, 3 người nhỏ tuổi phải 15 năm trừng-giới, 2 người 10 năm cấm-cố, 1 người 5 năm tù, một người 3 năm tù, 1 người 5 năm tù và 10 năm biệt-xử, 1 người năm năm tù án treo.

Khi tuyên án xong thì 111 người xin chống án lên hội-đồng Bảo-hộ. Sáu người bị xử-tử không ai chống án cả.

Lễ sinh-nhật đức Bảo-đại.— Ngày thứ năm 13 Novembre là ngày 23 tháng 9 An-nam, là sinh-nhật đức Bảo-đại Hoàng-đế, các công-sở đều được nghỉ cả.

Nam-Phong tùng-thư

(Bản ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào; ở xa tiền cước ngoài).

Đã Xuất-bản :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Guinn-tri nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |

Đương in, sắp xuất-bản :

10. — Phật-giáo đại-quan.
(In lần thứ hai).